

KINH
ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

大般涅槃經

TẬP VII

(QUYỂN 37 - QUYỂN 42)

北涼天竺三藏曇無讖奉詔譯

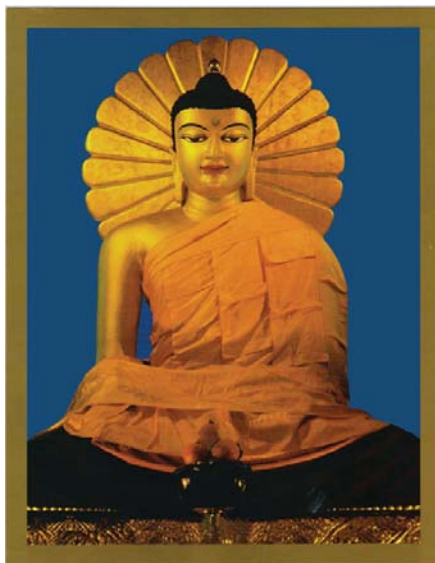
BẮC LƯƠNG THIÊN TRÚC TAM TẠNG ĐÀM VÔ SẨM PHỤNG CHIẾU DỊCH

ĐOÀN TRUNG CÒN - NGUYỄN MINH TIẾN Việt dịch và chú giải

NGUYỄN MINH HIỂN hiệu đính

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

願解如來真實義
我今見聞得受持



無上甚深微妙法
百千萬劫難遭遇

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH-CA MÂU-NI PHẬT

Kinh Phật dạy rằng: “*Thấy kinh như thấy Phật.*”

Kinh điển Đại thừa hiện ở nơi đây, tức mười phương chư Phật đều hiện hữu nơi đây, chư Bồ Tát hộ pháp cũng tụ hội quanh đây. Người đọc kinh này nếu muốn hiểu được ý nghĩa nhiệm mầu sâu xa trong văn kinh, trước hết phải có lòng tin sâu như vậy, sau đó nên chí thành phát lời nguyện rằng:

“*Chánh pháp Như Lai nhiệm mầu sâu xa không gì hơn được, dù trải qua trăm ngàn muôn kiếp tìm cầu cũng không dễ gặp. Nay con đã nhận được Kinh điển Đại thừa Đại Bát Niết-bàn này để tu tập hành trì, nguyện khai mở trí tuệ để thấu hiểu nghĩa lý sâu xa chân thật trong từng lời thuyết giảng của đức Như Lai.*”

Nam-mô Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN QUYỂN BA MƯƠI BẢY

PHẨM BỒ TÁT CA-DIỆP

Phẩm thứ mười hai – Phần năm

Đồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Thế nào là *sắc [ám]* do phiền não khởi sanh?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Có ba loại phiền não là *dục lậu, hữu lậu* và *vô minh lậu*. Người có trí nên quán xét sự sai lầm tai hại của ba loại phiền não ấy. Vì sao vậy? Vì khi biết được sự sai lầm tai hại của chúng rồi, ắt có thể lìa xa. Ví như vị lương y, trước phải chẩn mạch biết bệnh ở đâu, rồi sau mới kê đơn thuốc để trị.

“Thiện nam tử! Ví như có người đưa một người mù vào giữa rừng gai góc, bỏ đó mà về. Người mù sau đó rất khó thoát ra khỏi nơi ấy. Ví như có ra khỏi được, thân thể cũng phải thương tổn nặng nề. Kẻ phàm phu thế gian cũng [như người mù kia] vậy, không thể thấy biết sự tội lỗi nguy hại của ba loại phiền não, nên mãi chạy theo chúng. Nếu thấy rõ được, ắt có thể lìa xa. Khi rõ biết được sự sai lầm tai hại [của phiền não] rồi, tuy có chịu quả báo cũng chỉ là [quả báo] nhẹ.

“Thiện nam tử! Có bốn hạng người: Hạng thứ nhất khi tạo nghiệp thì nặng, lúc chịu quả báo thì nhẹ; hạng thứ hai khi tạo nghiệp thì nhẹ, khi chịu quả báo thì nặng; hạng thứ ba khi tạo nghiệp thì nặng, khi chịu quả báo cũng nặng; hạng thứ tư khi tạo nghiệp thì nhẹ, khi chịu quả báo cũng nhẹ.

“Thiện nam tử! Như ai biết quán xét sự sai lầm tai hại của phiền não thì sự tạo nghiệp và chịu quả báo đều nhẹ.

“Thiện nam tử! Người có trí suy xét rằng: ‘Ta nên lìa xa những phiền não như vậy. Ta cũng không nên tạo những nghiệp xấu xa độc ác như vậy. Vì sao? Vì nay ta chưa thoát khỏi những quả báo trong các cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, trời, người. Nếu tu học đạo, ta sẽ nhờ sức tu tập mà phá trừ được các nỗi khổ.’

“Người ấy quán xét như vậy rồi, [những tâm niệm] tham dục, sân khuể, ngu si liền trở nên yếu ớt. Khi thấy [những tâm niệm] *tham, sân, si* đã yếu ớt rồi, lòng người ấy rất hoan hỷ. Người ấy lại quán xét rằng: ‘Nay ta được như thế này là nhờ sức nhân duyên tu tập *Chánh đạo*, giúp ta có thể lìa xa những pháp *bất thiện*, gần gũi các pháp lành. Cho nên, hiện tại ta đã gặp được *Chánh đạo*, phải chuyên cần gắng sức hơn nữa để tu tập.’

“Người ấy nhờ sức chuyên cần tu tập nên lìa xa vô lượng phiền não và lìa xa những quả báo nơi các cõi *địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh*, cõi trời, cõi người.

“Cho nên, trong kinh ta có dạy rằng: ‘Nên quán xét tất cả phiền não [*hữu lậu*] và nguyên nhân của phiền não [*hữu lậu*]. Vì sao vậy? Người có trí nếu chỉ quán xét các

phiền não mà không quán xét nguyên nhân của phiền não thì không thể đoạn trừ. Vì sao vậy? Người có trí quán xét rằng: ‘Phiền não do những nguyên nhân này mà sanh, nay nếu ta trừ dứt nguyên nhân thì phiền não sẽ không sanh khởi.’

“Thiện nam tử! Như vị lương y, nếu trừ được nguyên nhân gây bệnh từ trước thì bệnh không sanh ra. Người trí cũng vậy, trước tiên phải trừ dứt nguyên nhân của phiền não.

“Người có trí trước nên quán xét nhân, sau đó quán xét quả; nhờ đó rõ biết được rằng: nhân lành sanh ra quả lành, nhân xấu ác sanh ra quả xấu ác. Quán xét quả báo như vậy rồi, liền lìa xa các nhân xấu ác.

“Sau khi quán xét quả báo, lại nên quán xét đến các phiền não nhẹ và nặng. Quán xét rõ [các phiền não] nhẹ và nặng rồi, trước tiên phải lìa xa các phiền não sâu nặng. Lìa xa được các phiền não sâu nặng rồi, các phiền não nhẹ sẽ tự nhiên dứt mất.

“Thiện nam tử! Nếu người có trí rõ biết được về phiền não như: nguyên nhân sanh phiền não, quả báo của phiền não, [phân biệt được] phiền não nhẹ và nặng, khi ấy sẽ tinh tấn chuyên cần tu tập, không ngưng nghỉ, không chán ngán, thường gần gũi bạn lành, hết lòng nghe pháp. Đó là vì muốn trừ diệt hết thảy những phiền não như vậy.

“Thiện nam tử! Ví như người bệnh, tự biết bệnh nhẹ ắt có thể khỏi. Tuy gặp thuốc đắng vẫn uống vào không ngán. Người trí cũng vậy, siêng năng tu tập *Thánh đạo*, hoan hỷ không buồn, không ngưng nghỉ, không hối tiếc.

“Thiện nam tử! Nếu ai rõ biết được về phiền não như: nguyên nhân sanh ra phiền não, quả báo của phiền não,

[phân biệt được] phiền não nhẹ và nặng, người ấy vì muốn dứt trừ phiền não liền siêng năng tu tập *Thánh đạo*. Người ấy không nương theo phiền não mà khởi sanh *sắc [ám]*. Đối với [các *ám*] *thọ, tưởng, hành, thức* cũng vậy.

“Nếu ai không rõ biết được về phiền não như: nguyên nhân sanh ra phiền não, quả báo của phiền não, [không phân biệt được] phiền não nhẹ và nặng, người ấy sẽ không siêng năng tu tập, liền nương theo phiền não mà khởi sanh *sắc [ám]*. Đối với [các *ám*] *thọ, tưởng, hành, thức* cũng vậy.

“Thiện nam tử! [Người nào] rõ biết được [những điều] về phiền não như: nguyên nhân sanh ra phiền não, quả báo của phiền não, [phân biệt được] phiền não nhẹ và nặng, vì dứt trừ phiền não nên tu hành đạo, [người] đó chính là Như Lai. Vì nhân duyên ấy, *sắc [ám]* của Như Lai là thường tồn, cho đến *thức [ám]* cũng là thường tồn.¹

“Thiện nam tử! [Người nào] không rõ biết được [những điều] về phiền não như: nguyên nhân sanh ra phiền não, quả báo của phiền não, [không phân biệt được] phiền não nhẹ và nặng, không thể tu tập đạo, [người] đó chính là phàm phu. Cho nên *sắc [ám]* của phàm phu là vô thường, cho đến [các *ám*] *thọ, tưởng, hành, thức* cũng đều là vô thường.

“Thiện nam tử! Người có trí ở thế gian cùng tất cả thánh nhân, Bồ Tát, chư Phật đều nói hai nghĩa ấy.² Ta cũng nói hai nghĩa ấy. Cho nên ta nói là Như Lai không

¹ Câu này nói tóm ý từ sắc cho đến thức, tức gồm cả năm uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành và thức.

² Tức hai nghĩa thường và vô thường.

tranh [biện] với hàng trí giả thế gian, Như Lai không bị pháp thế tục làm nhiễm ô.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Như Phật vừa dạy về ba thứ [phiền não] lậu [hoặc], thế nào là *dục lậu*, *hữu lậu* và *vô minh lậu*?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! *Dục lậu*, đó là những tư tưởng xấu ác trong tâm, từ thô thiển đến tinh tế.¹ Do nơi các duyên bên ngoài mà sanh ra *dục lậu*.

“Cho nên lúc trước tại thành *Vương Xá* ta có bảo *A-nan* rằng: ‘*A-nan*! Nay ông thọ nhận bài kệ tụng do người phụ nữ kia nói ra, mà bài kệ ấy vốn thật là do chư Phật quá khứ đã từng tuyên thuyết.’²

“Cho nên, hết thảy những tư tưởng xấu ác trong tâm [khởi lên do] nhân duyên bên ngoài đều gọi là *dục*. Đó là *dục lậu*.

“*Hữu lậu* là chỉ chung tất cả các pháp xấu ác trong tâm và các nhân duyên bên ngoài ở *Sắc giới* và *Vô sắc giới*, trừ

¹ Nguyên bản Hán văn dùng giác quán (覺觀), là cách dịch cũ của tâm tứ (尋伺), chỉ chung tất cả các tư tưởng thô (tâm) và vi tế (tứ). Vì thế chúng tôi dịch rõ nghĩa như trên thay vì để nguyên từ giác quán như các bản trước đây.

² Theo Đại Bát Niết-bàn kinh sơ thì bài kệ được nhắc đến ở đây là trong Xuất diệu kinh (出曜經), thuộc Đại tạng kinh (bản Đại chánh tạng) quyển 4, kinh số 212, nhưng chúng tôi chưa tìm được bài kệ này trong nguyên bản. Nay tạm dẫn theo bản số giải này thì bài kệ có xuất xứ như sau: “Một hôm đức Phật cùng ngài *A-nan* đang đi trên đường thì gặp một phụ nữ bế con đi lấy nước. Người phụ nữ này nhìn thấy một người đàn ông liền khởi tâm ham muốn, nhìn ngắm mãi không thôi. Khi đi đến giếng lấy nước, cúi nhìn xuống mặt nước giếng thấy hình đứa con hiện ra, cô liền hồi tâm, đọc kệ tự trách và nhắc nhở mình rằng:

Dục, dục!	欲, 欲。	Này, này, các ham muốn,
Ngã tri nữ căn bản,	我知汝根本,	Ta đã rõ cội nguồn,
Ý dĩ tư tưởng sanh.	意以思想生。	Đều từ tư tưởng sanh,
Ngã bất tư tưởng nữ,	我不思想汝,	Nếu ta không nghĩ đến,
Tắc nữ bất đắc sanh.	則汝不得生。	Người đừng hòng sanh sự.

(*Bản Việt dịch của chúng tôi*)

những những tư tưởng xấu ác bên trong và nhân duyên bên ngoài ở *Dục giới*. Đó là *hữu lậu*.

“*Vô minh lậu* là [sự si mê] không rõ biết đúng thật về *ngã* và *ngã sở*, không phân biệt được [các pháp] bên trong và bên ngoài. Đó là *vô minh lậu*.”

“Thiện nam tử! *Vô minh* chính là cội nguồn của tất cả các phiền não. Vì sao vậy? Tất cả chúng sanh do nhân là *vô minh*, duyên với [năm] *ám*, [mười hai] *nhập*, [mười tám] *giới* mà sanh ra [mọi sự] nhớ nghĩ suy tưởng, nên gọi là chúng sanh. Đó gọi là điên đảo về tư tưởng, điên đảo về tâm ý, điên đảo về thấy biết. Vì những nhân duyên ấy mà sanh ra tất cả các phiền não.

“Cho nên, trong *Mười hai bộ kinh* Phật có dạy: ‘*Vô minh* chính là nguyên nhân của *tham lam*, nguyên nhân của *sân hận* và nguyên nhân của *si mê*.’”

Bồ Tát *Ca-diếp* lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Lúc trước, trong *Mười hai bộ kinh* Như Lai có dạy rằng: ‘Những tư tưởng bất thiện là nhân duyên sanh ra *tham dục*, *sân hận* và *si mê*.’ Nay vì duyên cớ gì lại nói rằng [nhân duyên ấy] là *vô minh*?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Hai pháp ấy là nhân, quả cho nhau, làm tăng trưởng lẫn nhau. Những tư tưởng bất thiện sanh ra *vô minh*; *vô minh* lại là nhân duyên sanh ra những tư tưởng bất thiện.

“Thiện nam tử! Những gì có thể làm khởi sanh và phát triển các phiền não đều gọi chung là *nhân duyên phiền não*. Gần gũi với các nhân duyên phiền não ấy gọi là *vô minh*. Những tư tưởng bất thiện ví như hạt giống sanh

ra mầm cây. Hạt giống là nguyên nhân trực tiếp, các yếu tố vật chất [như bốn đại] là nguyên nhân gián tiếp. [Vô minh sanh ra] phiền não cũng giống như vậy.”

Bồ Tát *Ca-diếp* lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Như Phật đã dạy: ‘*Vô minh* chính là *lậu hoặc*.’ Tại sao nay lại dạy rằng: ‘Nhân nơi *vô minh* mà sanh ra các *lậu hoặc*?’”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Như ta nói *vô minh lậu*, đó là *vô minh* trong tâm, [*vô minh* này chính là các *lậu hoặc*]. [Còn] nhân nơi *vô minh* sanh ra các [phiền não] *lậu hoặc*, đó là các nhân ở cả bên trong và bên ngoài.

“Nếu nói *vô minh* là các *lậu hoặc*, đó là [chỉ đến sự] điên đảo trong lòng, không nhận thức được những lẽ *vô thường, khổ, không, vô ngã*. Nếu nói [*vô minh* là] tất cả nhân duyên phiền não, đó là [chỉ đến trường hợp] không rõ biết những gì bên ngoài *ngã* và *ngã sở*.

“Nếu nói *vô minh* là các *lậu*, đó là [nói sự si mê đã có từ] vô thủy đến vô chung. [Còn nói *vô minh* sanh các *lậu hoặc* là ý nghĩa] từ nơi *vô minh* mà sanh ra [các] *ám, nhập, giới*... [hợp thành chúng sanh]”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Như lời Phật dạy: ‘Người có trí rõ biết nguyên nhân các phiền não.’ Sao gọi là rõ biết nguyên nhân của phiền não?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Người có trí nên quán xét: ‘Do nhân duyên gì sanh ra phiền não như vậy? Tạo tác những hành vi nào sanh ra phiền não? Vào những thời điểm nào sanh ra phiền não? Sống chung với ai sanh ra phiền não? Bám chấp vào nơi nào sanh ra phiền não? Quán xét những việc gì sanh ra phiền não? Thọ nhận

những chỗ ở, chỗ nằm ngồi, y phục, thuốc men... của ai sanh ra phiền não? Do những nhân duyên gì [có thể từ] bậc thấp kém chuyển lên bậc trung bình, từ bậc trung bình chuyển lên bậc cao quý; [có thể từ] nghiệp thấp kém trở thành nghiệp trung bình, từ nghiệp trung bình trở thành nghiệp cao thượng?’

“Khi Bồ Tát *ma-ha-tát* quán xét như vậy liền được lìa xa các nhân duyên sanh ra phiền não. Khi quán xét như vậy liền ngăn chặn những phiền não chưa sanh, khiến cho không thể sanh khởi; đối với những phiền não đã sanh khởi liền có thể dứt trừ. Vì thế, trong *Khế kinh* ta dạy rằng: ‘Người có trí nên quán xét các nhân duyên sanh ra phiền não.’”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Trong một thân của chúng sanh làm sao có thể sanh khởi đủ mọi thứ phiền não?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Như trong một vật chứa có đủ mọi thứ hạt giống, nếu được tưới nước hoặc có mưa, mỗi thứ [hạt giống ấy] đều tự sanh. Chúng sanh cũng thế, tuy chỉ một vật chứa [là cái thân], do nhân duyên là ái dục nên sanh trưởng mọi thứ phiền não.”

Bồ Tát *Ca-diếp* lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Người có trí quán xét quả báo như thế nào?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Người có trí nên quán xét rằng: ‘Do nhân duyên phiền não có thể sanh vào các cõi *địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh*. Do nhân duyên phiền não sanh làm thân người, thân chư thiên, chính là *vô thường, khổ, không, vô ngã*. Thân này là vật chứa, bên trong có

ba loại khổ,¹ ba loại vô thường.² Các phiền não là nhân duyên khiến chúng sanh tạo tác *năm tội nghịch*, thọ các quả báo xấu ác, có thể làm dứt mất căn lành, phạm vào *bốn trọng cấm*, phỉ báng *Tam bảo*.’

“Người có trí lại nên quán xét rằng: “Ta đã được thọ thân thể này, thật không nên sanh khởi các phiền não như vậy [để rồi phải] nhận chịu những quả báo xấu ác.”

Bồ Tát *Ca-diếp* lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! [Ngoài quả báo *hữu lậu* còn] có quả báo *vô lậu*. Phật lại dạy rằng: ‘Người có trí dứt trừ các quả báo.’ Vậy quả báo *vô lậu* có nằm trong số bị dứt trừ đó chăng? Những người [tu tập] đạt đạo đều có quả *vô lậu*. Nếu những người có trí cầu được quả *vô lậu*, vì sao Phật dạy rằng tất cả những người có trí nên dứt trừ hết quả báo? Nếu đã dứt trừ hết, thì nay các bậc thánh nhân vì sao lại có [quả báo]?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Đức Như Lai có khi ở trong nhân mà nói quả, có khi ở trong quả mà nói nhân.

“Như người thế gian nói đất sét là bình, sợi chỉ là áo; đó gọi là trong nhân mà nói quả. Như chỉ con bò bảo đó

¹ Ba loại khổ (tam chủng khổ hay tam chủng sở sanh khổ): một là hội hiệp sở sanh khổ, do sự hội hợp các pháp với nhau mà sanh ra khổ; hai là quai ly sở sanh khổ, do sự chống nghịch, chia lìa nhau của các pháp mà sanh ra khổ; ba là bình đẳng tương tục [sở sanh] khổ, do sự sanh diệt nối nhau không dứt của các pháp sanh ra khổ. Luận Du-già quyển 14, tờ 3 cho rằng nói đến ba loại khổ này là bao trùm được hết mọi nỗi khổ của chúng sanh.

² Ba loại vô thường (tam chủng vô thường): Một là niệm niệm hoại diệt vô thường, nghĩa là tất cả các pháp nối nhau sanh diệt trong từng niệm tưởng; hai là hòa hợp ly tán vô thường, nghĩa là tất cả các pháp đều do nhân duyên hòa hợp, duyên hết thì tan rã, không có bản chất thật; ba là tất cánh vô thường, nghĩa là khi cứu xét đến chỗ rốt ráo thì tất cả các pháp đều là sanh diệt theo nhân duyên, liên tục thay đổi, không có gì là thường tồn.

là nước, là cỏ; chỉ con người bảo đó là các món đã ăn vào; như vậy là trong quả mà nói nhân.

“Ta cũng như vậy, [có khi] trong nhân mà nói quả; như trước đây trong kinh ta có dạy: ‘Ta dùng [sức của] tâm mà chuyển thân đến bên *Phạm thiên*.’ Đó gọi là trong nhân mà nói quả.¹ Còn như [ta có] nói *sáu nhập* là nghiệp quả khứ, đó là trong quả mà nói nhân.²

“Thiện nam tử! Tất cả thánh nhân thật ra không hề có quả báo *vô lậu*. Tất cả thánh nhân tu tập *Chánh đạo*, quả báo [của họ là] không còn sanh khởi *phiền não*, cho nên gọi là quả báo *vô lậu*.

“Thiện nam tử! Người có trí quán xét như vậy rồi liền dứt trừ mãi mãi quả báo *phiền não*.

“Thiện nam tử! Người có trí quán xét rồi, vì muốn dứt trừ quả báo *phiền não* như vậy nên tu tập *Thánh đạo*. *Thánh đạo* tức là [các pháp môn] *không, vô tướng, vô nguyện*. Tu tập *Thánh đạo* ấy rồi có thể dứt trừ tất cả quả báo *phiền não*.³

Bồ Tát *Ca-diếp* lại bạch Phật: “Thế Tôn! Tất cả chúng sanh đều do nơi *phiền não* mà chịu quả báo. Nói *phiền*

¹ Nguyên bản Hán văn là “tùng tâm thân” (do nơi tâm và thân), nhưng có 8 chữ nhỏ để giải thích chữ thân ở đây là “nhân tâm vận thân, cố danh tâm thân”. Vì thế chúng tôi theo sát ý mà dịch như trên. Niết-bàn kinh số giải giải thích đoạn này rằng: Nói thân do nơi tâm mà đến được bên cạnh Phạm thiên là trong nhân mà nói quả, vì thân này ở cõi Sắc giới do định lực đạt đến Sơ thiên mà có được, tâm định đó là nghiệp của ý. Chỉ do tâm mà có được, vì trong cõi Sắc giới thân ấy là do tâm sanh ra, đó là tâm định; tâm thật không phải thân, chỉ vì có thể do tâm mà đạt được thân nên gọi là thân. Đó chính là trong nhân mà nói quả.

² Sáu nhập là hiện có, qua đó mà chỉ ra nghiệp đã tạo trong quá khứ, chính là nhân dẫn đến quả hiện nay. Cho nên nói là trong quả mà nói nhân.

³ Theo Nam bản thì từ đây hết quyển 33, bắt đầu quyển 34, phẩm Bồ Tát Ca-diếp phần thứ tư (Ca-diếp Bồ Tát phẩm chi tứ).

não ở đây là nói sự xấu ác. Do nơi phiền não xấu ác mà sanh khởi các phiền não [khác] cũng gọi là xấu ác. Những phiền não như vậy ắt có hai loại, một là nhân, hai là quả. Vì nhân xấu ác nên sanh quả cũng xấu ác, vì quả xấu ác nên hạt giống cũng xấu ác.

“Ví như trái *nhâm-bà*, vì hạt giống đắng nên hoa, trái, thân cây... tất cả đều đắng. Lại ví như cây độc, vì hạt giống độc nên sanh quả cũng độc.

“[Nếu] nhân là chúng sanh [thì] quả cũng là chúng sanh; [nếu] nhân là phiền não [thì] quả cũng là phiền não. Nhân và quả của phiền não chính là chúng sanh; chúng sanh chính là nhân và quả của phiền não. Nếu theo nghĩa này thì tại sao trước đây Như Lai có đưa ra ví dụ là nơi Tuyết sơn có cỏ độc nhưng cũng có vị thuốc hay nhất?

“Nếu nói phiền não tức là chúng sanh, chúng sanh tức là phiền não, làm sao có thể nói trong thân chúng sanh [là phiền não đó] có vị thuốc hay nhất?”

Phật dạy: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử, vô lượng chúng sanh đều có cùng mối nghi như vậy. Nay ông đã có thể vì họ mà thưa thỉnh, mong được giảng giải, [vậy] ta cũng sẽ [giải đáp để] dứt trừ mối nghi ấy. Hãy nghe cho kỹ, hãy lắng nghe cho kỹ và khéo suy xét, nay ta sẽ vì ông mà phân biệt giảng nói.

“Thiện nam tử! Đưa ra ví dụ *Tuyết sơn* là nói chúng sanh; *cỏ độc* tức là phiền não; còn *vị thuốc hay nhất* tức là *Phạm hạnh thanh tịnh*.

“Thiện nam tử! Những chúng sanh nào có thể tu tập *Phạm hạnh thanh tịnh* thì gọi là trong thân có vị thuốc hay nhất.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Thế nào là chúng sanh có [tu tập được] *Phạm hạnh thanh tịnh*?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Như ở thế gian, từ nơi hạt giống mà sanh ra quả. Quả ấy lại có loại có hạt, có loại không hạt. Quả có hạt thì gọi là *quả hạt*; những quả không hạt thì chỉ gọi là *quả*, không gọi là *quả hạt*.

“Tất cả chúng sanh cũng giống như vậy, cũng phân làm hai loại. Một là những người có quả phiền não [tạo ra] nhân phiền não, hai là những người có quả phiền não nhưng không [tạo ra] nhân phiền não. Những ai có quả phiền não nhưng không [tạo ra] nhân phiền não gọi là *Phạm hạnh thanh tịnh*.

“Thiện nam tử! Chúng sanh quán xét cảm thọ,¹ biết rằng đây là nguyên nhân trực tiếp của tất cả phiền não. [Nói tất cả tức là] hết thảy mọi phiền não cả bên trong và bên ngoài. Do nhân duyên là cảm thọ nên [chúng sanh] không thể dứt trừ hết tất cả phiền não, cũng không thể thoát ra khỏi chốn tù ngục là *Ba cõi*. Chúng sanh do cảm thọ nên vướng chấp nơi *ngã* và *ngã sở*, [từ đó] khởi sanh tâm ý điên đảo, tư tưởng điên đảo và sự thấy biết điên đảo.

“Vì thế, chúng sanh trước hết phải quán xét cảm thọ. Cảm thọ ấy là nguyên nhân trực tiếp của tất cả tham ái. [Vì vậy,] người có trí muốn dứt trừ tham ái thì trước hết phải quán xét cảm thọ.

¹ Cảm thọ: cảm giác nhận biết phân biệt khởi sinh do sự tiếp xúc giữa tâm và cảnh. Tùy theo tính chất của sự tiếp xúc đó mà có cảm thọ vui sướng (lạc thọ), đau khổ (khổ thọ) hoặc không vui không khổ. Ở đây chỉ chung cả 3 loại cảm thọ này.

“Thiện nam tử! *Mười hai nhân duyên* cùng với hết thảy những hành vi thiện ác của chúng sanh đều nhân nơi lúc [khởi sanh] cảm thọ. Cho nên ta từng bảo *A-nan* rằng: ‘*A-nan*! Mọi hành vi thiện ác của tất cả chúng sanh đều [khởi sinh] vào lúc có cảm thọ.’ Cho nên người có trí trước hết phải quán xét cảm thọ.

“Sau khi quán xét cảm thọ rồi, lại phải tiếp tục quán xét cảm thọ ấy do nhân duyên gì sanh ra? Nếu đã là do nhân duyên sanh, vậy nhân duyên ấy lại do đâu mà sanh ra? Còn nếu không do nhân mà sanh, tại sao sự không nhân ấy lại chẳng sanh ra [trạng thái] không cảm thọ?

“Lại quán xét rằng: ‘Cảm thọ này không nhân nơi vị trời *Tự tại* sanh ra, không nhân nơi thần thức [hay linh hồn]¹ mà sanh ra, không nhân nơi bụi bặm sanh ra, không nhân nơi thời tiết sanh ra, không nhân nơi tư tưởng sanh ra, không nhân nơi bản tánh sanh ra; không phải tự thân nó sanh ra, không do [các điều kiện] bên ngoài sanh ra, cũng không phải do tự thân hợp với [các điều kiện] bên ngoài sanh ra; lại không phải không có nguyên nhân mà [tự nhiên] sanh ra. Mọi cảm thọ đều do [đầy đủ] các duyên hợp lại mà sanh ra. Các duyên đó chính là tham ái. Trong

¹ Nguyên bản dùng chữ sĩ phu (士夫), được dịch từ tiếng Phạn là *puruṣa*, phiên âm là bổ-lô-sa (補盧沙), với nghĩa chỉ phần tinh thần của con người, hoàn toàn không liên quan đến nghĩa của chữ sĩ phu thường được hiểu trong chữ Hán (người có học, nho sĩ...). Có nơi cũng dịch chữ này là linh hồn. Huyền úng âm nghĩa quyển 22 viết: “補盧沙, 舊言富樓沙, 此云士夫。 - Bổ-lô-sa, cựu ngôn phú-lâu-sa, thử vân sĩ phu.” Tra ngược về các tự điển Phạn-Hán thì thấy chữ *puruṣa* tuy có nhiều nghĩa, trong đó có cả nghĩa sĩ phu, nhưng nghĩa thích hợp nhất là “cá nhân sanh mạng lực đích tinh thần, linh hồn; cá nhân bản thể...” Trong rất nhiều bản dịch kinh luận trước đây chúng tôi đều thấy để nguyên hai từ “sĩ phu”, như vậy tuy là không dịch nhưng cũng xem như dịch sai, vì khiến cho người đọc hiểu sai.

sự hòa hợp đó chẳng phải có cảm thọ, cũng chẳng phải không có cảm thọ. Cho nên ta phải dứt trừ ngay từ sự hòa hợp [các duyên] như vậy.’ Vì dứt trừ [ngay từ] sự hòa hợp [của các duyên] nên không còn sanh ra cảm thọ.

“Thiện nam tử! Người có trí quán xét nguyên nhân [của cảm thọ] rồi, tiếp đó lại quán xét đến quả báo. Chúng sanh nhân nơi cảm thọ mà phải nhận chịu các cảnh giới *địa ngục, nga quý, súc sanh*, cho đến vô lượng khổ não trong *Ba cõi*. Do nhân duyên cảm thọ nên thọ nhận những khoái lạc [giả tạm,] không thường tồn. Do nhân duyên cảm thọ nên dứt mất căn lành. [Nhưng cũng] do nhân duyên cảm thọ mà đạt được giải thoát. Trong khi quán xét như vậy thì không còn tạo ra nhân của cảm thọ.

“Thế nào gọi là *không tạo ra nhân của cảm thọ*? Đó là nói sự phân biệt các cảm thọ, những cảm thọ nào có thể là nguyên nhân của tham ái, và những tham ái nào có thể là nguyên nhân của cảm thọ.

“Thiện nam tử! Nếu chúng sanh có thể quán xét sâu xa nguyên nhân của tham ái, nguyên nhân của cảm thọ, ắt có thể dứt trừ [những kiến chấp về] *ngã* và *ngã sở*.

“Thiện nam tử! Như người có thể thực hành các phép quán xét như trên, ắt nên phân biệt tham ái và cảm thọ diệt mất nơi đâu. [Khi phân biệt như vậy] liền thấy được tham ái và cảm thọ [thật] có chỗ diệt mất ít nhiều, do đó biết rằng cũng có thể [dần dần] diệt sạch rốt ráo. Bấy giờ liền sanh khởi lòng tin đối với sự giải thoát. Sanh lòng tin rồi [liền suy nghĩ]: ‘Sự giải thoát này do đâu có thể đạt được?’ Nhân đó liền biết rằng nhờ *Tám Chánh đạo* [mà được giải thoát], liền tu tập [theo đúng] *Tám Chánh đạo*.

“Thế nào gọi là *Tám Chánh đạo*? Theo đạo này mà quán xét cảm thọ thì thấy có ba tướng trạng, một là [cảm thọ] *khổ*, hai là [cảm thọ] *vui*, ba là [cảm thọ] *không khổ không vui*. Ba loại cảm thọ này đều có thể làm tăng trưởng thân và tâm.

“Do nhân duyên gì mà [ba loại cảm thọ ấy] có thể làm tăng trưởng [thân và tâm]? Do nhân duyên là xúc chạm. Xúc chạm có ba loại, một là xúc chạm *vô minh*, hai là xúc chạm sáng suốt, ba là xúc chạm không phải vô minh, không phải sáng suốt.

“Nói xúc chạm sáng suốt tức là *Tám Chánh đạo*. [Trừ loại xúc chạm này ra,] còn hai loại xúc chạm kia đều làm tăng trưởng thân tâm và ba loại cảm thọ. Vì thế nên phải dứt trừ hai loại xúc chạm ấy. Khi nhân duyên xúc chạm đã dứt rồi thì không còn sanh ra ba loại cảm thọ nữa.

“Thiện nam tử! Cảm thọ như thế cũng gọi là nhân, cũng gọi là quả. Người có trí nên quán xét rằng [cảm thọ] vừa là nhân, vừa là quả. Sao gọi là nhân? Nhân nơi cảm thọ sanh ra tham ái, nên gọi [cảm thọ] là nhân. Sao gọi là quả? Nhân nơi sự xúc chạm sanh ra cảm thọ, nên gọi [cảm thọ] là quả. Vì thế, cảm thọ vừa là nhân, cũng vừa là quả.

“Người có trí quán xét cảm thọ như vậy rồi, tiếp đó quán xét tham ái. Quả báo của cảm thọ là tham ái. Người có trí quán xét tham ái có hai loại, một là *tạp thực*, hai là *vô thực*. Tham ái *tạp thực* là nhân của *sanh, già, bệnh, chết* cùng tất cả các cảnh giới hiện hữu. Tham ái *vô thực* dứt hết *sanh, già, bệnh, chết* cùng tất cả các cảnh giới hiện hữu, [chỉ] ham muốn tu đạo *vô lậu*.

“Người có trí lại nên suy xét rằng: ‘Nếu ta sanh khởi tham ái *tạp thực*, ắt không thể dứt trừ *sanh, già, bệnh, chết*. Tuy nay ta ham muốn đạo *vô lậu*, nhưng nếu không trừ dứt nguyên nhân của cảm thọ thì không thể đạt được đạo quả *vô lậu*. Vì thế, trước hết phải dứt trừ mọi xúc chạm. Xúc chạm đã dứt trừ rồi thì cảm thọ tự nhiên diệt mất. Cảm thọ đã diệt mất rồi thì tham ái cũng theo đó mà diệt.’

“[Tu tập quán xét như trên] gọi là [tu tập theo đúng] Tám Chánh đạo.

“Thiện nam tử! Nếu chúng sanh nào có thể quán xét như vậy, tuy mang thân độc hại nhưng trong thân đó cũng có vị thuốc diệu kỳ; cũng như nơi Tuyết sơn, tuy có cỏ độc nhưng cũng có vị thuốc hay.

“Thiện nam tử! Những chúng sanh ấy tuy do phiền não mà nhận chịu quả báo, nhưng quả báo này không tiếp tục làm nhân sanh ra phiền não. Đó gọi là *Phạm hạnh thanh tịnh*.

“Lại nữa, thiện nam tử! Người có trí nên quán xét cảm thọ và tham ái do nhân duyên gì sanh ra? [Quán xét như vậy rồi liền] biết rằng [cảm thọ và tham ái] đều do vọng tưởng sanh ra. Vì sao vậy? Chúng sanh trong khi thấy hình sắc không sanh tham muốn, trong khi quán xét cảm thọ cũng không sanh tham muốn, chỉ khi đối với những hình sắc [ấy] khởi sanh vọng tưởng điên đảo, cho rằng đó là *thường, lạc, ngã, tịnh*; rằng cảm thọ [đối với hình sắc đó] là thường còn, không biến đổi; [thì] nhân nơi tư tưởng điên đảo ấy mới khởi sanh [các tâm] *tham lam, sân khuể*

và si mê. Vì thế nên người có trí phải biết quán xét [vọng] tưởng.

“Thế nào là quán xét [vọng] tưởng? Nên suy xét rằng: ‘Tất cả chúng sanh khi chưa đạt được Chánh đạo đều có những tư tưởng điên đảo. Thế nào là tư tưởng điên đảo? Đối với việc không thường còn mà khởi sanh tư tưởng [cho đó là] thường còn; đối với việc không phải vui mà khởi sanh tư tưởng [cho đó là] vui; đối với việc chẳng phải thanh tịnh mà khởi sanh tư tưởng [cho đó là] thanh tịnh; đối với các pháp [vốn thật là] không mà khởi sanh tư tưởng [cho đó là] có ngã; đối với [các đối tượng thật] không phải là nam, nữ, lớn, nhỏ, ngày, đêm, năm, tháng, y phục, nhà cửa, chỗ ngồi nằm... mà khởi sanh tư tưởng [cho đó là] nam, nữ... cho đến chỗ ngồi nằm...

“Tưởng có ba loại, một là nhỏ, hai là lớn, ba là vô lượng. Do nhân duyên nhỏ nên sanh ra tưởng nhỏ; do nhân duyên lớn nên sanh ra tưởng lớn; do nhân duyên vô lượng nên sanh ra tưởng vô lượng.

“Lại có [cách phân loại] tưởng nhỏ là khi chưa nhập định; tưởng lớn là khi đã nhập định; tưởng vô lượng là khi đạt đến *Mười nhất thiết nhập*.¹

“Lại có [cách phân loại] tưởng nhỏ là tất cả [vọng] tưởng trong *Dục giới*, tưởng lớn là tất cả [vọng] tưởng trong *Sắc*

¹ Mười nhất thiết nhập (Thập nhất thiết nhập) chỉ cảnh giới của hành giả khi tư tưởng có thể biến hiện khắp mọi cảnh giới. Nếu kể chi tiết thì bao gồm Địa nhất thiết nhập xứ, Thủy nhất thiết nhập xứ, Hỏa nhất thiết nhập xứ, Phong nhất thiết nhập xứ, Thanh nhất thiết nhập xứ, Hoàng nhất thiết nhập xứ, Xích nhất thiết nhập xứ, Bạch nhất thiết nhập xứ, Không nhất thiết nhập xứ và Thức nhất thiết nhập xứ. Tuy nhiên, nói khái quát thì có thể hiểu là do một tư tưởng có thể biến hiện khắp nơi, không phân biệt phương hướng nên gọi là nhất thiết nhập xứ.

giới, tướng vô lượng là tất cả [vọng] tướng trong *Vô sắc giới*.

“Nếu ba loại tướng [phân biệt như trên] đều diệt cả rồi, ắt cảm thọ cũng tự nhiên diệt mất. Vì tướng và cảm thọ đều diệt hết nên gọi là giải thoát.”

Bồ Tát *Ca-diếp* lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Diệt tất cả pháp gọi là giải thoát, vì sao Như Lai dạy rằng *tướng* và *cảm thọ* diệt hết gọi là giải thoát?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Như Lai có lúc nhân nơi chúng sanh mà thuyết pháp, [khiến] người nghe hiểu được pháp; cũng có lúc lại nhân nơi pháp mà thuyết về chúng sanh, cũng khiến người nghe hiểu được chúng sanh.

“Thế nào gọi là nhân nơi chúng sanh mà thuyết pháp, khiến người nghe hiểu được pháp? Như trước đây ta vì *Đại Ca-diếp*¹ mà dạy rằng: ‘*Ca-diếp!* Khi chúng sanh diệt ắt pháp lành cũng diệt.’ Đó gọi là nhân nơi chúng sanh mà thuyết pháp, khiến người nghe hiểu được pháp.

“Thế nào gọi là nhân nơi pháp mà thuyết về chúng sanh, cũng khiến người nghe hiểu được chúng sanh? Như trước đây ta vì *A-nan* mà dạy rằng: ‘Ta không nói việc gần gũi với tất cả pháp, cũng không nói việc không gần gũi với tất cả pháp. Nếu có những pháp mà khi gần gũi thì pháp lành phải suy yếu, pháp xấu ác trở nên mạnh mẽ, thì không nên gần gũi với những pháp như vậy. Nếu có những pháp mà khi gần gũi rồi thì pháp xấu ác suy yếu diệt mất, pháp lành tăng trưởng, thì nên gần gũi với những pháp như vậy.’ Đó gọi là nhân nơi pháp mà thuyết

¹ Đại Ca-diếp (tức Ma-ha Ca-diếp): là vị đệ tử trong hàng Thanh văn, khác với Bồ Tát Ca-diếp đang thưa hỏi Phật.

về chúng sanh, cũng khiến người nghe hiểu được chúng sanh.¹

“Thiện nam tử! Tuy Như Lai chỉ nói đến [hai pháp là *tưởng* và *cảm thọ* diệt mất, nhưng theo đó có thể hiểu là nói chung tất cả [các pháp] đều diệt mất.

“Người có trí đã quán xét về *tưởng* như trên rồi, tiếp đó lại quán xét về *nguyên nhân của tưởng*. Như *tưởng* vô lượng do nhân gì mà sanh ra? [Quán xét rồi] liền biết được rằng do nhân là xúc chạm mà sanh ra.

“Xúc chạm có hai loại, một là có nguyên nhân nơi phiền não, hai là có nguyên nhân nơi giải thoát. Nhân nơi *vô minh* sanh ra xúc chạm gọi là *phiền não xúc*; nhân sự sáng suốt sanh ra xúc chạm gọi là *giải thoát xúc*.

“Nhân nơi *phiền não xúc* mà sanh ra tư tưởng điên đảo, nhân *giải thoát xúc* mà sanh ra tư tưởng không điên đảo. Sau khi quán xét nguyên nhân của *tưởng* [như vậy] rồi, tiếp đó sẽ quán xét quả báo [của *tưởng*].”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Nếu do *tưởng* có nhân là *phiền não [xúc]* mà sanh ra tư tưởng điên đảo, thì tất cả thánh nhân thật ra đều có tư tưởng điên đảo, nhưng không có phiền não, nghĩa ấy là thế nào?”

¹ Nhân chúng sanh thuyết pháp, là lấy chúng sanh làm nhân, nên Phật dạy Đại Ca-diếp rằng: “Chúng sanh diệt, pháp lành diệt.” Vì pháp theo với chúng sanh, nếu chúng sanh không tu tập thì pháp cũng không thể được hoằng truyền. Theo nghĩa này, Phật vì chúng sanh mà thuyết các pháp thiện ác phân biệt, khiến người nghe nhân đó tu tập được giải thoát. Nhân pháp thuyết chúng sanh là lấy pháp làm nhân, chỉ rõ các pháp nên gần gũi để tăng trưởng pháp lành, các pháp nên li xa để hạn chế pháp xấu ác; người nghe theo đó tu tập để được giải thoát.

Phật hỏi Bồ Tát *Ca-diếp*: “Thiện nam tử! Vì sao [nói rằng] thánh nhân lại có tư tưởng điên đảo?”

Bồ Tát *Ca-diếp* thưa: “Bạch Thế Tôn! Tất cả thánh nhân, khi nhìn thấy con bò, con ngựa, [tuy thật không phải là bò, là ngựa, nhưng lại khởi sanh tư] tưởng [cho đó] là con bò, con ngựa; cũng nói rằng đó là con bò, con ngựa. Đối với [tất cả các đối tượng khái niệm như] nam, nữ, lớn, nhỏ, nhà cửa, xe cộ, đi lại... cũng đều như vậy. Đó gọi là tư tưởng điên đảo.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Tất cả phàm phu có hai loại tư tưởng, một là tư tưởng thuận theo quy ước chung của thế gian, hai là tư tưởng tự mình vướng chấp. Tất cả thánh nhân chỉ có tư tưởng thuận theo quy ước chung của thế gian mà thôi, không hề có tư tưởng tự mình vướng chấp.

“Tất cả phàm phu do [trong lòng mang] tư tưởng xấu ác nên đối với những tư tưởng thuận theo quy ước chung của thế gian lại sanh ra tư tưởng vướng chấp. Tất cả thánh nhân do [trong lòng có] tư tưởng hiền thiện nên đối với những tư tưởng thuận theo quy ước chung của thế gian không sanh ra tư tưởng vướng chấp. Vì thế nên [tư tưởng của] phàm phu gọi là tư tưởng điên đảo, thánh nhân tuy rõ biết [tất cả các pháp] nhưng không thể gọi đó là tư tưởng điên đảo.

“Người có trí quán xét nguyên nhân của tướng [như vậy] rồi, tiếp đó lại quán xét quả báo [của tướng]. [Quán xét rồi liền nhận biết rằng:] Quả báo của tư tưởng xấu ác này là phải nhận chịu [khổ não trong] các cảnh giới *địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh*, cõi trời, cõi người. Nếu nhân nơi sự dứt

trừ những tư tưởng xấu ác thì có thể dứt trừ sự xúc chạm [sinh ra bởi] *vô minh*, [tức *phiền não xúc*], do đó mà dứt trừ được *tướng*. Do tướng đã dứt mất nên quả báo cũng dứt mất.

“Người có trí muốn dứt trừ nguyên nhân của tướng như thế, phải tu tập [theo đúng] *Tám Chánh đạo*.

“Thiện nam tử! Nếu ai có thể tu tập các phép quán như trên thì gọi là *Phạm hạnh thanh tịnh*. Thiện nam tử! Đó gọi là trong thân độc hại của chúng sanh có vị thuốc hay nhất, cũng như nơi Tuyết sơn tuy có cỏ độc nhưng cũng có vị thuốc hay.

“Lại nữa, thiện nam tử! Người có trí quán xét về tham dục, [thấy rằng] tham dục tức là hình sắc, âm thanh, mùi hương, vị nếm, sự xúc chạm. Thiện nam tử! Đó chính là Như Lai trong nhân nói quả, vì do nơi năm pháp ấy mà sanh ra tham dục, chứ [tự thân] chúng thật không phải là tham dục.

“Thiện nam tử! Những kẻ ngu si vì tham muốn cảm thọ nên đối với hình sắc khởi sanh tư tưởng điên đảo, cho đến đối với âm thanh, mùi hương, vị nếm, sự xúc chạm, cũng đều sanh tư tưởng điên đảo. Do nhân duyên là tư tưởng điên đảo mà sanh ra các cảm thọ. Cho nên người thế gian nói rằng: ‘Do tư tưởng điên đảo mà sanh ra mười loại tư tưởng.’

“Do nhân duyên tham dục nên [chúng sanh] phải lưu chuyển trong thế gian, nhận chịu các quả báo xấu ác, lại làm cả những việc ác đối với cha mẹ, *sa-môn*, *bà-la-môn*...

Những việc không nên làm vẫn cố sức làm, chẳng tiếc thân mạng. Vì thế, người có trí quán xét rằng: ‘Do nhân duyên là các tư tưởng xấu ác nên sanh ra tâm tham dục.’ Người có trí quán xét nguyên nhân của tham dục như vậy rồi, tiếp đó liền quán xét quả báo [của tham dục].

“Tham dục có nhiều quả báo xấu ác như *địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh*, hoặc trong cõi người, cõi trời. Đó gọi là quán xét quả báo. [Người có trí quán xét rằng:] ‘Nếu tư tưởng xấu ác bị trừ dứt thì không sanh ra tâm tham dục. Vì không có tâm tham dục nên không nhận các cảm thọ xấu ác. Vì không có cảm thọ xấu ác nên không có quả báo xấu ác. Vì thế, trước hết ta phải dứt trừ tư tưởng xấu ác. Dứt trừ mọi tư tưởng xấu ác rồi thì tất cả những pháp [theo sau] như vậy cũng tự nhiên dứt hết.’

“Do đó, người có trí muốn dứt trừ tư tưởng xấu ác liền tu tập *Tám Chánh đạo*, như thế gọi là *Phạm hạnh thanh tịnh*. Đó gọi là trong thân độc hại của chúng sanh cũng có vị thuốc hay nhất, cũng như nơi Tuyết sơn tuy có cỏ độc nhưng cũng có vị thuốc kỳ diệu.

“Lại nữa, thiện nam tử! Người có trí quán xét tham dục như vậy rồi, sau đó sẽ quán xét về *nghiệp*. Vì sao vậy? Người có trí nên suy xét rằng: ‘Cảm thọ, tư tưởng, xúc chạm, tham dục chính là phiền não. Phiền não này có thể tạo thành *sanh nghiệp*¹ nhưng không tạo thành *thọ nghiệp*.² [Nhưng khi] phiền não đi cùng với *nghiệp* [đã tạo] ắt có hai loại, một là tạo thành *sanh nghiệp*, hai là

¹ Sanh nghiệp: nghiệp lực tương tục tạo thành đời sống của chúng sanh nên gọi là sanh nghiệp.

² Thọ nghiệp: nghiệp tạo thành do các cảm thọ khác biệt như khổ, vui, không khổ không vui. Nghiệp này không do phiền não tạo thành.

tạo thành *thọ nghiệp*.¹ Vì thế, người có trí cần phải quán xét về nghiệp. [Quán xét rồi liền thấy rằng] nghiệp như vậy có ba loại là: nghiệp của *thân*, nghiệp của *miệng* và nghiệp của *ý*.

“Thiện nam tử! Hai nghiệp của thân và của miệng vừa là nghiệp, vừa là quả của nghiệp. Riêng nghiệp của ý chỉ là nghiệp, không thể gọi là quả; vì có nhân là nghiệp nên mới gọi là nghiệp.

“Thiện nam tử! Hai nghiệp của thân và của miệng gọi là nghiệp bên ngoài; nghiệp của ý gọi là nghiệp bên trong.

“Ba nghiệp này [nếu] đi cùng với phiền não [có thể] tạo thành *sanh nghiệp* và *thọ nghiệp*.

“Thiện nam tử! Nghiệp của ý là nghiệp [giữ vai trò] chính. Nghiệp của thân và miệng là nghiệp có hạn kỳ [phát sanh]. Cho nên nghiệp của ý phát sanh trước nhất, rồi nương theo nghiệp của ý mới phát sanh các nghiệp của thân và của miệng. Vì thế mà nghiệp của ý được gọi là nghiệp [giữ vai trò] chính.

“Người có trí quán xét nghiệp [như vậy] rồi, tiếp đó quán xét nguyên nhân của nghiệp. [Quán xét rồi liền rõ biết] nguyên nhân của nghiệp chính là sự xúc chạm [sanh ra bởi] vô minh, [tức là *phiền não xúc*]. Nhân nơi sự xúc chạm sanh ra bởi vô minh mà chúng sanh tham cầu sự hiện hữu, [nên] nhân duyên tham cầu hiện hữu chính là tham ái. Do nhân duyên là tham ái [nên chúng sanh] tạo tác các nghiệp của thân, của miệng và của ý.

“Thiện nam tử! Người có trí quán xét nguyên nhân của nghiệp như vậy rồi, tiếp đó liền quán xét quả báo. [Quán

¹ Do nghiệp lực nên có thể khởi sanh sự phân biệt ưa ghét, khi ấy liền có khả năng tạo thành thọ nghiệp.

xét rồi liền rõ biết] có bốn loại quả báo: một là quả báo thuần xấu ác, hai là quả báo thuần thiện, ba là quả báo hỗn tạp và bốn là quả báo không thiện không ác.

“Quả báo thuần xấu ác là khi tạo nghiệp thì ô nhiễm, quả báo nhận lấy cũng ô nhiễm. Quả báo thuần thiện là khi tạo nghiệp thì trong sạch, quả báo nhận lấy cũng trong sạch. Quả báo hỗn tạp là khi tạo nghiệp thì lẫn lộn [có thiện có ác], quả báo nhận lấy cũng lẫn lộn [có tốt có xấu]. Quả báo không thiện không ác gọi là nghiệp *vô lậu*.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Trước đây Phật dạy rằng nghiệp *vô lậu* không có quả báo, sao nay lại dạy rằng quả báo không thiện không ác là của nghiệp *vô lậu*?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! [Tuy nói quả báo nhưng] thật có hai nghĩa. Một là có quả, có báo; hai là chỉ có quả mà không có báo.

“Quả báo thuần xấu ác là có quả, có báo. Do nhân duyên xấu ác sanh ra nên gọi là quả; [quả ấy] có thể làm nhân [sanh ra quả khác] nên gọi là báo. Quả báo thuần thiện và quả báo hỗn tạp cũng giống như vậy. Riêng quả *vô lậu* do nhân *hữu lậu* sanh ra nên gọi là *quả*, [nhưng] không làm nhân [cho quả] khác nên không gọi là *báo*. Vì thế nên [quả *vô lậu* chỉ] gọi là *quả*, không gọi là *báo*.”

Bồ Tát *Ca-diếp* lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Nghiệp *vô lậu* không phải là pháp xấu ác, do nhân duyên gì lại không gọi đó là [thuần] thiện?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Vì không có báo nên không gọi là thiện. Vì đối lại với xấu ác nên mới gọi là thiện. Cho nên ta có dạy rằng: ‘Vì có thọ nhận quả báo nên [phân chia] gọi là thiện, ác.’ Nghiệp *vô lậu* không thọ báo nên không gọi là thiện, mà gọi là vắng lặng, an tĩnh.

“Những nghiệp nói trên được xác định có nơi thọ báo, như [nghiệp của] *Mười điều bất thiện* nhất định [phải thọ quả báo] nơi các cõi *địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh*; nghiệp của *Mười điều thiện* nhất định [thọ quả báo] nơi cõi trời, cõi người.

“*Mười điều bất thiện* lại chia thành ba hạng: hạng nặng, hạng vừa và hạng nhẹ. Do nhân duyên [thuộc hạng] nặng nên thọ thân nơi *địa ngục*. Do nhân duyên hạng vừa nên thọ thân làm *súc sanh*. Do nhân duyên hạng nhẹ nên thọ thân *ngạ quỷ*.

“Nghiệp *Mười điều thiện* lại có bốn hạng: hạng thấp, hạng vừa, hạng cao và hạng cao nhất. Do nhân duyên thuộc hạng thấp nên sanh ở châu *Uất-đan-việt*. Do nhân duyên hạng vừa nên sanh ở châu *Phát-bà-đề*. Do nhân duyên hạng cao nên sanh ở châu *Cù-đà-ni*. Do nhân duyên hạng cao nhất nên sanh ở châu *Diêm-phù-đề*.

“Người có trí sau khi quán xét như vậy rồi liền suy nghĩ rằng: ‘Nay ta phải làm sao để dứt trừ quả báo này?’ Rồi lại nghĩ rằng: ‘Nhân duyên sanh ra nghiệp này là sự xúc chạm [sanh ra bởi] *vô minh*, [tức *phiền não xúc*]. Nếu ta dứt trừ sự xúc chạm [sanh ra bởi] *vô minh* thì quả của nghiệp này phải dứt hẳn không còn sanh ra.’ Vì thế, người có trí vì muốn dứt trừ nhân duyên là sự xúc chạm [sanh ra bởi] *vô minh* nên tu tập *Tám Chánh đạo*. Đó gọi là *Phạm hạnh thanh tịnh*.

“Thiện nam tử! Đó gọi là trong thân độc hại của chúng sanh có vị thuốc hay nhất, cũng như nơi Tuyết sơn tuy có cỏ độc nhưng cũng có thuốc quý.

“Lại nữa, thiện nam tử! Người có trí quán xét nghiệp,

quán xét phiền não [như trên] rồi, tiếp đó quán xét quả báo của nghiệp và phiền não. Quả báo của hai thứ ấy chính là khổ não. Đã biết rõ là khổ ắt có thể buông bỏ lìa xa tất cả mọi sự thọ sanh.

“Người có trí lại quán xét rằng: ‘Phiền não là nhân duyên sanh ra phiền não, nghiệp cũng là nhân duyên sanh ra phiền não.

“Phiền não lại là nhân duyên sanh ra nghiệp, nghiệp là nhân duyên sanh ra khổ.

“Khổ là nhân duyên sanh ra phiền não, phiền não là nhân duyên sanh ra sự hiện hữu.

“Sự hiện hữu là nhân duyên sanh ra khổ, sự hiện hữu [cũng] là nhân duyên sanh ra sự hiện hữu [tiếp nối].¹

“Sự hiện hữu là nhân duyên sanh ra nghiệp, nghiệp là nhân duyên sanh ra phiền não.

“Phiền não là nhân duyên sanh ra khổ, khổ là nhân duyên sanh ra sự khổ [tiếp nối].’

“Thiện nam tử! Nếu người trí có thể quán xét như vậy, nên biết rằng người ấy có thể quán xét sự khổ của [việc thọ] nghiệp. Vì sao vậy? Quán xét như trên tức là *mười hai nhân duyên* của sanh tử. Nếu ai có thể quán xét *mười hai nhân duyên* ấy của sanh tử, nên biết rằng người ấy sẽ không tạo tác nghiệp mới và có thể phá trừ nghiệp cũ.

“Thiện nam tử! Người có trí khi quán xét sự khổ nơi địa ngục, quán xét từ một địa ngục cho đến đủ một trăm ba

¹ Theo bản khắc đời Minh thì câu này là “hữu nhân duyên sanh khổ”, nhưng ngoài bản Đại chánh tạng đã sửa lại là “hữu nhân duyên sanh hữu” thì các bản số giải cũng đều viết tương tự là “hữu nhân duyên sanh hữu”.

mười sáu nơi [địa ngục]. Mỗi một địa ngục có đủ mọi thứ khổ, đều do nhân duyên là *phiền não* và *nghiệp* sanh ra.

“Quán xét [sự khổ nơi] địa ngục rồi, tiếp đó lại quán xét mọi nỗi khổ của [các cảnh giới] *ngạ quỷ*, *súc sanh*. Quán xét như vậy rồi, lại quán xét đến những nỗi khổ của cõi người, cõi trời. [Liên rõ biết được rằng] hết thảy những nỗi khổ như vậy đều do nơi nhân duyên là *phiền não* và *nghiệp* sanh ra.

“Thiện nam tử! Các cõi trời tuy không có sự khổ não lớn lao [như các cõi khác], nhưng thân thể mềm mại, trơn láng của chư thiên khi có *năm tướng suy*¹ hiện ra thì cũng chịu sự khổ não ghê gớm, không khác gì so với nỗi khổ ở *địa ngục*.

“Thiện nam tử! Người trí quán xét sâu xa các nỗi khổ trong *Ba cõi*, [thấy rằng tất cả] đều do nhân duyên là *phiền não* và *nghiệp* sanh ra.

“Thiện nam tử! Ví như món đồ [gốm] khi chưa nung rất dễ vỡ, cái thân mà chúng sanh thọ nhận cũng vậy; khi đã thọ thân rồi thì thân ấy trở thành vật chứa đựng mọi thứ khổ não. Ví như cây lớn, hoa quả sai oằn thì các loài chim có thể đến phá hoại. Như cỏ khô chất lại nhiều, chỉ một chút lửa cũng đủ để thiêu rụi. Thân của chúng sanh bị các nỗi khổ làm cho hư hoại cũng giống như vậy.

“Thiện nam tử! Nếu người trí quán xét được tám loại khổ não [như trong phẩm] *Thánh hạnh* [đã giảng],² thì nên biết rằng người ấy có thể đoạn trừ mọi nỗi khổ.

¹ Năm tướng suy (Ngũ suy tướng): năm tướng hiện ra khi chư thiên ở các cõi trời đã hưởng hết phước đức, sắp phải xả thân để sanh về một cảnh giới khác. Năm tướng suy đó là: 1. Y phục thường dơ bẩn; 2. Đầu tóc rối bời, hoa trên đầu tàn tạ; 3. Thân thể hôi hám và nhờn nhớp; 4. Dưới nách thường ra mồ hôi; 5. Không thấy ưa thích ngại vị, chỗ ngồi của mình.

² Xem lại phẩm *Thánh hạnh* trong quyển 13, Tập 3.

“Thiện nam tử! Người có trí sau khi đã quán xét sâu xa tám loại khổ ấy rồi, tiếp đó quán xét nguyên nhân của khổ. [Quán xét như vậy rồi liền biết được] nguyên nhân của khổ chính là tham ái [sinh ra từ] vô minh. Tham ái [sinh ra từ] vô minh có hai loại, một là tham cầu thân mạng, hai là tham cầu tài vật. Tham cầu thân mạng và tham cầu tài vật, cả hai đều là khổ. Vì thế nên biết rằng tham ái [sinh ra từ] vô minh chính là nguyên nhân của khổ.

“Thiện nam tử! Tham ái [sinh ra từ] vô minh lại có hai loại, một là [hướng vào] bên trong, hai là [hướng về] bên ngoài. Tham ái bên trong có thể tạo thành nghiệp, tham ái bên ngoài có thể làm cho tăng trưởng [nghiệp ấy].

“Lại nữa, tham ái bên trong có thể tạo thành *nghiệp*, tham ái bên ngoài có thể tạo thành *quả của nghiệp*. Khi dứt trừ tham ái bên trong thì dứt được *nghiệp*; khi dứt trừ tham ái bên ngoài thì dứt được *quả [của nghiệp]*.

“Tham ái bên trong có thể sanh ra khổ não đời vị lai; tham ái bên ngoài có thể sanh ra khổ não trong đời hiện tại. Người có trí quán xét tham ái chính là nguyên nhân của khổ.

“Sau khi quán xét nguyên nhân rồi, tiếp đó lại quán xét quả báo [của khổ]. [Quán xét rồi liền biết được] quả báo của khổ chính là sự *chấp thủ*.¹ [Vì] quả của tham ái là *chấp thủ*; do nhân duyên *chấp thủ* này [liền khởi sanh] tham ái bên trong và bên ngoài, ắt phải có sự khổ não vì tham ái.

¹ Chấp thủ: trạng thái tâm thức cho rằng đối tượng đang nhận thức là của mình, thuộc về mình và do đó luôn muốn ôm giữ, bám víu vào đó.

“Thiện nam tử! Người có trí nên quán xét rằng: ‘Tham ái là nhân duyên của *chấp thủ*; *chấp thủ* là nhân duyên của tham ái. Nếu ta có thể dứt trừ cả *tham ái* và *chấp thủ* ắt sẽ không tạo ra nghiệp phải nhận chịu các nỗi khổ.’ Cho nên, người có trí vì muốn dứt trừ sự khổ do tham ái mà tu tập *Tám Chánh đạo*.”

“Thiện nam tử! Nếu ai có thể quán xét như trên tức là *Phạm hạnh thanh tịnh*. Đó gọi là trong thân độc hại của chúng sanh có vị thuốc hay nhất, cũng như nơi Tuyết sơn tuy có cỏ độc nhưng cũng có vị thuốc kỳ diệu.”

Bồ Tát *Ca-diếp* lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là *Phạm hạnh thanh tịnh*?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Tất cả các pháp [đều là *Phạm hạnh thanh tịnh*].”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! [Nói] tất cả các pháp [như vậy thì] ý nghĩa không xác định. Vì sao vậy? Như Lai có lúc dạy rằng [tất cả các pháp] là *thiện* và *bất thiện*; hoặc có khi dạy là quán *Bốn niệm xứ*; hoặc dạy là *Mười hai nhập*; hoặc dạy là *thiện tri thức*; hoặc dạy là *Mười hai nhân duyên*; hoặc dạy là chúng sanh; hoặc dạy là *chánh kiến* và *tà kiến*; hoặc dạy là *Mười hai bộ kinh*; hoặc dạy là *Nhị đế*. Nay Như Lai nói rằng tất cả các pháp là *Phạm hạnh thanh tịnh*, không biết là nói đến ý nghĩa nào?”

Phật dạy: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Kinh Đại Niết-bàn vì diệu này mới chính là kho báu trong tất cả các pháp. Ví như biển cả là kho chứa [tất cả] các loại châu báu, kinh Niết-bàn này cũng vậy, là kho tàng sâu kín chứa đựng tất cả ý nghĩa của văn tự.”

“Thiện nam tử! Như núi *Tu-di* là nguồn gốc của mọi thứ cây thuốc; kinh này cũng vậy, chính là căn bản của giới hạnh Bồ Tát.

“Thiện nam tử! Ví như hư không là nơi dung chứa hết thảy mọi vật thể; kinh này cũng vậy, là nơi quy tụ của hết thảy mọi pháp lành.

“Thiện nam tử! Ví như cơn gió mạnh, không gì có thể trói buộc được; tất cả Bồ Tát tu hành kinh này cũng vậy, không bị tất cả các pháp xấu ác phiền não trói buộc.

“Thiện nam tử! Ví như chất kim cương, [rắn chắc] không gì phá hoại được; kinh này cũng thế, dù có những kẻ ngoại đạo xấu ác tà kiến cũng không thể phá hoại.

“Thiện nam tử! Ví như cát sông Hằng, không ai có thể đếm được; ý nghĩa kinh này cũng vậy, không ai có thể tính đếm.

“Thiện nam tử! Kinh điển này vì các vị Bồ Tát mà làm ngọn cờ *Chánh pháp*, như ngọn cờ của vị vua trời *Đế-thích*.

“Thiện nam tử! Kinh này là vị thương chủ dẫn dắt đoàn khách buôn hương đến thành thị *Niết-bàn*; cũng như vị thầy dẫn đường giỏi nhất đưa những người đi buôn hương về biển cả.

“Thiện nam tử! Kinh này có thể vì các vị Bồ Tát mà chiếu tỏa ánh sáng *Chánh pháp*, như mặt trời, mặt trăng [có thể] phá tan mọi sự tối tăm u ám ở thế gian.

“Thiện nam tử! Kinh này có thể vì những chúng sanh bệnh khổ mà làm vị thuốc quý, cũng như nơi Tuyết sơn có vị thuốc kỳ diệu trị được tất cả các bệnh.

“Thiện nam tử! Kinh này có thể làm cây gậy chống cho những kẻ *nhất-xiển-đề*; cũng như những kẻ suy nhược yếu ớt nhờ có cây gậy để chống mà đứng lên được.

“Thiện nam tử! Kinh này có thể làm cây cầu [vượt qua sự khổ] cho tất cả những kẻ xấu ác, cũng như cây cầu ở thế gian giúp cho mọi người đều có thể đi qua sông.

“Thiện nam tử! Kinh này có thể làm bóng râm che mát cho những kẻ lang thang trong *Hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu* khi gặp phải cơn nóng nực phiền não; cũng như dù lọng ở thế gian che được nắng nóng.

“Thiện nam tử! Kinh này như vị vua dũng mãnh không sợ sệt, có thể phá trừ tất cả quỷ ác phiền não; cũng như chúa sư tử hàng phục tất cả các loài thú.

“Thiện nam tử! Kinh này như vị thầy tinh thông thần chú, có thể phá trừ tất cả ác quỷ phiền não; cũng như vị chú sư ở thế gian có thể trừ khử loài yêu quái sống trong gổ đá.

“Thiện nam tử! Kinh này như trận mưa đá mạnh mẽ nhất, có thể phá hoại quả báo sanh tử; cũng như mưa đá ở thế gian phá hoại các loại cây trái.

“Thiện nam tử! Kinh này có thể làm vị thuốc hay cho người bị hư hoại con mắt *giới thể*; cũng như vị thuốc *an-xà-na*¹ ở thế gian có thể trị lành bệnh đau mắt.

“Thiện nam tử! Kinh này có thể làm chỗ dựa vững chắc cho hết thảy các pháp lành; cũng như mặt đất ở thế gian có thể làm chỗ đứng vững cho mọi vật.

¹ An-xà-na, tên một loại thuốc trị bệnh về mắt, phiên âm từ Phạn ngữ là *añjana*, cũng đọc là an-xà-dà hay an-dà.

“Thiện nam tử! Kinh này là tấm gương sáng cho những chúng sanh hủy phạm giới luật [soi vào]; cũng như gương sáng ở thế gian [nhìn vào có thể] thấy được các hình sắc, ảnh tượng.

“Thiện nam tử! Kinh này có thể vì những kẻ không biết hổ thẹn mà làm y phục; cũng như quần áo ở thế gian che kín thân thể [cho những người biết hổ thẹn].

“Thiện nam tử! Kinh này có thể làm tài vật quý báu cho những kẻ nghèo thiếu pháp lành; cũng như vị *Công Đức Thiên*¹ làm lợi ích cho những người nghèo khó.

“Thiện nam tử! Kinh này có thể làm nước cam lộ cho chúng sanh khao khát *Chánh pháp*; cũng như nước có đủ tám vị [ở thế gian] giúp cho người giải trừ cơn khát.

“Thiện nam tử! Kinh này có thể làm giường *Chánh pháp* cho kẻ phiền não [nghỉ ngơi]; cũng như người ở thế gian gặp được giường nằm yên ổn.

“Thiện nam tử! Kinh này có thể làm cỗ xe thanh tịnh trang nghiêm đầy đủ các thứ chuỗi ngọc, hương hoa, hương phết, hương bột, hương đốt... dành cho hàng Bồ Tát từ *Sơ địa* cho đến *Thập địa*, hơn cả chỗ thọ nhận niềm vui vi diệu của tất cả sáu pháp *Ba-la-mật*, giống như [được ở] dưới cây *ba-lợi-chất-đa-la* trên cõi trời *Đao-lợi*.²

“Thiện nam tử! Kinh này là lưới rìu trí tuệ sắc bén rắn chắc, có thể đốn ngã hết thảy những cây lớn phiền

¹ Xem lại câu chuyện về Công Đức Thiên được kể trong quyển 12, Tập 2 (phẩm Thánh hạnh).

² Cây ba-lợi-chất-da-la hay ba-lợi-chất-da là cây lớn đặc biệt ở cõi trời Đao-lợi (hay cõi trời Ba mươi ba) là nơi chư thiên cõi trời ấy thọ hưởng mọi dục lạc. Cây này được đề cập đến trong quyển 29, Tập 5, phẩm Bồ Tát Sư Tử Hống.

não; là lưỡi dao bén có thể cắt đứt mọi *tập khí*;¹ là dũng sĩ mạnh mẽ có thể dẹp tan bọn oán tặc ma; là lửa trí tuệ đốt cháy củi phiền não; là kho chứa nhân duyên xuất sanh chư Phật *Bích-chi*; là kho chứa Thanh văn sanh ra các vị Thanh văn; là mắt nhìn của tất cả chư thiên; là con đường chân chánh của tất cả loài người; là chỗ nương dựa của tất cả súc sanh; là chỗ giải thoát của loài ngựa quý; là nơi đáng tôn kính nhất trong cõi địa ngục; là món khí cụ cao quý nhất của tất cả chúng sanh trong mười phương; là cha mẹ của chư Phật mười phương trong cả quá khứ, hiện tại và vị lai.

“Thiện nam tử! Cho nên kinh này thâm nhiếp tất cả các pháp.

“Như trước ta đã nói, tuy kinh này thâm nhiếp tất cả các pháp, nhưng ta cũng dạy rằng *Phạm hạnh* chính là *Ba mươi bảy phẩm trợ đạo*.

“Thiện nam tử! Nếu lìa khỏi *Ba mươi bảy phẩm trợ đạo* này thì không bao giờ có thể đạt được *Chánh quả* Thanh văn cho đến quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, không thể thấy được *tánh Phật* cùng quả của *tánh Phật*. Vì nhân duyên ấy nên *Phạm hạnh* chính là *Ba mươi bảy phẩm trợ đạo*.

“Vì sao vậy? Tánh của *Ba mươi bảy phẩm trợ đạo* ấy là không điên đảo, có thể phá hoại sự điên đảo; là không thấy biết xấu ác, có thể phá hoại sự thấy biết xấu ác; là không sợ sệt, có thể phá hoại sự sợ sệt; là hạnh thanh tịnh, có thể khiến cho chúng sanh cuối cùng rồi sẽ thực hành đạt được *Phạm hạnh thanh tịnh*.”

¹ Tập khí: những tập quán, thói quen xấu được tích lũy qua một thời gian dài, thậm chí là trong rất nhiều đời nhiều kiếp quá khứ, nên thường rất khó nhận ra.

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Pháp *hữu lậu* cũng có thể làm nhân cho pháp *vô lậu*, vì sao Như Lai không dạy rằng [các pháp] *hữu lậu* là *Phạm hạnh thanh tịnh*?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Tất cả [các pháp] *hữu lậu* đều là điên đảo, nên không gọi là *Phạm hạnh thanh tịnh*.”

Bồ Tát *Ca-diếp* thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Pháp đệ nhất trong thế gian¹ là *hữu lậu* hay *vô lậu*?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Đó [cũng] là *hữu lậu*.”

Bồ Tát *Ca-diếp* lại hỏi: “Bạch Thế Tôn! Tuy pháp đệ nhất trong thế gian là *hữu lậu*, nhưng tánh của nó không điên đảo, vì sao không gọi là *Phạm hạnh thanh tịnh*?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Pháp đệ nhất trong thế gian là nhân của [pháp] *vô lậu* nên tương tự với *vô lậu*; vì hướng về *vô lậu* nên không gọi là điên đảo.

“Thiện nam tử! Nhưng sự phát tâm của *Phạm hạnh thanh tịnh* là tiếp nối mãi cho đến lúc rốt ráo, còn pháp đệ nhất trong thế gian chỉ là trong một niệm, nên không gọi là *Phạm hạnh thanh tịnh*.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! *Năm thức*² của chúng sanh cũng là *hữu lậu*, không phải điên đảo, lại không phải trong một niệm, vì sao không gọi là *Phạm hạnh thanh tịnh*?”

¹ Pháp đệ nhất trong thế gian (Thế đệ nhất pháp): chỉ trí tuệ hữu lậu cao nhất trong thế gian, là trí tuệ của hành giả khi tu tập Vô gián định phát khởi Thượng phẩm như thật trí, quán chiếu rằng *sở thú* và *năng thú* đều là không, trực nhập được địa vị Kiến đạo.

² Năm thức: chỉ nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức và thân thức. Đây chỉ đến năng lực nhận biết đơn thuần của thức này đối với đối tượng. Dựa trên sự nhận biết này mà ý thức mới bắt đầu khởi sanh các vọng tưởng phân biệt. Vì thế, Bồ Tát *Ca-diếp* cho rằng sự điên đảo không nằm ở năm thức này mà ở nơi ý thức.

Phật dạy: “Thiện nam tử! *Năm thức* của chúng sanh tuy không phải một niệm, nhưng là *hữu lậu*, lại là điên đảo. Vì *năm thức* ấy làm tăng trưởng các lậu, nên gọi là *hữu lậu*. Vì thể của chúng không chân thật, vướng mắc vọng tưởng nên là điên đảo.

“Sao gọi là [thể của *năm thức*] không chân thật, vướng mắc vọng tưởng nên là điên đảo? Đối với những vật thật không phải nam, nữ... mà khởi sanh tư tưởng cho đó là nam, là nữ; cho đến các thứ nhà cửa, xe cộ, bình bát, y phục... cũng đều như vậy. Đó gọi là *điên đảo*.

“Thiện nam tử! Tánh của *Ba mươi bảy phẩm trợ đạo* là không điên đảo, nên gọi là *Phạm hạnh thanh tịnh*.

“Thiện nam tử! Nếu Bồ Tát đối với *Ba mươi bảy phẩm trợ đạo* rõ biết chỗ căn bản, rõ biết nguyên nhân, rõ biết chỗ thâm nhiếp, rõ biết chỗ tăng trưởng, rõ biết [pháp] làm chủ, rõ biết [pháp] dẫn dắt, rõ biết [pháp] trở thối, rõ biết [pháp] chân thật, rõ biết chỗ rốt ráo, thì Bồ Tát ấy gọi là *Phạm hạnh thanh tịnh*.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Sao gọi là rõ biết chỗ căn bản... cho đến rõ biết chỗ rốt ráo?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Lành thay, lành thay! Bồ Tát khởi lên sự thưa hỏi là vì hai việc. Một là tự mình muốn biết, hai là vì muốn cho người khác biết. Nay ông đã rõ biết, chỉ vì vô lượng chúng sanh chưa hiểu nên thưa hỏi việc này. Vì thế nay ta ngợi khen ông lần nữa: Lành thay, lành thay!

“Thiện nam tử! Căn bản của *Ba mươi bảy phẩm trợ đạo* là sự ham muốn [chân chánh tốt lành]; nguyên nhân [của chúng] là sự xúc chạm sáng suốt, [tức là *giải thoát xúc*];

chỗ thâm nhiếp [của chúng] là cảm thọ; chỗ tăng trưởng [của chúng] là sự khéo suy xét; [pháp] làm chủ là *niệm*; [pháp] dẫn dắt là *định*; [pháp] trỗi thẳng là trí tuệ; [pháp] chân thật là giải thoát; chỗ rốt ráo là Đại Bát *Niết-bàn*.

“Thiện nam tử! Sự ham muốn chân chánh tốt lành là căn bản [của người tu tập] từ khi mới bắt đầu phát khởi tâm đạo cho đến lúc đạt được quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Cho nên ta nói rằng sự ham muốn [chân chánh tốt lành] là căn bản.

“Thiện nam tử! Như người thế gian nói rằng tham ái là nguồn gốc của tất cả khổ não; việc ăn ban đêm là nguồn gốc của tất cả bệnh tật; sự tranh giành là nguồn gốc của tất cả những việc kiện tụng; sự hư dối là nguồn gốc của tất cả những việc xấu ác.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Trước đây trong kinh này Như Lai có dạy: ‘*Không buông thả lưỡi nhác là căn bản của tất cả pháp lành*’; nay lại dạy rằng sự ham muốn [chân chánh tốt lành] là căn bản. Nghĩa [khác biệt] ấy là thế nào?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu nói về *nhân sanh ra* thì sự ham muốn chân chánh tốt lành là căn bản; nếu nói về *nhân thành tựu* thì không buông thả lưỡi nhác là căn bản. Cũng như người thế gian nói hạt giống là nhân của các loại trái cây; lại nói rằng hạt là nhân sanh ra, đất... là *nhân thành tựu*. Nghĩa ấy cũng giống như thế.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch: “Thế Tôn! Trước đây trong các kinh khác, Như Lai có dạy rằng Phật là căn bản của *Ba mươi bảy phẩm*. Nghĩa ấy thế nào?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Trước đây Như Lai có nói: Chúng sanh khi vừa mới nhận biết thì Phật là căn bản của *Ba mươi bảy phẩm*, nhưng nếu tự chứng đắc thì sự ham muốn [chân chánh tốt lành] là căn bản.”

Bồ Tát *Ca-diếp* lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Vì sao sự xúc chạm sáng suốt, [tức *giải thoát xúc*,] được xem là nguyên nhân [của *Ba mươi bảy phẩm trợ đạo*]?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Như Lai có khi dạy rằng sự sáng suốt là trí tuệ, có khi dạy rằng đó là đức tin, [nên *giải thoát xúc* cũng được hiểu là sự tiếp xúc phát khởi từ lòng tin].

“Thiện nam tử! Do nhân duyên là đức tin nên gần gũi những người bạn lành, đó gọi là [*giải thoát*] *xúc*. Do nhân duyên gần gũi [bạn lành] mà được nghe *Chánh pháp*, đó gọi là [*giải thoát*] *xúc*. Do nhân duyên được nghe Chánh pháp nên thân, miệng, ý trở nên thanh tịnh, đó gọi là [*giải thoát*] *xúc*. Do nhân duyên ba nghiệp [thân, miệng, ý] thanh tịnh mà đạt được sự mưu sanh chân chánh, đó gọi là [*giải thoát*] *xúc*. Do nhân duyên mưu sanh chân chánh nên được giới làm thanh tịnh các căn. Do nhân giới làm thanh tịnh các căn nên vui thích ở nơi vắng vẻ yên tĩnh. Do nhân duyên vui thích ở nơi vắng vẻ yên tĩnh nên có thể khéo suy xét. Do nhân duyên khéo suy xét nên sống đúng theo *Chánh pháp*. Do nhân duyên sống theo Chánh pháp nên đạt được *Ba mươi bảy phẩm trợ đạo*, có thể phá trừ vô lượng phiền não xấu ác. Vì thế nên [*giải thoát*] *xúc* [được xem là nguyên nhân của *Ba mươi bảy phẩm trợ đạo*].

“Thiện nam tử! Cảm thọ được xem là chỗ thâm nhiếp.

Khi chúng sanh cảm thọ có thể làm ra các việc thiện, ác; cho nên cảm thọ gọi là chỗ thâm nhiếp [mọi hành vi].

“Thiện nam tử! Do nhân duyên là cảm thọ mà sanh ra các phiền não, *Ba mươi bảy phẩm [trợ đạo]* có thể phá trừ các phiền não ấy. Cho nên gọi cảm thọ là chỗ thâm nhiếp.

“Do nhân duyên là khéo suy xét nên có thể phá trừ phiền não. Vì thế, khéo suy xét được gọi thọ là chỗ tăng trưởng [của *Ba mươi bảy phẩm trợ đạo*]. Vì sao vậy? Nhờ siêng năng tu tập mà đạt được *Ba mươi bảy phẩm* ấy.

“Nếu quán xét thì có thể phá trừ các phiền não xấu ác, nhưng cần phải nhờ ở sự chuyên tâm niệm tướng. Cho nên lấy *niệm* [là pháp] làm chủ. Cũng như ở thế gian, tất cả bốn loại quân binh đều tuân theo ý chủ tướng. *Ba mươi bảy phẩm* cũng vậy, đều tuân theo vị chủ tướng là *niệm*.

“Thiện nam tử! Khi đã nhập định thì *Ba mươi bảy phẩm* có thể phân biệt rõ ràng tướng trạng của tất cả các pháp. Cho nên lấy *định* làm pháp dẫn dắt.

“*Ba mươi bảy phẩm* này phân biệt tướng trạng các pháp, trí tuệ là hơn hết. Cho nên lấy tuệ làm pháp trởi thắng. Nhờ trí tuệ này mà rõ biết các phiền não, nhờ sức của trí tuệ mà phá trừ phiền não. Cũng như ở thế gian, bốn loại quân binh phá trừ quân thù địch; hoặc có một, hai dũng tướng có thể làm được việc ấy; *Ba mươi bảy phẩm* cũng giống như vậy. Nhờ sức của trí tuệ mà phá trừ được phiền não, cho nên lấy trí tuệ làm pháp trởi thắng.

“Thiện nam tử! Tuy nhân nơi sự tu tập *Ba mươi bảy phẩm* mà đạt được *Bốn thiên*, các thần thông, sự an vui, nhưng cũng không phải là chân thật. Chỉ khi phá trừ được phiền não, chứng đắc giải thoát rồi mới gọi là chân thật.

“Phát tâm tu tập theo *Ba mươi bảy phẩm* [trợ đạo] này, tuy có đạt được niềm vui ở thế gian và xuất thế gian, đạt được bốn quả *sa-môn* và sự giải thoát, nhưng cũng không phải là rốt ráo. Nếu có thể dứt trừ cả việc tu tập *Ba mươi bảy phẩm* [trợ đạo] mới gọi là *Niết-bàn*. Cho nên ta nói chỗ rốt ráo chính là Đại *Niết-bàn*.

“Lại nữa, thiện nam tử! Tâm ưa thích nhớ tưởng đến điều lành tức là sự ham muốn [chân chánh]. Nhân nơi tâm ưa thích nhớ tưởng đến điều lành mà gần gũi bạn lành, cho nên gọi là [*giải thoát*] *xúc*, đó là nguyên nhân. Nhân sự gần gũi bạn lành mà có cảm thọ [tốt lành], nên gọi là chỗ thâm nhiếp. Nhân sự gần gũi bạn tốt lành mà khéo suy xét, nên gọi là chỗ tăng trưởng. Nhân nơi *bốn pháp* có thể sanh trưởng đạo pháp, đó là *ham muốn* [chân chánh], *niệm*, *định* và *trí tuệ*. Đây gọi pháp làm chủ, pháp dẫn dắt và pháp trở thặng. Nhân nơi ba pháp này mà đạt được hai sự giải thoát. Nhờ dứt trừ tham ái nên tâm được giải thoát, và nhờ phá trừ vô minh nên tuệ được giải thoát. Đó gọi là chân thật.

“Tám pháp kể trên, [gồm ham muốn chân chánh là *căn bản*, *giải thoát xúc* là *nguyên nhân*, cảm thọ là *chỗ thâm nhiếp*, khéo suy xét là *chỗ tăng trưởng*, cho tới niệm là *pháp làm chủ*, định là *pháp dẫn dắt*, trí tuệ là *pháp trở thặng*, giải thoát là *pháp chân thật*,] rất cuộc đạt đến kết quả, gọi là *Niết-bàn*. Cho nên gọi [*Niết-bàn*] là chỗ rốt ráo.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ham muốn [chân chánh] là phát tâm xuất gia. [*Giải thoát*] *xúc* là [theo đúng pháp]

bạch tứ yết-ma;¹ đó gọi là nguyên nhân. Thân nhiếp là thọ trì hai loại giới luật: giới *Ba-la-đề-mộc-xoa*² và giới làm thanh tịnh các căn. Như thế là thọ, tức là chỗ thân nhiếp. Tăng trưởng là tu tập *Bốn thiền*. Pháp làm chủ là các thánh quả *Tu-đà-hoàn*, *Tu-đà-hàm*. Pháp dẫn dắt là thánh quả *A-na-hàm*. Pháp trở thặng là thánh quả *A-la-hán*. Pháp chân thật là quả Phật *Bích-chi*. Chỗ rốt ráo là quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Lại nữa, thiện nam tử! [Đối với người thế tục thì] tham dục là [các] *thức*, xúc chạm là *sáu nhập*, chỗ thân nhiếp là cảm thọ, tăng trưởng là *vô minh*, pháp làm chủ là *danh sắc*, pháp dẫn dắt là *tham ái*, pháp trở thặng là *chấp thủ*, chỗ chân thật là *hiện hữu*, chỗ rốt ráo là *sanh, già, bệnh, chết*.”

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

HẾT QUYỂN BA MƯƠI BẢY

¹ Bạch tứ yết-ma (*Jñāpticatortham*): quy tắc hành xử quan trọng nhất trong Tăng đoàn, được áp dụng để đưa ra quyết định cuối cùng của tập thể về những sự việc quan trọng. Quy tắc này phân làm hai phần, trước hết đương sự có liên quan đến vấn đề đứng ra trình bày rõ sự việc với tăng chúng, gọi là bạch; sau đó vấn đề được lặp lại 3 lần để tăng chúng đưa ra ý kiến quyết định, gọi là tam yết-ma (*Tṛtīyakarmavācānā*). Cả hai phần này (hỏi và đáp) được gộp chung gọi là Bạch tứ yết-ma. Vì thế, cũng có nơi gọi chuẩn xác hơn là “nhất bạch tam yết-ma”.

² Ba-la-đề-mộc-xoa (*prātimokṣa*), Hán dịch là Biệt giải thoát, cũng gọi là Tùy thuận giải thoát, tức là phân giới luật căn bản mà Phật đã chế định cho chúng tăng, tỳ-kheo và tỳ-kheo ni đều phải tuân theo.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN QUYỂN BA MƯƠI TÁM

BỒ TÁT CA-DIỆP

Phẩm thứ mười hai – Phần sáu

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! [Theo lời Phật dạy] ba pháp *căn bản*, *nguyên nhân* và *tăng trưởng* đó có gì khác nhau?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nói *căn bản* tức là vừa mới phát tâm, [nói] *nguyên nhân* là sự tương trợ chẳng dứt, [nói] *tăng trưởng* là diệt sự tương trợ này rồi có thể sanh ra sự tương trợ khác.

“Lại nữa, thiện nam tử! *Căn bản* tức là tạo tác, *nguyên nhân* là kết quả [của sự tạo tác], *tăng trưởng* là chỗ có thể vận dụng. Thiện nam tử! Tuy [sự tạo tác] có quả báo về đời vị lai, nhưng vì chưa thọ nhận nên gọi là *nhân*, đến khi thọ nhận thì gọi là *tăng trưởng*.

“Lại nữa, thiện nam tử! *Căn bản* là sự mong cầu, *nguyên nhân* là sự đạt được, *tăng trưởng* là sự vận dụng.

“Thiện nam tử! Trong kinh này thì *căn bản* là sự nhận biết *Chánh đạo*, *nguyên nhân* là sự tu tập *Chánh đạo*, *tăng trưởng* là thánh đạo *Vô học*.

“Lại nữa, thiện nam tử! *Căn bản* tức là nhân chánh, *nguyên nhân* tức là nhân phương tiện. Do nơi nhân chánh này mà đạt được quả báo, đó gọi là *tăng trưởng*.”

Bồ Tát *Ca-diếp* lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Như Phật dạy rằng chỗ rớt ráo là *Niết-bàn*. *Niết-bàn* như thế làm sao có thể chứng đắc?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu vị Bồ Tát *ma-ha-tát*, *tỳ-kheo*, *tỳ-kheo ni*, *ưu-bà-tắc*, *ưu-bà-di* nào có thể tu tập *mười pháp* quán tưởng thì nên biết rằng những người ấy có thể chứng đắc *Niết-bàn*. Những gì là mười? Một là quán tưởng về *vô thường*, hai là quán tưởng về *khổ*, ba là quán tưởng về *vô ngã*, bốn là quán tưởng *chán* là sự *ăn uống*, năm là quán tưởng về *hết thảy mọi việc trong thế gian đều không thể ưa thích*, sáu là quán tưởng về *sự chết*, bảy là quán tưởng [*các cảnh giới hiện hữu*] *có nhiều tội lỗi tai hại*, tám là quán tưởng *sự xa lìa* [*các cảnh giới hiện hữu*], chín là quán tưởng *sự diệt mất* [*của các cảnh giới hiện hữu*], mười là quán tưởng *sự không tham ái vướng mắc* [*đối với các cảnh giới hiện hữu*].

“Thiện nam tử! Vị Bồ Tát *ma-ha-tát*, *tỳ-kheo*, *tỳ-kheo ni*, *ưu-bà-tắc*, *ưu-bà-di* nào tu tập *mười pháp* quán tưởng như vậy thì rớt ráo nhất định chứng đắc *Niết-bàn*. [Người như vậy] không chạy theo tâm ý người khác, tự mình có thể phân biệt thiện ác. Đó là những vị *tỳ-kheo* chân thật đúng nghĩa, cho đến chân thật đúng nghĩa là những *tỳ-kheo ni*, *ưu-bà-tắc*, *ưu-bà-di*.”

Bồ Tát *Ca-diếp* lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ Tát, *tỳ-kheo*, *tỳ-kheo ni*, *ưu-bà-tắc*, *ưu-bà-di* tu tập pháp quán tưởng về *vô thường*?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Bồ Tát có hai hạng, một là vừa mới phát tâm, hai là đã thực hành đạo pháp. Pháp quán tưởng *vô thường* cũng có hai loại, một là [*ở mức độ*] *thô*, hai là [*mức độ*] *vi tế*.

“Vị Bồ Tát mới phát tâm, trong khi quán tưởng về sự *vô thường* có suy xét thế này: ‘Những sự vật thế gian có hai loại, một là trong thân, hai là bên ngoài. Những sự vật trong thân là *vô thường*, biến đổi. Như lúc sanh ra, thơ ấu, lớn lên, trưởng thành, già yếu, chết đi. Những điều kiện [trong các giai đoạn] ấy đều không giống nhau. Cho nên biết rằng sự vật trong thân là *vô thường*.’

“Lại quán xét rằng: ‘Ta nhìn thấy chúng sanh có những người mập mạnh, đầy đủ hình sắc sức lực, đi đứng, tới lui tùy ý không trở ngại. Lại thấy có những kẻ bệnh khổ, hình sắc sức lực hư hao yếu ớt, dung nhan hình mạo đều suy tổn, không thể [vận động] tùy ý. Lại thấy những người giàu có, kho chứa tràn đầy; lại có những kẻ nghèo khó, gặp việc luôn thiếu thốn, túng quẫn. Lại thấy [có những người] thành tựu vô lượng công đức; lại thấy có những kẻ phạm vào vô số việc xấu ác. Cho nên biết chắc chắn rằng sự vật trong thân là *vô thường*.’

“Vị Bồ Tát ấy lại quán xét các pháp bên ngoài rằng: ‘Từ khi là hạt giống, đến lúc nảy mầm, mọc lên thành cây, phát triển cành lá, cho đến ra hoa, kết quả... Các thời kỳ ấy đều không giống nhau. Những pháp bên ngoài như vậy, có khi đầy đủ, có khi chẳng đầy đủ. Cho nên biết chắc chắn rằng tất cả sự vật bên ngoài đều là *vô thường*.’

“Sau khi quán xét những pháp nhìn thấy đều là *vô thường*, Bồ Tát lại quán xét về những pháp được nghe biết, nghĩ rằng: ‘Ta từng nghe chư thiên thành tựu đầy đủ sự khoái lạc tột cùng, thần thông tự tại, nhưng cũng có năm tướng suy. Vậy nên biết rằng đó là *vô thường*. Ta lại

nghe rằng vào thuở *Kiếp sơ* có những chúng sanh đầy đủ công đức nhiệm mầu tốt đẹp, hào quang nơi thân thể tự nhiên chiếu sáng, không cần nhờ tới ánh sáng mặt trời, mặt trăng. Nhưng bởi sự *vô thường* nên hào quang kia rồi cũng dứt mất, phước đức cũng suy tổn. Ta lại nghe rằng, thuở xưa có những vị *Chuyển luân Thánh vương* thống trị *Bốn cõi thiên hạ*, thành tựu *Bảy món báu*, được sức đại tự tại, nhưng cũng không thể phá trừ được tướng *vô thường*.’

“Rồi lại quán xét rằng: “Trên cõi đất rộng lớn này, từ thuở xa xưa từng có vô số chúng sanh sống yên ổn khắp nơi, không còn khoảng trống, như cái bánh xe đang chạy. Khi ấy, tất cả những cây thuốc quý mọc lên đầy đủ; rừng xanh tươi tốt, cây trái sum suê. Nhưng vì chúng sanh ít phước, khiến cho cõi đất này chẳng còn sức [nuôi dưỡng], nên những vật từ đất sanh ra đều trở thành hư hao. Vậy nên biết rằng, các pháp trong thân và bên ngoài thấy đều *vô thường*.’ Đó gọi là [quán xét] *vô thường* ở mức độ thô.

“Vị Bồ Tát ấy sau khi đã quán xét [mức độ] thô rồi, tiếp đó lại quán xét [*vô thường* ở mức độ] *vi tế*. Sao gọi là *vi tế*? Bồ Tát *ma-ha-tát* quán xét tất cả mọi sự vật trong thân và bên ngoài, cho đến từng hạt bụi nhỏ, trong tương lai đều sẽ là *vô thường*. Vì sao vậy? Vì mọi sự vật ấy đều có đủ các tướng hư hoại. Nếu hình sắc trong tương lai không phải *vô thường* thì không thể nói rằng hình sắc có mười thời kỳ sai biệt.

“Thế nào là mười thời kỳ? Thứ nhất là thời kỳ [hình thành] màng [tế bào], thứ hai là thời kỳ [hình thành tế bào] dạng bọc, thứ ba là thời kỳ [hình thành] dạng khối nhỏ, thứ tư là thời kỳ [hình thành] khối thịt tròn, thứ

năm là thời kỳ [hình thành] tay chân, thứ sáu là thời kỳ hài nhi, thứ bảy là thời kỳ thơ ấu, thứ tám là thời kỳ niên thiếu, thứ chín là thời kỳ thanh niên cường tráng, thứ mười là thời kỳ già yếu.

“Vị Bồ Tát ấy quán xét [hình thức ban sơ là] màng [tế bào], nếu không phải *vô thường* thì lẽ ra không trở thành [tế bào] dạng bọc... [rồi tiếp tục tiến triển] cho đến thành thanh niên cường tráng, nếu không phải *vô thường* thì [lẽ ra] chẳng bao giờ già yếu. Nếu [tất cả] những thời kỳ ấy không phải là [liên tục] diệt mất trong từng *sát-na* thì không thể dần dần tăng trưởng, mà lẽ ra phải tức thời trưởng thành đầy đủ! Vì không có sự trưởng thành tức thời, nên biết chắc rằng có sự *vô thường* [biến chuyển] rất nhỏ nhất tinh tế trong từng *sát-na*.”

“[Bồ Tát] lại thấy có người đầy đủ các căn, nhan sắc tươi đẹp, rồi về sau lại thấy người ấy khô héo, tiêu tụy, liền suy xét rằng: ‘Người này chắc chắn có sự *vô thường* [thay đổi liên tục] trong từng *sát-na*.’

“Bồ Tát lại quán xét *bốn đại* [là đất, nước, gió, lửa] và *bốn oai nghi* [đi, đứng, nằm, ngồi]. Rồi [Bồ Tát] lại quán xét các nguyên nhân của các sự khổ trong thân và bên ngoài. Bồ Tát lại quán xét *bốn nỗi khổ* là đói, khát, lạnh, nóng. Nếu không có sự *vô thường* tinh tế [biến đổi] trong từng *sát-na* thì cũng không thể nói đến *bốn nỗi khổ* như thế.

“Nếu vị Bồ Tát nào có thể suy xét những điều như trên, đó gọi là Bồ Tát quán xét *vô thường* ở mức độ *vi tế*.”

“Như các pháp hình sắc bên trong, các pháp hình sắc bên ngoài và tâm pháp cũng đều như thế. Vì sao vậy? Vì

đều hướng theo *sáu chỗ*.¹ Trong khi chạy theo *sáu trần*, hoặc sanh tâm vui mừng, hoặc sanh tâm sân hận, hoặc sanh tâm tham ái, hoặc sanh tâm nhớ nghĩ... lần lượt khởi sanh những tâm khác nhau, không chỉ một loại. Vậy nên biết rằng tất cả các pháp thuộc về hình sắc thể chất và không phải hình sắc thể chất cũng đều là *vô thường*.

“Thiện nam tử! Nếu ngay trong một niệm tưởng Bồ Tát có thể thấy được sự sanh diệt *vô thường* của tất cả các pháp, đó gọi là Bồ Tát quán tưởng [trọn vẹn] lẽ *vô thường*.”

“Thiện nam tử! Người có trí tu tập pháp quán tưởng *vô thường* rồi liền lìa xa những tư tưởng điên đảo và kiêu mạn do sự chấp thường.

“Tiếp đó, Bồ Tát tu tập pháp quán tưởng về sự *khổ*. [Bồ Tát tự hỏi rằng:] ‘Do nhân duyên gì mà có những nỗi khổ như thế này?’ [Quán xét rồi liền] rõ biết sâu xa rằng những nỗi khổ này đều do nơi *vô thường*.”

“Nhân nơi *vô thường* mà phải thọ nhận sanh, già, bệnh, chết; lại do nhân duyên có *sanh, già, bệnh, chết* nên gọi là *vô thường*. Vì nhân duyên *vô thường* nên phải thọ lãnh những nỗi khổ bên trong và bên ngoài, như đói, khát, lạnh, nóng, bị đánh đập, mạ nhục... Những nỗi khổ như vậy đều có nguyên nhân nơi *vô thường*.”

“Lại nữa, người có trí quán xét sâu xa rằng: ‘Thân này chính là món đồ vật chứa đựng sự *vô thường*. Món vật chứa này là *khổ*; vì là *khổ* nên những pháp mà nó chứa đựng cũng đều là *khổ*.’”

¹ Sáu chỗ (lục xứ): chỉ sáu căn duyên theo sáu trần: hình sắc, âm thanh, mùi hương, vị nếm, sự xúc chạm và các pháp.

“Thiện nam tử! Người có trí lại quán xét rằng: Sanh ra tức là *khổ*, diệt mất tức là *khổ*. Vì *khổ* có sanh diệt nên là *vô thường*, không phải *ngã*, không phải *ngã sở*, [do đó] nên tu tập pháp quán tưởng *vô ngã*.

“Người có trí lại quán xét rằng: ‘*Khổ* tức là *vô thường*, *vô thường* tức là *khổ*. Nếu là *khổ* và *vô thường*, người trí sao có thể nói rằng có *ngã*? *Khổ* không phải là *ngã*, *vô thường* cũng vậy. Tương tự, *năm ấm* [hợp thành thân] này là *khổ*, là *vô thường*, chúng sanh sao có thể nói rằng có *ngã*?’

“Tiếp đó, [người có trí] lại quán xét rằng: ‘Hết thấy các pháp đều có sự hòa hợp khác nhau, không do một sự hòa hợp mà sanh ra tất cả các pháp. Cũng không phải một pháp [có thể] là kết quả của tất cả những sự hòa hợp. Tất cả mọi sự hòa hợp đều không có tự tánh, cũng không có một tánh [duy nhất], cũng không có nhiều tánh khác nhau, cũng không có tánh [riêng] của sự vật, cũng không thể tùy ý tồn tại. Nếu các pháp có những tướng trạng như vậy, người có trí sao có thể nói rằng có *ngã*?’

“Người có trí lại quán xét rằng: ‘Trong tất cả pháp, không một pháp nào có thể [là chủ thể] tạo tác. Nếu mỗi một pháp không thể [là chủ thể] tạo tác, thì nhiều pháp hòa hợp cũng không thể [là chủ thể] tạo tác. Tánh của hết thấy các pháp thấy đều không hề sanh ra đơn độc, diệt mất đơn độc, đều do sự hòa hợp mà diệt mất, do sự hòa hợp mà sanh ra. Khi một pháp sanh ra rồi, chúng sanh vì suy tưởng điên đảo nên cho đó là sự hòa hợp. Tư tưởng điên đảo của chúng sanh [lại cũng] do sự hòa hợp sanh ra,

không hề chân thật. Làm sao có thể có một cái *ngã* chân thật? Vì thế nên người có trí quán xét là *không có ngã*.

“[Người có trí] lại quán xét kỹ rằng: ‘Do nhân duyên gì mà chúng sanh nói [là có] *ngã*? Ví như có *ngã* thì phải là một [*ngã*] hay là nhiều [*ngã*]? Nếu *ngã* chỉ là một, vì sao lại có [sự phân ra thành] *sát-lợi*, *bà-la-môn*, *tỳ-xá*, *thủ-đà*, người, trời, *địa ngục*, *ngạ quỷ*, *súc sanh*, lớn, nhỏ, già, trẻ...? Vậy nên biết rằng *ngã* ấy không phải là một. Nếu *ngã* là nhiều, vì sao lại nói rằng cái *ngã* của chúng sanh là một, là khắp cả, không có giới hạn? Dù là một hay là nhiều, cả hai trường hợp ấy đều là không có *ngã*.’

“Người có trí quán xét lẽ *vô ngã* như vậy rồi, tiếp đó lại quán tưởng chán lìa sự ăn uống. Vị ấy suy nghĩ rằng: ‘Nếu tất cả các pháp là *vô thường*, *khổ*, *không*, *vô ngã*, thì sao lại vì sự ăn uống mà khởi lên ba thứ nghiệp xấu ác của *thân*, *miệng* và *ý*? Nếu chúng sanh vì tham ăn mà khởi lên ba thứ nghiệp xấu ác của *thân*, *miệng* và *ý*, thì khi có được tài vật, mọi người [chung quanh] cũng đều chung hưởng, nhưng về sau khi lãnh chịu quả báo khổ đau thì không ai có thể chia sẻ với họ cả.’

“Thiện nam tử! Người có trí lại quán xét rằng: ‘Tất cả chúng sanh vì sự ăn uống nên *thân* và *tâm* phải chịu khổ. Nếu từ những sự khổ não mà có được món ăn, thì sao ta có thể sanh lòng tham lam vướng mắc đối với những món ăn ấy? Vì thế nên đối với món ăn không sanh lòng tham.’

“Lại nữa, người có trí nên quán xét nguyên nhân [tạo thành] *thân mạng*: ‘Nhân nơi sự ăn uống mà *thân* này được tăng trưởng. Nay ta đã xuất gia, thọ giới tu hành là vì muốn xả bỏ *thân* [mạng thế tục]. Nếu ta tham đắm các

món ăn uống, làm sao có thể xả bỏ thân này?” Sau khi quán xét như vậy rồi thì tuy vẫn thọ nhận thức ăn nhưng [trong lòng đau đớn] dường như quỷ *khoáng dã* ăn thịt con mình, sanh ra chán ghét, không hề thấy có chút gì là ngon ngọt, ưa thích.

“Người có trí quán xét sâu xa về sự ăn uống [bằng cách] nhai nuốt,¹ thấy có những sự sai trái lỗi lầm như vậy.

“Tiếp đó lại quán xét về sự ăn uống [bằng] cảm xúc, thấy chẳng khác nào con bò bị lột da, vô số ruồi nhặng bầu vào rúc rĩa.

“Sau đó lại quán xét về sự ăn uống [bằng cách] nghĩ tưởng, thấy như một đám lửa lớn [thieu đốt mình].

“Cuối cùng quán xét về sự nuôi sống bằng *thức*,² thấy như ba trăm mũi khoan nhọn [khoan sâu vào thân mình].

“Thiện nam tử! Người có trí quán xét bốn cách ăn uống nuôi sống như vậy rồi, đối với thức ăn không còn sanh ra tư tưởng tham muốn, ưa thích. Nếu còn sanh lòng tham muốn thì nên quán tưởng sự *bất tịnh*. Vì sao vậy? Vì muốn lìa khỏi tâm tham muốn thức ăn nên đối với tất cả các món ăn có thể khéo phân biệt [khởi sanh] những tư tưởng bất tịnh. Tùy theo những sự bất tịnh mà [hình dung sự] tương tự [với loại thức ăn đang tiếp xúc].

“Quán tưởng như vậy rồi, dù có được món ăn ngon hay dở, khi ăn cũng xem đó chỉ như món thuốc dùng bôi chỗ gẻ lở mà thôi, không hề sanh tâm tham muốn, ưa thích.

¹ Ăn uống bằng cách nhai nuốt (chuyên thực): chỉ chung cách ăn uống của chúng sanh Dục giới, dùng sự nhai nuốt để tiêu hóa thức ăn, để phân biệt với ba cách ăn khác, hợp thành bốn cách ăn (tứ thực) là: chuyên thực, xúc thực, tư thực và thức thực.

² Nuôi sống bằng thức (thức thực): chúng sanh ở Vô sắc giới và địa ngục không có 3 cách ăn uống vừa kể trên, chỉ dùng thức để duy trì thể trạng nên gọi là thức thực.

“Thiện nam tử! Nếu người có trí có thể quán tưởng được như vậy thì gọi là thành tựu pháp quán tưởng chán lìa thức ăn.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Người có trí [khi] quán xét thức ăn thực hành pháp quán tưởng *bất tịnh*, vậy pháp quán đó là chân thật hay diễn giải một cách hư dối? Nếu là pháp quán chân thật, thì những món ăn được quán đó thật không phải *bất tịnh* [sao lại thấy là bất tịnh?]. Nếu là diễn giải một cách hư dối thì sao có thể gọi là pháp quán tưởng hiền thiện?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Pháp quán tưởng như vậy là pháp quán chân thật, lại cũng là diễn giải một cách hư dối. Vì có thể [dùng để] phá trừ sự tham ăn nên gọi là chân thật; vì không phải trùng mà thấy [thức ăn đó] là trùng,¹ nên gọi là diễn giải một cách hư dối.

“Thiện nam tử! Tất cả những pháp hữu lậu đều là hư dối, nhưng cũng được xem là chân thật.

“Thiện nam tử! Nếu vị *tỳ-kheo* nào vừa khởi tâm đi khát thực liền có suy nghĩ trước rằng: ‘Tôi sắp đi khát thực, nguyện xin được đồ ăn thơm ngon, không gặp các món ăn dở. Nguyện cho xin được nhiều, đừng quá ít ỏi. Cũng nguyện cho mau xin được, đừng [phải chờ đợi] lâu.’ Thấy *tỳ-kheo* như thế không thành tựu pháp quán chán lìa đối với thức ăn. Chỗ tu tập pháp lành của người này ngày đêm suy tổn, các pháp *bất thiện* ngày càng tăng trưởng.

“Thiện nam tử! Nếu thầy *tỳ-kheo* muốn đi khát thực, trước nên nguyện rằng: ‘Cầu cho những ai khát thực đều

¹ Không phải trùng mà thấy là trùng: vì muốn tạo ra sự nhầm chán đối với thức ăn nên hành giả quán tưởng thức ăn như các loại côn trùng, sâu bọ ghê tởm.

được no đủ! Cầu cho những người thí thực đều được vô lượng phước lành! Nếu ta nhận được món ăn, đó là để chữa bệnh của thân có độc, nhằm tu tập pháp lành, làm lợi ích cho người thí thực.’ Trong khi cầu nguyện như vậy, chỗ tu tập pháp lành của vị này được ngày đêm tăng trưởng, các pháp *bất tịnh* dần dần diệt mất.

“Thiện nam tử! Nếu thầy *tỳ-kheo* nào có thể tu tập [quán niệm] như vậy, nên biết rằng vị ấy chẳng hề ăn luống của những người tín thí khắp nơi.

“Thiện nam tử! Người có trí [sau khi] thành tựu trọn vẹn cả *bốn pháp quán tưởng* như trên, có thể [bắt đầu] tu tập pháp quán tưởng hết thấy mọi việc trong thế gian đều không thể ưa thích. Người ấy suy xét rằng: ‘Trong khắp thế gian không nơi nào không có sanh, già, bệnh, chết; nhưng thân này của ta thì không một nơi nào không [thể] sanh vào. Nếu trong khắp thế gian không một nơi nào có thể lìa khỏi sanh, già, bệnh, chết, vậy sao ta có thể ưa thích thế gian này?’

“Trong khắp thế gian không hề có sự tiến lên, đạt được hay thối lui, bỏ mất; vì thế nên thế gian chắc chắn là *vô thường*. Nếu là *vô thường*, sao người có trí lại có thể ưa thích thế gian?’

“Mỗi một chúng sanh đều luân chuyển trải qua khắp cả thế gian, thọ nhận đủ mọi sự khổ não và khoái lạc; cho dù có được làm thân *Phạm thiên*, cho đến thân ở cõi trời *Phi tưởng phi phi tưởng*, nhưng khi mạng chung cũng trở lại đọa vào ba đường ác; cho dù làm thân *Tứ thiên vương*, cho đến thân cõi trời *Tha hóa tự tại*, nhưng đến lúc mạng chung cũng [có thể phải] sanh vào trong loài súc sanh, hoặc làm sư tử, cọp, tê giác, lang sói, voi, ngựa, bò, lừa...

“Người có trí lại quán xét rằng: ‘Như vị *Chuyển luân Thánh vương* cai trị cả *Bốn cõi thiên hạ*, giàu sang cao quý muốn gì được nấy, nhưng khi phước đức đã hết cũng phải chịu cảnh nghèo túng, không đủ cơm ăn áo mặc.’

“Người có trí quán xét sâu xa những việc như vậy rồi, liền sanh tư tưởng không thể ưa thích [mọi việc] thế gian.

“Người có trí lại quán xét rằng: ‘Thế gian có những sự vật như là nhà cửa, áo quần, món ăn vật uống, giường chiếu, mừng mền, thuốc thang, hương hoa, chuỗi ngọc, mọi thứ kỹ nhạc, của cải, đồ quý báu... Những sự vật như vậy đều [được người ta] dùng để xa lìa sự khổ, nhưng bản chất của chúng vốn đều là khổ. Làm sao có thể dùng khổ để xa lìa được khổ?

“Thiện nam tử! Người có trí quán xét như vậy rồi, đối với mọi sự vật trong thế gian không còn sanh lòng ham muốn mà có tư tưởng ưa thích nữa.

“Thiện nam tử! Ví như có người thân mang bệnh nặng, dù cho có đủ mọi thứ âm nhạc ca múa, hương thơm, hoa đẹp, chuỗi ngọc... cũng chẳng hề sanh lòng ham muốn. Người có trí quán xét [như trên] rồi, cũng [không còn sanh lòng ham muốn thế gian] giống như người ấy.

“Thiện nam tử! Người có trí quán xét sâu xa rằng: ‘Khấp cả trong thế gian đều không phải chỗ để quay về nương dựa, không phải chỗ giải thoát, không phải chỗ vắng vẻ yên tĩnh, không phải chỗ đáng ưa thích, không phải chỗ vượt qua sanh tử, không phải pháp *thường, lạc, ngã, tịnh*. Nếu ta ham thích thế gian như vậy, làm sao có thể lìa khỏi thế gian? Khác nào như người không thích chỗ tối, muốn tìm cầu ánh sáng, nhưng rồi lại quay trở về chỗ tối!

Chỗ tối tức là thế gian, chỗ sáng là xuất thế gian. Nếu ta ưa thích thế gian ắt phải tăng thêm sự tăm tối, lìa xa ánh sáng. Tăm tối tức là *vô minh*, ánh sáng là trí tuệ sáng suốt. Nguyên nhân tạo thành trí tuệ sáng suốt này là pháp quán tưởng hết thấy mọi việc trong thế gian đều không thể ưa thích. Tuy rằng tất cả tham muốn vướng mắc đều là trói buộc, nhưng nay ta [tạm thời] chỉ tham được trí tuệ sáng suốt mà không tham muốn thế gian.’

“Người có trí quán xét sâu xa những pháp như vậy rồi, liền thành tựu trọn vẹn pháp quán tưởng hết thấy mọi việc trong thế gian đều không thể ưa thích.

“Thiện nam tử! Người có trí, sau khi tu tập pháp quán tưởng hết thấy mọi việc trong thế gian đều không thể ưa thích, tiếp đó liền tu tập pháp quán tưởng về sự chết. Người ấy quán xét rằng: ‘Mạng sống này [của ta] thường bị vô số sự thù nghịch vây quanh, suy tổn diệt mất trong từng niệm tưởng, không hề có sự tăng trưởng; như dòng nước mạnh trên núi cao [chảy xuống], không thể dừng lại; lại như giọt sương mai, chẳng tồn tại được lâu; lại như [kẻ tử] tù bị đưa ra chợ [xử tử], mỗi bước đi càng đến gần cái chết; như con bò, con dê bị lôi đi đến lò mổ.’”

Bồ Tát *Ca-diếp* thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Thế nào là người có trí quán xét về sự hoại diệt [liên tục không ngừng] trong từng niệm tưởng?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Như có bốn người rất giỏi bắn cung, cùng họp nhau một chỗ, bắn tên về một hướng. Họ cùng nghĩ rằng: ‘Bốn mũi tên của bọn ta cùng bắn ra sẽ cùng rơi xuống.’ Lại có một người khác [không thuộc nhóm ấy] nghĩ rằng: ‘Bốn mũi tên [đã bắn ra] ấy, trong

khi còn chưa rơi xuống đất ta có thể cùng lúc đưa tay bắt lấy tất cả.’

“Thiện nam tử! Người như vậy có thể gọi là nhanh lẹ hay chẳng?”

Bồ Tát *Ca-diếp* thưa: “Bạch Thế Tôn! Quả thật rất nhanh lẹ.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Loài quỷ *địa hành* còn nhanh lẹ hơn cả người ấy nữa. Loài quỷ *phi hành* lại mau lẹ hơn cả quỷ *địa hành*. Các vị *Tứ thiên vương* lại mau lẹ hơn cả quỷ *phi hành*. *Nhật nguyệt thân thiên* còn mau lẹ hơn cả *Tứ thiên vương*. *Hành kiên tật thiên* còn mau lẹ hơn cả *Nhật nguyệt [thần thiên]*. Mạng sống của chúng sanh lại còn mau lẹ hơn cả *Kiên tật!*

“Thiện nam tử! Trong mỗi một hơi thở, một cái nháy mắt, mạng sống của chúng sanh đã trải qua bốn trăm lần sanh diệt. Nếu người trí có thể quán xét về mạng sống như vậy, đó gọi là có thể quán xét sự hoại diệt [liên tục không ngừng] trong từng niệm tưởng.

“Thiện nam tử! Người có trí quán xét rằng: ‘Mạng sống trôi buộc với vị vua là cái chết, nếu ta có thể lìa khỏi ông vua của sự chết này, ắt có thể mãi mãi dứt trừ sự vô thường của mạng sống.

“Lại nữa, người có trí quán xét rằng: ‘Mạng sống này [mong manh] như cây cao lớn đứng cheo leo ven bờ sông. [Mạng sống này chắc chắn phải dứt mất,] như người đã phạm tội đại nghịch, khi bị hành hình không một ai thương xót [muốn giữ lại]. Ông vua sự chết của chúng sanh lại [cực kỳ hung mãnh,] như chúa sư tử trong cơn đói mồi đã lâu, như rắn độc đang khi [phùng mang] hớp gió,

như con ngựa khát quyết giữ chút nước uống, như con quỳ lớn hung ác đang cơn tức giận.’

“Thiện nam tử! Nếu người trí thực hành phép quán như vậy thì có thể gọi là tu tập pháp quán tưởng về sự chết.

“Thiện nam tử! Người có trí lại quán xét rằng: ‘Nay ta đã xuất gia, nếu mạng sống ta chỉ còn trong bảy ngày bảy đêm, ta sẽ dành trọn thời gian ấy mà tinh cần tu tập *Chánh đạo*, hộ trì cấm giới, thuyết pháp giáo hóa, làm lợi ích chúng sanh.’ Đó gọi là người có trí tu tập pháp quán tưởng về sự chết.

“[Người ấy] lại quán xét rằng: ‘Bảy ngày bảy đêm như vậy cũng là nhiều, cho dù ta chỉ được sống sáu ngày hay năm ngày, bốn ngày, ba ngày, hai ngày, một ngày, một giờ, cho đến chỉ trong khoảng một hơi thở ra thở vào, ta cũng sẽ dùng trọn thời gian ấy mà tinh cần tu tập *Chánh đạo*, hộ trì cấm giới, thuyết pháp giáo hóa, làm lợi ích chúng sanh. Đó gọi là người trí khéo tu tập pháp quán tưởng về sự chết.

“Người có trí sau khi tu tập đầy đủ sáu pháp quán tưởng như trên, [từ quán tưởng sự *vô thường* cho đến quán tưởng về sự *chết*,] tức là [đã tạo] nhân cho *bảy pháp* quán tưởng.

“Những gì là bảy? Một là pháp quán tưởng thường tu tập, hai là pháp quán tưởng ưa thích tu tập, ba là pháp quán tưởng không sân hận, bốn là pháp quán tưởng không đố kỵ, năm là pháp quán tưởng các nguyện lành, sáu là pháp quán tưởng không kiêu mạn, bảy là pháp quán tưởng *Tam-muội* không trói buộc. Thiện nam tử! Nếu vị *tỳ-kheo* nào [tu tập] trọn vẹn bảy pháp quán tưởng này thì

gọi là *sa-môn*, là *bà-la-môn*, là *Bậc vắng lặng yên tĩnh*, là *Bậc thanh tịnh cao khiết*, là *Bậc giải thoát*, là *Bậc trí tuệ*, là *Bậc chánh kiến*, là *Bậc đã vượt sanh tử*, là *Bậc Đại y vương*, là vị *Đại thương chủ*, là người khéo giảng giải được bí mật của Như Lai, cũng hiểu rõ được bảy cách giảng nói của chư Phật, gọi là thấy biết chân chánh, đoạn trừ được mọi sự nghi ngờ khởi sanh trong bảy cách giảng nói.

“Thiện nam tử! Nếu người nào tu tập trọn vẹn sáu pháp quán tưởng đã nói như trên, [từ quán tưởng *sự vô thường* cho đến quán tưởng về *sự chết*,] nên biết rằng người ấy có thể chê trách *Ba cõi* [vì quán tưởng trong *Ba cõi* có nhiều tội lỗi tai hại; có thể quán tưởng *sự* xa lìa *Ba cõi*; [có thể quán tưởng *sự*] diệt mất [của] *Ba cõi*; có thể [quán tưởng] không sanh lòng tham ái vướng mắc đối với *Ba cõi*].

“Đó gọi là người có trí tu tập trọn vẹn *mười pháp quán tưởng*. Nếu vị *tỳ-kheo* nào tu tập trọn vẹn *mười pháp quán tưởng* ấy, có thể nói là hình tướng *sa-môn chân thật*.”

Bấy giờ, Bồ Tát *Ca-diếp* đối trước Phật đọc kệ ngợi khen rằng:

*“Đại Y vương thương xót thế gian,
Thân và trí tuệ đều tịch tĩnh;
Trong pháp vô ngã, có chân ngã,
Nên con kính lễ Đấng Vô thượng.*

*Phát tâm, rốt ráo, chẳng khác biệt,
Nhưng tâm vừa phát thật khó thay!
Dù chưa tự cứu, trước cứu người,
Nên con kính lễ Sơ phát tâm.*

*Phát tâm đã dạy khắp trời, người,
Vượt hẳn Thanh văn và Duyên giác;
Phát tâm như vậy vượt Ba cõi,
Nên được xưng Bạc Cao cả nhất.*

*Người đời mong cầu, sau mới được,
Như Lai không thỉnh, làm chỗ quy;
Tùy thế, như ghé con theo mẹ,
Nên tôn xưng Phật: Bạc Đại bi.*

*Công đức Như Lai khắp mười phương,
Phàm phu vô trí không thể khen;
Nay con tán thán tâm từ bi,
Vì báo đáp hai nghiệp thân, miệng.*

*Người đời tham muốn lợi về mình,
Như Lai chẳng hề giống như thế.
Dứt trừ quả báo của chúng sanh,
Nên lễ Bạc Tự lợi, lợi tha.*

*Người đời cầu lợi người thân yêu,
Như Lai làm lợi không oán, thân;
Phật không các tướng như thế tục,
Nên tâm bình đẳng, không phân biệt.*

*Người đời nói khác, việc làm khác,
Như Lai như thuyết, việc không sai;*

*Trong sự tu hành, dứt các hạnh,
Nên được xưng là Đấng Như Lai.*

*Đã biết tội lỗi các phiền não,
Nhưng vì chúng sanh thị hiện vào;
Từ lâu đã thoát khỏi thế gian,
Vì từ bi vào chốn sanh tử.*

*Tuy hiện thân trong cõi trời, người,
Luôn giữ lòng từ bi không bỏ;
Nên Như Lai ví như bò mẹ,
Lòng từ bi ấy là ghé con.*

*Chịu bao nỗi khổ, vì chúng sanh,
Thương xót nhớ nghĩ, lòng chẳng hối;
Vì quá thương xót không thấy khổ,
Nên con kính lễ Đấng Cứu khổ.*

*Như Lai tuy tạo vô lượng phước,
Nghĩệp thân, miệng, ý thường thanh tịnh.
Thường vì chúng sanh, chẳng vì mình,
Nên con lễ Bạc Thanh tịnh nghĩệp.*

*Phật chịu khổ, không cho là khổ,
Thấy người chịu khổ, như mình khổ;
Tuy vì chúng sanh, vào địa ngục,
Không nghĩ đến khổ, lòng không hối.*

*Chúng sanh chịu bao khổ sai khác,
Thấy đều như khổ Phật gánh chịu;
Biết rồi, tâm trở nên kiên cố,
Chuyên cần tu chứng Vô thượng đạo.*

*Phật chỉ một lòng từ trái khắp,
Lòng thương chúng sanh như thương con;
Phật, Pháp, Tăng cứu độ chúng sanh,
Vì họ không biết nên phỉ báng.*

*Thế gian tuy đủ mọi phiền não,
Cùng vô số tội lỗi xấu ác,
Nhưng tất cả phiền não, tội lỗi,
Phật vừa phát tâm đã trừ sạch.*

*Chỉ Phật đủ sức ngợi khen Phật,
Ngoài Phật, không ai đủ sức ấy!
Nay con chỉ xưng tán một việc:
Lòng từ trái khắp cả thế gian!*

*Lòng từ Như Lai gồm mọi pháp,
Với lòng từ này độ chúng sanh,
Là chân thật Giải thoát vô thượng,
Giải thoát chính là Đại Niết-bàn.”¹*

¹ Theo Nam bản thì từ đây hết quyển 34, bắt đầu quyển 35, phẩm Kiều-trần-như thứ 25, phần thứ nhất (Kiều-trần-như phẩm đệ nhị thập ngũ chi nhất).

KIỀU-TRẦN-NHƯ

Phẩm thứ mười ba – Phần một

Khi ấy, đức Thế Tôn bảo ông *Kiều-trần-như* rằng:
“*Sắc [ám]* là vô thường. Nhờ phá trừ cái *sắc* [vô thường] này mà đạt được cái *sắc* giải thoát, thường còn. *Thọ, tưởng, hành, thức* cũng là vô thường. Nhờ phá trừ [những *thọ, tưởng, hành*] *thức* [vô thường] này mà đạt được [*thọ, tưởng, hành*] *thức* giải thoát, thường còn.

“*Kiều-trần-như!* *Sắc* tức là khổ. Nhờ phá trừ cái *sắc* [là khổ] này mà đạt được cái *sắc* giải thoát, an vui. Đối với *thọ, tưởng, hành, thức* cũng đều như vậy.

“*Kiều-trần-như!* *Sắc* tức là không. Nhờ phá trừ cái *sắc* [là không] này mà đạt được cái *sắc* giải thoát, chẳng phải không. Đối với *thọ, tưởng, hành, thức* cũng đều như vậy.

“*Kiều-trần-như!* *Sắc* là vô ngã. Nhờ phá trừ cái *sắc* [vô ngã] này mà đạt được cái *sắc* giải thoát, chân ngã. Đối với *thọ, tưởng, hành, thức* cũng đều như vậy.

“*Kiều-trần-như!* *Sắc* là bất tịnh. Nhờ phá trừ cái *sắc* [bất tịnh] này mà đạt được cái *sắc* giải thoát, thanh tịnh. Đối với *thọ, tưởng, hành, thức* cũng đều như vậy.

“*Kiều-trần-như!* *Sắc* là tướng của sanh, già, bệnh, chết. Nhờ phá trừ cái *sắc* [là tướng của sanh, già, bệnh, chết] này mà đạt được cái *sắc* giải thoát, chẳng phải tướng của sanh, già, bệnh, chết. Đối với *thọ, tưởng, hành, thức* cũng đều như vậy.

“*Kiêu-trần-như!* *Sắc* là nhân của *vô minh* cho đến *sanh*.¹ Nhờ phá trừ cái *sắc* [là nhân của *vô minh* cho đến *sanh*] này mà đạt được cái *sắc* giải thoát, chẳng phải nhân của *vô minh* [cho đến *sanh*]. Đối với *thọ*, *tưởng*, *hành*, *thức* cũng đều như vậy.

“*Kiêu-trần-như!* *Sắc* là nguyên nhân của bốn sự điên đảo.² Nhờ phá trừ cái *sắc* [điên đảo] này mà đạt được cái *sắc* giải thoát, chẳng phải nguyên nhân của bốn sự điên đảo. Đối với *thọ*, *tưởng*, *hành*, *thức* cũng đều như vậy.

“*Kiêu-trần-như!* *Sắc* là nguyên nhân của vô số pháp xấu ác như thân nam, thân nữ, ham muốn sự ăn uống, ái dục, tham lam, sân hận, tật đố, tâm xấu ác, tâm keo kiệt bủn xỉn... những sự ăn uống [nuôi sống] bằng cách nhai nuốt, [nuôi sống] bằng thức, [nuôi sống] bằng tư tưởng, [nuôi sống] bằng cảm xúc; sự sanh ra bằng trứng, bằng bào thai, bằng sự ẩm ướt, bằng cách biến hóa... cho đến *năm món dục lạc*, *năm sự ngăn che*... Những pháp như vậy đều có nguyên nhân từ *sắc*. Nhờ phá trừ *sắc* này mà đạt được cái *sắc* giải thoát, không có vô số sự xấu ác như vậy. Đối với *thọ*, *tưởng*, *hành*, *thức* cũng đều như vậy.

“*Kiêu-trần-như!* *Sắc* là trói buộc. Nhờ phá trừ cái *sắc* trói buộc mà đạt được cái *sắc* giải thoát, không trói buộc. Đối với *thọ*, *tưởng*, *hành*, *thức* cũng đều như vậy.

“*Kiêu-trần-như!* *Sắc* là sự lưu chuyển. Nhờ phá trừ cái

¹ Câu này nói tóm ý đề cập đến 11 trong số 12 nhân duyên, tức là từ vô minh, hành, thức... cho đến sanh; còn nhân duyên thứ 12 là lão tử (già chết).

² Bốn sự điên đảo: do nhận thức sai lầm về thực tại nên vô thường mà cho là thường, khổ mà cho là vui, các pháp vô ngã mà cho là hữu ngã, các pháp bất tịnh mà cho là thanh tịnh. Bốn sự điên đảo này khiến chúng sanh không nhận thức được đúng về bản chất của đời sống.

sắc lưu chuyển mà đạt được cái sắc giải thoát, không lưu chuyển. Đối với *thọ, tưởng, hành, thức* cũng đều như vậy.

“*Kiều-trần-như!* Sắc chẳng phải nơi quay về nương dựa. Nhờ phá trừ cái sắc này mà đạt được cái sắc giải thoát, là nơi quay về nương dựa. Đối với *thọ, tưởng, hành, thức* cũng đều như vậy.

“*Kiều-trần-như!* Sắc là ung nhọt [đau đớn đáng ghê tởm]. Nhờ phá trừ cái sắc [như ung nhọt] này mà đạt được cái sắc giải thoát, không phải ung nhọt. Đối với *thọ, tưởng, hành, thức* cũng đều như vậy.

“*Kiều-trần-như!* Sắc không phải vắng lặng yên tĩnh. Nhờ phá trừ cái sắc [không vắng lặng yên tĩnh] này mà đạt được cái sắc *Niết-bàn*, vắng lặng yên tĩnh. Đối với *thọ, tưởng, hành, thức* cũng đều như vậy.

“*Kiều-trần-như!* Nếu ai rõ biết những điều như trên, người ấy đáng gọi là *sa-môn, bà-la-môn*, thành tựu trọn vẹn các pháp của *sa-môn, bà-la-môn*.

“*Kiều-trần-như!* Nếu lìa pháp Phật thì không hề có *sa-môn, bà-la-môn*, cũng không có các pháp của *sa-môn, bà-la-môn*. Tất cả ngoại đạo chỉ tự xưng một cách giả dối, không hề có đạo hạnh chân thật. Tuy họ khởi sanh tư tưởng rằng [trong nhóm của họ] có *sa-môn* và *bà-la-môn*, nhưng thật không thể có. Vì sao vậy? Nếu không có các pháp *sa môn, bà-la-môn*, làm sao nói là có *sa-môn, bà-la-môn*?

“Ta thường ở giữa đại chúng này lên tiếng [thuyết giảng *Chánh pháp* rền vang như tiếng] sư tử rống; các ông cũng

nên ở giữa đại chúng lên tiếng [thuyết giảng Chánh pháp rền vang như tiếng] sư tử rống.”

Bấy giờ, có vô số ngoại đạo nghe những lời ấy rồi sanh lòng giận dữ, nghĩ rằng: “Nay ông *Cồ-đàm* nói rằng trong chúng ta không có *sa-môn* và *bà-la-môn*, cũng không có các pháp *sa-môn* và *bà-la-môn*. Chúng ta phải làm sao tìm mọi cách thích hợp để nói với ông *Cồ-đàm* rằng trong số chúng ta cũng có *sa-môn* và có pháp *sa-môn*, cũng có *bà-la-môn* và có pháp *bà-la-môn*.”

Lúc ấy, trong chúng [ngoại đạo] có một *Phạm chí* đứng lên nói rằng: “Thưa các vị, lời nói của ông *Cồ-đàm* chẳng khác nào lời của người điên, làm sao có thể khảo xét? Những người điên ở thế gian khi thì ca hát, nhảy múa, lúc lại khóc lóc, cười đùa, hoặc chưởi mắng, hoặc ngợi khen, đối với kẻ oán người thân đều không thể phân biệt. *Sa-môn Cồ-đàm* cũng giống như vậy. Hoặc có khi nói là sanh trong gia đình vua Tịnh Phạn, có khi lại nói là không sanh; có khi nói là sanh ra rồi liền đi bảy bước, có khi lại nói là không đi; có khi nói là thuở nhỏ học tập các môn học thế gian, có khi lại nói là người [tự mình] rõ biết tất cả; có khi ở trong cung điện thọ hưởng khoái lạc, sanh ra con trai, có khi lại chán ngán, chê trách đó là xấu xa hèn hạ; có khi chính mình tu tập khổ hạnh sáu năm, có khi lại quở trách sự khổ hạnh của các đạo khác; có khi nói là theo học với các ông *Uất-đâu-lam-phất*, *A-la-la*¹... được nghe nhận những điều chưa biết, có khi lại nói rằng các

¹ *Uất-đâu-lam-phất* (*Udrakarāmaputra*) và *A-la-la* (*Ārāḍakālāma*) là những vị tiên nhân ngoại đạo mà đức Phật tìm đến trước tiên trên con đường học đạo. Sau khi thọ học với các vị này, ngài nhận ra là họ hoàn toàn không có khả năng đạt đến sự giải thoát rốt ráo, nên đã từ bỏ họ để ra đi.

ông ấy không hiểu biết chi cả; có khi nói là chúng đấng *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* dưới gốc cây *bồ-đề*, có khi lại nói là không có đến chỗ cây ấy, không có chúng đấng gì cả; có khi nói rằng thân này của ta tức là *Niết-bàn*, có khi lại nói thân này diệt mất rồi mới là *Niết-bàn*. Những lời *Cồ-đàm* nói ra [như vậy] thật không khác gì lời của người điên, sao các vị lại vì đó mà ưu sầu, bối rối?”

Những người *bà-la-môn* liền đáp rằng: “Thưa ông! Chúng tôi hôm nay làm sao có thể không ưu sầu? Trước kia, sau khi xuất gia, *sa-môn Cồ-đàm* thuyết dạy những lẽ *vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh*. Những đệ tử của chúng tôi nghe vậy lấy làm sợ sệt: ‘Làm sao chúng sanh lại là *vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh*?’ Nên họ chẳng tin theo lời ấy. Nay ông *Cồ-đàm* lại đến rừng *Sa-la* này, vì đại chúng mà thuyết dạy rằng có những pháp *thường, lạc, ngã, tịnh*. Những đệ tử của chúng tôi nghe được lời này rồi, ắt sẽ bỏ chúng tôi mà đi, tin theo lời dạy của *Cồ-đàm*. Vì nhân duyên ấy mà chúng tôi vô cùng sầu khổ.”

Bấy giờ lại có một vị *bà-la-môn* nói rằng: “Này các vị! Hãy lắng nghe cho kỹ lời tôi nói đây! *Sa-môn Cồ-đàm* xưng là người tu hạnh từ bi, lời nói ấy là hư dối, không chân thật. Nếu có lòng từ bi, sao lại dạy các đệ tử của chúng ta thọ nhận giáo pháp của ông ấy? Kết quả của [sự tu hạnh] từ bi là thuận theo ý người khác, nay ông ấy làm trái ý nguyện của chúng ta, sao có thể nói là từ bi?”

“Nếu nói rằng *sa-môn Cồ-đàm* không bị tám pháp của thế gian đắm nhiễm, cũng là lời hư dối. Nếu nói *Cồ-đàm*

có ít ham muốn, lòng tự biết đủ, vì sao hôm nay lại cướp mất những lợi ích của chúng ta?

“Nếu nói rằng *Cồ-đàm* thuộc dòng họ cao quý, đó cũng là lời hư dối. Vì sao vậy? Xưa nay chưa từng nghe thấy việc chúa sư tử lớn tàn hại loài chuột nhỏ. Nếu *Cồ-đàm* thuộc dòng họ cao quý, sao hôm nay lại gây rối loạn phiền não cho chúng ta?

“Nếu nói rằng *Cồ-đàm* có đầy đủ thể lực mạnh mẽ, đó cũng là lời hư dối. Vì sao vậy? Xưa nay chưa từng nghe thấy việc chim chúa *kim sí* đi tranh giành với chim quạ. Nếu nói [*Cồ-đàm* thật] có sức mạnh thì việc gì lại cùng chúng ta tranh đấu?

“Nếu nói rằng *Cồ-đàm* có đủ trí *Tha tâm*, đó cũng là lời hư dối. Vì sao vậy? Nếu có đủ trí *Tha tâm* thì do nhân duyên gì lại không biết được tâm của chúng ta?

“Thưa các vị! Thuở trước, tôi từng được nghe các bậc trí giả kỳ cựu nói rằng: Sau một trăm năm nữa, thế gian sẽ có một con yêu tinh huyễn hoặc xuất hiện, chính là ông *Cồ-đàm* này đó. Nay yêu tinh huyễn hoặc ấy đang ở rừng *Sa-la* này, không bao lâu nữa sẽ [tự hoại] diệt mất. Vậy các vị không nên sầu não.”

Bấy giờ, có một người thuộc phái *Ni-kiền* đáp lại: “Thưa các vị! Nay tôi sầu khổ không phải vì việc đệ tử cúng dường cho tôi, mà chỉ vì người thế gian ngu si tăm tối không có mắt nhìn, chẳng phân biệt được đâu là ruộng phước, nên từ bỏ những vị *bà-la-môn* kỳ cựu có trí mà chạy theo cúng dường những người tuổi trẻ. Vì thế nên tôi sầu khổ!

“*Sa-môn Cô-đàm* rất giỏi chú thuật. Nhờ sức chú thuật nên có thể làm cho một thân hóa làm vô số thân, lại làm cho vô số thân trở lại thành một thân; hoặc có thể tự thân hóa thành kẻ nam, người nữ, bò, dê, voi, ngựa... Sức tôi có thể diệt trừ chú thuật như vậy. Khi chú thuật của *sa-môn Cô-đàm* bị diệt rồi, các vị sẽ được cúng dường trở lại rất nhiều, thọ hưởng sự an vui.”

Bấy giờ, lại có một vị *bà-la-môn* nói rằng: “Này các vị! *Sa-môn Cô-đàm* thành tựu đầy đủ vô lượng công đức, vì thế các vị chớ nên tranh [hơn thua] với ông ấy.”

Đám đông ngoại đạo đáp rằng: “Kẻ ngu si kia! Sao ông lại nói rằng *sa-môn Cô-đàm* có đầy đủ công đức lớn? Ông ấy sanh ra vừa được bảy ngày thì mất mẹ, đó có thể gọi là tướng phước đức hay sao?”

Vị *bà-la-môn* kia đáp: “Khi bị mắng chửi mà không tức giận, khi bị đánh đập mà không đánh trả, nên biết rằng đó chính là tướng phước đức lớn. Thân ông ấy có đủ *Ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp*, vô lượng thần thông, cho nên biết rằng đó là tướng phước đức. Lòng không kiêu ngạo, thường tùy ý [người khác] mà hỏi han; lời nói ra nhẹ nhàng êm dịu, không thô tục; tuổi tác và chí khí đang lúc thanh xuân cường tráng cũng không hấp tấp, nóng nảy; [ở cương vị sẽ] làm vua trị nước có nhiều của cải nhưng không tham tiếc, buông bỏ tất cả như nhỏ bãi nước bọt ra đi xuất gia; cho nên tôi nói rằng *sa-môn Cô-đàm* thành tựu đầy đủ vô lượng công đức.”

Chúng ngoại đạo đáp rằng: “Lành thay! Quả thật đúng như lời ông nói, *sa-môn Cô-đàm* thành tựu vô lượng thần thông biến hóa. Chúng ta không so đo với ông ta việc ấy.

Nhưng *sa-môn Cồ-đàm* sanh ra tánh tình nhu nhuỷ, không chịu nổi sự khổ hạnh; sanh trưởng trong cung cấm, không thấu rõ những việc ngoài đời. Ông ấy chỉ biết nói lời êm dịu mà thôi, không thông thạo các môn kỹ nghệ, sách sử, luận nghị... Hãy mời ông ấy cùng chúng ta tranh biện rõ ràng những điều cốt yếu trong chánh pháp. Nếu ông ấy thắng, chúng ta sẽ theo hầu hạ ông ấy; nếu chúng ta thắng, ông ấy sẽ phải phụng sự chúng ta.”

Bấy giờ có vô số ngoại đạo cùng họp nhau, đồng lòng đi đến chỗ vua *A-xà-thế*, nước *Ma-già-đà*. Nhìn thấy họ, nhà vua liền hỏi: “Này các vị! Các vị thầy đều tu tập Thánh đạo, là người xuất gia, lìa bỏ của cải cùng những việc gia đình. Nhân dân trong nước này đều cùng nhau cúng dường, cung kính chiêm ngưỡng các vị, không ai dám xúc phạm. Vì sao các vị lại đồng lòng họp nhau đến đây?”

“Này các vị! Các vị đều thọ nhận những pháp khác nhau, giữ giới khác nhau, xuất thân từ hoàn cảnh gia đình khác nhau, mỗi vị lại tùy theo giới luật và giáo pháp của riêng mình mà xuất gia tu đạo. Nay có nhân duyên thế tục chi mà các vị một lòng họp lại cùng nhau, như đám lá rụng bị cơn gió xoáy gom về một chỗ? Hãy nói ra nhân duyên gì mà các vị đến đây? Trăm đây vẫn thường hết lòng ủng hộ những người xuất gia, chẳng tiếc thân mạng.”

Bấy giờ, tất cả ngoại đạo đồng tâm lên rằng: “Đại vương! Xin hãy nghe cho kỹ. Nay đại vương là cây cầu lớn của giáo pháp, là sự khuyến khích lớn của giáo pháp, là đòn cân lớn của giáo pháp, là nơi chứa đựng tất cả công đức, là tánh chân thật của tất cả công đức, là con đường của giáo pháp chân chánh. Ngài là ruộng tốt để gieo hạt giống, là

căn bản của tất cả đất nước, là gương sáng của cả nước, là hình tượng của tất cả chư thiên, là bậc cha mẹ của tất cả nhân dân trong nước.

“Đại vương! Thân ngài là kho báu chứa tất cả công đức của thế gian. Vì sao gọi là kho chứa công đức? Đức vua phân xử việc nước không phân biệt kẻ oán người thân, giữ tâm bình đẳng [vô tư] như *đất, nước, lửa, gió*; vì thế nên tôn xưng vua là kho chứa công đức.

“Đại vương! Tuy hiện tại đời sống của chúng sanh là ngắn ngủi, nhưng công đức của vua lâu dài như những vị vua trường thọ an vui thuở xưa; lại cũng như các vua *Đỉnh Sanh, Thiện Kiến, Nhẫn Nhục, Na-hầu-sa, Da-da-đế, Thi-tỳ, Nhất-xoa-cưu...* Những vị vua ấy đều có đầy đủ pháp lành, nay đại vương cũng [đầy đủ pháp lành] như họ.

“Đại vương! Nhờ có nhà vua mà đất nước được an vui, nhân dân giàu mạnh, cho nên tất cả người xuất gia đều ưa thích đất nước này, [cùng đến đây] giữ giới tinh cần, tu tập đạo chân chánh.

“Đại vương! Trong kinh chúng tôi có nói: ‘Nếu người xuất gia ở tại nước nào mà trì giới tinh tấn, chuyên cần tu tập đạo chân chánh, thì vua nước ấy cũng có phần [công đức] tu thiện.

“Đại Vương! Tất cả giặc cướp vua đều đã dẹp yên, những người xuất gia không còn phải sợ sệt. Nay chỉ còn duy nhất một kẻ đại ác là *sa-môn Cồ-đàm*. Vua chưa khảo xét người ấy, chúng tôi rất lo sợ. Người ấy ỷ mình [xuất thân] dòng tộc cao quý, có thân hình đẹp đẽ, lại nhờ phước báo bố thí đời trước nên được cúng dường nhiều, liền dựa vào

những việc đó mà sanh ra hết sức kiêu mạn. Hoặc nhân ở chú thuật mà sanh kiêu mạn. Vì nhân duyên ấy nên không chịu khổ hạnh mà vẫn thọ lãnh, chứa trữ mọi thứ áo quần, mền gối mềm mại tốt đẹp. Vì thế, tất cả những kẻ xấu ác khắp thế gian, vì sự lợi dưỡng mà tụ họp đến chỗ ông ấy làm quyến thuộc, chẳng chịu tu hành khổ hạnh. Ông ấy dùng sức chú thuật mà điều phục *Ca-diếp* với bọn các ông *Xá-lợi-phát*, *Mục-kiền-liên*...

“Nay ông ấy lại đến chỗ của chúng tôi trong rừng *Sa-la*, lớn tiếng thuyết dạy rằng thân này là *thường*, *lạc*, *ngã*, *tịnh* để dụ dỗ đệ tử của chúng tôi.

“Đại Vương! Trước đây *Cồ-đàm* thuyết dạy về *vô thường*, *vô lạc*, *vô ngã*, *vô tịnh*, chúng tôi còn có thể nhận được; nhưng nay ông ấy lớn tiếng thuyết dạy là *thường*, *lạc*, *ngã*, *tịnh*, chúng tôi thật không nhận được nữa. Xin đại vương cho phép chúng tôi cùng với ông *Cồ-đàm* kia mở cuộc tranh biện.”

Vua [*A-xà-thế*] liền đáp rằng: “Này các vị! Nay các ông đã nghe ai xúi giục mà trong lòng cuồng loạn chẳng yên, khác nào như nước nổi sóng, như lửa cuộn cuộn, như khói chuyền cành? Việc này thật đáng hổ thẹn. Người có trí nghe được ắt lấy làm thương xót, kẻ ngu si nghe được ắt phải chê cười. Những điều các ông nói đó, chẳng phải tướng trạng của người xuất gia. Nếu các ông mắc phải các bệnh thời khí hay ung nhọt, ta đều có thuốc để trị. Nếu các ông vướng phải bệnh quỷ thần thì chú thuật *Kỳ-bà* nhà ta có thể trừ khử. Nhưng nay các ông lại muốn dùng móng tay mà cào cấu núi *Tu-di*, dùng răng trong miệng mà cắn nghiền kim cương, [thật không thể cứu chữa]!

“Này các vị! Ví như có người ngu si, thấy chúa sư tử lúc đói đang nằm ngủ lại toan đánh thức, hoặc như người lấy ngón tay đưa vào miệng rắn độc, lại như người muốn dùng tay chạm vào đồng tro che phủ than lửa. Nay các ông cũng [ngu si giống] như vậy!

“Này các vị! Ví như con chồn hoang [muốn] rống tiếng sư tử, như con muỗi đọ sức nhanh chậm với chim *kim sí*, như con thỏ [muốn] lội qua biển và đưa chân chạm đến đáy. Nay các ông cũng [điên cuồng] giống như vậy! Nếu như các ông có nằm mộng thấy mình thắng được *sa-môn Cô-đàm*, thì giấc mộng ấy cũng chỉ là điên cuồng huyễn hoặc, không thể tin được.

“Này các ông! Nay các ông khởi lên ý định ấy, chẳng khác gì con thiêu thân lao vào đồng lửa lớn. Các ông nên nghe lời trầm, đừng nói thêm nữa. Tuy các ông ngợi khen trầm là bình đẳng như đòn cân, nhưng thật không nên để cho người ngoài nghe được lời ấy.”

Lúc ấy, bọn ngoại đạo lại tâu rằng: “Đại vương! Hẳn là huyền thuật của *sa-môn Cô-đàm* đã đến được chỗ ngài rồi chẳng, nên mới khiến ngài sanh lòng hồ nghi, chẳng tin vào các vị thánh nhân. Đại vương không nên khinh miệt những vị *đại sĩ* ở đây.

“Đại vương! Mặt trăng khi tròn khi khuyết, nước trong biển cả đều mặn, núi *Ma-la-diên* kia, những sự vật ấy do ai làm ra? Há chẳng phải những vị *bà-la-môn* của chúng tôi đó sao? Đại vương lẽ nào không nghe việc tiên *A-kiệt-đa* ngăn dòng nước sông Hằng suốt mười hai năm trong lỗ tai [ông ấy] hay sao? Đại vương lẽ nào không nghe việc tiên *Cô-đàm* hiện thần thông lớn, trong suốt mười

hai năm tự biến mình thành thân *Đế-thích*, biến thân *Đế-thích* thành thân con dê đực, lại biến ra một ngàn cái nữ căn¹ trên thân *Đế-thích*? Đại vương lẽ nào không nghe việc tiên *Kỳ-nậu* chỉ trong một ngày uống cạn nước bốn biển, khiến đất đai khô kiệt? Đại vương lẽ nào không nghe việc tiên *Bà-tẩu* vì vị trời *Tự tại* mà tạo ra ba con mắt đỏ sao? Đại vương lẽ nào không nghe việc tiên *A-la-la* làm cho thành *Ca-la-phú*² hóa ra vùng đất chai mặn đỏ sao?

“Đại vương! Trong đạo *bà-la-môn* có các vị tiên thần lực lớn lao như vậy, hiện có thể khảo xét, vì sao đại vương lại có lòng khinh miệt?”

Vua đáp: “Các vị! Nếu các vị không tin lời ta, cố ý muốn làm, thì đức *Chánh giác* Như Lai hiện đang ở trong rừng *Sa-la* gần đây. Các ông có thể đến để tùy ý chất vấn. Đức Như lai sẽ vì các ông mà phân biệt giải đáp, phù hợp với tâm ý của các ông.”

Bấy giờ, vua *A-xà-thế* với các người ngoại đạo và đồ chúng quyến thuộc của họ cùng đi đến chỗ Phật. Vua cúi đầu và mặt làm lễ sát dưới chân Phật, rồi đi quanh Phật ba vòng theo chiều bên phải. Lễ nghi cung kính vừa xong, vua lui lại đứng sang một bên, bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Những ngoại đạo này muốn được tùy ý chất vấn, xin Như Lai tùy ý giải đáp.”

Phật dạy: “Được, xin đại vương cứ tạm chờ ở đó, ta tự biết lúc thích hợp [để giải đáp cho họ].”

¹ Nữ căn: bộ phận sanh dục nữ.

² Thành *Ca-la-phú*: phiên âm từ tên Phạn ngữ là *Garāpu*.

Lúc ấy, trong chúng hội có một *bà-la-môn* tên *Xà-đề-thủ-na* lên tiếng hỏi: “*Cô-đàm!* Có phải ông nói rằng *Niết-bàn* là pháp thường còn?”

Phật đáp: “Đại *bà-la-môn*, quả đúng như vậy!”

Bà-la-môn ấy nói tiếp: “*Cô-đàm!* Nếu nói rằng *Niết-bàn* là *thường*, nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? Như pháp thế gian, từ hạt sanh quả, tiếp nối nhau chẳng dứt; như từ đất sét mà tạo ra bình, từ sợi chỉ mà [dệt] thành áo.

“*Cô-đàm* thường nói: ‘Nhờ tu tập pháp quán tưởng *vô thường* mà đạt được *Niết-bàn*.’ Nhân là *vô thường*, quả làm sao là *thường*?”

“*Cô-đàm* lại nói: ‘Giải thoát khỏi lòng tham trong *Dục giới* tức là *Niết-bàn*. Giải thoát khỏi lòng tham trong *Sắc giới* và *Vô sắc giới* tức là *Niết-bàn*. Diệt trừ *vô minh* với tất cả phiền não tức là *Niết-bàn*.’ Từ *dục* cho tới *vô minh*, phiền não đều là *vô thường*. Nhân là *vô thường* thì [quả] *Niết-bàn* đạt được đó lẽ ra cũng phải là *vô thường*!”

“*Cô-đàm* lại nói: ‘Do nhân [đã tạo] mà được sanh lên cõi trời; do nhân [đã tạo] mà phải đọa xuống địa ngục; do nhân [đã tạo] mà được giải thoát. Vì thế, các pháp đều do nhân mà sanh.’ Nếu do nhân sanh mà được giải thoát, thì giải thoát ấy sao có thể nói là *thường*?”

“*Cô-đàm* cũng nói: ‘*Sắc* do duyên sanh nên gọi là *vô thường*. *Thọ, tưởng, hành, thức* cũng đều như vậy.’ Như vậy, nếu giải thoát là *sắc* thì nên biết đó là *vô thường*. [Nếu là] *thọ, tưởng, hành, thức* thì cũng như vậy. Còn nếu lìa cả *năm ấm* [*sắc, thọ, tưởng, hành, thức*] mà có giải thoát, thì nên biết giải thoát ấy tức là *hư không*. Nếu là

hư không thì không thể nói là do nhân duyên sanh. Vì sao vậy? Vì hư không là thường còn, là duy nhất, là khắp cả mọi nơi.

“*Cô-đàm* cũng nói: ‘Do nhân mà sanh tức là *khổ*.’ Nếu đã là *khổ*, vì sao lại nói giải thoát là [*an*] *lạc*?”

“*Cô-đàm* lại nói: ‘Vô thường tức *khổ*, *khổ* tức vô ngã. Nếu là vô thường, *khổ*, vô ngã, tức là *bất tịnh*. Tất cả các pháp do nhân sanh ra đều là vô thường, *khổ*, vô ngã, *bất tịnh*, vì sao lại nói *Niết-bàn* tức là thường, *lạc*, ngã, *tịnh*?’

“Nếu *Cô-đàm* nói rằng [*Niết-bàn*] là thường, cũng là vô thường; là *lạc*, cũng là *khổ*; là *ngã*, cũng là vô ngã; là *tịnh*, cũng là *bất tịnh*; như vậy chẳng phải là nói hai lời đó sao? Tôi từng được nghe những vị trí giả kỳ cựu trước đây nói rằng: ‘Nếu Phật ra đời thì không nói hai lời.’ Nay [nếu là như vậy thì] *Cô-đàm* đã nói hai lời.

“*Cô-đàm* lại nói: ‘Phật chính là thân này của ta hiện nay.’ Nghĩa ấy thế nào?”

Phật dạy: “*Bà-la-môn*! Theo những gì ông vừa nói, nay ta sẽ hỏi ông, ông cứ tùy ý trả lời.”

Bà-la-môn đáp: “Lành thay! *Cô-đàm*, [xin ông cứ hỏi]!”

Phật hỏi: “*Bà-la-môn*! Tánh của ông là thường hay vô thường?”

Bà-la-môn đáp: “Tánh của tôi là thường.”

Phật hỏi: “*Bà-la-môn*! Tánh ấy có thể làm nhân cho tất cả các pháp trong [thân] và ngoài [thân] hay chăng?”

Đáp: “Đúng vậy, *Cô-đàm*!”

Phật lại hỏi: “*Bà-la-môn*! Làm nhân như thế nào?”

Bà-la-môn đáp: “*Cô-đàm!* Do nơi tánh sanh ra *đại*; do nơi *đại* sanh ra *mạn*, do nơi *mạn* sanh ra *mười sáu pháp*, đó là: địa, thủy, hỏa, phong, không, năm căn nhận biết [gồm mắt, tai, mũi, lưỡi, thân], năm căn tạo nghiệp [gồm tay, chân, miệng nói và hai căn nam, nữ] và căn tâm bình đẳng. *Mười sáu pháp* vừa kể do nơi *năm pháp* mà sanh, đó là hình sắc, âm thanh, mùi hương, vị nếm và xúc chạm. Cả *hai mươi một pháp* này có căn bản là *ba pháp*: *niêm*, *thô* và *đen*. *Nhiêm* gọi là *ái*; *thô* gọi là *sân*; *đen* gọi là *vô minh*.”

“*Cô-đàm!* *Hai mươi lăm pháp* này đều do nơi tánh sanh ra.”¹

Đức Phật lại hỏi: “*Bà-la-môn!* *Pháp đại* và tất cả các pháp kia là *thường* hay *vô thường*?”

Vị *bà-la-môn* đáp: “*Cô-đàm!* Theo pháp của chúng tôi thì tánh là *thường*, còn pháp *đại* và tất cả các pháp kia đều là *vô thường*.”

Phật dạy: “*Bà-la-môn!* Theo pháp của các ông [như vậy] thì nhân là *thường*, quả là *vô thường*. Vậy pháp của ta dạy nhân tuy *vô thường* nhưng quả lại *thường* có gì là sai?”

“*Này bà-la-môn!* Trong pháp của các ông có [phân biệt] hai loại nguyên nhân chẳng?”

¹ Những pháp do *bà-la-môn* này trình bày cho thấy có sự lẫn lộn với những điều có trong pháp Phật, có thể là do chịu ảnh hưởng chung từ những quan điểm truyền thống đã có từ trước. Tuy nhiên, các pháp ở đây được trình bày một cách không hợp lý, và ngay cả sự tính đếm cũng sai lệch. Từ *đại* cho đến *ba pháp* căn bản, vị này đã kể ra cả thảy 26 pháp. Nhưng trên đã nói *mạn* sanh ra 16 pháp, dưới lại nói 16 pháp này do 5 pháp sanh ra! Tuy nhiên, đức Phật đã hoàn toàn không lưu tâm đến những sai sót này mà chỉ nói thẳng vào điểm trọng yếu nhất để phá đổ lập luận này.

Đáp: “Thưa có.”

Phật hỏi: “Thế nào là có hai nguyên nhân?”

Bà-la-môn đáp: “Một là nguyên nhân sanh ra, hai là nguyên nhân soi rõ.”

Phật lại hỏi: “Thế nào là nhân sanh ra? Thế nào là nhân soi rõ?”

Bà-la-môn đáp: “Nguyên nhân sanh ra là như từ đất sét làm thành cái bình; nguyên nhân soi rõ là như ánh đèn soi rõ đồ vật.”

Phật hỏi: “Hai loại nhân này vẫn cùng một tánh [là làm nhân cho pháp khác]. Nếu là một [tánh], vậy có thể lấy nhân sanh ra làm nhân soi rõ hoặc ngược lại hay chăng?”

Bà-la-môn đáp: “Không thể, *Cô-đàm*!”

Phật hỏi: “Nếu nhân sanh ra không thể làm nhân soi rõ hoặc ngược lại, vậy có thể nói là có tướng trạng của nhân hay chăng?”

Bà-la-môn đáp: “Tuy không thể thay thế cho nhau, nhưng vẫn có tướng trạng của nhân.”

Phật lại hỏi: “*Bà-la-môn*! Đối tượng soi rõ của nhân soi rõ ấy có đồng nhất với tự thân nó chăng?”

Đáp: “Thưa *Cô-đàm*, không phải!”

Phật dạy: “Trong giáo pháp của ta [cũng vậy], tuy từ nơi *vô thường* mà đạt được *Niết-bàn*, nhưng [*Niết-bàn*] chẳng phải *vô thường*, [không đồng nhất với *vô thường*].

“*Bà-la-môn*! Do *nhân rõ biết* mà đạt được, cho nên là *thường, lạc, ngã, tịnh*. Do *nhân sanh ra* mà có, cho nên

là *vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh*. Vì thế, chỗ thuyết dạy của Như Lai tuy có phân thành hai [nghĩa], nhưng sự phân hai này không thật có hai [nghĩa], cho nên Như Lai không hề nói hai lời.

“Như lời ông vừa nói là đã từng nghe những bậc trí giả kỳ cựu trước đây nói rằng: ‘*Nếu Phật ra đời thì không nói hai lời.*’ Lời ấy đúng thay! Chỗ thuyết dạy của tất cả chư Phật ba đời trong mười phương đều không có sai biệt, cho nên nói rằng: ‘*Phật không nói hai lời.*’ Thế nào là không sai biệt? Nếu là có thì [tất cả chư Phật] đều nói là có; nếu là không thì [tất cả chư Phật] đều nói là không. Cho nên gọi là một nghĩa đồng nhất.

“*Bà-la-môn!* Đức Như Lai Thế Tôn tuy [có lúc] gọi tên [sự việc] dùng đến hai lời, nhưng đó đều là vì để làm rõ một lời. Thế nào là [dùng đến] hai lời để làm rõ một lời? Như [nói về] *mắt* và *hình sắc* là hai, [nói] sanh ra [*nhãn*] *thức* là một. Cho đến *ý* và *các pháp* [*sanh ra các thức khác*] cũng giống như vậy.”¹

Bà-la-môn [*Xà-đề-thủ-na*] nói: “*Cồ-đàm* thật khéo phân biệt những ý nghĩa như vậy. Nhưng nay tôi còn chưa hiểu chỗ nói ra hai lời để làm rõ một lời.”

Bấy giờ, đức Thế Tôn liền vì *bà-la-môn* [*Xà-đề-thủ-na*] mà tuyên thuyết *Bốn chân đế*. Sau đó Phật dạy:

“*Này bà-la-môn!* Nói *Khổ đế* đó, cũng là hai, cũng là một; cho đến *Đạo đế* cũng là hai, cũng là một.”

¹ Câu này nói tóm ý từ *mắt, tai...* (sáu căn) và *hình sắc, âm thanh...* (sáu trần) tương ứng sanh ra sáu thức.

Bà-la-môn [Xà-đề-thủ-na] liền nói: “Bạch Thế Tôn! Con đã hiểu rồi.”

Phật hỏi: “Thiện nam tử! Ông hiểu như thế nào rồi?”

Bà-la-môn [Xà-đề-thủ-na] thưa: “Bạch Thế Tôn! *Khổ đế* đối với tất cả phàm phu là hai, đối với thánh nhân là một; cho đến *Đạo đế* cũng giống như vậy.”

Phật dạy: “Lành thay! Ông đã hiểu.”

Bà-la-môn [Xà-đề-thủ-na] thưa rằng: “Bạch Thế Tôn! Nay con được nghe *Chánh pháp*, đã được sự thấy biết chân chánh. Con xin quy y *Tam bảo*: Phật, Pháp, Tăng. Cúi xin đức *Đại từ* nhận cho con được xuất gia.”

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo ông *Kiều-trần-như*: “Ông hãy vì *Xà-đê-thủ-na* mà cạo bỏ râu tóc, cho phép ông ấy xuất gia.”

Kiều-trần-như vâng lời Phật dạy, liền cạo tóc cho *Xà-đê-thủ-na*. Ngay lúc vừa đưa dao cạo, cả râu tóc và phiền não đều đồng thời rơi rụng hết. *Xà-đê-thủ-na* ngay nơi chỗ ngồi [khi ấy] liền chứng đắc thánh quả *A-la-hán*.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

HẾT QUYỂN BA MƯƠI TÁM

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

QUYỂN BA MƯƠI CHÍN

KIÊU-TRẦN-NHU

Phẩm thứ mười ba – Phần hai

Tiếp đó lại có một vị *Phạm chí*¹ họ *Bà-tư-trá* lên tiếng hỏi rằng: “*Cồ-đàm!* Theo lời ông nói thì có phải *Niết-bàn* là thường chăng?”

Phật đáp: “Đúng vậy, *Phạm chí!*”

Bà-tư-trá nói: “*Cồ-đàm!* Ông cũng nói rằng, không có phiền não là *Niết-bàn?*”

Phật đáp: “Đúng vậy, *Phạm chí!*”

Bà-tư-trá nói: “Trong thế gian có bốn trường hợp được gọi là không.

“Một là pháp chưa xuất hiện gọi là không, như cái bình khi còn là đất sét thì gọi là không có bình.

“Hai là pháp đã dứt mất gọi là không, như khi cái bình đã vỡ thì gọi là không có bình.

“Ba là tướng trạng khác biệt nên [đã là tướng này thì] không [là tướng kia], như trong [tướng] bò không có ngựa, trong [tướng] ngựa không có bò.

“Bốn là [những sự vật] hoàn toàn không có nên gọi là không, như lông rùa, sừng thỏ.

¹ Phạm chí: người thuộc dòng bà-la-môn xuất gia tu tập, quyết chí cầu sanh lên cõi Phạm thiên nên gọi là Phạm chí. Tên Phạn ngữ là *Brāhmaṇa*.

“*Cồ-đàm!* Nếu do diệt trừ hết phiền não mà gọi là *Niết-bàn*, thì *Niết-bàn* tức là không. Nếu [*Niết-bàn* đã] là không, sao lại nói rằng có *thường, lạc, ngã, tịnh?*”

Phật dạy: “Thiện nam tử! *Niết-bàn* như vậy chẳng phải trường hợp là không trước [khi xuất hiện], như cái bình lúc còn là đất sét; cũng chẳng phải trường hợp là không vì dứt mất, như cái bình [sau khi] đã vỡ; cũng chẳng phải là không vì hoàn toàn không có, như lông rùa, sừng thỏ. *Niết-bàn* rơi vào trường hợp là không vì tướng trạng khác biệt.

“Thiện nam tử! Theo lời ông vừa nói, tuy trong [tướng trạng của] bò không có ngựa, nhưng không thể nói bò cũng là không; tuy trong [tướng trạng của] ngựa không có bò, nhưng không thể nói ngựa cũng là không. *Niết-bàn* cũng thế. Trong phiền não không có *Niết-bàn*, trong *Niết-bàn* không có phiền não. Vậy nên gọi là tướng trạng khác biệt, nếu là tướng này thì không có tướng kia.”

Bà-tư-trá nói: “*Cồ-đàm!* Nếu nói rằng cái không vì [tướng trạng] khác biệt là *Niết-bàn*, thì cái không vì [tướng trạng] khác biệt đó không có *thường, lạc, ngã, tịnh*, vì sao *Cồ-đàm* nói rằng *Niết-bàn* là *thường, lạc, ngã, tịnh?*”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Cứ theo lời ông nói thì trong cái không vì [tướng trạng] khác biệt đó có đủ ba trường hợp không. Bò, ngựa... đó trước kia vốn không, rồi sau mới có, đó là trường hợp không trước [khi xuất hiện]; đã có rồi, về sau [diệt mất] trở lại thành không, đó là trường hợp không vì dứt mất. Còn trường hợp không vì tướng trạng khác biệt thì như ông vừa nói.

“Thiện nam tử! Ba trường hợp không ấy đều không có trong *Niết-bàn*. Cho nên *Niết-bàn* là *thường, lạc, ngã, tịnh*. Như bệnh ở thế gian, một là bệnh nhiệt, hai là bệnh thời khí, ba là bệnh hàn. Ba loại bệnh này có ba loại thuốc trị. Bơ [làm từ sữa] trị được bệnh nhiệt; dầu [gió] trị được bệnh thời khí; mật ngọt trị được bệnh hàn. Ba loại thuốc ấy có thể trị được ba loại bệnh hại [người].

“Thiện nam tử! Trong [bệnh] nhiệt không có bơ, trong bơ không có [bệnh] nhiệt. Trong [bệnh] phong không có dầu [gió], trong dầu [gió] không có [bệnh] phong. Cho đến trong mật ngọt không có [bệnh] hàn, trong [bệnh] hàn không có mật ngọt. Vì thế [nên các loại thuốc này] mới có thể trị bệnh.

“Tất cả chúng sanh cũng giống như vậy, có ba loại bệnh là *tham, sân* và *si*. Ba loại bệnh này có ba loại thuốc trị. Pháp quán bất tịnh là thuốc trị [bệnh] *tham*. Pháp quán từ bi là thuốc trị [bệnh] *sân*. Trí tuệ [khởi sinh từ] pháp quán nhân duyên là thuốc trị [bệnh] *si*.

“Thiện nam tử! Vì muốn trừ *tham* nên thực hành pháp quán không tham; vì muốn trừ *sân* nên thực hành pháp quán không sân; vì muốn trừ *si* nên thực hành pháp quán không si.

“Trong ba loại bệnh ấy không có ba thứ thuốc; trong ba thứ thuốc ấy không có ba loại bệnh.

“Thiện nam tử! Vì trong ba loại bệnh không có ba thứ thuốc, nên đó là *vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh*. Vì trong ba thứ thuốc không có ba loại bệnh, nên có thể gọi là *thường, lạc, ngã, tịnh*.”

Bà-tư-trá liền thưa hỏi: “Thế Tôn! Như Lai vì tôi nói lẽ *thường* và *vô thường*. Thế nào là *thường*? Thế nào là *vô thường*?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! *Sắc* là *vô thường*, giải thoát [ra khỏi] *sắc* là *thường*. Cho đến *thức* là *vô thường*, giải thoát [ra khỏi] *thức* là *thường*.¹

“Thiện nam tử! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân nào có thể quán xét từ *sắc* cho đến *thức* đều là *vô thường*, nên biết rằng người ấy đã đạt được pháp *thường*.”

Bà-tư-trá bạch rằng: “Thế Tôn! Nay con đã rõ biết về pháp *thường* và pháp *vô thường*.”

Phật hỏi: “Thiện nam tử! Ông rõ biết pháp *thường* và pháp *vô thường* như thế nào?”

Bà-tư-trá thưa: “Bạch Thế Tôn! Nay con biết rằng hình *sắc* của con đây là *vô thường*, đạt được sự giải thoát [ra khỏi *sắc*] là *thường*. [Từ *sắc*] cho đến *thức* cũng đều như vậy.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Lành thay! Nay ông đã trả được món nợ mang thân này!”²

Đức Phật quay sang bảo *Kiều-trần-như*: “Ông *Bà-tư-trá* đã chứng quả *A-la-hán*, hãy đưa cho ông ấy bộ y ba tấm và bình bát [khất thực].”

¹ Câu này nói tóm ý từ *sắc* cho đến *thức*, nghĩa là *sắc*, *thọ*, *tưởng*, *hành* và *thức* đều như vậy.

² Trả được món nợ mang thân này: người tu hành luôn quán xét việc có được thân người như hiện nay là rất khó, rất quý, nếu không chuyên cần tu tập để sớm đạt được sự giải thoát thì xem như uống phí một kiếp được làm người. Vì thế, ở đây Phật dạy rằng vị Phạm chí này sau khi nhận rõ được Chánh pháp xem như đã trả được món nợ mang thân người.

Bấy giờ, *Kiều-trần-như* vâng lời Phật dạy trao đủ y bát.

Thọ lãnh y bát rồi, *Bà-tư-trá* liền nói: “Đại đức *Kiều-trần-như*! Nay tôi nhân nơi cái thân xấu ác này mà đạt được quả báo tốt lành. Cảm phiền đại đức thay tôi đến chỗ Thế Tôn thưa rõ tấm lòng tôi: ‘Trước đây tôi là kẻ xấu ác, xúc phạm Như Lai, dám gọi trống Phật bằng họ *Cồ-đàm*.’ Nguyên đại đức thay tôi sám hối tội ấy. Nay tôi không thể ở lâu trong thân độc hại này, sẽ vào *Niết-bàn*.”

Bấy giờ, *Kiều-trần-như* liền đến trước Phật, bạch rằng: “Thế Tôn! *Tỳ-kheo Bà-tư-trá* sanh lòng hổ thẹn, tự nói rằng mình đã ngu si đại đột xúc phạm Như Lai, dám gọi trống Phật bằng họ *Cồ-đàm*. Ông ấy không thể ở lâu trong thân độc hại nên muốn xả thân, nhờ con thay mặt sám hối.”

Phật dạy: “*Kiều-trần-như*! *Tỳ-kheo Bà-tư-trá* đã thành tựu căn lành trước vô lượng chư Phật quá khứ. Nay ông ấy vâng nhận lời ta, sống theo đúng pháp. Nhờ sống theo đúng pháp nên đạt được *Chánh quả*. Các ông nên cúng dường [nhục] thân vị ấy.”

Lúc ấy, nghe lời Phật dạy, *Kiều-trần-như* trở lại nơi [*tỳ-kheo Bà-tư-trá*] xả bỏ xác thân, thiết lễ cúng dường.

Bấy giờ, khi xác thân đang được hỏa thiêu, [*tỳ-kheo Bà-tư-trá*] liền hóa hiện đủ mọi phép thần thông.

Những kẻ ngoại đạo thấy việc ấy rồi liền lớn tiếng nói rằng: “*Bà-tư-trá* đã đạt được chú thuật của *sa-môn Cồ-đàm*. Không bao lâu nữa ông này sẽ thắng được *sa-môn Cồ-đàm* kia.”

Bấy giờ, trong chúng ngoại đạo có một *Phạm chí* tên là *Tiên-ni*¹ lên tiếng hỏi rằng: “*Cồ-đàm!* Thật có *ngã* chẳng?”

Đức Như Lai lặng thinh.

Phạm chí Tiên-ni lại hỏi: “*Cồ-đàm!* Thật không có *ngã* chẳng?”

Đức Như Lai vẫn lặng thinh.

Phạm chí Tiên-ni lại hỏi đến lần thứ nhì, thứ ba như vậy, đức Như Lai vẫn lặng thinh [không đáp].

Phạm chí Tiên-ni liền nói: “*Cồ-đàm!* Nếu tất cả chúng sanh đều có *ngã*, thì cái *ngã* ấy phải bao trùm khắp mọi nơi, là do một đấng sáng tạo làm ra, vì có gì *Cồ-đàm* [không nói như thế mà] lặng thinh chẳng đáp?”

Đức Phật hỏi: “*Tiên-ni!* Ông nói cái *ngã* ấy bao trùm khắp mọi nơi, có phải vậy chẳng?”

Phạm chí Tiên-ni đáp: “*Cồ-đàm!* Chẳng riêng gì tôi, tất cả những người có trí đều nói như vậy.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu cái *ngã* ấy bao trùm khắp mọi nơi, thì lẽ ra phải cùng lúc thọ nhận quả báo trong *năm cảnh giới*.² Nếu là cùng lúc thọ nhận quả báo trong năm cảnh giới, vì nhân duyên gì những *Phạm chí* các ông tránh không tạo ác để khỏi vào *địa ngục* và tu tập các pháp lành để được thân cõi trời?”

¹ *Tiên-ni*, phiên âm từ Phạn ngữ là *Seuika*. Tên gọi của vị này dịch nghĩa là Hữu Quân hay Thắng Quân.

² Năm cảnh giới (Ngũ đạo, có khi cũng gọi là Ngũ thú): chỉ năm cảnh giới mà các loài hữu tình tùy nghiệp lực thọ sanh đến (nên gọi là ngũ thú), xoay chuyển đến đi mãi không ra ngoài năm cảnh giới ấy (nên gọi là ngũ đạo), đó là cõi trời, cõi người, cõi địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Khi nói lục đạo là thêm vào cảnh giới a-tu-la.

Tiên-ni nói: “*Cô-đàm!* Trong pháp của chúng tôi có hai loại *ngã*, một là cái *ngã* trong thân tạo tác, hai là cái *ngã* trong thân thường tồn. Vì cái *ngã* trong thân tạo tác nên phải lìa xa pháp xấu ác để không vào *địa ngục* và tu các pháp lành để sanh lên cõi trời.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Theo như ông vừa nói thì cái *ngã* ấy bao trùm khắp mọi nơi. Như vậy, nếu nói cái *ngã* ấy ở trong thân tạo tác thì nên biết rằng nó là *vô thường*. Còn nếu nó không ở trong thân tạo tác thì sao có thể nói là bao trùm khắp?”

Tiên-ni nói: “*Cô-đàm!* Theo lập luận về *ngã* của chúng tôi thì cái *ngã* ấy cũng ở trong thân tạo tác mà cũng là pháp *thường*.”

“*Cô-đàm!* Ví như có người gây ra hỏa hoạn. Khi nhà cháy thì chủ nhà đã thoát ra khỏi. Vậy không thể nói rằng nhà bị cháy thì ông chủ cũng chết cháy. Giáo pháp [về *ngã*] của chúng tôi cũng vậy. Thân tạo tác này tuy là *vô thường*, nhưng khi *vô thường* xảy đến thì cái *ngã* [trong thân] đã thoát ra khỏi. Vì thế, cái *ngã* theo chúng tôi là bao trùm khắp, cũng là *thường còn*.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Như lời ông vừa nói, cái *ngã* là bao trùm khắp, cũng là *thường còn*, nghĩa ấy không đúng.

“Vì sao vậy? Sự trùm khắp có hai loại, hoặc là *thường*, hoặc là *vô thường*; lại có hai loại, hoặc là *hình sắc*, hoặc là *không hình sắc*. Cho nên, nếu nói đến tất cả mọi sự hiện hữu thì [trong đó] là *thường*, cũng là *vô thường*; là *hình sắc*, cũng là *không hình sắc*.”

“Nếu nói chủ nhà đã thoát ra khỏi [căn nhà bị cháy] nên không gọi là *vô thường*, nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? Nhà không phải chủ, chủ không phải nhà. Cái bị cháy và người ra khỏi [đám cháy] là hai thực thể khác nhau, cho nên mới [thoát ra] được như vậy. Về cái *ngã* thì không phải như thế. Vì sao vậy? Vì cái *ngã* [mà các ông nói đó] tức là *hình sắc*, *hình sắc* tức là *ngã*; *ngã* tức là *không hình sắc*, *không hình sắc* tức là *ngã*; sao lại nói rằng: ‘Trong khi hình sắc là vô thường thì cái *ngã* đã thoát ra khỏi?’

“Thiện nam tử! Nếu ông cho rằng tất cả chúng sanh đều cùng chung một cái *ngã*, như vậy là trái ngược với cả pháp thế gian và xuất thế gian. Vì sao vậy? Pháp thế gian có những tên gọi [phân biệt] như cha, mẹ, con trai, con gái... Nếu cái *ngã* là một, thì cha tức là con trai, con trai tức là cha; mẹ tức là con gái, con gái tức là mẹ; kẻ oán tức là người thân, người thân tức là kẻ oán; cái này tức là cái kia, cái kia tức là cái này... [không còn có sự phân biệt]. Cho nên, nếu nói tất cả chúng sanh cùng chung một cái *ngã* tức là trái ngược với cả pháp thế gian và xuất thế gian.”

Tiên-ni liền nói: “Tôi không nói tất cả chúng sanh cùng chung một cái *ngã*, mà nói là mỗi người có riêng một cái *ngã*.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu nói mỗi người có riêng một cái *ngã*, tức là có nhiều cái *ngã*, nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? Như trước đây ông đã nói: ‘Cái *ngã* bao trùm khắp.’ Nếu cái *ngã* là bao trùm khắp thì cội gốc nghiệp quả của tất cả chúng sanh đáng lẽ phải đồng như

nhau, khi chư thiên nhìn thấy [điều gì] thì Phật cũng thấy [như vậy]; khi chư thiên tạo tác [việc gì] thì Phật cũng tạo tác [như vậy]; khi chư thiên nghe được [điều gì] thì Phật cũng nghe được [như vậy]... Tất cả các pháp cũng đều như thế. Nếu chỗ chư thiên thấy không phải chỗ Phật thấy thì không nên nói rằng: ‘Cái *ngã* bao trùm khắp mọi nơi.’ Nếu [cái *ngã*] không bao trùm khắp thì đó là *vô thường*.”

Tiên-ni nói: “*Cô-đàm*! Cái *ngã* của tất cả chúng sanh tuy bao trùm khắp mọi nơi, [nhưng] *pháp* và *phi pháp* không trùm khắp. Vì nghĩa ấy nên Phật tạo tác khác, chư thiên tạo tác khác. Do đó *Cô-đàm* không nên nói rằng: ‘Khi Phật thấy [điều gì] thì chư thiên lẽ ra cũng thấy [như vậy] ; khi Phật nghe [điều gì] thì chư thiên lẽ ra cũng nghe [như vậy].’”

Phật hỏi: “Thiện nam tử! *Pháp* và *phi pháp*, chẳng phải do nghiệp tạo thành đó sao?”

Tiên-ni đáp: “*Cô-đàm*! Đúng là do nghiệp tạo thành.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu *pháp* và *phi pháp* đều do nghiệp tạo thành, tức là đồng một pháp như nhau, sao lại nói là khác nhau? Vì sao vậy? Trong chỗ [đã thành] nghiệp của Phật có cái *ngã* [được làm] chư thiên; trong chỗ [đã thành] nghiệp của chư thiên, có cái *ngã* [được làm] Phật. Vì thế, khi Phật tạo tác [điều gì] thì chư thiên cũng tạo tác [như vậy]. *Pháp* và *phi pháp* lẽ ra cũng phải như vậy.

“Thiện nam tử! Cho nên đối với tất cả chúng sanh, nếu *pháp* và *phi pháp* là như vậy thì chỗ nhận lãnh quả báo lẽ ra không khác biệt nhau.

“Thiện nam tử! Từ nơi hạt giống mà sanh ra quả. Hạt giống ấy không hề suy xét phân biệt: ‘Ta sẽ tạo thành quả [cho hàng] *bà-la-môn* thôi, không tạo thành quả cho [những giai cấp] *sát-lợi, tỳ-xá, thú-đà.*’ Vì sao vậy? Từ nơi hạt giống mà sanh ra quả, không hề có ngăn ngại gì [bởi sự phân biệt] bốn giai cấp như thế. *Pháp* và *phi pháp* cũng giống như vậy, không thể phân biệt rằng: ‘Ta sẽ tạo thành quả [đối với] Phật mà thôi, không tạo thành quả [đối với] chư thiên; hoặc tạo thành quả [đối với] chư thiên mà thôi, không tạo thành quả [đối với] Phật.’ Vì sao vậy? Vì nghiệp [quả] là bình đẳng.”

Tiên-ni nói: “*Cô-đàm!* Ví như trong một căn phòng có trăm ngàn ngọn đèn, tuy tim đèn khác nhau mà ánh sáng đều như nhau. Tim đèn khác nhau là ví như *pháp* và *phi pháp*; ánh sáng như nhau là ví như cái *ngã* của [tất cả] chúng sanh.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ông dùng ánh sáng đèn để ví với cái *ngã* [của tất cả chúng sanh], nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? Căn phòng với ngọn đèn là [hai thực thể] khác nhau. Ánh sáng của đèn vừa là ở nơi tim đèn, mà cũng là chiếu khắp căn phòng. Cái *ngã* mà ông nói đó, nếu cũng giống như vậy thì ở cả hai bên *pháp* và *phi pháp* lẽ ra đều là có *ngã*; và trong cái *ngã* lẽ ra cũng có cả *pháp* và *phi pháp*. Nếu *pháp* và *phi pháp* không [cùng] có *ngã* thì không thể nói rằng bao trùm khắp mọi nơi. Còn nếu cả hai đều có *ngã*, làm sao có thể dùng tim đèn với ánh sáng [ngọn đèn] để làm ví dụ?

“Thiện nam tử! Nếu ý ông cho rằng tim đèn và ánh sáng quả thật khác nhau, vậy do nhân duyên gì khi tim

đèn khêu cao thì ánh sáng mạnh, khi tim đèn khô kiệt thì ánh sáng mất đi? Vì vậy, không nên đem *pháp* và *phi pháp* mà ví với đèn và tim đèn; [việc tim đèn có] ánh sáng như nhau mà ví với cái *ngã* [của tất cả chúng sanh]. Vì sao vậy? *Pháp*, *phi pháp* và *ngã*, cả ba thứ ấy chỉ là một thôi.”

Tiên-ni nói: “*Cồ-đàm*! Ngài dẫn ra ví dụ ngọn đèn, việc đó thật là không tốt. Vì sao vậy? Nếu ví dụ ngọn đèn là [ví dụ] hay thì [cũng là do] tôi đã dẫn ra trước rồi. Nếu là [ví dụ] không hay, sao ngài còn lặp lại?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ta đưa ra ví dụ đó hoàn toàn không [lưu tâm đến việc nó là] hay hoặc không hay. Việc [ví dụ ấy là] hay hoặc không hay chỉ do nơi ý của ông nói ra đó thôi. Trong ví dụ ấy [ta] cũng nêu rõ rằng: ‘Có ánh sáng chiếu ra xa tim đèn nhưng cũng có ánh sáng ở ngay tại tim đèn.’ Vì tâm ông không bình đẳng nên mới nói rằng: ‘Đèn và tim đèn ví với *pháp* và *phi pháp*, ánh sáng ví với cái *ngã*.’ Vì thế ta mới vặn hỏi ông [về lẽ] ngay nơi tim đèn có ánh sáng, rời xa tim đèn cũng có ánh sáng. *Pháp* tức là *ngã*, *ngã* tức là *pháp*; *phi pháp* tức là *ngã*, *ngã* tức là *phi pháp* [cũng như tim đèn với ánh sáng vốn không phải hai thực thể khác biệt]. Tại sao nay ông chỉ nhận biết một bên, không nhận một bên? [Vì thế,] ví dụ như vậy là không tốt đối với [lập luận phía] ông, nên nay ta mới quay lại dùng chính cái ví dụ ấy để dạy bảo ông.

“Thiện nam tử! Ví dụ [ông đưa ra] như vậy là không thành ví dụ. Vì không thành ví dụ nên đối với [lập luận phía] ta là tốt, mà đối với [lập luận phía] ông là không tốt.

“Thiện nam tử! Nếu ý ông cho rằng: ‘Đối với tôi không tốt, đối với ông cũng phải không tốt.’ Nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? Hãy nhìn như việc của người thế gian, [có khi] tự dùng sức mình làm hại mình, [có khi] mình làm ra mà kẻ khác dùng lấy. Ví dụ mà ông đưa ra cũng giống như vậy; đối với ta là tốt mà đối với ông là không tốt.”

Tiên-ni nói: “*Cô-dàm*! Ngài vừa trách tôi có tâm không bình đẳng, nay lời ngài nói ra cũng không bình đẳng. Vì sao vậy? Nay *Cô-dàm* nhận lấy việc tốt về mình, việc không tốt về tôi. Từ đó suy ra, thật không bình đẳng.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Sự không bình đẳng của ta có thể phá trừ sự không bình đẳng của ông, [nhờ đó] nên ông được bình đẳng; vậy sự không bình đẳng của ta là tốt. Sự không bình đẳng của ta phá trừ sự không bình đẳng của ông, giúp ông được bình đẳng, [như vậy] cũng tức là ta bình đẳng. Vì sao vậy? Vì được sự bình đẳng không khác các bậc thánh nhân.”

Tiên-ni nói: “*Cô-dàm*! Cái *ngã* thường còn [nên là] bình đẳng, sao ngài lại nói là phá trừ sự không bình đẳng của tôi? Tất cả chúng sanh đều có *ngã* bình đẳng như nhau, sao ngài lại nói là tôi không bình đẳng?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ông cũng có nói việc sẽ thọ thân *địa ngục*, *ngạ quỷ*, *súc sanh*; sẽ thọ thân cõi người, cõi trời. Nếu cái *ngã* trước đã là trùm khắp *năm cảnh giới*, vì sao lại nói là sẽ thọ thân trong các cảnh giới [khác nhau] ấy? Ông cũng nói rằng cha mẹ hợp nhau rồi mới sanh con. Nếu đứa con vốn đã có trước, sao lại nói rằng

hợp nhau rồi mới có? Cho nên, một người có [thể thọ] thân ở [một trong] *năm cảnh giới*. Nếu ở *năm cảnh giới* ấy trước vốn đã có thân, vậy do nhân duyên gì phải vì [sự thọ] thân mà tạo nghiệp [lành, tránh nghiệp ác]? Cho nên [ta nói] là không bình đẳng.

“Thiện nam tử! Nếu ý ông cho rằng *ngã* là chủ thể tạo tác [các nghiệp], nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? Nếu là *ngã* tạo tác, vì nhân duyên gì tự nó tạo tác sự khổ, [vốn là điều mà nó không ưa muốn]? Nhưng nay chúng sanh thật có chịu khổ, cho nên biết rằng *ngã* không phải là chủ thể tạo tác [các nghiệp].

“Nếu nói sự khổ này chẳng phải do *ngã* tạo tác, [vì sự khổ] không do nhân sanh ra, thì tất cả các pháp lẽ ra cũng đều như vậy, đều không do nhân sanh ra, vậy nhân duyên gì lại nói rằng [tất cả các pháp là] do *ngã* tạo tác?

“Thiện nam tử! Sự khổ, vui của chúng sanh quả thật là do nhân duyên [sanh ra]. Sự khổ, vui ấy có thể gây ra lo lắng hay vui mừng. Đang khi lo lắng không có vui mừng, đang khi vui mừng không có lo lắng. Khi thì lo, khi thì mừng, người có trí làm sao lại nói [như vậy] là *thường*?

“Thiện nam tử! Ông nói *ngã* là thường còn. Nếu nói là *thường*, vì sao nói rằng có mười thời kỳ [phát triển] khác nhau? Nếu *ngã* là pháp *thường*, lẽ ra không có từ thời kỳ tượng hình trong bào thai cho tới thời kỳ già suy. Như hư không kia là pháp *thường*, dù là một thời kỳ cũng còn không có, huống chi lại có đến mười thời kỳ [khác nhau]?

“Thiện nam tử! Cái *ngã* đó không phải là thời kỳ tượng hình trong thai... cho đến cũng không phải là thời kỳ già suy, vì sao nói rằng có mười thời kỳ khác nhau?

“Thiện nam tử! Nếu *ngã* là chủ thể tạo tác [các nghiệp], thì *ngã* ấy cũng có lúc thịnh lúc suy, [vì] chúng sanh cũng có lúc thịnh lúc suy. Nếu *ngã* là như vậy, sao lại là *thường*?

“Thiện nam tử! Nếu *ngã* là chủ thể tạo tác [các nghiệp], vì sao một người có sự nhanh nhạy [với việc này], chậm lụt [với việc kia]?

“Thiện nam tử! Nếu *ngã* là chủ thể tạo tác [các nghiệp], *ngã* ấy có thể tạo tác nghiệp của thân, nghiệp của miệng. Nếu nghiệp của thân và nghiệp của miệng là do *ngã* tạo tác, tại sao miệng lại nói rằng ‘*Có ngã chăng, không có ngã chăng*’? Vì sao tự [cái *ngã* ấy lại] sanh nghi ngờ [chính nó] là có hay không có?

“Thiện nam tử! Nếu ý ông cho rằng lìa khỏi con mắt mà có sự thấy, nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? Nếu lìa con mắt mà có sự thấy nào khác thì đâu cần đến con mắt này? Cho đến [sự xúc chạm] của thân cũng vậy.¹

“Nếu ý ông cho rằng tuy cái *ngã* có thể thấy nhưng phải nhân nơi con mắt, nghĩa ấy cũng không đúng. Vì sao vậy? Như có người nói rằng hoa *tu-man-na* có thể đốt cháy xóm làng, [rồi giải thích rằng:] ‘Làm thế nào có thể đốt cháy? Là nhân nơi lửa mà có thể đốt cháy.’ Lập luận của ông về sự thấy của cái *ngã* cũng [vô lý] như vậy.”

Tiên-ni nói: “*Cô-đàm*! Như người cầm liềm có thể cắt cỏ; cái *ngã* nhân nơi năm giác quan [là mắt, tai...] mà có thể thấy, nghe... cho tới xúc chạm, cũng giống như vậy.”

¹ Câu này nói tóm ý cả mắt, tai, mũi, lưỡi và thân và các thức tương ứng đều là như vậy, không thể lìa khỏi các căn mà có.

Phật dạy: “Thiện nam tử! Cái liềm với người [cầm liềm] là [hai thực thể] khác nhau, nên khi [người] cầm liềm thì có thể làm được việc [cắt cỏ]. Còn như lia khỏi [các] căn thì hoàn toàn không riêng có cái *ngã* nào khác, vậy sao có thể nói rằng cái *ngã* nhân nơi các căn mà làm được [những việc thấy, nghe...]?”

“Thiện nam tử! Nếu ý ông cho rằng [nhờ] cầm liềm [mà] có thể cắt cỏ, cái *ngã* cũng giống như thế. Vậy cái *ngã* đó có tay hay là không tay? Nếu là có tay, sao chẳng tự cầm lấy? Nếu là không có tay, sao lại nói rằng *ngã* là chủ thể tạo tác [tất cả]?”

“Thiện nam tử! Công năng cắt được cỏ là ở nơi cái liềm, không ở nơi *ngã*, không ở nơi người [cắt]. Nếu cái *ngã* hay người [cắt] có thể cắt được cỏ, sao phải nhờ đến cái liềm?”

“Thiện nam tử! Người [cắt cỏ] có hai hành vi, một là vơ nắm lấy cỏ, hai là cầm liềm [cắt]. Cái liềm chỉ có duy nhất một công năng là cắt được mà thôi. Chúng sanh tiếp xúc với các pháp cũng giống như vậy. [Việc] con mắt có thể thấy được hình sắc là do sự hòa hợp [các điều kiện] mà sanh ra. Nếu là do nhân duyên hòa hợp mà có sự thấy, người có trí sao lại nói rằng [trong sự thấy đó] có *ngã*?”

“Thiện nam tử! Nếu ý ông cho rằng cái thân tạo tác, cái *ngã* thọ nhận, nghĩa ấy cũng không đúng. Vì sao vậy? Vì trong thế gian không thấy có việc chư thiên tạo nghiệp mà Phật thọ quả!

“Nếu nói rằng chẳng phải do thân tạo tác, cái *ngã* cũng không do nhân [đã tạo] mà thọ [quả báo], vì sao [hàng Phạm chí] các ông lại do nơi nhân duyên để cầu sự giải

thoát? [Như] thân này của ông [nếu] trước không do nhân duyên sanh ra, [thì sau] khi đạt được giải thoát rồi, lẽ ra cũng không do nhân duyên mà sanh thân. Giống như thân, tất cả phiền não lẽ ra cũng đều như vậy.”

Tiên-ni nói: “*Cô-đàm!* Có hai loại *ngã*, một là cái *ngã* có nhận biết, hai là cái *ngã* không nhận biết. Cái *ngã* không nhận biết có thể nhận được thân, cái *ngã* có nhận biết có thể lìa bỏ thân. Cũng như cái bình [bằng đất sét] nặn ra chưa nung, sau khi nung rồi thì mất đi màu sắc trước đó, [màu sắc ấy] cũng chẳng bao giờ sanh ra trở lại. Phiền não của người trí cũng giống như vậy, đã dứt trừ rồi thì chẳng bao giờ sanh ra trở lại.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ông nói về nhận biết đó, là *trí* nhận biết hay *ngã* nhận biết? Nếu *trí* có thể nhận biết, sao ông lại nói cái *ngã* nhận biết? Nếu cái *ngã* có thể nhận biết, sao rốt cùng lại phải cần dùng đến phương tiện là *trí*?

“Nếu ý ông cho rằng cái *ngã* nhân ở trí mà nhận biết thì cũng [vô lý] như ví dụ hoa [*tu-man-na* đốt cháy xóm làng] đã bị bác bỏ.

“Thiện nam tử! Ví như cây gai nhọn, bản tánh của nó là có thể đâm, không thể nói là thân cây cầm gai đâm. *Trí* cũng giống như vậy, [bản tánh của] *trí* tự có thể nhận biết, sao lại nói rằng cái *ngã* sử dụng *trí* để biết?

“Thiện nam tử! Theo giáo pháp của các ông, khi *ngã* đạt được giải thoát, đó là cái *ngã không nhận biết* được giải thoát hay cái *ngã có nhận biết* được giải thoát? Nếu cái *ngã không nhận biết* được giải thoát thì nên biết rằng vẫn còn đầy đủ phiền não. Nếu là cái *ngã có nhận biết*

được giải thoát thì nên biết rằng đã sẵn có năm tình thức và các căn. Vì sao vậy? Vì lìa ngoài các căn không riêng có sự biết nào khác nữa. Nếu có đủ các căn, sao có thể gọi là giải thoát? Còn nếu nói rằng tánh của cái *ngã* này là thanh tịnh, lìa khỏi năm căn, vì sao lại nói là [cái *ngã*] trùm khắp *năm cảnh giới* đều có? Lại do nhân duyên gì mà vì sự giải thoát nên tu tập các pháp lành?

“Thiện nam tử! Ví như có người muốn nhổ gai trong hư không, [thật là làm chuyện vô lý, vì làm gì có gai để nhổ?]. Ông cũng giống như vậy. Nếu cái *ngã* là thanh tịnh, vì sao lại nói [đến việc] dứt trừ phiền não? Nếu ý ông cho rằng không do nơi nhân duyên mà đạt được giải thoát, vậy sao tất cả chúng sanh không được giải thoát?”

Tiên-ni nói: “*Cồ-đàm!* Nếu là không có *ngã* thì [chủ thể nào] có thể nhớ lại [những chuyện đã qua]?”

Phật hỏi: “*Tiên-ni!* Nếu là có *ngã*, do duyên có gì [người ta] lại cũng [có lúc] quên đi [chuyện cũ]? Thiện nam tử! Nếu [khả năng] nhớ lại đó là *ngã*, vậy do nhân duyên gì [người ta] lại nhớ những điều xấu ác, [lại có khi] nhớ những việc không muốn nhớ, [có khi] không nhớ được những việc muốn nhớ?”

Tiên-ni lại nói: “*Cồ-đàm!* Nếu là không có *ngã* thì [chủ thể nào] nhìn thấy, nghe biết?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Trong có *sáu căn*, ngoài có *sáu trần*; trong ngoài hòa hợp sanh ra *sáu loại thức*. Sáu *thức* ấy do nhân duyên [của mỗi *thức*] mà có tên gọi [khác nhau].

“Thiện nam tử! Ví như lửa chỉ có một [loại], nhưng khi

đốt củi gọi là *lửa củi*, khi đốt cỏ khô gọi là *lửa cỏ khô*, khi đốt trấu gọi là *lửa trấu*, khi đốt phân bò khô gọi là *lửa phân bò*. Ý thức của chúng sanh cũng vậy, nhân nơi [các yếu tố] *con mắt, hình sắc, ánh sáng* và *ý muốn thấy* nên gọi là *nhãn thức*.

“Thiện nam tử! *Nhãn thức* ấy không ở nơi *con mắt*, cho đến cũng không ở nơi *ý muốn thấy*. Do cả bốn yếu tố hòa hợp [nói trên] mới sanh ra *nhãn thức*. Cho đến *ý thức* lại cũng như vậy.¹ Nếu là do nhân duyên hòa hợp sanh ra thì người trí không nên nói rằng ‘*sự thấy là ngã*’... cho đến ‘*sự xúc chạm là ngã*’.

“Thiện nam tử! Cho nên ta nói rằng từ *nhãn thức* cho đến *ý thức*, tất cả các pháp thấy đều như huyễn hóa. Vì sao là như huyễn hóa? Vì trước vốn không mà nay thành có, đã có rồi trở lại thành không.

“Thiện nam tử! Ví như dùng bơ, bột, đường, gừng, tiêu, *tát-bạt, bồ đào, hồ đào, thạch lựu, tuy tử*, các thứ ấy hòa hợp gọi là hoàn thuốc *hoan hỷ*. Lìa khỏi sự hòa hợp ấy không có hoàn thuốc *hoan hỷ*. *Sáu căn* bên trong [hòa hợp] với *sáu trần* bên ngoài, đó gọi là chúng sanh, là *tự ngã*, là người [khác], là thần thức...² Lìa khỏi *sáu căn* bên trong và *sáu trần* bên ngoài thì không hề riêng có [những thực thể được gọi là] chúng sanh, *tự ngã*, người [khác], thần thức... đó.”

¹ Cho đến ý thức: câu này nói tóm ý từ nhãn thức cho đến ý thức, nghĩa là bao gồm nhãn thức, nhĩ thức, tỉ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức.

² Nguyên bản dùng chữ sĩ phu, được dịch từ tiếng Phạn là *puruṣa*, phiên âm là bồ-lô-sa (補盧沙), với nghĩa chỉ phần tinh thần bản thể của con người, hoàn toàn không liên quan đến nghĩa của chữ sĩ phu thường được hiểu trong chữ Hán (người có học, nho sĩ...). Có nơi cũng dịch chữ này là linh hồn.

Tiên-ni nói: “*Cô-đàm!* Nếu không có *ngã*, vì sao lại nói: tôi thấy, tôi nghe, tôi khổ, tôi vui, tôi lo, tôi mừng...?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu [do những câu] nói: *tôi thấy, tôi nghe...* mà cho là có *ngã*, vậy duyên có gì người thế gian cũng nói: ‘Tội lỗi ông đã làm không phải chỗ *thấy nghe của tôi*’?”¹

“Thiện nam tử! Ví như bốn binh chủng² hợp lại thành quân đội. Bốn binh chủng ấy tuy không phải một, nhưng cũng [gồm chung mà] nói rằng ‘*quân ta mạnh mẽ*’, ‘*quân ta thắng địch*’... Chỗ tạo thành [do sự hòa hợp] của *sáu căn* bên trong và *sáu trần* bên ngoài cũng giống như vậy. Tuy không phải là một [thể], nhưng cũng có thể rằng: *tôi thấy, tôi nghe, tôi khổ, tôi vui, tôi lo, tôi mừng...*”

Tiên-ni nói: “*Cô-đàm!* Theo như ngài vừa nói, *sáu căn* bên trong hợp với *sáu trần* bên ngoài [gọi đó là *ngã*], vậy chủ thể nào phát ra âm thanh lời nói rằng: *tôi làm, tôi chịu...*?”

Phật dạy: “*Tiên-ni!* Do nhân duyên là *vô minh, tham ái...* sanh ra *nghiệp*; do *nghiệp* sanh ra sự hiện hữu; do sự hiện hữu mà sanh ra vô số các trạng thái của tâm, [tức là *tâm sở*]. Do các *tâm sở* sanh ra đủ mọi suy niệm vọng tưởng; do những suy niệm vọng tưởng này làm chuyển động luồng khí [trong người]; khí [chuyển động] tùy theo tâm mà xúc chạm đến cổ họng, lưỡi, răng, môi [tạo thành âm thanh tương ứng]. Do chúng sanh có tư tưởng điên

¹ Câu này phá vỡ lập luận của ông *Tiên-ni* rằng chỗ thấy, nghe đó là *ngã*; vì theo câu nói này thì chỗ thấy nghe và *ngã* là hai thực thể khác nhau.

² Bốn binh chủng: ở đây chỉ quân đội ngày xưa gồm bốn binh chủng là: quân có voi, quân cưỡi ngựa, quân dùng xe, quân đánh bộ.

đảo, [khi nghe] âm thanh phát ra liền nói rằng [đó là những tiếng]: *tôi làm, tôi chịu, tôi thấy, tôi nghe...*

“Thiện nam tử! Như cái chuông nhỏ gắn trên đầu ngọn cờ, do nhân duyên là gió mà phát ra âm thanh. Khi gió mạnh thì âm thanh lớn, gió nhẹ thì âm thanh nhỏ, thật không có ai làm ra âm thanh ấy.

“Thiện nam tử! Ví như sắt đang nóng [đỏ] cho vào nước liền phát ra nhiều loại âm thanh. Các âm thanh ấy thật không có ai làm ra cả.

“Thiện nam tử! Phàm phu không thể suy xét phân biệt như vậy nên nói rằng có ‘*ta*’ và ‘*vật của ta*’, rằng có *bản ngã* tạo tác, có *bản ngã* nhận chịu...”

Tiên-ni liền thưa hỏi: “Như *Cô-đàm* nói: Không có cái *ta* và *vật của ta*, vậy duyên có gì ngài lại nói [có] *thường, lạc, ngã, tịnh?*”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ta cũng không nói rằng *sáu căn* bên trong, *sáu trần* bên ngoài và *sáu thức* là *thường, lạc, ngã, tịnh*. Nhưng ta thuyết dạy rằng: Trừ dứt *sáu thức* do *sáu căn* trong hợp với *sáu trần* ngoài sanh ra, đó gọi là *thường*. Vì là *thường*, nên gọi là *ngã*. Có *thường*, có *ngã*, nên gọi là *lạc*. Vì là *thường, ngã, lạc* nên gọi là *tịnh*.

“Thiện nam tử! Chúng sanh chán bỏ sự khổ, dứt trừ nguyên nhân của sự khổ ấy, tùy ý lìa xa, đó gọi là *vô ngã*. Vì nhân duyên ấy, nay ta thuyết dạy sự chân thật về *thường, lạc, ngã, tịnh*.”

Tiên-ni nói: “Bạch Thế Tôn! Nguyên đức *Đại từ* vì con thuyết dạy. Nay con phải làm thế nào để đạt được những sự *thường, lạc, ngã, tịnh* như thế?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Tất cả người thế gian từ xưa vốn đã luôn có đủ sự kiêu mạn¹ rất lớn, thường làm tăng trưởng sự kiêu mạn ấy, lại cũng tạo ra những nguyên nhân của kiêu mạn, những nghiệp kiêu mạn, vì thế mà ngày nay phải thọ nhận quả báo kiêu mạn, không thể lìa xa tất cả phiền não để đạt được *thường, lạc, ngã, tịnh*. [Cho nên,] chúng sanh muốn lìa xa tất cả phiền não thì trước hết phải thường lìa xa sự kiêu mạn.”

Tiên-ni bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Quả đúng vậy, đúng vậy! Lời Phật dạy không sai! Con trước đây thật có nhiều kiêu mạn. Do nhân duyên kiêu mạn nên mới dám gọi trống đức Như Lai bằng họ *Cô-đàm*! Nay con đã lìa bỏ sự kiêu mạn rất lớn ấy nên mới thành tâm thưa thỉnh cầu nghe *Chánh pháp*. [Nguyện đức Như Lai dạy bảo cho] phải làm thế nào để đạt được *thường, lạc, ngã, tịnh*?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Hãy lắng nghe cho kỹ, nghe cho kỹ! Ta sẽ vì ông mà phân biệt giảng nói.

“Thiện nam tử! Nếu có thể [nhận thức rằng tất cả pháp đều là] *không phải ta, không phải người khác, không phải chúng sanh*, liền lìa xa [tất cả các] pháp ấy.”

Tiên-ni thưa: “Bạch Thế Tôn! Con đã rõ biết, đạt được cách nhìn theo *Chánh pháp*.”

Phật hỏi: “Thiện nam tử! Vì sao ông nói là đã rõ biết, đạt được cách nhìn theo *Chánh pháp*?”

Tiên-ni thưa: “Bạch Thế Tôn! Cái gọi là *sắc* đó không phải ta, không phải người khác, không phải chúng sanh;

¹ Kiêu mạn: thái độ và khuynh hướng ứng xử luôn tỏ ra kiêu căng, ngạo mạn, tự cho mình là tốt đẹp, tài giỏi hơn hẳn và xem thường mọi người khác.

cho đến *thức* cũng là như vậy.¹ Con quán xét như vậy nên đạt được cách nhìn theo *Chánh pháp*.

“Bạch Thế Tôn! Nay con rất muốn xuất gia tu đạo, xin Phật chấp thuận.”

Phật dạy: “Lành thay đó, *tỳ-kheo!*”

[Lời Phật vừa dứt,] *Tiên-ni* tức thời được trọn đủ *Phạm hạnh* thanh tịnh, chứng được thánh quả *A-la-hán*.

Trong chúng ngoại đạo lại có một *Phạm chí* họ *Ca-diếp* lên tiếng hỏi rằng: “*Cô-đàm!* Thân này tức là mạng sống, hay thân với mạng sống là khác nhau?”

Đức Như Lai lặng thinh. [*Phạm chí*] lại hỏi đến lần thứ hai, thứ ba, Phật vẫn lặng thinh.

Phạm chí Ca-diếp liền nói: “*Cô-đàm!* Như khi một người đã bỏ thân [đời này], chưa được thân đời sau; trong khoảng trung gian ấy chẳng phải *thân* và *mạng sống* là khác nhau hay sao? Nếu là khác nhau, vì sao *Cô-đàm* [không nói là khác nhau mà] lặng thinh chẳng đáp?”

Phật nói: “Thiện nam tử! Ta có dạy rằng thân và mạng sống đều do nhân duyên, chẳng phải không do nhân duyên. Lại cũng giống như thân và mạng sống, tất cả các pháp đều [do nhân duyên] như vậy.”

Phạm chí lại nói: “*Cô-đàm!* Tôi thấy ở thế gian có những pháp không do nhân duyên.”

Phật hỏi: “*Phạm chí!* Ông thấy như thế nào [mà nói rằng] thế gian có những pháp không do nhân duyên?”

¹ Câu này nói tóm ý về cả năm ấm: sắc, thọ, tưởng, hành, thức, đều giống như vậy.

Phạm chí đáp: “Tôi thấy lửa mạnh thiêu cháy cây cối, núi rừng; gió thổi những tàn lửa bay rơi xuống chỗ khác. Đó chẳng phải là không do nhân duyên sao?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ta nói lửa ấy cũng do nhân mà sanh, chẳng phải không do nhân.”

Phạm chí nói: “*Cô-đàm!* Những tàn lửa khi bay đi không do nơi than củi, sao lại nói rằng do nơi nhân duyên?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Tuy không có than củi, nhưng là nhân nơi gió mà bay đi. Do nhân duyên là gió nên tàn lửa [từ đám lửa] bay ra không dứt.”

Phạm chí hỏi: “*Cô-đàm!* Như có một người đã bỏ thân [đời này], chưa được thân đời sau, vậy mạng sống của người này trong khoảng trung gian ấy lấy gì làm nhân duyên?”

Phật dạy: “*Phạm chí!* Vô minh và tham ái là nhân duyên. Do nhân duyên là vô minh và tham ái nên mạng sống được duy trì.

“Thiện nam tử! Có khi do nhân duyên nên thân tức là mạng sống, mạng sống tức là thân; có khi do nhân duyên nên thân khác với mạng sống. Người trí không nên chỉ nói một chiều rằng thân khác với mạng sống.”

Phạm chí bạch rằng: “Thế Tôn! Xin ngài vì tôi phân biệt giảng nói, khiến tôi thấu hiểu được rõ ràng về nhân quả.”

Phật dạy: “Phạm chí! Nhân tức là *năm ấm*, quả cũng là *năm ấm*. Nếu chúng sanh nào không đốt lửa thì sẽ không thể có khói.”

Phạm chí thưa: “Bạch Thế Tôn! Con đã nhận biết được rồi; con đã hiểu rõ được rồi.”

Phật hỏi: “Thiện nam tử! Ông nhận biết như thế nào? Ông hiểu rõ như thế nào?”

Phạm chí thưa: “Bạch Thế Tôn! *Lửa* đó là phiền não, có thể thiêu đốt trong các cõi *địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh*, cõi trời, cõi người. *Khói* đó là quả báo của phiền não. Vì là vô thường, bất tịnh, xấu xa, nhơ nhớp, đáng chán ghét nên gọi là khói. Nếu chúng sanh nào không gây tạo phiền não, những người ấy quyết sẽ không có quả báo của phiền não. Cho nên Như Lai nói: ‘*Không đốt lửa sẽ không thể có khói.*’

“Bạch Thế Tôn! Con đã đạt được sự thấy biết chân chánh, nguyện Phật từ bi thương xót cho phép con xuất gia.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo *Kiều-trần-như* rằng: “Hãy nhận cho *Phạm chí* này xuất gia thọ giới.”

Kiều-trần-như vâng lời Phật dạy, liền hội họp chúng tăng để nhận cho *Phạm chí* họ *Ca-diếp* xuất gia, thọ giới *cụ túc*. Trải qua năm ngày, *Phạm chí Ca-diếp* liền chứng được thánh quả *A-la-hán*.

Trong chúng ngoại đạo lại có một *Phạm chí* tên *Phú-na* lên tiếng hỏi: “*Cô-đàm*! Có phải ngài thấy thế gian là pháp thường tồn nên nói là *thường* chăng? Ý nghĩa như vậy là chân thật hay hư dối? Là *thường* hay *vô thường*? Hay cũng là *thường* cũng là *vô thường*? Hay chẳng phải *thường* cũng chẳng phải *vô thường*? Là có giới hạn hay không giới hạn? Hay vừa có giới hạn lại vừa không giới hạn? Hay chẳng có giới hạn cũng chẳng phải không giới hạn? Thân này tức là mạng sống hay thân và mạng sống

là khác nhau? Sau khi Như Lai diệt độ rồi là như đi [mất] hay không như đi [mất]? Hay vừa như đi [mất] vừa không như đi [mất]? Hay là không phải như đi [mất] cũng không phải không như đi [mất]?”

Phật dạy: “*Phú-na!* Ta không nói [ý nghĩa] thế gian thường tồn [đó là] hư dối hay chân thật. [Ta cũng không nói thế gian là] vô thường, hay cũng là thường cũng là vô thường; là chẳng phải thường chẳng phải vô thường; là có giới hạn hay không giới hạn; là vừa có giới hạn vừa không có giới hạn; là chẳng phải có giới hạn cũng chẳng phải không giới hạn; hoặc thân này tức là mạng sống hay thân và mạng sống khác nhau; hoặc Như Lai diệt độ rồi như đi [mất] hay chẳng như đi [mất]; hoặc vừa như đi [mất] vừa không như đi [mất]; hoặc không phải như đi [mất] cũng chẳng phải không như đi [mất].”

Phú-na lại hỏi: “*Cô-đàm!* Nay ngài thấy được những điểm sai trái tai hại nào mà không nói những điều như trên?”

Phật dạy: “*Phú-na!* Nếu có người nói rằng: ‘*Thế gian là thường tồn*’ rồi cho đó là điều duy nhất chân thật, còn ngoài ra đều là hư dối. Đó gọi là [*định*] *kiến*. [Do *định kiến* này nên] chỗ [mà người ấy] thấy biết gọi là *kiến hành*,¹ gọi là chỗ thấy biết tạo nghiệp; gọi là chỗ thấy biết vương mắc; gọi là chỗ thấy biết trói buộc; gọi là chỗ thấy biết [gây ra] sự khổ não; gọi là chỗ thấy biết chấp giữ; gọi là chỗ thấy biết [gây ra] sự sợ sệt; gọi là chỗ thấy biết nóng nảy; gọi là chỗ thấy biết buộc ràng chẳng chệch.

¹ Kiến hành: chỉ chung các loại ngã kiến, tà kiến... khiến hành giả không thể nhận thức được chân lý, nên cũng gọi là kiến hoặc.

“Này *Phú-na*! Kẻ phàm phu bị cái [định] kiến [như thế] buộc trôi chằng chịt, không thể lìa xa *sanh, già, bệnh, chết*, trôi lăn trong sáu nẻo, chịu vô số khổ não.

“Cho đến [cái định kiến rằng ‘sau khi Như Lai diệt độ rồi] chẳng phải như đi [mất] cũng chẳng phải không như đi [mất],’ cũng là như vậy.¹

“Này *Phú-na*! Ta thấy [những định] kiến ấy có sự sai trái tai hại như thế nên không vướng mắc vào, cũng không thuyết dạy [những điều ấy] với người khác.”

Phú-na lại thưa hỏi: “*Cồ-đàm*! Nếu [ngài] đã thấy được những sai trái tai hại như vậy nên không vướng mắc vào, cũng không thuyết dạy [những điều ấy với người khác], vậy nay *Cồ-đàm* thấy biết những gì, vướng mắc những gì, thuyết dạy những gì?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Sự vướng mắc vào chỗ thấy biết là pháp sanh tử. Như Lai đã lìa khỏi pháp sanh tử nên không có vướng mắc.

“Thiện nam tử! Như Lai là bậc có thể thấy biết rõ ràng và có thể thuyết dạy, không có sự vướng mắc.

Phú-na lại thưa hỏi: “*Cồ-đàm*! Thế nào là có thể thấy biết rõ ràng? Thế nào là có thể thuyết dạy?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ta có thể thấy rõ [các sự thật là] *khổ*, nguyên nhân của *khổ*, [tức là *tập*], sự dứt trừ hoàn toàn các nguyên nhân của *khổ*, [tức là *diệt*] và con đường dẫn đến sự diệt *khổ*, [tức là *đạo*]; có thể phân biệt thuyết giảng về bốn chân lý ấy.

¹ Câu này nói tóm ý tất cả những giả thuyết mà *Phú-na* đã nêu ra ở đoạn trên, tất cả đều là định kiến, hay nói cách khác cũng là những tà kiến, thấy biết sai lầm.

“Ta thấy rõ như vậy nên có thể lìa xa hết thấy mọi *kiến* [chấp],¹ hết thấy mọi *tham ái*, hết thấy mọi sự lưu chuyển [trong sanh tử], hết thấy mọi sự kiêu mạn; vì thế ta có đủ *Phạm hạnh* thanh tịnh, sự vắng lặng an tĩnh không gì hơn được, và đạt được [Pháp] *thân* thường tồn. [Pháp] *thân* này cũng không thuộc về các [phương hướng] đông, tây, nam, bắc.”²

Phú-na lại hỏi: “Thưa *Cồ-đàm*, do nhân duyên gì mà [Pháp] *thân* thường tồn đó không thuộc về [các phương hướng] đông, tây, nam, bắc?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nay ta sẽ hỏi ông, cứ tùy ý mà trả lời. Nay thiện nam tử, ý ông nghĩ sao, nếu trước mặt ông đốt lên một đống lửa lớn, đang khi lửa cháy ông có biết là cháy hay không?”

Phú-na đáp: “Thưa *Cồ-đàm*, có biết như vậy.”

Phật hỏi: “Khi lửa ấy tắt, ông có biết là tắt hay không?”

Phú-na đáp: “Thưa *Cồ-đàm*, có biết như vậy.”

Phật hỏi: “Nếu có người hỏi ông rằng, đống lửa trước mặt ông đó, khi đốt lên thì lửa từ đâu đến, khi tắt rồi thì lửa đi về đâu, ông sẽ đáp thế nào?”

Phú-na đáp: “Thưa *Cồ-đàm*, tôi sẽ đáp rằng: Lửa ấy khi sanh ra là dựa vào các duyên [hòa hợp], khi các duyên trước đó đã hết, các duyên mới chưa đến thì lửa phải tắt.”

Phật nói: “Nếu lại hỏi sau khi tắt lửa đi về phương nào thì ông đáp thế nào?”

¹ Kiến chấp: sự cố chấp và vướng mắc vào chỗ thấy biết hiện có của mình, cho đó là tuyệt đối và không chấp nhận mọi quan điểm khác.

² Nói pháp thân thường tồn là vượt khỏi giới hạn của thời gian; nói không thuộc về các phương hướng đông, tây, nam, bắc là vượt khỏi giới hạn của không gian.

Phú-na đáp: “Thưa *Cô-đàm*, tôi sẽ đáp rằng: Lửa ấy vì hết duyên nên phải tắt, chẳng đi đến phương nào cả.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Như *Lai* cũng thế. Nếu có *sắc vô thường* cho đến *thức vô thường*, đó là nhân nơi *tham ái* mà cháy. [Nói] ‘*cháy*’ đó tức là sự thọ thân trong *hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu*. Vì thế nên khi đang cháy có thể nói rằng lửa ấy ở nơi phương đông, phương tây, phương nam hoặc phương bắc. Khi *tham ái* hiện tại dứt rồi, quả báo trong *hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu* không còn cháy nữa. Vì lửa ấy không còn cháy nữa nên không thể nói là có các phương hướng đông, tây, nam, bắc.

“Thiện nam tử! Như *Lai* đã diệt trừ *sắc vô thường* cho đến *thức vô thường*, nên thân Như *Lai* là *thường*. Nếu thân Như *Lai* là *thường* thì không thể nói là có các phương hướng đông, tây, nam, bắc.”

Phú-na nói: “*Bạch Thế Tôn*! Nay con xin nói ra một thí dụ, mong được *Thế Tôn* nhận nghe.”

Phật dạy: “Lành thay, lành thay! Ông cứ tùy ý nói ra.”

Phú-na thưa: “*Bạch Thế Tôn*! Như phía ngoài thôn lớn kia có một khu rừng *sa-la*. Trong rừng ấy có một cây lớn sanh ra trước cả khu rừng, đã được trăm năm tuổi. Lúc ấy, người giữ rừng thường tưới nước cho cây và tùy theo thời tiết mà chăm sóc. Cây ấy [ngày càng] già đi, hư hoại dần, rồi vỏ cây, cành lá thảy đều rơi rụng, chỉ còn lại duy nhất phần [lõi cây] chân thật.

“*Thế Tôn*! Đức Như *Lai* cũng thế, những gì già cũ đều đã trừ sạch, chỉ còn duy nhất là pháp chân thật.

“*Bạch Thế Tôn*! Nay con rất muốn được xuất gia tu tập *Chánh đạo*.”

Đức Phật liền gọi: “Lành thay, hãy đến đây, *tỳ-kheo!*”

Lời Phật vừa dứt, *Phú-na* lập tức [trở thành người] xuất gia, dứt sạch mọi phiền não, chứng đắc quả *A-la-hán*.¹

Lại có một *Phạm chí* tên Thanh Tịnh lên tiếng hỏi rằng: “*Cô-đàm!* Tất cả chúng sanh do không hiểu biết pháp nào mà thấy rằng thế gian là *thường*, hoặc thấy là *vô thường*, hoặc cũng là *thường* cũng là *vô thường*, hoặc chẳng phải *thường* chẳng phải *vô thường*... cho đến [thấy rằng Như Lai diệt độ rồi] chẳng phải như đi [mất] cũng chẳng phải không như đi [mất]?”²

Phật dạy: “Thiện nam tử! [Tất cả chúng sanh] vì không hiểu biết về *sắc*... cho đến không hiểu biết về *thức*,³ nên thấy rằng thế gian là *thường*... cho đến [thấy rằng Như Lai diệt độ rồi] chẳng phải như đi [mất] cũng chẳng phải không như đi [mất].”

Phạm chí lại hỏi: “*Cô-đàm!* Chúng sanh nhờ hiểu biết pháp nào mà không thấy rằng thế gian là *thường*... cho đến [không thấy rằng Như Lai diệt độ rồi] chẳng phải như đi [mất] cũng chẳng phải không như đi [mất]?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Chúng sanh nhờ hiểu biết về *sắc*... cho đến hiểu biết về *thức*, nên không thấy rằng thế gian là *thường*... cho đến [không thấy rằng Như Lai diệt độ rồi] chẳng phải như đi [mất] cũng chẳng phải không như đi [mất].”

¹ Theo Nam bản thì từ đây hết quyển 35, bắt đầu quyển 36, cũng là quyển cuối, phẩm Kiều-trần-như, phần sau (Kiều-trần-như phẩm hạ).

² Câu hỏi này tóm ý các giả thuyết mà *Phú-na* đã nêu ra ở phần trước.

³ Câu này nói tóm ý từ *sắc* cho đến *thức*, tức là năm ấm: *sắc*, *thọ*, *tưởng*, *hành* và *thức*.

Phạm chí thưa: “Bạch Thế Tôn! Xin ngài vì con phân biệt giảng nói về sự *thường* và *vô thường* của thế gian.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu người nào buông bỏ mọi nghiệp cũ, không tạo tác nghiệp mới, người ấy có thể rõ biết về *thường* và *vô thường*.”

Phạm chí [Thanh Tịnh] thưa: “Bạch Thế Tôn! Con đã nhận biết, con đã hiểu rõ.”

Phật hỏi: “Thiện nam tử! Ông nhận biết như thế nào? Hiểu rõ như thế nào?”

Phạm chí thưa: “Bạch Thế Tôn! Nói ‘*cũ*’ đó là *vô minh* và *tham ái*; nói ‘*mới*’ đó là [sự *chấp*] *thủ* và [*hiện*] *hữu*. Nếu người nào lìa xa *vô minh* và *tham ái*, không tạo tác [các nghiệp *chấp*] *thủ* và [*hiện*] *hữu*, người ấy rõ biết một cách chân thật về *thường* và *vô thường*.”

“Bạch Thế Tôn! Nay con đã đạt được cách nhìn thanh tịnh đúng theo *Chánh pháp*, xin quy y *Tam bảo*, nguyện đức Như Lai cho phép con xuất gia.”

Phật bảo *Kiều-trần-như*: “Hãy cho vị *Phạm chí* này xuất gia thọ giới.”

Bấy giờ, *Kiều-trần-như* vâng lời Phật dạy, liền đưa *Phạm chí* Thanh Tịnh đến trước chư tăng, làm pháp *kiết-ma* cho vị này xuất gia. Mười lăm ngày sau đó, *Phạm chí* Thanh Tịnh dứt sạch phiền não, chứng đắc quả *A-la-hán*.

[Khi ấy lại có vị] *Phạm chí* tên Độc Tử đứng lên nói: “*Cô-đàm*! Nay tôi muốn hỏi, ngài có cho phép chăng?”

Đức Như Lai lặng thinh. Độc Tử lại hỏi đến lần thứ nhì, rồi lần thứ ba, đức Như Lai vẫn lặng thinh [không đáp].

Độc Tử lại nói: “*Cô-đàm!* Tôi với ngài là chỗ thân hữu đã lâu, ngài với tôi nghĩa tình như một; nay tôi muốn hỏi, tại sao ngài lặng thinh?”

Bấy giờ, đức Thế Tôn nghĩ rằng: “*Vị Phạm chí* này tánh tình nho nhã, hiền lành, thẳng thắn, thường vì sự hiểu biết mới đến thưa hỏi chứ không có ý quấy rối. Nếu ông ấy thưa hỏi, ta sẽ tùy ý đáp.”

Phật liền nói: “Lành thay, lành thay! Độc Tử, ông cứ tùy chỗ nghi ngờ mà hỏi, ta sẽ giải đáp.”

Độc Tử liền hỏi: “*Cô-đàm!* Thế gian này có pháp *thiện* hay chẳng?”

Phật đáp: “*Phạm chí*, có pháp *thiện*.”

Lại hỏi: “Có pháp *bất thiện* hay chẳng?”

Phật đáp: “*Phạm chí*, có pháp *bất thiện*.”

Độc Tử liền nói: “*Cô-đàm!* Xin ngài vì tôi giảng giải, giúp tôi hiểu biết được về các pháp *thiện* và *bất thiện*.”

Phật dạy: “*Thiện nam tử!* Về những nghĩa ấy ta có thể phân biệt giảng rộng, nhưng nay sẽ vì ông mà giảng giải sơ lược.

“*Thiện nam tử!* *Tham dục* là *bất thiện*, giải thoát khỏi *tham dục* là *thiện*. *Sân khuể* và *ngu si* cũng vậy, [đều là *bất thiện*, giải thoát khỏi hai pháp này là *thiện*].

“*Giết hại* là *bất thiện*, không *giết hại* là *thiện*... cho đến tà kiến cũng là như vậy.¹

“*Thiện nam tử!* Nay ta đã giảng với ông ba loại pháp *thiện* và *bất thiện* [là *tham*, *sân*, *si*], cũng đã giảng mười

¹ *Giết hại*... cho đến *tà kiến*: là nói tóm lược về cả Mười pháp *bất thiện*, bao gồm: *giết hại*, *trộm cắp*, *tà dâm*, *nói dối*, *nói thêu dệt*, *nói hai lưỡi*, *nói ác khẩu*, *tham lam*, *sân khuể* và *tà kiến*. Không làm những điều này là Mười pháp *thiện*.

loại pháp *thiện* và *bất thiện*. Nếu trong các đệ tử của ta, ai có thể phân biệt được ba pháp *thiện* và *bất thiện* ấy, cho đến mười pháp *thiện* và *bất thiện*, nên biết rằng người ấy có thể dứt hết *tham dục, sân khuể, ngu si*, tất cả phiền não, dứt trừ [sự tái sanh trong] tất cả các cảnh giới hiện hữu.”

Phạm chí thưa rằng: “*Cồ-đàm!* Trong pháp Phật liệu có một *tỳ-kheo* nào có thể dứt hết *tham dục, sân khuể, ngu si*, tất cả phiền não, dứt trừ [sự tái sanh trong] tất cả các cảnh giới hiện hữu hay không?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Trong pháp Phật không chỉ có một, hai, ba... cho đến năm trăm, mà có đến vô số các vị *tỳ-kheo* có thể dứt hết *tham dục, sân khuể, ngu si*, tất cả phiền não, dứt trừ [sự tái sanh trong] tất cả các cảnh giới hiện hữu như vậy.”

Phạm chí nói: “*Cồ-đàm!* Hãy tạm gác lại chuyện một *tỳ-kheo*. Trong pháp Phật liệu có một *tỳ-kheo* ni nào có thể dứt hết *tham dục, sân khuể, ngu si*, tất cả phiền não, dứt trừ [sự tái sanh trong] tất cả các cảnh giới hiện hữu hay không?”

Phật nói: “Thiện nam tử! Trong pháp Phật không phải chỉ có một, hai, ba... cho đến năm trăm, mà có đến vô số các vị *tỳ-kheo* ni có thể dứt hết *tham dục, sân khuể, ngu si*, tất cả phiền não, dứt trừ [sự tái sanh trong] tất cả các cảnh giới hiện hữu như vậy.”

Độc Tử lại nói: “*Cồ-đàm!* Hãy tạm gác lại chuyện một *tỳ-kheo*, một *tỳ-kheo* ni. Trong pháp Phật liệu có một *ưu-bà-tắc* nào giữ giới tinh cần, thanh tịnh *Phạm hạnh*, vượt qua được sự ngờ vực, dứt sạch mọi mối nghi hay chướng?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Trong pháp Phật không phải chỉ có một, hai, ba... cho đến năm trăm, mà có đến vô số *ưu-bà-tắc* giữ giới tinh cần, thanh tịnh *Phạm hạnh*, trừ được *năm mối trói buộc*,¹ chúng đắc quả *A-na-hàm*, vượt qua được sự ngờ vực, dứt sạch mọi mối nghi.”

Độc Tử lại hỏi: “*Cô-đàm*! Hãy tạm gác lại chuyện một *tỳ-kheo*, một *tỳ-kheo* ni, một *ưu-bà-tắc*. Trong pháp Phật liệu có một *ưu-bà-di* nào giữ giới tinh cần, thanh tịnh *Phạm hạnh*, vượt qua được sự ngờ vực, dứt sạch mọi mối nghi hay chăng?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Trong pháp Phật không phải chỉ có một, hai, ba... cho đến năm trăm, mà có đến vô số *ưu-bà-di* giữ giới tinh cần, thanh tịnh *Phạm hạnh*, trừ được *năm mối trói buộc*, chúng đắc quả *A-na-hàm*, vượt qua được sự ngờ vực, dứt sạch mọi mối nghi.”

Độc Tử nói: “*Cô-đàm*! Hãy tạm gác lại những chuyện một *tỳ-kheo*, một *tỳ-kheo* ni dứt hết phiền não, một *ưu-bà-tắc*, một *ưu-bà-di* giữ giới tinh cần, thanh tịnh *Phạm hạnh*, dứt sạch mọi mối nghi. Trong pháp Phật liệu có một *ưu-bà-tắc* nào [đạt đến mức] thọ hưởng sự vui thích *năm món dục* mà lòng không có mối nghi nào hay chăng?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Trong pháp Phật không phải chỉ có một, hai, ba... cho đến năm trăm, mà có đến vô số *ưu-bà-tắc* đã dứt trừ *ba mối trói buộc*,² chúng đắc quả *Tu-*

¹ Năm mối trói buộc: chỉ ngũ hạ kết, cũng gọi là ngũ dộn sử, là năm mối trói buộc của chúng sanh Dục giới, gồm những trói buộc vì quan điểm sai lầm, vì sự nghi ngờ, vì giữ theo tà giới, vì tham lam và vì sân hận.

² Ba mối trói buộc: chỉ tam kết sử, nằm trong ngũ hạ kết vừa nói trên, bao gồm sự trói buộc do quan điểm sai lầm, trói buộc vì sự nghi ngờ và trói buộc vì giữ theo tà giới.

đà-hoàn; lại làm cho các tâm *tham*, *sân* và *si* chỉ còn rất yếu ớt, chứng đắc quả *Tư-đà-hàm*.

“Cũng giống như *ưu-bà-tắc*, [có vô số] *ưu-bà-di* [đạt được] như vậy.”

Độc Tử thưa rằng: “Bạch Thế Tôn! Nay con muốn nói ra một thí dụ.”

Phật dạy: “Lành thay! Ông đã muốn nói, vậy hãy nói đi!”

Độc Tử nói: “Bạch Thế Tôn! Ví như các vị long vương *Nan-đà*, *Bà-nan-đà*... đổ trận mưa lớn đều khắp; trận mưa *Chánh pháp* của Như Lai cũng giống như vậy, bình đẳng rưới xuống cho đến hàng *ưu-bà-tắc*, *ưu-bà-di*.

“Bạch Thế Tôn! Nếu những người ngoại đạo muốn đến đây xuất gia, không biết Như Lai sẽ thử thách họ trong mấy tháng?”

Phật nói: “Thiện nam tử! Thường thử thách trong bốn tháng, nhưng không nhất định chỉ có một hạng [như vậy].”

Độc Tử thưa: “Bạch Thế Tôn! Nếu không [nhất định] chỉ có một hạng [phải chịu thử thách trong bốn tháng], vậy nguyện đức *Đại từ* cho phép con xuất gia.”

Lúc ấy, đức Thế Tôn bảo *Kiều-trần-như*: “Hãy nhận cho *Phạm chí* Độc Tử xuất gia thọ giới.”

Kiều-trần-như vâng lời Phật dạy liền ở giữa chúng tăng làm pháp *kiết-ma* cho Độc Tử [xuất gia thọ giới]. Sau khi xuất gia được mười lăm ngày, Độc Tử chứng đắc quả *Tu-đà-hoàn*.

Chúng đắc quả *Tu-đà-hoàn* rồi, Độc Tử lại suy nghĩ rằng: “Nếu thật có trí tuệ do sự học hỏi mà đạt được thì nay ta đã đạt được [trí tuệ ấy] rồi, ta có thể đến gặp Phật.”

[Nghĩ như vậy rồi,] ông liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu và mặt lễ kính, rồi lui xuống đứng sang một bên, bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Nay con đã đạt được trí tuệ do sự học hỏi, nguyện đức Thế Tôn vì con mà phân biệt thuyết dạy một lần nữa, giúp con đạt đến trí tuệ của bậc *vô học*.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ông nên chuyên cần tu tập hai pháp, một là pháp *chỉ*, hai là pháp *quán*.¹

“Thiện nam tử! Nếu *tỳ-kheo* nào muốn chứng đắc quả *Tu-đà-hoàn*, cũng phải chuyên cần tu tập hai pháp ấy. Nếu ai muốn chứng đắc các quả *Tu-đà-hàm*, quả *A-na-hàm*, quả *A-la-hán*, cũng đều phải tu tập hai pháp ấy.

“Thiện nam tử! Nếu *tỳ-kheo* nào muốn đạt được *Bốn mức thiền*, *Bốn tâm vô lượng*, *Sáu thần thông*, *Tám sự buông xả*,² *Tám thắng xứ*, *Vô tranh trí*, *Đỉnh trí*, *Tất cánh trí*, *Tứ vô ngại trí*, *Tam-muội Kim cang*, *Tận trí*, *Vô sanh trí*, cũng đều phải tu tập hai pháp ấy.

“Thiện nam tử! Nếu ai muốn đạt đến *Thập trụ địa*, *Vô sanh pháp nhẫn*, *Vô tướng pháp nhẫn*, *Bất khả tư nghị pháp nhẫn*, *Thánh hạnh*, *Phạm hạnh*, *Thiên hạnh*, *Bồ*

¹ Hai pháp chỉ và quán: nguyên bản Hán văn dùng xa-ma-tha và tỳ-bà-xá-na, được phiên âm từ các Phạn ngữ *samatha* và *vipāśyanā*, theo truyền thống luôn được dịch là chỉ và quán. Chỉ nghĩa là “dừng lại”, có ý nghĩa tu tập sự định tâm, dứt mọi vọng niệm; quán nghĩa là “quán xét”, có ý nghĩa tu tập nhận thức đúng thật, sáng suốt về thực tại. Vì thế, xét về kết quả tu tập thì hai pháp tu chỉ và quán cũng được gọi là định và tuệ, vì “chỉ” giúp đạt được định và “quán” giúp đạt được tuệ. Kinh điển Đại thừa thường đề cập đến định và tuệ nhiều hơn.

² Tám sự buông xả (Bát bội xả), theo các nhà Tân dịch thì đây là Bát giải thoát (Tám giải thoát).

Tát hạnh, Tam-muội Hư không, Tam-muội Trí ấn, các Tam-muội Không, Vô tướng, Vô tác; Tam-muội Địa, Tam-muội Bất thối, Tam-muội Thủ Lăng Nghiêm, Tam-muội Kim cang, A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, Phật hạnh, cũng đều phải tu tập hai pháp ấy.

Nghe Phật dạy rồi, *tỳ-kheo* Độc Tử liền lễ bái lui ra. Ngay trong rừng *sa-la*, ông [chuyên cần] tu tập hai pháp *chỉ* và *quán*, không bao lâu liền chứng đắc quả *A-la-hán*.

Bấy giờ, lại có vô số *tỳ-kheo* muốn đi đến chỗ Phật. Độc Tử nhìn thấy liền hỏi: “Chư đại đức! Quý thầy muốn đi đến đâu?” Các vị *tỳ-kheo* đáp: “Chúng tôi muốn đi đến chỗ đức Phật.”

Độc Tử liền nói: “Chư đại đức! Nếu quý thầy đi đến chỗ Phật, xin vì tôi trình lên đức Thế Tôn rằng: ‘*Tỳ-kheo* Độc Tử đã tu tập hai pháp *chỉ* và *quán*, đạt được trí tuệ *vô học*. Nay muốn báo ơn Phật nên sẽ [xả bỏ thân này mà] nhập *Niết-bàn*.’”

Lúc ấy, các vị *tỳ-kheo* đi đến chỗ đức Phật rồi liền bạch rằng: “Bạch Thế Tôn! *Tỳ-kheo* Độc Tử nhờ chúng con trình lên đức Thế Tôn rằng: ‘*Tỳ-kheo* Độc Tử nhờ tu tập hai pháp *chỉ* và *quán*, đã đạt được trí tuệ *vô học*. Nay muốn báo ơn Phật nên sẽ [xả bỏ thân] nhập *Niết-bàn*.’”

Phật dạy: “Thiện nam tử! *Tỳ-kheo* Độc Tử đã chứng đắc quả *A-la-hán*, các ông nên đến đó cúng dường nhục thân.”

Các vị *tỳ-kheo* vâng lời Phật dạy, trở lại chỗ *tỳ-kheo* Độc Tử [xả thân], tổ chức đại lễ cúng dường.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

HẾT QUYỂN BA MƯƠI CHÍN

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN QUYỂN BỐN MƯỜI

KIỀU-TRẦN-NHƯ

Phẩm thứ mười ba – Phần ba

Ấy giờ lại có *Phạm chí* Nạp Y lên tiếng nói rằng: “*Cồ-đàm!* Ông nói rằng [người ta] trong vô số kiếp từng làm những việc *thiện* hay *bất thiện*, đến đời vị lai sẽ trở lại thọ lãnh các thân *thiện* và *bất thiện* [tương ứng với việc đã làm]. Nghĩa ấy là không đúng.

“Vì sao vậy? Như *Cồ-đàm* có nói: Nhân nơi phiền não mà có thân này. Nếu nhân nơi phiền não mà có thân, vậy thân có trước hay phiền não có trước? Nếu phiền não có trước, vậy ai tạo tác? [Khi chưa có thân thì] phiền não ấy ở nơi nào? Còn nếu thân có trước, sao lại nói rằng nhân nơi phiền não mà có thân?

“Cho nên, không thể nói là phiền não có trước thân, cũng không thể nói thân có trước phiền não. Cũng không thể nói hai thứ ấy có cùng một lúc. Như vậy, *trước*, *sau* hay *cùng lúc* đều không hợp nghĩa. Cho nên tôi nói rằng: ‘Tất cả các pháp đều có tự tánh, không do nhân duyên.’

“Lại nữa, *Cồ-đàm!* Tánh chất của *đất* là cứng chắc, tánh chất của *nước* là ẩm ướt, tánh chất của *lửa* là nóng

ấm, tánh chất của *gió* là chuyển động, tánh chất của *hư không* là không ngăn ngại. Tánh chất của *năm đại* ấy không phải do nhân duyên mà có. Nếu như ở thế gian có tánh của một pháp [nào đó] không do nhân duyên mà có, thì tánh của tất cả pháp lẽ ra cũng vậy, không do nhân duyên mà có. Nếu có một pháp [nào đó] do nhân duyên, vậy do nhân duyên gì mà tánh của *năm đại* lại không do nhân duyên?

“*Cồ-đàm!* Những thân *thiện* và *bất thiện* của chúng sanh đạt được sự giải thoát đều là do tự tánh, không do nhân duyên. Cho nên tôi nói: ‘Tất cả các pháp do tự tánh mà có, chẳng phải do nhân duyên sanh ra.’

“Lại nữa, *Cồ-đàm!* Các pháp thế gian đều có chỗ dùng nhất định. Ví như người thợ mộc nói: ‘Loại gỗ này dùng làm xe, làm kiệu... loại gỗ này dùng làm cửa, làm giường, ghế...’ Lại như người thợ kim hoàn làm ra những vật trang sức, đội trên trán gọi là tràng [hoa], đeo nơi cổ gọi là vòng cổ, đeo nơi tay gọi là vòng xuyên, đeo ở ngón tay lại gọi là nhẫn...

“Vì chỗ dùng đã sẵn định, nên gọi là tánh cố định. Nên biết rằng tất cả chúng sanh cũng vậy, vì sẵn có tánh của *năm cảnh giới* nên mới có *địa ngục, ngã quỷ, súc sanh, cõi người, cõi trời*. Nếu là như vậy, sao lại nói rằng [sự thọ sanh là] do nhân duyên?

“Lại nữa, *Cồ-đàm!* Tánh của tất cả chúng sanh thủy đều khác nhau, cho nên nói là mỗi chúng sanh đều tự có tánh riêng.

“*Cồ-đàm!* Như con rùa sanh ở đất liền, nhưng tự nó có khả năng sống dưới nước. Con bê con vựa sanh ra tự có

thể bú vú mẹ. Con cá thấy môi ở lưỡi câu tự nhiên đớp ăn. Con rắn độc lúc sanh ra tự nhiên ăn đất... Những việc như vậy, có ai dạy chúng nó chẳng? Như mũi gai khi sanh ra tự nhiên có đầu nhọn. Như loài chim tự nhiên bộ lông có những màu sắc khác nhau...

“Chúng sanh ở thế gian cũng vậy, có người lanh lợi, có kẻ ngu độn, có người giàu, kẻ nghèo; người đẹp, kẻ xấu, có người được giải thoát, có kẻ không được... Cho nên biết rằng: ‘Trong tất cả các pháp, mỗi pháp đều sẵn có tự tánh’.

“Lại nữa, *Cô-đàm!* Như ông có nói: *tham dục, sân khuể* và *si mê* đều do nhân duyên sanh ra; *ba độc* này có nhân duyên là *năm trần cảnh*: [hình sắc, âm thanh, mùi hương, vị nếm và sự xúc chạm]. Nghĩa ấy thật không đúng!

“Vì sao vậy? Chúng sanh trong lúc ngủ là lìa xa *năm trần cảnh*, nhưng vẫn sanh *tham, sân, si*. Lúc còn trong bào thai cũng vậy. Khi vừa mới ra khỏi bào thai, chưa thể phân biệt được sự tốt xấu của *năm trần cảnh*, nhưng vẫn sanh *tham, sân, si*. Các vị tiên, các bậc thánh hiền dù ở nơi vắng vẻ yên tĩnh, không hề có *năm trần cảnh*, cũng có thể sanh *tham, sân, si*. Lại có những người dù nhân ở *năm trần cảnh* mà không hề sanh ra *tham, sân, si*. Cho nên, không nhất thiết phải do nhân duyên sanh ra tất cả các pháp, đó đều là do tánh [của các pháp] tự sẵn có.

“Lại nữa, *Cô-đàm!* Tôi thấy ở đời có những kẻ không đủ năm giác quan nhưng có nhiều tài sản, vật báu, được sống rất tự do; lại có những người tuy đầy đủ các giác quan nhưng nghèo túng, hèn hạ, không được sống tự do, phải làm tôi tớ hầu hạ người khác. Nếu có nhân duyên, vì sao

lại như vậy? Cho nên các pháp thấy đều sẵn có tự tánh, không do nhân duyên.

“Lại nữa, *Cồ-đàm!* Những trẻ thơ ở thế gian chưa biết phân biệt *năm trần cảnh*, lúc khóc lúc cười. Khi thấy trẻ cười liền biết chúng vui; khi thấy khóc liền biết chúng buồn. Cho nên biết rằng: Trong tất cả các pháp, thấy đều sẵn có tự tánh.

“Lại nữa, *Cồ-đàm!* Pháp thế gian có hai loại, một là pháp *có*, hai là pháp *không*. Pháp *có* là như hư không..., pháp *không* là như sừng thỏ... Trong hai pháp ấy, pháp thứ nhất vì là *có* nên không do nhân duyên; pháp thứ hai vì là *không* nên cũng không do nhân duyên. Cho nên, các pháp đều vì sẵn có tự tánh mà không do nhân duyên.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Như ông vừa nói: ‘Tánh của tất cả các pháp lẽ ra cũng giống như tánh của *năm đại*.’ Nghĩa ấy không đúng.

“Vì sao vậy? Thiện nam tử! Như trong pháp của các ông cho rằng *năm đại* là *thường*. Vậy do nhân duyên gì mà tất cả các pháp đều *vô thường*? Nếu sự vật thế gian thật là *vô thường*, vậy do nhân duyên gì mà tánh của *năm đại* không phải *vô thường*? Nếu *năm đại* là *thường* thì sự vật thế gian lẽ ra cũng phải là *thường*! Cho nên, lời ông nói rằng: ‘*Năm đại* sẵn có tự tánh không do nhân duyên’, lại cho rằng ‘tất cả các pháp cũng đồng như *năm đại*’, thật là vô lý!

“Thiện nam tử! Ông nói rằng: ‘Vì [sự vật đều] có chỗ dùng nhất định nên [biết là] sẵn có tự tánh.’ Nghĩa ấy cũng không đúng. Vì sao vậy? Tất cả đều do nơi nhân duyên nên mới có tên gọi. Nếu do nhân mà có tên, thì

cũng do nhân mà có nghĩa. Sao gọi là do nhân mà có tên? Như [đều là] những cái vòng tròn, [nhưng] đội trên trán gọi là *tràng hoa*, đeo nơi cổ gọi là *vòng cổ*, đeo ở tay gọi là *vòng xuyên*, dùng trong xe lại gọi là *bánh xe*...; [lại như] lửa do cỏ khô, củi... đốt lên thì gọi là lửa cỏ khô, lửa củi...

“Thiện nam tử! Cái cây mới mọc lên không hề có tánh chất của mũi tên hay ngọn giáo. Do nhân duyên, người thợ làm thành những mũi tên; cũng do nhân duyên, người thợ làm thành những ngọn giáo... Vì thế, không nên nói rằng: ‘Tất cả các pháp đều sẵn có tự tánh.’

“Thiện nam tử! Ông nói rằng: ‘Con rùa sanh ở đất liền, tánh của nó là tự đi xuống nước; con bê con vừa sanh ra, tánh của nó là có thể bú vú mẹ.’ Nghĩa ấy cũng không đúng.

“Vì sao vậy? Nếu nói con rùa đi xuống nước không do nhân duyên, vậy cũng là không do nhân duyên, sao rùa chẳng đi vào trong lửa? [Nếu nói] con bê con sanh ra rồi, tánh tự nhiên của nó là có thể bú vú mẹ chứ không do nhân duyên, vậy cũng là không do nhân duyên, sao bê con lại chẳng bú cái sừng?

“Thiện nam tử! Nếu nói các pháp thấy đều sẵn có tự tánh, không cần có sự giáo hóa học tập, không có sự tăng trưởng. Nghĩa ấy cũng không đúng.

“Vì sao vậy? Hiện nay trước mắt thấy rõ có sự giáo hóa, và nhờ giáo hóa nên được tăng trưởng. Vì vậy, phải biết rằng [các pháp thật] không có tự tánh [nhất định].

“Thiện nam tử! Nếu hết thấy các pháp đều sẵn có tự tánh [nhất định], thì tất cả các vị *bà-la-môn* không nên

giết dê tế thần để làm trong sạch cái thân. Nếu còn vì [muốn làm trong sạch] thân thể mà tế thần, vậy nên biết rằng không hề sẵn có tự tánh [nhất định].

“Thiện nam tử! Trong ngữ pháp của thế gian có phân ra ba cách [diễn đạt sự việc], một là [nói về việc] muốn làm, hai là [nói về việc] đang làm, ba là [nói về việc] đã làm xong.¹ Nếu tất cả các pháp đều sẵn có tự tánh [nhất định], vì sao trong thế gian lại có ba cách diễn đạt [khác nhau] ấy? Vì có ba cách diễn đạt [thay đổi khác nhau], nên biết rằng tất cả các pháp không hề sẵn có tự tánh [nhất định].

“Thiện nam tử! Nếu nói rằng các pháp sẵn có tự tánh [nhất định], thì nên biết rằng mỗi pháp đều phải có tánh chất cố định. Nếu có tính chất cố định, vậy do duyên có gì mà từ cây mía lại có thể làm ra [các thứ khác nhau như] nước ngọt, đường, đường phèn, rượu, rượu thuốc...? Nếu chỉ có một tánh [cố định], vậy do duyên có gì [từ một sự vật mà] tạo ra được nhiều mùi vị khác nhau? Nếu từ một vật [có thể] làm ra nhiều loại như vậy, nên biết rằng trong các pháp không thể mỗi pháp đều có tính chất cố định.

“Thiện nam tử! Nếu tất cả pháp đều có tính chất cố định, tại sao bậc thánh nhân uống nước ngọt của mía, ăn các loại đường phèn, đường tán... nhưng khi mía làm ra rượu thì các vị không uống, sau đó chế thành rượu thuốc thì lại uống được? Cho nên phải biết rằng [các pháp đều] không có tính chất cố định. Nếu không có tính chất cố định, vì sao lại [nói là] không do nhân duyên mà có?

¹ Đây nói về sự biến dạng của động từ trong câu để diễn đạt các ý nghĩa tương lai, hiện tại hay quá khứ. Không riêng gì ngữ pháp trong Phạm ngữ, ngay cả Anh ngữ, Pháp ngữ cũng có những quy tắc này.

“Thiện nam tử! Ông nói các pháp [đều sẵn] có tự tánh, vậy vì sao [khi giảng] nói [có thể dùng] thí dụ?¹ Nếu có các thí dụ, nên biết rằng các pháp là không có tự tánh [cố định]. Nếu [các pháp đều] có tự tánh [cố định], nên biết rằng không thể có thí dụ. Nhưng người có trí ở thế gian đều nói thí dụ, nên biết rằng các pháp không hề có tự tánh, không hề có một tánh cố định.

“Thiện nam tử! Ông có hỏi: ‘Thân có trước hay phiền não có trước?’ Câu hỏi ấy không hợp nghĩa. Vì sao vậy? Nếu ta nói rằng thân có trước, hẳn ông có thể vặn lại rằng: ‘Ngài cũng đồng như tôi.’² [Còn nếu ta nói] thân không có trước thì do nhân duyên gì ông lại vặn hỏi như thế?³

“Thiện nam tử! Thân và phiền não của tất cả chúng sanh đều không có trước sau, đồng thời hiện hữu. Tuy đồng thời hiện hữu nhưng phải nhân nơi phiền não mà có thân, chứ không thể nhân nơi thân mà có phiền não.

“Nhưng nếu ông có ý cho rằng thân và phiền não cũng giống như hai con mắt người cùng lúc mà có, không nương chờ nhau; mắt trái không phụ thuộc mắt phải, mắt phải cũng không phụ thuộc mắt trái, thì nghĩa ấy không đúng.

“Vì sao vậy? Thiện nam tử! Như ở thế gian, mắt tuy cùng lúc nhìn thấy tim đèn và ánh sáng, nhưng ánh sáng

¹ Vì sử dụng thí dụ có nghĩa là đem sự vật này so với sự vật khác để làm rõ một ý nghĩa nào đó, cho nên phải chấp nhận là các pháp không có tự tánh cố định.

² “Ngài cũng đồng như tôi”: Ở đây Phật nêu trước lập luận phản bác của Phạm chí Nạp Y, vì biết ông ta sẽ căn cứ vào câu này để vặn hỏi lại: “Nếu thân có trước tức là không do nhân phiền não sanh ra, vậy cũng đồng với thuyết sẵn có tự tánh của tôi đã nói.”

³ Theo Niết-bàn kinh sơ giải thì câu này có ý chỉ đến sự căn vặn của Phạm chí Nạp Y rằng “thân không do nhân sanh ra, đó là sẵn có tự tánh”.

phải nhân nơi tim đèn [mà có], tuyệt đối không thể nhân nơi ánh sáng mà có tim đèn!

“Thiện nam tử! Nếu ý ông cho rằng vì thân trước đó không có [nhân duyên]¹ nên biết rằng [thân ấy] không do nhân [mà có], nghĩa ấy cũng không đúng. Vì sao vậy? Nếu nói vì thân có trước nên không có nhân duyên, do đó gọi là không [nhân duyên] thì ông càng không nên nói [như vậy].

“Tất cả các pháp đều có nhân duyên. Nếu nói rằng vì không thấy nên không nói, thì hiện nay thật có nhìn thấy những vật [trước mắt] như cái bình.v.v... đều do nhân duyên mà có, vì sao không thể nói rằng những nhân duyên trước đó của thân cũng giống như [trường hợp] cái bình...?

“Thiện nam tử! Cho dù nhìn thấy hay không nhìn thấy, tất cả các pháp đều do nhân duyên, không sẵn có tự tánh.

“Thiện nam tử! Nếu nói rằng tất cả các pháp đều có tự tánh, không do nhân duyên, vậy vì sao ông nói về *năm đại*? Tánh của *năm đại* ấy chính là nhân duyên.

“Thiện nam tử! Tuy rằng *năm đại* là nhân duyên, nhưng cũng không thể nói rằng các pháp đều có cùng nhân duyên là *năm đại*. Cũng như người đời nói rằng: ‘Tất cả những người xuất gia nên tinh cần giữ giới.’ Nhưng [thật ra đến cả] hạng *chiên-đà-la* cũng nên tinh cần giữ giới như vậy.

¹ Nguyên bản Hán văn là: “Nhữ ý nhược vị thân bất tại tiên cố tri vô nhân”. Nhưng đoạn tiếp theo lại đưa ra lập luận là: “nhược dĩ thân tiên vô nhân”, có vẻ như không hợp nhau. Chúng tôi tham khảo Niết-bàn kinh số giải thấy giải thích câu trước đó là: “Thử ngôn lược thiếu, nhược cụ ứng ngôn: Nhữ ý nhược vị thân bất tại tiên hữu nhân duyên cố tri vô nhân.” (Câu này nói lược, nếu nói đủ phải là: Nếu ý ông cho rằng thân trước đó không có nhân duyên nên biết là không do nhân [mà có].) Cách giải thích này có vẻ như rất hợp lý, vì hiểu như vậy thì câu lập luận tiếp theo đó mới phù hợp. Chúng tôi xin nêu ra để độc giả suy xét.

“Thiện nam tử! Ông nói rằng *năm đại* có tánh cố định là cứng chắc, [ẩm ướt].v.v... Ta quán xét thấy những tánh chất ấy là biến chuyển chứ không cố định.

“Thiện nam tử! Trong pháp của các ông gọi các thứ bơ, sáp ong, hồ, keo... là thuộc chất *đất*. Chất đất ấy không [có tính chất] nhất định, hoặc đồng với nước, hoặc đồng với đất, cho nên không thể nói rằng tánh của nó [cố định] là cứng chắc.

“Thiện nam tử! Trong pháp của các ông gọi các loại như hợp kim chì pha thiếc,¹ chì, thiếc, đồng, sắt, vàng, bạc... là thuộc chất *lửa*. Chất *lửa* ấy lại có đủ bốn tánh chất là: khi chảy là tánh *nước*, khi động là tánh *gió*, khi nóng là tánh *lửa*, khi cứng là tánh *đất*.² Sao có thể nói rằng tánh *lửa* là cố định?

“Thiện nam tử! Tánh của *nước* là tuôn chảy. Khi nước đông đặc, người ta không gọi là *đất*, nên gọi là tánh *lửa*, vậy do nhân duyên gì mà khi sóng nước động chẳng gọi là *gió*?³ Nếu khi nước động chẳng gọi là *gió*, thì khi nước đông đặc lẽ ra cũng không thể gọi là *lửa*! Nếu bốn tánh ấy đều do nhân duyên, vì sao lại nói rằng: “Tất cả các pháp không do nhân duyên?”

“Thiện nam tử! Nếu nói tánh của *năm giác quan* là có thể thấy, nghe, rõ biết, xúc chạm, đều là tự tánh sẵn có chứ không do nhân duyên. Nghĩa ấy cũng không đúng.

¹ Nguyên bản dùng “bạch lập”, chỉ loại hợp kim pha lẫn giữa chì và thiếc, dễ nóng chảy, dùng trong việc hàn các kim loại khác.

² Ở đây đức Phật dựa trên chính lập luận của những ngoại đạo này đã từng đưa ra khi giải thích về năm đại.

³ Những lập luận đức Phật đưa ra ở đây là dựa vào chính những điều được dạy trong giáo pháp của ngoại đạo.

“Vì sao vậy? Thiện nam tử! Tự tánh là tánh chất không thể thay đổi. Nếu nói [tự] tánh của mắt là thấy, lẽ ra mắt phải thường thấy, không thể có lúc thấy lúc không. [Nhưng thật ra không phải vậy,] nên phải biết là do nhân duyên mà thấy, chứ không phải không có nhân duyên.

“Thiện nam tử! Ông nói rằng không phải nhân nơi *năm trần cảnh*: [hình sắc, âm thanh, mùi hương, vị nếm và sự xúc chạm] mà sanh ra *tham*, [*sân, si...* cho đến được] giải thoát. Nghĩa ấy cũng không đúng.

“Vì sao vậy? Thiện nam tử! Tuy việc sanh *tham*, [*sân, si...* cho đến được] giải thoát không do nhân duyên là *năm trần cảnh*, nhưng do các suy niệm vọng tưởng xấu ác nên mới sanh *tham dục...*; và nhờ các suy tưởng tốt lành nên mới được giải thoát.¹

“Thiện nam tử! Do các nhân duyên bên trong mà khởi sanh *tham*, [*sân, si...* cho đến được] giải thoát; do các nhân duyên bên ngoài mà tăng trưởng *tham*, [*sân, si...* cho đến được] giải thoát. Cho nên lời ông nói rằng: ‘Tất cả các pháp đều riêng có tự tánh, không do *năm trần* mà sanh *tham*, [*sân, si...* cho đến được] giải thoát,’ đó là không hợp lý.

“Thiện nam tử! Ông nói rằng: ‘Có những kẻ năm giác quan chẳng đủ, nhưng có nhiều tài sản, vật báu, được sống rất tự do; lại có những người tuy đầy đủ các giác quan

¹ Trong câu này nguyên bản Hán văn dùng chữ giác quán (覺觀), là cách dịch cũ của tâm tứ (尋伺), chỉ chung tất cả các tư tưởng thô (tâm) và vi tế (tú). Những bản trước đây có khi dịch thành giác quan, có khi để nguyên từ giác quán, đều không làm rõ ý. Chính do các tư tưởng (thô và tế) xấu ác mà khởi sanh *tham, sân, si...*; và cũng nhờ các tư tưởng (thô và tế) tốt lành mà có sự khởi đầu tu tập hướng đến giải thoát.

nhưng nghèo túng, không được sống tự do. Do đó biết rằng họ sẵn có tự tánh, không do nhân duyên.’ Nghĩa ấy cũng không đúng.

“Vì sao vậy? Thiện nam tử! Chúng sanh do nghiệp mà có quả báo. Quả báo ấy có ba loại, một là quả báo ngay trong đời hiện tại, hai là quả báo vào đời kế tiếp, ba là quả báo vào những đời sau nữa. Sự nghèo túng, giàu sang hoặc đầy đủ hay không đầy đủ các giác quan đều là những nghiệp khác nhau. Nếu là có tự tánh thì những người đầy đủ các căn lẽ ra cũng phải giàu có sung túc; những kẻ giàu có lẽ ra cũng phải đầy đủ các căn [vì là tự tánh tốt đẹp]. Nhưng thực tế trước mắt không phải như thế, nên biết chắc rằng không sẵn có tự tánh, thấy đều do nhân duyên.

“Thiện nam tử! Như lời ông nói: ‘Những trẻ con ở thế gian chưa biết phân biệt nhân duyên *năm trần cảnh*, nhưng chúng cũng khóc, cũng cười, cho nên tất cả đều sẵn có tự tánh.’ Nghĩa ấy cũng không đúng.

“Vì sao vậy? Nếu chúng sẵn có tự tánh thì nếu cười ắt phải cười luôn, nếu khóc thì phải khóc mãi, không thể có lúc cười lúc khóc. Nếu đã có lúc cười lúc khóc, nên biết rằng tất cả đều do nhân duyên. Vì vậy, không nên nói rằng: ‘Tất cả các pháp đều sẵn có tự tánh, không do nhân duyên.’”

Phạm chí Nạp Y lại hỏi: “Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả các pháp đều do nhân duyên mà có, vậy cái thân này do nhân duyên gì?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nhân duyên của thân này là phiền não và nghiệp.”

Phạm chí [Nạp Y] hỏi: “Thế Tôn! Như thân này là do phiền não và nghiệp, vậy phiền não và nghiệp ấy có thể dứt trừ chăng?”

Phật dạy: “Đúng vậy, đúng vậy! Thật có thể dứt trừ.”

Phạm chí [Nạp Y] thưa: “Bạch Thế Tôn! Xin ngài vì con phân biệt giảng thuyết, khiến con được nghe rồi có thể ngay tại nơi đây mà dứt trừ phiền não và nghiệp.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu ai rõ biết hoàn toàn thông suốt về hai bên và khoảng giữa, người ấy sẽ dứt trừ được phiền não và nghiệp.”

Phạm chí [Nạp Y] thưa: “Bạch Thế Tôn! Con đã rõ biết, đạt được cách nhìn theo đúng *Chánh pháp*.”

Phật hỏi: “Ông rõ biết như thế nào?”

Phạm chí [Nạp Y] thưa: “Bạch Thế Tôn! Hai bên đó là *sắc* và giải thoát khỏi *sắc*; khoảng giữa tức là *Tám Chánh đạo*. Đối với *thọ, tưởng, hành, thức* cũng đều như vậy.”

Phật dạy: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử, ông đã rõ biết về hai bên, dứt trừ được phiền não và nghiệp.”

Phạm chí [Nạp Y] lại thưa: “Bạch Thế Tôn! Xin cho phép con xuất gia thọ giới.”

Đức Phật liền gọi: “Lành thay, hãy đến đây, *tỳ-kheo!*”

Lời Phật vừa dứt, *Phạm chí* Nạp Y liền ngay khi ấy dứt trừ hết thủy phiền não trong *Ba cõi*, chứng đắc quả *A-la-hán*.

Lúc ấy, lại có một *bà-la-môn* tên là Hoàng Quảng lên tiếng hỏi rằng: “*Cô-đàm!* Ngài có biết được ý nghĩ của tôi hiện giờ hay chăng?”

Phật nói: “Thiện nam tử! *Niết-bàn* là *thường*, các pháp hữu vi là *vô thường*, sự cong vạy là *tà kiến*, chánh trực là *Thánh đạo*.”

Bà-la-môn Hoàng Quảng hỏi: “*Cô-đàm*! Do nhân duyên gì ngài nói ra như vậy?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ý ông thường cho rằng [việc người xuất gia] khát thực là *thường*, nhận cúng dường riêng tại nhà gia chủ là *vô thường*; sự cong vạy là ổ khóa cửa vào nhà, chánh trực là ngọn cờ của vua trời Đế Thích. Cho nên ta [nương theo đó mà] nói: ‘*Niết-bàn* là *thường*, các pháp hữu vi là *vô thường*, cong vạy là *tà kiến*, chánh trực là *Tám chánh đạo*. Như vậy chẳng phải đúng như chỗ suy nghĩ của ông trước đó hay sao?”

Bà-la-môn nói: “Quả thật *Cô-đàm* biết được trong tâm tôi. Thưa *Cô-đàm*! *Tám Chánh đạo* ấy có thể khiến cho chúng sanh được dứt trừ tất cả [phiền não và nghiệp] hay chăng?”

Lúc ấy, đức Thế Tôn lặng thinh không đáp.

Bà-la-môn [Hoàng Quảng] nói: “*Cô-đàm* đã biết được trong tâm tôi, nay đối với câu hỏi của tôi vì sao lại lặng thinh không đáp?”

Bấy giờ, ngài *Kiều-trần-như* liền nói: “Đại *bà-la-môn*! Nếu có ai hỏi thế gian là giới hạn hay không giới hạn, thì đức Như Lai thường lặng thinh chẳng đáp. *Tám Thánh đạo* là con đường chánh trực, *Niết-bàn* là *thường*. Nếu ai tu tập *Tám Thánh đạo* liền được dứt trừ tất cả [phiền não và nghiệp]; nếu không tu tập *Tám Thánh đạo*, thì không thể được diệt trừ tất cả [phiền não và nghiệp].

“Đại *bà-la-môn*! Ví như có một thành lớn, tường thành bao quanh đều không có chỗ trống, chỉ có một cửa vào thành mà thôi. Người giữ cửa thành rất thông minh trí tuệ, biết phân biệt những ai nên cho qua thì cho qua, những ai nên ngăn lại thì ngăn lại. Tuy người ấy không thể biết được số người vào ra là nhiều hay ít, nhưng biết chắc rằng tất cả những ai muốn vào hay ra đều phải qua cửa ấy.

“Thiện nam tử! Đức Như Lai cũng thế. Thành lớn là ví với *Niết-bàn*, cửa thành ví với *Tám Thánh đạo*, người giữ cửa thành ví với Như Lai.

“Thiện nam tử! Nay tuy Như Lai không đáp với ông là dứt trừ hết hay không dứt trừ hết tất cả [phiền não và nghiệp], nhưng ai muốn được dứt trừ hết tất cả [phiền não và nghiệp] đều cần phải tu tập *Tám Thánh đạo* ấy.”

Bà-la-môn [Hoàng Quang] nói: “Lành thay, lành thay! Đại đức *Kiều-trần-như*! Như Lai khéo giảng *Chánh pháp* vi diệu. Nay tôi thật lòng muốn rõ biết thành lớn *Niết-bàn* ấy, muốn rõ biết *Tám thánh đạo* để tự mình làm người giữ cửa thành.”

Kiều-trần-như nói: “Lành thay, lành thay! *Bà-la-môn*, nay ông có thể phát tâm *Vô thượng rộng lớn* thay!”

Phật dạy: “Thôi đi, *Kiều-trần-như*, ông không nên nói ra lời ấy! Vì chẳng phải đến hôm nay vị *bà-la-môn* này mới phát tâm như vậy.

“*Kiều-trần-như*! Vào thuở quá khứ, cách nay vô lượng kiếp, có một đức Phật Thế Tôn hiệu là Phổ Quang Minh, Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ Điều ngự trượng phu,

Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn. Vị *bà-la-môn* này đã từng đối trước đức Phật ấy phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Trong *Hiền kiếp* này, ông ấy sẽ thành Phật. Ông ấy từ lâu đã thông đạt, hiểu rành tướng trạng của các pháp, nhưng vì chúng sanh nên thị hiện vào trong chúng ngoại đạo, chỉ dạy cho họ những điều chưa biết.

“*Kiêu-trần-như!* Vì nhân duyên ấy, ông không nên nói [với vị *bà-la-môn* này] rằng: ‘Nay ông có thể phát tâm lớn lao như vậy.’”

Lúc ấy, tuy đức Thế Tôn đã biết nhưng [phương tiện] hỏi *Kiêu-trần-như* rằng: “*Tỳ-kheo A-nan* hiện đang ở đâu?”

Kiêu-trần-như đáp: “*Bạch Thế Tôn!* *Tỳ-kheo A-nan* hiện ở ngoài rừng *Sa-la*, cách đại hội này mười hai *do-tuần*, nhưng đang bị sáu mươi bốn ngàn ức chúng ma nhiễu loạn. Chúng ma ấy thấy đều tự biến thân thành hình tượng Như Lai, một số nói rằng: ‘*Tất cả các pháp đều do nhân duyên sanh ra*’; một số khác lại nói: ‘*Tất cả các pháp đều không do nhân duyên sanh ra*’; lại một số khác nữa nói: ‘*Tất cả nhân duyên đều là pháp thường, những pháp do duyên sanh đều là vô thường*’; lại có một số khác nói: ‘*Năm ấm là chân thật*’; hoặc nói: ‘*Năm ấm là hư dối*’; lại nói về các *nhập*, các *giới* cũng [mâu thuẫn] như vậy; hoặc có một số nói *Mười hai nhân duyên*, một số khác nói: ‘*Thật ra chỉ có bốn duyên*’; lại có một số khác nói: ‘*Các pháp dường như huyền hóa, như những ngọn sóng lung linh sanh ra dưới trời nắng nóng*’; lại có một số khác nói: ‘*Nhân sự nghe mà đạt được Chánh pháp*’; lại có một số khác nói: ‘*Nhân sự suy xét mà đạt được Chánh pháp*’; lại có một số khác nói: ‘*Nhân sự tu tập mà đạt được*

Chánh pháp; lại có một số khác dạy pháp quán *bất tịnh*; lại có một số khác dạy *thở ra thở vào*; lại có một số khác dạy pháp quán *Tứ niệm xứ*; lại có một số khác dạy *ba cách* quán xét nghĩa lý, *bảy cách* phương tiện; lại có một số khác dạy về *Noãn pháp*, *Đỉnh pháp*, *Nhẫn pháp*, *Thế gian đệ nhất pháp*, các địa vị *Hữu học*, *Vô học*, *Bồ Tát Sơ trụ* cho đến *Thập trụ*; hoặc có một số khác dạy về *Không*, *Vô tướng*, *Vô tác*; lại có một số khác dạy [các kinh] *Tu-đa-la*, *Kỳ-dạ*, *Tỳ-già-la-na*, *Già-đà*, *Ưu-đà-na*, *Ni-đà-na*, *A-ba-đà-na*, *Y-đế-mục-đa-già*, *Xà-đà-già*, *Tỳ-phật-lược*, *A-phù-đà-đạt-ma*, *Ưu-ba-đề-xá*; hoặc có một số khác dạy về *Tứ niệm xứ*, *Tứ chánh cần*, *Tứ như ý túc*, *Ngũ căn*, *Ngũ lực*, *Thất giác [chi]*, *Bát Thánh đạo*; hoặc lại dạy về *Nội không*, *Ngoại không*, *Nội ngoại không*, *Hữu vi không*, *Vô vi không*, *Vô thủy không*, *Tánh không*, *Viễn ly không*, *Tán không*, *Tự tướng không*, *Vô tướng không*, *Ấm không*, *Nhập không*, *Giới không*, *Thiện không*, *Bất thiện không*, *Vô ký không*, *Bồ-đề không*, *Đạo không*, *Niết-bàn không*, *Hành không*, *Đắc không*, *Đệ nhất nghĩa không*, *Không không*, *Đại không*.

“Hoặc có một số ma thị hiện thần thông biến hóa, từ thân mình tuôn ra nước, lửa; hoặc phía trên thân tuôn ra nước, phía dưới thân phóng ra lửa; phía dưới thân tuôn ra nước, phía trên thân phóng ra lửa; hoặc [nằm nghiêng,] hông trái ở dưới, hông mặt phun nước [lên trên]; hoặc hông mặt ở dưới, hông trái phun nước [lên trên]; hoặc một hông phóng ra sấm sét, một hông tuôn mưa; hoặc có một số khác thị hiện các cảnh giới của chư Phật; một số khác lại thị hiện *Bồ Tát sơ sanh*, đi tới bảy bước, rồi ở trong cung vua hưởng thụ *năm dục lạc*; cho đến bắt đầu xuất

gia, trải tu khổ hạnh, đến cây *bồ-đề* ngồi nhập *Tam-muội*, phá hoại quân ma, chuyển bánh xe Chánh pháp, hiện đại thần thông, nhập cảnh giới *Niết-bàn*.

“Bạch Thế Tôn! *Tỳ-kheo A-nan* thấy những việc như vậy rồi, tự suy xét rằng: “Từ trước đến nay ta chưa từng thấy những thần thông biến hóa như vậy. Ai đã làm ra như thế? Lẽ nào không phải đức Thế Tôn *Thích-ca* làm ra đó sao?” [*Tỳ-kheo A-nan*] muốn đứng dậy, muốn mở miệng nói, nhưng không thể [làm được] theo ý muốn.

“*Tỳ-kheo A-nan* đã sa vào lưới ma, lại suy nghĩ rằng: ‘Chỗ thuyết dạy của chư Phật [này], mỗi vị đều khác nhau. Nay ta biết tin nhận vị nào?’

“Bạch Thế Tôn! Hiện nay *A-nan* chịu khổ não rất lớn. Tuy ông ấy nhớ tưởng đến Như Lai nhưng không ai có thể cứu được. Vì nhân duyên ấy nên *A-nan* không đến nơi đại chúng này.”¹

Lúc ấy, Bồ Tát *Ma-ha-tát Văn-thù-sư-lợi* bạch Phật: “Thế Tôn! Trong đại chúng này có đủ chư Bồ Tát, từ những vị đã phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* một đời, cho đến những vị đã từng phát tâm *Bồ-đề* trong vô lượng đời; thấy đều đã từng thường xuyên cúng dường vô lượng chư Phật, lòng dạ kiên cố, tu hành đầy đủ từ *Bồ-thí Ba-la-mật* cho đến *Bát-nhã Ba-la-mật*; thành tựu công đức, từ lâu đã được gần gũi vô lượng chư Phật, tu hành *Phạm hạnh* thanh tịnh, đạt được tâm *Bồ-đề* không thối chuyển, được pháp *nhãn* không thối chuyển, pháp nắm giữ không thối chuyển, pháp *nhãn* đúng như *Chánh pháp*,

¹ Theo nội dung ở đây thì ngài *A-nan* đã vắng mặt hoàn toàn từ đầu kinh cho đến lúc này, không tự mình được nghe tất cả những sự thuyết giảng đã qua của Phật.

vô số *tam-muội* như *tam-muội* Thủ Lăng Nghiêm... Những bậc [Bồ Tát] như vậy, nếu được nghe kinh Đại thừa thì không hề sanh lòng nghi ngờ, khéo biết phân biệt, tuyên thuyết ý nghĩa *Tam bảo* cùng một tánh tướng, thường trụ không biến đổi; [các vị này] khi nghe những việc không thể nghĩ bàn không sanh lòng kinh quái; khi nghe mọi lẽ [chân thật] không sanh lòng sợ sệt; thông đạt rõ biết hết thấy tánh pháp; các vị có thể thọ trì hết thấy *Mười hai bộ kinh*, giảng rộng nghĩa lý; cũng có thể thọ trì *Mười hai bộ kinh* của vô lượng chư Phật.

“[Bạch Thế Tôn! Trong pháp hội này có đủ các vị Bồ Tát như vậy,] lo gì không có người thọ trì kinh điển Đại *Niết-bàn* này? Vậy do nhân duyên gì [Thế Tôn lại] hỏi *Kiều-trần-như* [về việc] *A-nan* hiện đang ở đâu?”

Lúc ấy, đức Thế Tôn bảo *Văn-thù-sư-lợi* rằng: “Thiện nam tử! Hãy lắng nghe cho kỹ! [Lúc trước,] sau khi ta thành Phật được hơn ba mươi năm, trụ tại thành Vương Xá. Bấy giờ ta có hỏi các vị *tỳ-kheo* rằng: ‘Chư *tỳ-kheo*! Hiện nay, trong đại chúng này ai có thể vì ta thọ trì *Mười hai bộ kinh* của Như Lai, làm kẻ cận kề cung cấp mọi sự cần dùng cho ta mà không để mất phần lợi ích của tự thân?’¹

“Bấy giờ, *Kiều-trần-như* ở trong đại chúng, thưa rằng: ‘Bạch Thế Tôn! Con có thể thọ trì *Mười hai bộ kinh*, làm kẻ cận kề phụng sự Thế Tôn mà không để mất phần lợi ích của tự thân.’ Ta nói: ‘*Kiều-trần-như*! Ông đã già yếu, cũng cần có người để sai khiến, sao lại muốn làm kẻ phụng sự cho ta?’

¹ Theo đoạn này có thể thấy rõ là trong hơn 30 năm đức Phật hoàng hóa sau khi thành Chánh giác, ngài A-nan vẫn chưa giữ vai trò thị giả kẻ cận bên Phật.

“Khi ấy, *Xá-lợi-phất* lại thưa rằng: ‘Bạch Thế Tôn! Con có thể thọ trì tất cả lời Phật dạy, cung cấp mọi sự cần dùng cho Thế Tôn mà không để mất phần lợi ích của tự thân.’

“Ta nói: ‘*Xá-lợi-phất*! Ông đã già yếu, cũng cần có người để sai khiến, sao lại muốn làm kẻ phụng sự cho ta?’ Cho đến năm trăm vị *A-la-hán* [lần lượt thưa thỉnh] cũng đều như vậy, ta không chấp nhận một người nào.

“Bấy giờ, *Mục-kiền-liên* ở trong đại chúng có suy nghĩ rằng: ‘Như Lai hôm nay trong số năm trăm *tỳ-kheo* [*A-la-hán*] không nhận người nào làm thị giả, [không biết] ý Phật muốn ai làm công việc này?’

“Suy nghĩ như vậy rồi, *Mục-kiền-liên* liền nhập định, thấy được tâm Như Lai hướng về *A-nan*, [chấp nhận *A-nan* làm thị giả, rõ ràng] như mặt trời vừa mọc lên chiếu ánh sáng về bức tường phía tây. Thấy rõ như vậy rồi, *Mục-kiền-liên* liền xuất định, nói với *Kiều-trần-như*: ‘Đại đức! Tôi [nhập định] quán xét thấy Như Lai muốn *A-nan* làm thị giả cho ngài.’

“Bấy giờ, *Kiều-trần-như* và năm trăm vị *A-la-hán* cùng đi đến chỗ *A-nan*, nói rằng: ‘*A-nan*! Nay ông nên làm thị giả cho Như Lai, mong ông chấp nhận việc ấy.’

“*A-nan* nói: ‘Các vị đại đức! Tôi thật không làm nổi việc phụng sự Như Lai. Vì sao vậy? Như Lai là đáng tôn trọng như chúa sư tử, như rồng, như lửa; nay tôi như nhóp, yếu đuối, sao có thể lo liệu nổi việc ấy?’

“Chư *tỳ-kheo* liền bảo: ‘*A-nan*! Như ông nhận lời chúng tôi phụng sự Như Lai, ông sẽ được lợi ích lớn.’

“Thỉnh cầu như vậy đến lần thứ nhì, lần thứ ba, *A-nan* liền nói: ‘Các vị đại đức! Tôi cũng không dám cầu được sự lợi ích lớn, vì thật tôi không đủ sức cận kề phụng sự Như Lai.’

“Bấy giờ, *Mục-kiền-liên* liền nói: ‘*A-nan*! Ông còn có điều chưa biết.’

“*A-nan* nói: ‘Đại đức! Xin ông nói ra.’

“*Mục-kiền-liên* nói: ‘Hôm qua, Như Lai muốn chọn người làm thị giả trong chúng tăng. Năm trăm vị *A-la-hán* đều [lần lượt] xin làm việc ấy, nhưng Như Lai không chấp thuận ai. Tôi liền nhập định, quán xét biết ý Như Lai muốn ông làm việc ấy. Sao ông lại [trái ý] không nhận?’

“*A-nan* nghe vậy rồi liền chấp tay, quỳ xuống nói rằng: “Các vị đại đức! Nếu có việc ấy, xin Như Lai Thế Tôn chấp thuận ba lời thỉnh nguyện của tôi, tôi sẽ vâng theo ý chúng tăng mà làm người cận kề phụng sự Như Lai.’

“*Mục-kiền-liên* hỏi: ‘Ba lời thỉnh nguyện như thế nào?’

“*A-nan* thưa: ‘Một là, nếu Như Lai dùng áo cũ của ngài mà ban cho tôi, xin cho phép tôi không nhận; hai là, nếu Như Lai nhận lời thọ thỉnh cúng dường riêng tại nhà *đàn-việt*,¹ xin cho phép tôi không đi cùng; ba là, xin cho tôi được vào ra [chỗ của Như Lai] bất kỳ lúc nào. Nếu Phật chấp thuận ba lời thỉnh nguyện ấy, tôi sẽ vâng lời chúng tăng mà làm người cận kề phụng sự Như Lai.’

“Bấy giờ, *Kiều-trần-như* và năm trăm vị *tỳ-kheo* trở lại trước Phật bạch rằng: ‘Chúng con đã khuyên *tỳ-kheo A-nan* [nhận làm thị giả], ông ấy có thỉnh cầu ba điều,

¹ *Đàn-việt*, phiên âm từ Phạn ngữ *dāna-pati*, dịch nghĩa là thí chủ, tức là người có tín tâm cúng dường Tam bảo.

nếu được Phật chấp thuận thì sẽ vâng theo ý chúng tăng mà làm người cận kề phụng sự Như Lai.’

“*Này Văn-thù-sư-lợi!* Lúc bấy giờ ta đã khen ngợi *A-nan* rằng: ‘Lành thay, lành thay! *Tỳ-kheo A-nan* có đủ trí tuệ, nhìn thấy trước [để tránh được] sự ghen ghét. Vì sao vậy? Vì sẽ có kẻ cho rằng ông ấy vì cơm ăn, áo mặc mà phụng sự Như Lai, nên xin trước việc không nhận áo cũ của Như Lai, không theo hầu Như Lai những khi thọ thỉnh cúng dường riêng tại nhà *đàn-việt*.’

“*Kiều-trần-như!* *Tỳ-kheo A-nan* có đủ trí tuệ [nên biết rằng] nếu vào ra có giờ giấc ắt không thể rộng làm lợi ích cho *Bốn bộ chúng*, nên mới xin được vào ra [chỗ của Như Lai] bất kỳ lúc nào.

“*Kiều-trần-như!* Ta vì *A-nan* mà cho phép ba việc theo đúng ý nguyện của ông ấy.’

“Bấy giờ, *Mục-kiền-liên* trở lại bảo *A-nan* rằng: ‘Tôi đã vì ông thưa thỉnh ba việc. Đức Như Lai *Đại từ* đã chấp thuận cả rồi.’

“*A-nan* nói: ‘Đại đức! Nếu Phật đã chấp thuận, tôi xin đến làm người cận kề phụng sự.’

“*Này Văn-thù-sư-lợi!* *A-nan* theo phụng sự ta trên hai mươi năm, thường có đủ *tám điều* không thể nghĩ bàn. Những gì là tám điều?

“Một là, từ khi bắt đầu phụng sự ta cho đến nay đã trên hai mươi năm, ông ấy không hề đi cùng ta mỗi khi ta thọ thỉnh cúng dường riêng tại nhà *đàn-việt*.”

“Hai là, từ khi bắt đầu theo phụng sự ta đến nay, ông ấy chẳng hề thọ nhận y phục cũ của ta.

“Ba là, từ khi bắt đầu theo phụng sự ta đến nay, ông ấy chưa bao giờ đến gặp ta không phải lúc.

“Bốn là, từ khi bắt đầu theo phụng sự ta đến nay, mặc dù ông ấy vẫn còn chưa dứt sạch phiền não, nhưng khi theo ta vào ra nơi cung vua hay các nhà sang trọng quý tộc, nhìn thấy các mỹ nhân cùng thiên nữ, long nữ... ông ấy cũng không hề khởi sanh tham dục.

“Năm là, từ khi bắt đầu theo phụng sự ta đến nay, ông ấy thọ trì *Mười hai bộ kinh* do ta thuyết giảng, mỗi khi được nghe thì không [bao giờ quên sót phải] hỏi lại, ví như người ta rót nước từ bình này sang bình khác [không chút hao hụt]. Trừ ra chỉ có một lần duy nhất ông ấy hỏi lại ta mà thôi. Thiện nam tử! Khi thái tử Lưu Ly tàn sát những người thuộc dòng họ *Thích-ca*, phá hoại thành *Catỳ-la*, *A-nan* ôm lòng sầu não, cất tiếng khóc to, đi đến chỗ ta hỏi rằng: ‘Như Lai và con đều sanh ở thành ấy, đều là dòng họ *Thích-ca*, tại sao [gặp việc thảm thiết này mà] nhan sắc Như Lai vẫn chói sáng như thường, còn con thì [dung nhan] tiêu tụy?’ Khi ấy ta đáp rằng: ‘*A-nan*! Ta có tu *Không định* nên không giống như ông.’ Qua ba năm sau, *A-nan* có hỏi lại ta: ‘Bạch Thế Tôn! Khi con đến thành *Catỳ-la* từng được nghe rằng Như Lai có tu *Không định*, việc ấy có thật hay chẳng?’ Ta đáp: ‘*A-nan*! Đúng vậy, đúng vậy! Quả như lời ông nói.’

“Sáu là, từ khi bắt đầu theo phụng sự ta đến nay, tuy chưa đạt được *Tha tâm trí* [để thấu hiểu tâm người khác], nhưng ông ấy thường biết được các chỗ nhập định của Như Lai.

“Bảy là, từ khi bắt đầu theo phụng sự ta đến nay, tuy ông ấy chưa đạt được *Nguyện trí*¹ nhưng có thể rõ biết về những chúng sanh tìm đến với Như Lai, như có người trong đời hiện tại đạt được bốn quả *sa-môn*, có người qua đời sau mới đạt được, lại có người [đời sau] sẽ được thân người, có người sẽ được thân chư thiên.

“Tám là, từ khi bắt đầu theo phụng sự ta đến nay, tất cả những lời dạy sâu kín của Như Lai ông ấy đều có thể hiểu rõ.

“Thiện nam tử! Vì *tỳ-kheo A-nan* có đủ tám điều không thể nghĩ bàn như thế, nên ta gọi ông ấy là *Kho chứa Kinh điển*.²

“Thiện nam tử! *Tỳ-kheo A-nan* có đủ tám pháp để có thể thọ trì một cách trọn vẹn *Mười hai bộ kinh*. Những gì là tám? Một là cội gốc lòng tin kiên cố; hai là lòng dạ chân chất ngay thẳng; ba là thân không có bệnh khổ; bốn là thường chuyên cần tinh tấn; năm là có đầy đủ trí nhớ; sáu là lòng không kiêu mạn; bảy là thành tựu tâm an định; tám là có đủ trí tuệ sanh ra từ sự nghe nhận [*Chánh pháp*].

“Này *Văn-thù-sư-lợi*! Vào đời Phật *Tỳ-bà-thi*, đệ tử thị giả là *A-thúc-ca* cũng có đủ tám pháp ấy; đến đời đức Như Lai *Thi-khí*, đệ tử thị giả là *Sai-ma-ca-la*; qua đời Phật *Tỳ-xá-phù*, đệ tử thị giả là *Ưu-ba-phiến-đà*; đời Phật *Ca-*

¹ *Nguyện trí*, tên Phạn ngữ là *praṇidhi-jñāna*, chỉ trí tuệ do nguyện lực dẫn sanh, tùy nguyện mà rõ biết.

² Nguyên bản dùng *Đa văn tạng*, dịch sát nghĩa là *kho chứa* [những điều] nghe nhiều; nhưng ở đây không chỉ chung tất cả những điều được nghe, mà chỉ đến những kinh điển *A-nan* đã nghe Phật thuyết giảng, vì thế chúng tôi dịch là *Kho chứa Kinh điển* để rõ ý hơn.

la-citu-thôn-đại, đệ tử thị giả là *Bạt-đê*; đời Phật *Ca-na Mâu-ni*, đệ tử thị giả là *Tô-trì*; đời Phật *Ca-diếp*, đệ tử thị giả là *Diếp-bà-mật-đa*; tất cả đều là những vị thị giả có đủ *tám pháp* ấy. Nay thị giả của ta là *A-nan* cũng có đủ *tám pháp* ấy. Cho nên ta gọi *tỳ-kheo A-nan* là *Kho chứa Kinh điển*.

“Thiện nam tử! Như lời ông nói, trong đại chúng này có vô lượng vô biên Bồ Tát, nhưng các vị Bồ Tát này đều gánh vác trách nhiệm nặng nề là [tu tập] *đại từ đại bi*. Do nhân duyên *từ bi* ấy, ai nấy đều gấp rút lo việc [giáo hóa] điều phục những thân quyến chung quanh họ và tự [tu chỉnh] trang nghiêm bản thân. Vì lẽ ấy, sau khi ta nhập *Niết-bàn*, những vị Bồ Tát này đều không thể tuyên thuyết thông suốt *Mười hai bộ kinh*, hoặc nếu Bồ Tát nào có lúc tuyên thuyết thì lại không được người ta tin nhận.

“*Văn-thù-sư-lợi!* *Tỳ-kheo A-nan* vốn là em trai ta, đã theo phụng sự ta hơn hai mươi năm, những giáo pháp đã được nghe, ông ấy đều thọ nhận giữ gìn trọn vẹn, như người ta rót nước vào bình chứa. Vì thế, nay ta nhớ lại mà hỏi *A-nan* hiện thời ở đâu là [có ý] muốn cho ông ấy thọ trì kinh [*Đại Bát*] *Niết-bàn* này.

“Thiện nam tử! Sau khi ta nhập *Niết-bàn*, nếu có những điều gì mà *tỳ-kheo A-nan* chưa được nghe thì Bồ Tát *Hoàng Quảng* có thể rộng truyền, còn những điều mà *A-nan* đã nghe thì tự ông ấy có thể tuyên thuyết thông suốt.

“*Này Văn-thù-sư-lợi!* *Tỳ-kheo A-nan* hiện ở nơi khác, cách đại hội này mười hai *do-tuần*, bị não loạn bởi sáu mươi bốn ngàn ức chúng ma. Ông nên đến đó, dùng âm thanh lớn tiếng phát ra lời này:

“Hỡi tất cả chúng ma! Hãy lắng nghe cho kỹ, hãy nghe cho kỹ! Nay đức Như Lai [sắp] tuyên thuyết Đại *Đà-la-ni*, tất cả hàng chư thiên, rồng, *càn-thát-bà*, *a-tu-la*, *ca-lâu-la*, *khẩn-na-la*, *ma-hầu-la-già*, người và loài chẳng phải người, thần núi, thần cây, thần sông, thần biển, thần nhà cửa... nghe đến danh hiệu của *Đà-la-ni* này thấy đều cung kính thọ trì. Chư Phật Thế Tôn nhiều như số cát mười con sông Hằng đã cùng tuyên thuyết *Đà-la-ni* này, [khiến người thọ trì] có thể chuyển đổi thân nữ [thành thân nam], tự rõ biết những việc đời trước. Nếu có người thực hành đủ năm việc: Một là giữ gìn *Phạm hạnh*,¹ hai là không ăn thịt cá, ba là không uống rượu, bốn là không ăn các món cay nồng, năm là thường thích ở nơi vắng lặng yên tĩnh; rồi hết lòng tin nhận, đọc tụng, sao chép *Đà-la-ni* này, nên biết rằng người ấy sẽ vượt qua khỏi bảy mươi bảy ức kiếp mang thân kém cõi, xấu ác.”

[Ngay khi ấy,] đức Thế Tôn tuyên thuyết *Đà-la-ni* [gồm 16 phần] như sau:²

“A-ma-lê. Tỳ-ma-lê. Niết-ma-lê. Mông-già-lê. Hê-ma-la-nhã-kiệt-bê. Tam-mạn-na-bạt-đề-lê. Ta-bà-la-dà-ta-đàn-ni. Ba-la-ma-tha-ta-đàn-ni. Ma-na-tư. A-chuyết-đề. Tỳ-la-chi. Am-ma-lại-trì. Bà-lam-ma. Sa-lê-phú-la-nê. Phú-la-na. Ma-nô-lại-đề.”

Lúc ấy, ngài *Văn-thù-sư-lợi* thọ nhận *Đà-la-ni* do Phật tuyên thuyết rồi liền đến chỗ *A-nan*, ở giữa chúng ma lên tiếng nói rằng: “Này các quyến thuộc ma! Hãy nghe ta nói chú *Đà-la-ni* đã thọ nhận từ đức Phật.”

¹ Đây có nghĩa là dứt hẳn sự dâm dục.

² Nguyên bản Hán văn trong bản chữ Vạn có khắc những chữ nhỏ đánh dấu từng phần, cả thấy là 16 phần. Chúng tôi đã ngắt câu theo sự đánh dấu này.

Ma vương nghe được *Đà-la-ni* ấy rồi, thấy đều phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, lìa bỏ nghiệp ma, lập tức buông tha *A-nan*.

Văn-thù-sư-lợi và *A-nan* cùng trở lại chỗ Phật. *A-nan* gặp Phật liền chí tâm lễ kính rồi lui xuống đứng sang một bên.

Phật bảo *A-nan*: “Phía ngoài rừng *sa-la* này có một *Phạm chí* tên *Tu-bạt-đà*,¹ đã già đến một trăm hai mươi tuổi. Tuy ông ấy đã đạt được năm thần thông [của ngoại đạo], nhưng chưa trừ bỏ được tánh kiêu mạn. Ông ấy đạt được phép định *Phi tướng phi phi tướng*, ngỡ rằng đã đạt được *Nhất thiết trí*, chứng đắc *Niết-bàn*. Nay ông nên đến đó, nói với *Tu-bạt-đà* rằng: ‘Đức Như Lai ra đời [rất hiếm gặp] như hoa *ưu-đàm*. Hôm nay, vào lúc nửa đêm ngài sẽ buông bỏ tất cả mà nhập *Niết-bàn*. Nếu ông có việc phải làm hãy làm cho kịp lúc, đừng để ngày sau phải sanh lòng hối hận.’

“Này *A-nan*! Lời ông nói ra chắc chắn ông ấy sẽ tin nhận. Vì sao vậy? Vì thưở trước trong suốt năm trăm đời ông đã từng làm con trai của *Tu-bạt-đà*. Lòng thương yêu của ông ấy [đối với ông tích tập lâu ngày] đến nay vẫn chưa dứt hết, vì nhân duyên ấy nên sẽ tin nhận lời ông.”

Lúc ấy, *A-nan* vâng lời Phật dạy đến chỗ *Tu-bạt-đà*, bảo rằng: “Thưa ông! Ông nên biết rằng đức Như Lai ra đời [hiếm gặp] như hoa *ưu-đàm*. Hôm nay, vào lúc nửa đêm ngài sẽ ngài sẽ buông bỏ tất cả mà nhập *Niết-bàn*.”

¹ *Tu-bạt-đà*: phiên âm từ Phạn ngữ *Subhadra*, là vị *Phạm chí* ngoại đạo được Phật thu nhận làm đệ tử cuối cùng trước khi ngài nhập *Niết-bàn*.

Nếu ông có việc phải làm hãy làm cho kịp lúc, đừng để ngày sau phải sanh lòng hối hận.”

Tu-bạt-đà nói: “Lành thay, *A-nan*! Hôm nay tôi sẽ đến chỗ Như Lai.”

Lúc ấy, *A-nan* đưa *Tu-bạt-đà* trở về chỗ Phật. Đến nơi, *Tu-bạt-đà* ngỏ lời vấn an đức Phật và thưa rằng: “*Cồ-đàm*! Nay tôi muốn thưa hỏi, xin ngài theo ý [câu hỏi của] tôi mà đáp.”

Phật dạy: “*Tu-bạt-đà*! Nay thật đúng lúc thích hợp. Tù chỗ ông hỏi, ta sẽ dùng phương tiện mà đáp theo ý ông.”

Tu-bạt-đà liền nói: “*Cồ-đàm*! Có những *sa-môn*, *bà-la-môn* nói rằng: ‘Tất cả chúng sanh thọ quả báo khổ hay vui, thấy đều do nhân duyên là gốc nghiệp ngày trước. Cho nên, nếu có người giữ giới tinh tấn, chịu khổ thân tâm, có thể phá trừ gốc nghiệp. Gốc nghiệp đã dứt, các khổ sẽ dứt hết. Các khổ đã dứt hết, ắt sẽ đạt được *Niết-bàn*. Nghĩa ấy là thế nào?’”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu có *sa-môn* hay *bà-la-môn* nói thuyết như thế, ta sẽ lấy làm thương xót, thường đến chỗ người ấy và hỏi rằng: ‘Này ông! Có thật ông nói ra thuyết như thế hay chăng?’”

“Nếu như người ấy lại đáp rằng: ‘Tôi có nói thuyết như thế. Vì sao vậy? *Cồ-đàm*! Tôi nhìn thấy có những chúng sanh quen làm việc ác mà có nhiều của cải và vật quý, được sống tự do; tôi lại thấy có những người tu thiện nhưng nghèo túng thiếu thốn, không được tự do. Tôi lại thấy có những kẻ ra sức nhọc nhằn nhưng không đạt được chỗ mong cầu, lại thấy có những người chẳng có lòng

mong cầu mà tự nhiên đạt được. Tôi lại thấy có những kẻ có lòng từ không giết hại nhưng phải bị chết yểu, lại thấy những kẻ ưa thích việc giết hại nhưng được thọ mạng lâu dài. Tôi lại thấy có những người tu *Phạm hạnh* thanh tịnh, tinh cần giữ giới, nhưng trong số đó có người được giải thoát, có kẻ lại không được. Cho nên tôi nói rằng: ‘Tất cả chúng sanh thọ quả báo khổ hay vui thấy đều do nhân duyên là gốc nghiệp từ ngày trước.’

“Này *Tu-bạt-đà!* Ta lại sẽ hỏi người ấy rằng: ‘Này ông! Quả thật ông có thấy được nghiệp quá khứ hay chăng? Nếu có, nghiệp ấy là nhiều hay ít? Khổ hạnh đời hiện tại có thể phá trừ nghiệp ấy nhiều hay ít? Ông có thể biết được nghiệp ấy đã dứt hay chưa dứt chăng? Như nghiệp ấy dứt rồi, có dứt hết tất cả chăng?’

“Nếu người ấy đáp rằng: ‘Tôi thật không biết.’ Khi ấy, ta sẽ vì người ấy nói thí dụ rằng: ‘Ví như có người thân trúng tên độc, những người thân trong nhà liền rước thầy thuốc đến nhổ mũi tên. Khi mũi tên đã nhổ ra rồi, thân người được an ổn. Mười năm sau, người ấy vẫn còn nhớ rõ: Ông thầy này đã nhổ mũi tên độc cho tôi, dùng thuốc bôi lên giúp tôi khỏi bệnh, yên vui. Các ông nay đã không thể rõ biết gốc nghiệp quá khứ [như người trúng tên độc này], làm sao có thể biết rằng khổ hạnh hiện tại nhất định có thể phá trừ được nghiệp quá khứ?’

“Nếu người ấy lại nói: ‘*Cô-đàm!* Nay ông cũng có gốc nghiệp quá khứ, vì sao lại chỉ trích riêng nghiệp quá khứ của chúng tôi? *Cô-đàm!* Trong kinh [của ông thuyết] cũng có nói: Nếu thấy người giàu sang như ý, nên biết rằng đời trước từng ưa làm việc bố thí. Như vậy chẳng gọi là nghiệp quá khứ đó sao?’

“Ta lại đáp rằng: ‘Này ông! Sự hiểu biết như vậy là nhờ so sánh mà biết chứ chưa phải sự rõ biết chân xác. Trong pháp Phật, có khi dựa theo nhân mà biết quả, có khi dựa theo quả mà biết nhân.

“Trong pháp Phật có nghiệp quá khứ, có nghiệp hiện tại; còn trong giáo pháp của các ông thì khác, chỉ có nghiệp quá khứ, không có nghiệp hiện tại.

“Giáo pháp của các ông không do nơi phương tiện mà dứt trừ nghiệp; pháp Phật thì khác, do nơi phương tiện mà dứt trừ nghiệp.

“Các ông cho rằng khi nghiệp dứt hết thì khổ cũng dứt. Pháp Phật không nói như vậy, mà dạy rằng phiền não dứt rồi, nghiệp và khổ đều phải dứt. Vì thế nay ta mới chỉ trích [thuyết sai lầm về] nghiệp quá khứ của các ông.’

“Nếu người ấy nói: ‘Cồ-đàm! Tôi thật không biết. Tôi đã theo thầy mà thọ nhận như vậy. Chẳng qua thầy tôi nói thuyết ấy, chứ thật không phải lỗi nơi tôi.’

“Ta sẽ hỏi: ‘Này ông! Thầy của ông là ai?’

“Nếu người ấy đáp là *Phú-lan-na*,¹ ta lại hỏi rằng: ‘Vì sao ngày trước ông không hỏi rõ từng việc: Đại sư có thật rõ biết nghiệp quá khứ chăng? Nếu thầy ông nói: *Ta không biết*; thì tại sao ông lại thọ nhận lời của ông ấy? Nếu nói: *Ta biết*; lẽ ra ông nên hỏi thêm rằng: Do nhân duyên khổ mức thấp có phải chịu khổ mức vừa, mức cao hay chăng? Do nhân duyên khổ mức vừa có phải chịu khổ mức thấp, mức cao chăng? Do nhân duyên khổ mức cao

¹ Phú-lan-na, tức Phú-lan-na Ca-diếp, phiên âm từ Phạn ngữ *Pūrāṇa-kāśyapa*, là một trong sáu vị thầy ngoại đạo vào thời đức Phật, thường gọi chung là Lục sư ngoại đạo.

có phải chịu khổ mức vừa, mức thấp hay chẳng? Nếu đáp rằng: *Không phải chịu*; ông lại nên hỏi rằng: Vì sao thầy nói thọ quả báo khổ hay vui chỉ do nghiệp quá khứ, chẳng do nghiệp hiện tại? Lại nên hỏi rằng: Cái khổ hiện tại [này] có trong quá khứ hay chẳng? Nếu là có trong quá khứ, thì nghiệp quá khứ đã dứt cả rồi; nếu nghiệp ấy đã dứt cả rồi, vì sao ngày nay còn thọ thân [này]? Còn nếu quá khứ không có khổ, chỉ có ở hiện tại mà thôi, vì sao lại nói rằng: Khổ hay vui của chúng sanh, thấy đều do nghiệp quá khứ?

“Này ông! Nếu ông biết rằng sự khổ hạnh trong hiện tại có thể phá trừ nghiệp quá khứ, vậy biết lấy gì để phá trừ khổ hạnh hiện tại? Nếu khổ hạnh ấy không bị phá trừ, thì khổ tức là thường? Nếu khổ là thường, tại sao ông nói rằng được giải thoát khổ? Nếu lại có hành vi phá trừ khổ hạnh [thì khổ là vô thường], vậy quá khứ đã dứt, làm sao có khổ?”

“Này ông! Khổ hạnh ấy có thể khiến nghiệp vui sẽ chịu quả khổ hay chẳng? Lại có thể khiến nghiệp khổ sẽ chịu quả vui hay chẳng? Có thể khiến nghiệp không khổ không vui chẳng phải thọ quả hay chẳng? Có thể khiến quả báo hiện tại thành quả báo đời kế tiếp hay chẳng? Có thể khiến quả báo đời kế tiếp thành quả báo đời hiện tại hay chẳng? Có thể khiến hai loại quả báo đó thành không có quả báo hay chẳng? Có thể khiến quả báo nhất định phải chịu trở thành không có quả báo hay chẳng? Có thể khiến [trường hợp] không có quả báo thành quả báo nhất định phải chịu hay chẳng?”

“Nếu người ấy lại nói: ‘Cồ-đàm! Không thể.’ Ta sẽ hỏi tiếp rằng: ‘Nhân giả! Nếu là không thể, vậy do nhân duyên gì ông nhận chịu sự khổ hạnh ấy?’

“Này ông! Nên biết rằng nhất định có nghiệp quá khứ, có nhân duyên hiện tại. Cho nên ta nói: ‘Nhân phiền não sanh nghiệp, nhân nghiệp phải chịu quả báo.’

“Này ông! Nên biết rằng tất cả chúng sanh đều có nghiệp quá khứ, có nhân hiện tại. Tuy chúng sanh có thọ mạng do nghiệp quá khứ, nhưng phải nhờ nhân duyên ăn uống trong hiện tại [mới duy trì được thọ mạng đó].

“Này ông! Nếu ông nói: Chúng sanh chịu khổ hay vui nhất định là do nhân duyên gốc nghiệp trong quá khứ. Việc đó không đúng.

“Vì sao vậy? Này ông! Ví như có một người, diệt trừ được kẻ oán thù cho nhà vua. Do nhân duyên ấy nhận được nhiều của cải, vật quý, được thọ hưởng khoái lạc trong hiện tại. Như người ấy là ngay trong đời hiện tại tạo nhân của sự vui, được hưởng quả báo vui. Ví như có người giết chết vị hoàng tử mà vua thương yêu. Do nhân duyên ấy phải chịu tội tử hình. Như người ấy là ngay trong đời hiện tại tạo nhân của sự khổ, phải chịu quả báo khổ.

“Này ông! Tất cả chúng sanh, hiện tại nhân nơi *bốn đại*, điều kiện môi trường, đất đai, nhân dân... mà nhận chịu những sự khổ, sự vui. Cho nên ta nói: ‘Tất cả chúng sanh không phải chỉ nhân ở gốc nghiệp đời quá khứ mà chịu khổ hay được vui.’

“Này ông! Nếu nhờ ở sức nhân duyên dứt trừ nghiệp [quá khứ] mà được giải thoát, thì tất cả thánh nhân đều không được giải thoát. Vì sao vậy? Vì gốc nghiệp quá khứ

của tất cả chúng sanh là không có khởi đầu, không có kết thúc. Cho nên ta nói: Trong khi tu tập *Thánh đạo*, nhờ đó có thể che ngăn nghiệp vô thủy vô chung.

“Này ông! Nếu chịu khổ hạnh mà đạt được đạo, thì tất cả súc sanh lẽ ra cũng đạt được đạo, [vì chúng đều chịu khổ]! Cho nên, trước hết phải điều phục tâm chứ không phải điều phục thân. Vì nhân duyên ấy, ta có nói trong kinh rằng: ‘Hãy đốn phá rừng, đừng chỉ đốn cây. Vì sao vậy? Do có rừng mới sanh ra lo sợ, chẳng phải do cây.’ Muốn điều phục thân, trước phải điều phục tâm. Tâm ví với rừng, thân ví với cây.”

Tu-bạt-đà nói: “Bạch Thế Tôn! Tôi đã có điều phục tâm trước rồi.”

Phật hỏi: “Thiện nam tử! Ông làm thế nào có thể điều phục tâm trước?”

Tu-bạt-đà đáp: “Bạch Thế Tôn! Trước hết tôi suy xét: *Dục* là vô thường, vô lạc, vô tịnh. Kế tôi quán sắc tức là thường, lạc, ngã, tịnh. Tôi quán như vậy rồi, những phiền não trói buộc trong *Dục giới* bị dứt sạch, [thần thức] tôi đạt đến *Sắc giới*. Cho nên tôi nói là đã điều phục tâm trước rồi.

“Kế đó, tôi lại quán xét về sắc, [thấy rằng] sắc là vô thường, như ung nhọt, ghẻ lở, như chất độc, như mũi tên [gây hại]. Tôi thấy vô sắc là thường còn, thanh tịnh, vắng lặng an tĩnh. Tôi quán xét như vậy rồi, những phiền não trói buộc trong *Sắc giới* liền dứt sạch, [thần thức] tôi đạt đến *Vô sắc giới*. Cho nên tôi nói là đã điều phục tâm trước rồi.

“Tiếp theo, tôi quán xét về *tướng*, [thấy rằng] *tướng* là *vô thường*, như ung nhọt, ghẻ lở, như chất độc, mũi tên [gây hại]. Quán xét như vậy rồi, [thần thức] tôi đạt đến cảnh giới *Phi tướng phi phi tướng*. Cảnh giới *Phi tướng phi phi tướng* ấy là *Nhất thiết trí*, vắng lặng an tĩnh, thanh tịnh, không có sự sa đọa [xuống cảnh giới thấp hơn], thường còn không biến đổi. Cho nên tôi đã có thể điều phục tâm mình rồi.”

Phật hỏi: “Thiện nam tử! Ông [như vậy mà] có thể điều phục tâm sao? Chỗ đạt được của ông hiện nay là mức định *Phi tướng phi phi tướng*, vẫn còn gọi là *tướng*. *Niết-bàn* là *vô tướng*, làm sao ông nói rằng đã đạt được *Niết-bàn*?”

“Thiện nam tử! Trước ông đã chê trách cái *tướng* thô kệch, nay sao lại vướng mắc ưa thích cái *tướng* tinh tế? Vì không biết chê trách cảnh giới *Phi tướng phi phi tướng* nên vẫn gọi là *tướng*, [vẫn là] như ung nhọt, ghẻ lở, như chất độc, như mũi tên [gây hại].

“Thiện nam tử! Thầy của ông là *Uất-dâu-lam-phất*,¹ lợi căn thông minh, còn không thể dứt trừ cảnh giới *Phi tướng phi phi tướng* ấy, [rốt cùng còn] phải thọ thân xấu ác, hưởng chi là những người khác?”

Tu-bạt-đà thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Vậy phải làm thế nào để dứt trừ được tất cả các cảnh giới hiện hữu?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu ai quán xét được tướng

¹ Uất-dâu-lam-phất, phiên âm từ Phạn ngữ *Udrakarāmaputra*, đại sư ngoại đạo nổi tiếng vào thời đức Phật. Khi Phật vừa mới xuất gia tâm đạo đã đến hỏi đạo nơi vị này. Tên gọi của ông còn được phiên âm theo nhiều cách khác như Uất-dà-già, Ưu-dà-la-ma tử, Uất-dà-la-ma tử, Ôt-đạt-lạc-ca, Uất-dà-la-già... đều xuất phát từ một tên Phạn ngữ.

chân thật, người ấy có thể dứt trừ được tất cả các cảnh giới hiện hữu.”

Tu-bạt-đà thưa rằng: “Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là tướng chân thật?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Tướng của *vô tướng* gọi là tướng chân thật.”

Lại hỏi: “Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là tướng của *vô tướng*?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Tất cả các pháp [vốn] không có tướng của riêng mình, không có tướng từ bên ngoài, cũng không có tướng của riêng mình và bên ngoài; không có tướng không do nhân [mà có], không có tướng tạo tác, không có tướng thọ nhận; không có tướng chủ thể tạo tác, không có tướng chủ thể thọ nhận; không có tướng pháp và chẳng phải pháp; không có tướng nam nữ; không có tướng thân thức; không có tướng vi trần, không có tướng thời tiết; không là tướng của riêng mình, không là tướng của pháp khác, [cũng] không là tướng của riêng mình và pháp khác; không có tướng hiện hữu, không có tướng không [hiện hữu]; không có tướng sanh ra, không có tướng chủ thể sanh ra; không có tướng nguyên nhân, không có tướng nhân của nguyên nhân; không có tướng kết quả, không có tướng quả của kết quả; không có tướng ngày đêm, không có tướng sáng tối; không có tướng nhìn thấy, không có tướng chủ thể nhìn thấy; không có tướng nghe, không có tướng chủ thể nghe; không có tướng nhận biết, không có tướng chủ thể nhận biết; không có tướng *Bồ-đề*, không có tướng chủ thể chứng đắc *Bồ-đề*; không có tướng nghiệp,

không có tướng chủ thể của nghiệp; không có tướng phiền não, không có tướng chủ thể của phiền não.

“Thiện nam tử! Tùy theo chỗ diệt mất [tất cả] các tướng như vậy mà gọi là tướng chân thật.

“Thiện nam tử! Tất cả các pháp đều là hư dối; tùy chỗ diệt mất của chúng mà gọi đó là thật, gọi là tướng chân thật, gọi là cảnh giới của pháp, gọi là trí tuệ rốt ráo, gọi là nghĩa lý chân thật *đệ nhất*, gọi là nghĩa không *đệ nhất*.

“Thiện nam tử! [Đối với] tướng chân thật, cảnh giới của pháp, trí tuệ rốt ráo, nghĩa lý chân thật *đệ nhất*, nghĩa không *đệ nhất* này, nếu biết quán xét thì những ai có trí tuệ bậc thấp sẽ đạt được quả *Bồ-đề* của hàng Thanh văn, những ai có trí tuệ bậc vừa sẽ đạt được quả *Bồ-đề* của hàng *Duyên giác*, những ai có trí tuệ bậc cao sẽ đạt được quả *Vô thượng Bồ-đề*.”

[Sau khi nghe] Phật thuyết pháp như vậy, có mười ngàn vị Bồ Tát đạt được tướng chân thật ngay trong một đời, mười lăm ngàn vị Bồ Tát đạt được cảnh giới của pháp trong hai đời, hai mươi lăm ngàn vị Bồ Tát đạt được trí tuệ rốt ráo, ba mươi lăm ngàn vị Bồ Tát chứng ngộ nghĩa lý chân thật *đệ nhất*, cũng gọi là nghĩa không *đệ nhất*, cũng gọi là *Tam-muội* Thủ Lăng Nghiêm. [Lại có] bốn mươi lăm ngàn vị Bồ Tát đạt được phép *Tam-muội* Hư không, cũng gọi là *Tam-muội* Quảng đại, cũng gọi là *Tam-muội* Trí ấn. [Lại có] năm mươi lăm ngàn vị Bồ Tát đạt được đức *nhẫn* không thối chuyển, cũng gọi là đức *nhẫn* theo đúng pháp, cũng gọi là đức *nhẫn* đúng cảnh giới

của pháp. [Lại có] sáu mươi lăm ngàn vị Bồ Tát đạt được phép *Đà-la-ni*, cũng gọi là tâm niệm lớn lao, cũng gọi là trí tuệ không ngăn ngại. [Lại có] bảy mươi lăm ngàn vị Bồ Tát đạt được phép *Tam-muội Sư tử hống*, cũng gọi là *Tam-muội* Kim cang, cũng gọi là *Tam-muội Ngũ trí ấn*. [Lại có] tám mươi lăm ngàn vị Bồ Tát đạt được phép *Tam-muội Bình đẳng*, cũng gọi là *Đại từ Đại bi*. [Lại có] vô lượng chúng sanh nhiều như số cát sông Hằng phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, vô lượng chúng sanh nhiều như số cát sông Hằng phát tâm *Duyên giác*, vô lượng chúng sanh nhiều như số cát sông Hằng phát tâm Thanh văn. [Lại có] hai mươi ngàn ức chúng sanh hai cõi trời, người ngay trong đời hiện tại được chuyển từ thân nữ thành thân nam.

Ông *Tu-bạt-đà*¹ [ngay khi ấy] chứng đắc quả *A-la-hán*.²

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

HẾT QUYỂN BỐN MƯƠI

¹ Nguyên bản Hán văn dùng *Tu-bạt-dà-la*, là cách phiên âm khác của *Subhadra*, nên cũng chính là ông *Tu-bạt-dà* đang nói ở trên. Từ đây về sau chúng tôi vẫn dùng tên gọi *Tu-bạt-dà* để đọc giả tiện theo dõi

² Theo Nam bản thì đến đây là cuối quyển 36, chấm dứt trọn bộ kinh. Bản dịch của ngài *Đàm-vô-sám* cũng đến đây là hết. Theo các tư liệu còn lưu lại đến nay thì ngài *Đàm-vô-sám* đã mất trong khi đang trên đường trở về Ấn Độ để thỉnh phần cuối kinh này sang dịch tiếp. Do đó, phần tiếp theo của kinh này, tức 2 quyển cuối cùng (*Niết-bàn kinh hậu phần*) phải đợi đến đời Đường mới được các ngài *Nhã-na-bạt-dà-la* và *Hội Ninh* dịch tiếp và hoàn tất.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN (PHẦN CUỐI)

Các vị sa-môn Nhã-na-bạt-đà-la, Hội Ninh...
cùng dịch

QUYỂN BỐN MƯƠI MỐT PHẨM KIÊU-TRẦN-NHƯ Phẩm thứ mười ba – Phần bốn

Úc ấy, ông *Tu-bạt-đà* nghe Phật thuyết giảng giáo pháp Đại Bát Niết-bàn thâm sâu mầu nhiệm, liền đạt được con mắt Chánh pháp, nhìn thấy pháp thanh tịnh, [sanh tâm] ưa thích bảo vệ Chánh pháp, dẹp bỏ những tà kiến [trước đây]; khởi sanh lòng tin sâu vững kiên cố đối với pháp Phật, liền thỉnh cầu đức Như Lai nhận cho ông được xuất gia.

Phật dạy: “Lành thay, lành thay! Hãy đến đây, *tỳ-kheo Tu-bạt-đà*! Ta thật vui thay khi ông khéo vào được trong đạo Phật.”

Lời Phật vừa dứt, *Tu-bạt-đà* [liền cảm thấy trong lòng] hoan hỷ phấn chấn, hết sức hân hoan mừng rỡ, ngay khi đó râu tóc tự nhiên rụng sạch, trở thành một vị sa-môn. [Nhờ] nước trí tuệ tánh pháp rưới xuống nguồn tâm [nên] không còn trói buộc vướng mắc nữa, phiền não dứt sạch, tâm ý khai mở, [lập tức] chứng đắc quả *A-la-hán*.

Tu-bạt-đà sau khi chứng đắc thánh quả liền đến trước Phật chiêm ngưỡng tôn nhan, cúi đầu và mặt sát dưới chân Phật lễ kính, rồi vén trần vai áo bên phải,¹ quì gối phải sát đất, hai tay chấp lại cung kính, buồn vui lẫn lộn, tự hối trách một cách sâu xa những tội lỗi [sai lầm] của mình ngày trước, bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Đáng giận thay cái thân độc hại này của con, từ nhiều kiếp đến nay thường dối gạt mê hoặc con, khiến con chìm mãi trong vô minh, tà kiến, trôi dắm trong *Ba cõi*, trong pháp của ngoại đạo. Thật đau đớn thay! Thật khổ sở thay! Gây hại lớn thay! Nay con hết sức vui mừng, nhờ ơn Như Lai được vào *Chánh pháp*. Đức Thế Tôn trí tuệ như biển cả, lòng từ bi thương xót [chúng sanh] không kể xiết. Riêng con tự suy xét, dầu trải qua nhiều kiếp nát thân để báo đáp ân đức của Phật trong phút chốc này cũng còn chưa đủ!”

Ông *Tu-bạt-đà* nói lời ấy rồi buồn khóc rơi lệ, không sao tự kiềm chế. Rồi ông lại bạch Phật: “Thế Tôn! Con nay đã già yếu, không còn sống được bao lâu nữa, nhưng chưa thoát được mọi nỗi khổ, e vẫn còn bị sự khổ vô thường biến đổi quay lại bức bách. Nguyện cầu đức Thế Tôn nán lại ít lâu để dạy bảo, thương xót cứu giúp con, đừng nhập *Niết-bàn*.”

Bấy giờ, đức Thế Tôn lặng thinh không chấp nhận. *Tu-bạt-đà* thỉnh cầu không được toại nguyện, lấy làm buồn rầu bứt rứt, lớn tiếng than rằng: “Khổ thay, khổ thay! Thế gian [này sắp] trống rỗng! Thế gian [này sắp] trống rỗng! Tại sao hôm nay nỗi lo sợ lớn lao lại xảy đến, phiền não

¹ Vén trần vai áo bên phải: cử chỉ để bày tỏ lòng tôn kính. Tập tục này vốn có từ thời cổ đại Ấn Độ, thường được các tỷ-kheo sử dụng để bày tỏ lòng tôn kính Phật trước khi thưa hỏi điều gì.

thieu đốt khắp nơi? Than ôi, than ôi! Phước đức của chúng sanh không còn nữa, con mắt trí tuệ chân chánh không còn nữa!”

Tu-bạt-đà than rồi rơi lệ, bi thảm nghẹn ngào nấc không thành tiếng, rướm máu khắp toàn thân, cất tiếng khóc lớn. Liền đó ông gieo mình xuống đất trước mặt Như Lai, tâm thần hoang mang rối loạn, hôn mê bất tỉnh.

Hồi lâu ông tỉnh lại, nước mắt tràn trề, nghẹn ngào bạch Phật: “Thế Tôn! Nay con không sao chịu nổi việc nhìn thấy Như Lai buông bỏ tất cả mà nhập *Niết-bàn*. Trong lòng con đau đớn buồn khổ không sao ngăn được. Làm sao con có thể tự mình ở lại với cái thân giả tạm độc hại này? Nên nay con thà mau chóng tự diệt [thân] trước. Ngưỡng mong đức Thế Tôn sau đó hãy nhập *Niết-bàn*.”

Bấy giờ, *Tu-bạt-đà* nói ra những lời ấy rồi lại không ngớt bi lụy nghẹn ngào, ngay trong chốc lát liền nhập *Niết-bàn*.

Bấy giờ có vô số ức chư Đại Bồ Tát, *tỳ-kheo*, *tỳ-kheo* ni, tất cả thế gian, trời, người, *a-tu-la* nhiều như số cát sông Hằng, không thể tính đếm, đồng thời cất tiếng kêu than rằng: “Khổ thay, khổ thay! Vì sao đấng *Chánh giác* chỉ trong một ngày buông bỏ tất cả, [khiến chúng con] không còn ai làm chủ, không còn chỗ quay về, không còn nơi nương dựa, không còn chỗ noi theo!”

[Rồi tiếp nối dòng] suy tưởng nhớ nhung, luyến mộ bi thương, [mọi người cùng] nắm tay nhau đấm ngực than khóc, buồn đau thất vọng, mê muội quên cả phương hướng, nỗi bi ai thấu khắp cả thế giới *Tam thiên đại thiên*.

Lúc ấy, đức Thế Tôn [cùng lúc] phát ra tám loại âm thanh,¹ bảo khắp đại chúng rằng: “[Đại chúng] đừng lớn tiếng kêu khóc như trẻ con, mỗi người hãy tự kiềm chế, đừng tự làm cho tâm mình rối loạn. Các người ở trong chốn biển lớn sanh tử của khổ não vô thường biến dị này, hãy chuyên cần tu tập tâm thanh tịnh, đừng để mất *niệm* và *tuệ*, mau cầu cho được trí tuệ chân chánh để gấp rút ra khỏi các cảnh giới hiện hữu.

“[Này đại chúng! Nếu còn] thọ thân trong *Ba cõi* thì vòng xoay khổ não không có giới hạn. [Trong đó,] vô minh là ông chủ, sự ân ái là Ma vương, [cùng] sai khiến thân tâm trở thành tội tở, chạy theo khắp các cảnh giới, tạo nghiệp sanh tử; [khởi sanh] tham lam, sân khuể, cuồng si, mỗi một niệm tưởng nối tiếp nhau đều gây sự tổn hại, [nên] từ vô lượng kiếp đến nay thường chịu khổ não. Có kẻ trí nào lại không đi ngược lại nguồn cội ấy?

“Các người nên biết, ta từ thuở rất xa xưa đến nay đã nhập phép định *Đại tịch*, không có các *ám*, *giới*, *nhập*; dứt trừ mãi mãi mọi cảnh giới hiện hữu, [đã đạt được] kho báu *Kim cang* [là *Đại Niết-bàn*] *thường*, *lạc*, *ngã*, *tịnh*. Nay ta ở trong [*đại định*] này mà hiển bày việc khó nghĩ bàn, hiện sức phương tiện, nhập *Đại Niết-bàn*, thị hiện [sự hoại diệt] giống như pháp thế gian, vì muốn cho chúng sanh biết rằng thân [xác thịt] này [thoáng qua] như điện chớp mà chỉ sanh lòng ưa thích [việc tu] tâm; sanh tử là dòng nước xiết, chảy nhanh cuốn mạnh, hết thấy các pháp vô thường biến dịch luân chuyển, đúng lẽ như vậy.

¹ Tám loại âm thanh (Bát chủng thanh): chỉ thần lực của Phật khi phát ra âm thanh lời nói có tám tính chất tốt đẹp, có thể khiến tất cả các loài chúng sanh đều tùy theo ngôn ngữ của mình mà hiểu rõ.

“*Niết-bàn* của Như Lai là rất sâu xa, không thể nghĩ bàn. Đó là cảnh giới của chư Phật, Bồ Tát, không phải chỗ hàng Thanh văn, Duyên giác có thể biết được.”

Đức Phật lại bảo đại chúng: “Ông *Tu-bạt-đà* đã từng cúng dường chư Phật nhiều như số cát sông Hằng, ở nơi các đức Phật ấy trồng sâu căn lành. Vì nguyện lực lớn lao nên ông ấy thường [thị hiện] xuất gia tu hành trong giáo pháp của ngoại đạo *Ni-kiền*, dùng trí tuệ phương tiện để dẫn dụ những chúng sanh tà kiến, lạc mất *Chánh đạo*, khiến họ đạt được trí tuệ chân chánh. *Tu-bạt-đà* nương theo nguyện lực từ trước nên nay được gặp ta vào lúc sắp nhập *Niết-bàn*, được nghe *Chánh pháp*, chứng đắc quả *A-la-hán*, sau đó liền nhập *Niết-bàn*.”

“Từ khi ta [vừa] thành đạo hóa độ [nhóm ông] *A-nhã Kiều-trần-như*; đến nay sắp nhập *Niết-bàn* hóa độ ông *Tu-bạt-đà*. Những việc [cần] làm của ta không còn gì nữa, dù ta có trụ lại thế gian lâu hơn cũng không có gì khác hơn hôm nay.”

Nói xong lời ấy, đức Thế Tôn thở dài rồi lên tiếng ngợi khen rằng: “Lành thay, lành thay! *Tu-bạt-đà* đã báo đáp được ơn Phật. Đại chúng nên cúng dường di thể, lập tháp phụng thờ.”

Bấy giờ, đại chúng đều buồn bã bi thảm, cố nén lệ sâu, vâng lời Phật dạy, dùng các thứ gỗ thơm, bơ, dầu để làm lễ hỏa táng di thể *Tu-bạt-đà*. Đang khi hỏa táng, *Tu-bạt-đà* từ trong lửa đỏ phóng ra hào quang chói sáng, thị hiện mười tám cách biến hóa: trên thân tuôn nước, dưới thân tuôn lửa; từ hông mặt tuôn lửa, từ hông trái tuôn nước; từ nhỏ hiện thành lớn, từ lớn hiện thành nhỏ; [biến hóa như vậy] đầy khắp hư không.

Lúc ấy, vô số [người trong] đại chúng và những chúng sanh ngoại đạo tà kiến đều phát tâm *Bồ-đề*, thể nhập vào sự thấy biết chân chánh.

Tu-bạt-đà thị hiện thân thông biến hóa như vậy rồi lại hiện trở vào trong lửa. Lễ hỏa táng vừa xong, tất cả đại chúng đều bi thương cảm động, thu nhặt *xá-lợi*, xây tháp cúng dường.

LỜI DẠY CUỐI CÙNG

Phẩm thứ nhất¹

Lúc ấy, Phật bảo *A-nan* và đại chúng: “Sau khi ta diệt độ, hàng đệ tử xuất gia và tại gia đều nên chuyên cần gìn giữ bảo vệ kinh Đại *Niết-bàn* này. Trong vô lượng vạn ức *a-tăng-kỳ* kiếp, ta đã tu tập pháp Đại *Niết-bàn* rất khó được này. Nay ta đã giảng thuyết rõ [cho đại chúng] rồi.

“Đại chúng nên biết, kinh Đại *Niết-bàn* này chính là kho báu *Kim cang* của tất cả mười phương chư Phật ba đời; là *thường, lạc, ngã, tịnh*; tròn đầy trọn vẹn không khiếm khuyết. Tất cả chư Phật đều từ nơi kinh *Niết-bàn* này mà nhập *Niết-bàn*. Kinh này là chỗ cứu cánh rốt ráo, nghĩa lý thấu đáo đến cùng cực không sai sót. Chư Phật từ nơi kinh này mà buông xả thân mạng, nên gọi là *Niết-bàn*.

¹ Các bản Hán văn đều gọi từ đây là phẩm thứ nhất, tức là tính theo bản Hậu phần, nên phần nối tiếp của phẩm *Kiều-trần-như* được gọi là “*Kiều-trần-như phẩm dư*” hoặc “*Kiều-trần-như phẩm chi mật*”. Chúng tôi vẫn tính tiếp theo phần trước nên gọi là “phẩm thứ 13 phần thứ tư” để quý độc giả tiện theo dõi.

“Nếu các ông muốn quyết lòng báo đáp ơn Phật một cách chân thật, sớm đạt được [quả vị] *Bồ-đề*, được chư Phật xoa đầu [thọ ký], đời đời sanh ra không mất *Chánh niệm*, thường được chư Phật mười phương hiện ra trước mặt, ngày đêm gìn giữ bảo vệ, khiến cho tất cả đều đạt được pháp xuất thế, vậy phải chuyên cần tu tập kinh *Niết-bàn* này.”

Phật lại bảo *A-nan*: “Khi chưa thành Phật, ta có thị hiện vào pháp ngoại đạo của *Uất-đầu-lam-phất*, tu học *Bốn thiên*, *Tám định*,¹ thọ nhận và thực hành giáo pháp của ông ấy. Từ khi thành Phật đến nay, ta chê trách pháp của ông ấy; dần dần khuyến khích, dắt dẫn cho mọi người đều được vào đạo Phật, mà *Tu-bạt-đà* là người sau chót. Như Lai dùng ngọn đuốc trí tuệ lớn để đốt cháy ngọn cỏ tà kiến như lá cỏ khô bị ném vào giữa ngọn lửa lớn.

“Này *A-nan*! Nay ta cũng nghĩ nhiều đến những thân thích trong dòng họ *Thích-ca*. Sau khi ta nhập *Niết-bàn*, ông nên chuyên cần tinh tấn, đem những điều lành mà khuyên răn dạy dỗ, trao truyền *Chánh pháp* nhiệm mầu cho họ, hết lòng dạy bảo, dẫn dắt họ; đừng để cho họ mê đắm chuyện ăn chơi, buông thả lưỡi nhác, để tâm tán loạn chạy theo [trần] cảnh, thọ nhận và thực hành các pháp tà vậy.

“Những ai còn chưa thoát khỏi sự thống khổ của thế gian trong *Ba cõi*, hãy sớm cầu sự giải thoát. Trong chốn

¹ Bốn thiên, tám định: các mức độ trình tự chứng đắc của người tu tập thiên định. Bốn thiên gồm có Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên và Tứ thiên, đều còn thuộc trong phạm vi Sắc giới. Tám định bao gồm cả bốn mức định thuộc Sắc giới của Bốn thiên, cộng với bốn mức định thuộc Vô sắc giới là: Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

ái dục có năm sự ứ trước này,¹ nên sanh tư tưởng lo âu sợ sệt, [rằng] không có ai cứu vớt che chở [được cho mình]. Một khi đã mất thân người rất khó lòng được lại, nên suốt một đời này phải thường luôn tỉnh táo giữ gìn suy xét. Con quý lớn vô thường không thể dùng [xúc] tình mà cầu thoát khỏi.

“Hãy thương xót chúng sanh, đừng giết hại lẫn nhau, cho đến loài sâu bọ nhỏ nhoi cũng nên mang đến cho chúng sự [bình an] không lo sợ. Nghiệp của thân được thanh tịnh sẽ thường được sanh nơi cảnh giới tốt đẹp; nghiệp của miệng được thanh tịnh sẽ tránh được mọi tội lỗi xấu ác. Không ăn thịt, không uống rượu! Điều phục con rấn độc là tâm mình, khiến nó được theo vào *Chánh đạo*. Phải suy xét sâu xa những chỗ tạo nghiệp: Quả báo lành, dữ như bóng theo hình; nhân quả trong ba đời xoay vần chẳng [bao giờ] mất.

“[Nếu để] một đời này luống qua, sau dù có hối cũng không còn kịp. Đã đến lúc ta nhập *Niết-bàn* [nên có mấy lời] dặn dò các ông như vậy.”

Bấy giờ, *A-nan* nghe qua những lời Phật dạy rồi thì thân tâm đều rung động, tinh thần hoang mang mê muội, buồn khổ ghen ngào, chìm sâu trong biển sầu đau, thân thể mê man, lòng dạ rối loạn hôn ám, ngã xuống trước mặt đức Như Lai, [bất động] như người đã chết.

Khi ấy, ngài *A-na-luật*² liền đến an ủi khuyên giải để

¹ Chỉ thế giới Ta-bà, vì có đủ năm sự ứ trước (ngũ trước), là những tính chất xấu xa, ô nhiễm bao gồm kiếp trước, kiến trước, phiền não trước, chúng sanh trước và mạng trước.

² *A-na-luật* (阿那律), phiên âm từ Phạn ngữ *Aniruddha*, nguyên bản Hán văn dùng *A-nê-lâu-đậu* (阿泥樓豆), cũng chính là vị này. Ngoài ra còn có rất nhiều

giúp A-nan giảm bớt cơn sầu khổ. Ngài nói rằng: “Than ôi! Sầu khổ có ích gì? Đã đến lúc Như Lai [sắp] nhập *Niết-bàn*, nay tuy thấy đó, mai đã không còn! [Vì thế] ông nên theo lời tôi, thưa thỉnh Như Lai về bốn việc này.

“Một là, sau khi Phật nhập *Niết-bàn* rồi, nhóm sáu thầy *tỳ-kheo* xấu¹ làm những việc nhơ nhớp hoen ố nhà người khác, [*tỳ-kheo*] *Ác tánh Xa-nặc*² [tánh tình xấu ác], làm sao có thể sống chung với họ để chỉ bày, dạy bảo?

“Hai là, khi Như Lai tại thế, Phật là thầy của tất cả chúng ta; sau khi Thế Tôn diệt độ, chúng ta biết lấy ai làm thầy?

“Ba là, khi Phật tại thế, chúng ta đều y theo Phật mà an trụ; khi Như Lai diệt độ rồi, chúng ta sẽ dựa theo đâu mà an trụ?

“Bốn là, sau khi Như Lai diệt độ, lúc kết tập kho tàng

cách phiên âm khác như A-ni-lâu-đà, A-nê-luật-đà, A-nê-lâu-đà, A-nô-luật-đà, A-na-luật-đề... Danh xưng này được dịch nghĩa là Vô Diệt, Như Ý, Vô Tham, Vô Chướng, Thiện Ý... Đây là một trong Thập đại đệ tử của Phật, được Phật ngợi khen là Thiên nhân đệ nhất. Ông cũng là một trong các vương tử xuất gia cùng lúc với ngài A-nan. Chúng tôi không dùng tên gọi A-nê-lâu-đậu theo nguyên bản mà chọn dùng tên gọi A-na-luật vì thấy có sự quen thuộc hơn với nhiều người, do tên gọi này thường xuất hiện trong nhiều kinh luận khác hơn.

¹ Sáu *tỳ-kheo* xấu: tức Lục quần *tỳ-kheo*, là nhóm *tỳ-kheo* xấu tánh, ngay trong khi Phật còn tại thế vẫn thường làm nhiều việc phạm vào giới luật, khiến chúng tăng phải mang tai tiếng. Vì thế nên ngài A-na-luật mới nêu vấn đề này ra để hỏi trước khi Phật nhập *Niết-bàn*.

² Xa-nặc, phiên âm từ Phạn ngữ Chandaka, là một *tỳ-kheo* tính tình kiêu mạn, xấu ác; cũng là một trong nhóm Lục quần *tỳ-kheo*. Xa-nặc chính là người hầu cận và đánh xe cho thái tử Tất-đạt-đa khi còn ở vương cung, sau khi Phật thành đạo xin xuất gia tu học, ý mình có xuất thân gần gũi với Phật năm xưa nên khinh thị các *tỳ-kheo* khác, thường làm nhiều việc xấu, ác khẩu, vì thế thường có tên gọi là Ác khẩu Xa-nặc hay Ác tánh Xa-nặc. Sau khi Phật nhập diệt, ông có lần bị chúng tăng trừng trị bằng phép mặc tẩn; cuối cùng theo ngài A-nan được dạy bảo đến khi chứng quả A-la-hán.

giáo pháp, nên ghi như thế nào ở phần mở đầu tất cả các kinh?”

Bấy giờ, ngài *A-nan* như vừa ra khỏi giấc mộng, nghe *A-na-luật* an ủi, nhắc nhở việc thưa hỏi Phật bốn vấn đề trên, liền dần dần tỉnh ngộ, [dù vẫn] không tự kiểm được nổi bi ai [nhưng cũng gắng] thưa hỏi Phật đủ bốn việc như trên.

Phật bảo *A-nan*: “Sao ông lại sầu khổ đau thương đến thế? Chư Phật giáo hóa khi đã trọn vẹn, mọi việc làm đã xong, theo đúng pháp đều nhập *Niết-bàn*.”

“Lành thay, lành thay! *A-nan*! Bốn việc ông hỏi đó là những câu hỏi cuối cùng [trước khi ta nhập diệt], có lợi ích lớn đối với tất cả thế gian. Đại chúng hãy lắng nghe và hãy khéo suy xét kỹ.”

A-nan bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Chúng con nguyện ưa thích lắng nghe.”

Phật dạy: “*A-nan*! Như lời ông vừa hỏi: ‘Phật vào *Niết-bàn* rồi, nhóm sáu thầy *tỳ-kheo* [xấu] với [tỳ-kheo] *Ác tánh Xa-nặc* làm những việc như nhớp hoen ở nhà người khác, làm sao sống chung với họ để chỉ dạy?’ *A-nan*! [Riêng về] *tỳ-kheo Xa-nặc*, tánh tình xấu ác, nhưng sau khi ta nhập *Niết-bàn* sẽ dần dần được điều phục, lòng dạ sẽ trở nên nhu hòa, từ bỏ tánh xấu ác.

“Này *A-nan*! Như em trai ta là *Nan-đà* vốn có đủ những sự tham dục nặng nề, tánh tình lại xấu ác. Như Lai dùng phương tiện khéo léo chỉ dạy cho ông ấy được sự lợi ích, vui vẻ. Như Lai rõ biết căn tánh của ông ấy nên dùng trí tuệ *Bát-nhã* giảng thuyết *Mười hai nhân duyên*, rằng vô

minh là duyên của *hành*; *hành* là duyên của *thức*... cho đến già chết, lo buồn, khổ não... hết thấy là một khu rừng [những điều] tham muốn, ghét bỏ, đều do *vô minh* mà có. Tất cả những khổ não do *vô thường* biến đổi tràn đầy trong *Ba cõi*, luân chuyển khắp sáu đường; cội gốc của những sự khổ lớn đều sanh khởi từ *vô minh*. Như Lai dùng trí tuệ *Bát-nhã* chỉ bày rằng, dùng tánh thanh tịnh quán xét kỹ cội gốc [*vô minh*] liền dứt trừ được mọi lỗi lầm tai hại trong các cảnh giới hiện hữu. Vì cội gốc của *vô minh* đã diệt nên *vô minh* phải diệt; *vô minh* đã diệt ắt *hành* phải diệt... cho đến già chết, lo buồn, khổ não... thấy đều diệt hết. Khi đạt được phép quán này, giữ tâm an định, liền nhập *tam-muội*. Nhờ sức *tam-muội* được vào *Sơ thiên*, dần dần tiến lên theo trình tự, vào đến *Đệ tứ thiên*. Tiếp tục duy trì tâm *Chánh niệm* tu tập như vậy, sau đó tự nhiên sẽ chứng đắc được thánh quả cao thượng, lìa hết mọi sự khổ trong *Ba cõi*.

“*A-nan!* Lúc ấy *tỳ-kheo Nan-đà* sanh khởi lòng tin sâu xa, y theo giáo pháp Phật dạy, chuyên cần tu tập, không bao lâu chứng đắc quả *A-la-hán*.”

“*A-nan!* Sau khi ta nhập *Niết-bàn*, các người nên y theo pháp quán chân chánh ta đã dạy [như trên] mà chỉ bày dạy bảo cho nhóm sáu thầy *tỳ-kheo* xấu và *tỳ-kheo Xa-nặc*; hết lòng nương theo giáo pháp chân chánh thanh tịnh này thì không bao lâu sẽ tự nhiên chứng đắc được thánh quả cao thượng.”

“*Này A-nan!* Nên biết rằng cội cây sanh tử to lớn trong *Ba cõi* tăng trưởng được đều do nơi *vô minh*; [khiến chúng sanh] trôi giạt chìm đắm giữa dòng sông tham ái, trong đêm dài khổ não, dưới vực sâu tăm tối, [mãi mãi] quần quanh cây cột sanh tử.”

“*Sáu thức* chỉ là cành nhánh, *vọng niệm* mới là cội gốc. *Vô minh* như sóng nước xô đẩy tâm thức rong chơi theo *sáu trần*,¹ gieo nhân khổ não, không gì chế ngự được nên tự do [gây hại] như vị [bạo] chúa [trong một nước]. Cho nên ta nói: ‘*Vô minh* là ông chủ [xấu ác], mỗi phút mỗi giây đều gây hại.’ Chúng sanh không rõ biết [điều đó], phải luân chuyển trong sanh tử.

“*Này A-nan!* Tất cả chúng sanh đều nhân nơi *vô minh* mà sanh khởi những tham ái trói buộc; do quan điểm *chấp ngã*² che lấp nên để cho tám mươi bốn ngàn loại phiền não trở thành ông chủ sai khiến chính mình, [làm cho] thân tâm rời rã, không có được sự tự do tự tại.

“*Này A-nan!* Nếu phá trừ *vô minh* thì *Ba cõi* đều không còn nữa. Vì nhân duyên ấy nên [những ai phá trừ được *vô minh*] gọi là người xuất thế.

“*A-nan!* Nếu có thể quán xét kỹ *Mười hai nhân duyên*, [thấy được rằng] hoàn toàn không hề có *bản ngã*, thể nhập sâu vào cội nguồn thanh tịnh thì có thể lìa xa nạn lửa lớn là *Ba cõi*.

“*Này A-nan!* Như Lai là bậc nói lời chân chánh, [nay] thành thật có lời căn dặn cuối cùng, đại chúng nên [theo đó mà] tu hành.

“*A-nan!* Lại như lời ông hỏi: ‘Sau khi Phật diệt độ, lấy ai làm thầy?’ *Này A-nan!* Giới luật [Phật đã chế định sẽ]

¹ Sáu trần (lục trần): tức các đối tượng nhận biết của các giác quan, gồm hình sắc, âm thanh, mùi hương, vị nếm, sự xúc chạm và các pháp.

² Quan điểm chấp ngã (ngã kiến hay ngã chấp): quan điểm cho rằng có một bản ngã thực sự tồn tại độc lập so với các đối tượng bên ngoài nó gọi là ngoại cảnh. Nhận thức này là sai lầm, không đúng thật với thực tại vốn hiện hữu do sự kết hợp của nhân duyên, kể cả cái gọi là bản ngã đó cũng không ngoại lệ.

là bậc thầy lớn nhất của các ông, y theo đó mà tu hành có thể đạt được *định* và *tuệ* rất thâm sâu, thoát khỏi thế tục.

“*A-nan!* Lại như lời ông hỏi: ‘Sau khi Phật nhập *Niết-bàn*, sẽ y theo đâu mà an trụ?’ Nay *A-nan*, hãy y theo *Bốn niệm xứ*, giữ tâm nghiêm cẩn mà an trụ. [*Bốn niệm xứ* đó là:] Quán xét thể tánh và hình tướng của thân đồng với hư không, gọi là *thân niệm xứ*; quán xét mọi cảm thọ không ở bên trong, không ở bên ngoài, không ở khoảng giữa, gọi là *thọ niệm xứ*; quán xét tâm này chỉ là tên gọi, tính chất của tên gọi là lìa khỏi [thực thể],¹ gọi là *tâm niệm xứ*; quán xét các pháp không [rơi vào] pháp thiện, không [rơi vào] pháp bất thiện, gọi là *pháp niệm xứ*.²

“*A-nan!* Tất cả những người tu hành nên y theo *Bốn niệm xứ* ấy mà an trụ.

“*A-nan!* Lại như lời ông hỏi: ‘Sau khi Như Lai diệt độ, lúc kết tập kho tàng giáo pháp, nên ghi như thế nào ở phần mở đầu tất cả các kinh?’ Nay *A-nan*, sau khi Như Lai diệt độ, lúc kết tập kho tàng giáo pháp, ở phần mở đầu tất cả các kinh nên ghi rằng: ‘*Tôi nghe như thế này, vào lúc Phật đang ở tại... vì bốn chúng đệ tử mà thuyết kinh này.*’³

¹ Tính chất của tên gọi là lìa khỏi thực thể (danh tự tách ly): tên gọi là do con người đặt ra để phân biệt sự vật, nhưng một khi tên gọi được hình thành thì con người lại xem tên gọi đó chính là sự vật, nên nếu chỉ trói buộc vào tên gọi thì không còn nhận biết được thực thể của sự vật ấy. Như nói “me chua” (tên gọi) để chỉ trái me (sự vật), nhưng thực thể của trái me không chỉ là chua, càng không chỉ có sự giới hạn trong tên gọi đó. Vì thế nên nói tính chất của tên gọi là lìa khỏi thực thể.

² Sự tu tập *Bốn niệm xứ* được trình bày ở đây có sự khác biệt với trong các kinh điển Tiểu thừa, theo đó hành giả tu tập quán thân bất tịnh, quán thọ thị khổ, quán tâm vô thường và quán pháp vô ngã.

³ Những điều được Phật dặn dò ghi lại ở phần mở đầu tất cả các kinh có ý nghĩa xác tín, khẳng định tính chân thật và lợi ích của kinh điển. Thứ nhất, vì người

Lúc ấy, *A-nan* lại bạch hỏi Phật: “Thế Tôn! Trong lúc Phật còn tại thế hay khi Phật đã nhập *Niết-bàn*, nếu có người *đàn-việt* có đức tin đem vàng bạc, bảy món báu, đủ các món ưa thích mà dâng cúng Như Lai thì nên sắp đặt thế nào?”

Phật dạy *A-nan*: “Lúc Phật còn tại thế, những vật dâng cúng Phật thì chúng tăng nên được biết. Sau khi Phật diệt độ, tất cả những vật mà người ta do lòng tin dâng cúng lên Phật thì nên dùng để tạo hình tượng Phật, áo Phật, phướn, lọng bằng bảy báu, hoặc mua các loại hương, dầu, hoa quý mà dâng cúng Phật. *Trừ việc dâng cúng Phật, ngoài ra không ai được dùng*. Người nào dùng [những phẩm vật ấy] tức là phạm tội ăn cắp tài vật của Phật.”¹

A-nan lại bạch Phật: “Thế Tôn! Trong khi Phật còn tại thế, ví như có người dùng vàng bạc châu báu, phòng xá, điện đường, vợ con, tôi tớ,² y phục, thức ăn uống, đủ các món ưa thích, đem hết lòng cung kính lễ bái cúng dường Như Lai; rồi sau khi Phật nhập *Niết-bàn*, cũng có người

ghi chép quả thật đã có nghe biết đúng như vậy (như thị ngã văn). Thứ hai, vì những gì kể lại trong kinh có sự xác định rõ ràng về thời gian, không gian (nhất thời Phật tại...). Thứ ba, vì đối tượng của những điều thuyết dạy trong kinh là bốn chúng đệ tử Phật, nên chắc chắn là những điều rất thiết thực, cần thiết cho sự tu tập giải thoát.

¹ Đức Phật từ bi để lại lời dặn dò này hẳn đã lường trước được những người đời sau sẽ vì việc thọ nhận và thụ hưởng những phẩm vật cúng dường Tam bảo mà xao nhãng chuyện tu tập. Vì thế, nếu ai còn biết nhớ đến và vâng theo sự dặn dò này thì không thể buông thả chạy theo sự hưởng thụ những phẩm vật dâng cúng của thí chủ, mà phải luôn nghĩ nhớ đến việc chuyên tâm tu tập hành trì.

² Vợ con, tôi tớ: Theo quan điểm thời bấy giờ, vợ con và những người tôi tớ trong gia đình đều được xem là thuộc về sở hữu của người chủ gia đình. Những cách diễn đạt như thế này chỉ hàm ý một sự cung kính muốn cúng dường tất cả những gì mình có, chứ không thật sự có nghĩa là đem vợ con, tôi tớ... làm phẩm vật dâng cúng.

dùng vàng bạc châu báu, vợ con, tôi tớ, áo quần, thức ăn uống, đủ các món ưa thích mà dâng cúng lên hình tượng Như Lai, đem hết lòng cung kính lễ bái cúng dường.

“Bạch Thế Tôn! Trong hai người hết lòng cúng dường ấy, ai được phước đức nhiều hơn?”

Phật bảo *A-nan*: “Hai người ấy đều đem hết lòng [thành kính] để cúng dường, [nên] chỗ được phước đức của họ không khác gì nhau. Vì sao vậy? Tuy Phật đã diệt độ, nhưng *Pháp thân* thường còn. Vì cả hai đều đem hết lòng [thành kính] để cúng dường nên phước đức đều như nhau.”

A-nan lại bạch Phật: “Thế Tôn! Trong khi Phật còn tại thế, ví như có người đem hết lòng [thành kính] cúng dường Như Lai cũng giống như trên; sau khi Phật nhập *Niết-bàn* lại có người đem hết lòng [thành kính] cúng dường cung kính *xá-lợi* toàn thân [của Phật]. Bạch Thế Tôn! Trong hai người ấy, ai được phước đức nhiều hơn?”

Phật bảo *A-nan*: “Hai người ấy được phước đức như nhau, công đức của họ là rộng lớn vô lượng vô biên [không thể cùng tận], cho dù biển khổ cạn hết, phước đức của họ cũng không hết.”

A-nan lại bạch Phật: “Thế Tôn! Trong khi Phật còn tại thế, ví như có người hết lòng [thành kính] cúng dường Như Lai cũng giống như trên; sau khi Phật nhập *Niết-bàn* lại có người cũng hết lòng [thành kính] cúng dường như trên đối với *xá-lợi* một nửa thân Phật. Bạch Thế Tôn! Trong hai người ấy, ai được phước đức nhiều hơn?”

Phật bảo *A-nan*: “Hai người ấy đều hết lòng [thành kính] cúng dường, nên chỗ được phước đức không khác gì nhau, đều là vô lượng vô biên.

“*A-nan!* Sau khi Phật diệt độ, ví như có người hết lòng [thành kính] cúng dường *xá-lợi* Như Lai, dù chỉ là một phần tư, một phần tám, một phần mười sáu, một phần trăm, một phần ngàn, một phần mười ngàn, hoặc một phần trong vô số phần nhiều như số cát sông Hằng, cho đến một phần nhỏ như hạt cải, nhưng cũng đều hết lòng [thành kính] mà cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán. [Nếu so với] khi Phật còn tại thế có người hết lòng [thành kính] cúng dường cung kính Như Lai, thì chỗ được phước đức của cả hai người đều không khác gì nhau. Phước đức của họ là vô lượng, không thể đo lường, không thể nói hết.

“*A-nan!* Nên biết rằng, dù khi Phật còn tại thế hay sau khi Phật đã nhập *Niết-bàn*, nếu có người hết lòng cung kính cúng dường, lễ bái, tôn trọng, tán thán [Như Lai], chỗ được phước đức [trong cả hai trường hợp] đều không khác gì nhau.”

Phật bảo *A-nan* và đại chúng: “Sau khi ta nhập *Niết-bàn*, tất cả những chúng sanh nào ở các cõi trời, người, khi nhận được *xá-lợi* của ta, buồn vui lẫn lộn, vừa thương cảm vừa hân hoan, liền hết lòng cung kính, lễ bái, cúng dường, sẽ được vô lượng vô biên công đức.

“*Này A-nan!* Nhìn thấy *xá-lợi* của Như Lai tức là thấy Phật; thấy Phật là thấy Pháp; thấy Pháp là thấy Tăng; thấy Tăng là thấy được *Niết-bàn*.”

“*A-nan!* Nên biết rằng, vì nhân duyên ấy nên *Tam bảo* là thường trụ, không hề biến đổi, có thể làm chỗ quy y cho tất cả chúng sanh.”

A-nan lại bạch Phật: “Thế Tôn! Sau khi Phật nhập *Niết-bàn*, tất cả đại chúng nên y theo phép tắc nào để *trà-tỳ*¹ [nhục thân] Như Lai rồi thu lấy *xá-lợi* và hết lòng [thành kính] cúng dường?”

Phật dạy *A-nan*: “Sau khi ta nhập *Niết-bàn*, đại chúng nên y theo phương pháp *trà-tỳ* [như đối với vị] Chuyển luân Thánh vương.”

A-nan lại hỏi: “Phương pháp *trà-tỳ* [đối với vị] Chuyển luân Thánh vương là như thế nào?”

Phật bảo *A-nan*: “Sau khi vị Chuyển luân Thánh vương băng hà, [di thể được] giữ lại bảy ngày rồi mới cho vào một cỗ kim quan. Sau đó dùng loại dầu thơm tốt nhất để rót đầy vào quan tài rồi đóng kín lại. Trải qua bảy ngày sau mới đưa di thể ra khỏi kim quan, dùng các thứ nước thơm mà tắm gội, rồi đốt các loại danh hương để cúng dường. Sau đó dùng hoa *đâu-la*² bọc lót khắp quanh di thể. Kế đó, dùng ngàn tấm lụa trắng loại quý nhất để quấn quanh khắp di thể thành nhiều lớp, lớp này bọc lên lớp kia. Tiếp đó lại dùng các thứ dầu thơm rót đầy vào kim quan, sau đó mới đặt di thể [trở lại] vào trong đó và đậy kín lại.

“Bấy giờ mới dùng loại xe quý bằng gỗ thơm và bảy món báu để đưa kim quan đi. Bốn phía xe đều treo các

¹ Trà-tỳ: danh từ xuất phát từ Phạn ngữ *jhāpita*, cũng đọc là xà-duy (闇維), chỉ nghi thức hỏa thiêu nhục thân của một vị Phật hay cao tăng Phật giáo. Trong Hán ngữ dịch chữ này là phân thiêu (焚燒).

² Hoa đầu-la, tên Phạn ngữ là *tūla*, cũng được đọc là đồ-la hay đố-la... là một loài hoa có màu trắng và rất mềm mại, mịn màng; dịch nghĩa là miên hoa hay tế miên hoa. Nguyên bản Hán văn dùng đầu-la miên là thừa vì kết hợp cả dịch âm và dịch nghĩa.

loại chuỗi ngọc, lại dùng tất cả các món trang sức quý báu để trang hoàng. Bao quanh xe là vô số phướn hoa, cờ lọng bằng bảy món báu, [lại đốt lên] tất cả các loại hương thơm vi diệu, dùng tất cả các loại âm nhạc [như ở cõi trời] vây quanh [xe chở kim quan] để cúng dường. Bấy giờ mới dùng toàn những thanh gỗ thơm loại tốt, có trang trí ở cả bên trong và bên ngoài, cùng với loại dầu thơm tốt nhất để *trà-tỳ* nhục thân của vị Chuyển luân Thánh vương.

“*Trà-tỳ* xong, thu nhặt *xá-lợi*, dựng một tháp báu nơi ngã tư giữa đô thành để đặt *xá-lợi* vào. Tháp ấy có bốn cửa vào, để tất cả nhân dân đều được cùng nhau chiêm ngưỡng *xá-lợi* ấy.

“Này *A-nan*! Vị Chuyển luân Thánh vương ấy chỉ nhờ chút ít phước đức, được nối ngôi vua, thật chưa thoát khỏi các cảnh giới hiện hữu, [vẫn còn] đủ *năm món dục*, mê thiếp, thể nữ, ba độc [tham, sân, si] và các quan niệm xấu ác, [cho đến] tất cả phiền não và những thứ trói buộc sai khiến, chưa trừ bỏ được mảy may nào. [Vậy mà] sau khi băng hà người đời còn dùng những phép tắc [trang nghiêm] như vậy [để *trà-tỳ*], xây tháp cúng dường [*xá-lợi*], ai nấy đều chiêm ngưỡng.

“*A-nan*! Huống chi Như Lai đã trải vô lượng vô biên vô số *a-tăng-kỳ* kiếp, vĩnh viễn buông bỏ *năm món dục*, mê thiếp, thể nữ? Đối với các pháp thế gian, Như Lai có thể [phá bỏ tất cả] như cơn mưa đá [phá hoại cây cỏ]; việc khó chuyên cần có thể chuyên cần; việc khó thực hành có thể thực hành; hết thấy những sự khổ hạnh của hàng Bồ Tát xuất thế [Như Lai] đều [đã từng] chuyên cần khó nhọc tu

tập. Tất cả những sự hành đạo của chư Phật ba đời trong khắp mười phương, những pháp hết sức thâm sâu nhiệm mầu thanh tịnh như *giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, sáu Ba-la-mật*, Như Lai đều có đủ. Ngài đã tu tập đủ *Mười sức, tâm đại bi, Bốn đức chẳng sợ, Ba môn giải thoát, Mười tám pháp không, Sáu thần thông, Năm loại mắt, Ba mươi bảy phẩm [trợ đạo], Mười tám pháp chẳng chung cùng [với Hai thừa], Ba mươi hai tướng tốt, Tám mươi vẻ đẹp*.

“Như Lai đã thành tựu thọ mạng như tất cả chư Phật, thế giới thanh tịnh như tất cả chư Phật, cùng tất cả những pháp thành tựu cho chúng sanh, tất cả những sự khổ hạnh khó tu tập, tất cả những giới luật thâm nhiếp các pháp lành, tất cả những giới luật thâm nhiếp chúng sanh, tất cả những giới luật thâm nhiếp oai nghi, tất cả công đức, tất cả trí tuệ, tất cả sự trang nghiêm, tất cả các nguyện lớn, tất cả các phương tiện. Hết thấy những giới hạnh, phước đức và trí tuệ không thể nghĩ bàn như vậy Như Lai đều đã thành tựu đầy đủ không thiếu sót.

“Như Lai đã dứt trừ tất cả pháp bất thiện, dứt trừ tất cả phiền não, dứt trừ tất cả tập khí phiền não còn sót lại. Như Lai thông đạt *Bốn chân đế, Mười hai nhân duyên*, nơi cội cây *Bồ-đề* đã hàng phục *Bốn thứ ma*, thành tựu [*Nhất thiết*] *chủng trí*. [Hết thấy những] pháp nhiệm mầu như vậy ngài đều đã tu tập đầy đủ, nên tất cả chư Phật mới xưng lên lời ngợi khen rằng: ‘Lành thay, lành thay!’ Chư Phật đồng lấy nước trí tuệ pháp tánh mà rưới nơi đỉnh *Pháp thân*; ngài mới đắc thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu*

Tam-bô-đề. Do nhân duyên ấy được tôn xưng là *Thiên nhân sư*, *Thập lực chứng giác*, *Chí cực Thế Tôn*. Khắp cõi trời, người không ai sánh bằng Như Lai.

“Như Lai đối với tất cả chúng sanh đều bình đẳng [thương yêu] như [con trai là] *La-hầu-la*. Cho nên được tôn xưng là: *Như Lai*, *Ứng cúng*, *Chánh biến tri*, *Minh hạnh túc*, *Thiện thế*, *Thế gian giải*, *Vô thượng sĩ* *Điều ngự trượng phu*, *Thiên nhân sư*, *Phật*, *Thế Tôn*.

“Như Lai thương xót thế gian, tùy duyên giáo hóa thầy đều trọn vẹn; [lại cũng] vì chúng sanh mà nay [thị hiện] nhập *Niết-bàn* [sẽ] tùy theo pháp thế gian [mà cho làm lễ *trà-tỳ*] như vị Chuyển luân Thánh vương, là muốn cho chúng sanh đều được [có cơ hội] cúng dường [*xá-lợi* Phật].

“*A-nan!* [Sau khi] ta nhập *Niết-bàn* rồi, cũng như Chuyển luân Thánh vương, hãy giữ thánh thể lại qua bảy ngày rồi mới đặt vào kim quan. Sau đó dùng dầu thơm loại tốt nhất rót đầy vào quan, rồi đóng nắp lại. Ở bốn phía quan tài nên dùng bảy món báu xen lẫn để trang nghiêm, dùng các loại cờ báu, hương hoa mà cúng dường.

“Trải qua bảy ngày, lại đưa thánh thể ra khỏi kim quan, dùng tất cả những thứ nước thơm tốt nhất mà tắm gội thân Như Lai. Sau đó dùng loại hoa *đâu-la* mềm mịn nhất mà bọc lót khắp quanh thánh thể. Kế đó, dùng ngàn tám lạng lụa trắng vô cùng quý giá mà quấn quanh phía ngoài hoa *đâu-la*, che kín thân Như Lai, rồi đặt trở lại vào kim quan. Tiếp theo lại rót đầy dầu thơm loại tốt nhất vào trong kim quan và đóng kín nắp lại.

“Sau đó dùng toàn những loại gỗ quý như *chiên-đàn* Ngưu Đầu,¹ trầm thủy,² và các loại gỗ thơm để làm thành một cỗ xe có bảy món báu, lại trang nghiêm cỗ xe ấy bằng tất cả những vật quý báu, rồi dùng xe ấy đưa kim quan đến chỗ *trà-tỳ*.

“Khi ấy lại dùng vô số cờ quý, lọng quý, vải quý, cùng với âm nhạc cõi trời, vô số hương hoa, đầy khắp hư không, bi thương đau xót dâng lên cúng dường. Tất cả hàng trời, người và vô số đại chúng mỗi người đều nên dùng các thứ *chiên-đàn*, trầm thủy, dầu thơm vi diệu để *trà-tỳ* nhục thân Như Lai, lưu luyến ngưỡng mộ mà cất lên những tiếng than khóc bi ai.

“Sau khi lễ *trà-tỳ* đã xong, hàng trời, người và Bốn chúng đệ tử cùng nhau thu nhặt lấy *xá-lợi* Phật, dựng trong bình bằng bảy món báu. Sau đó xây tháp bằng bảy món báu tại ngã tư đường giữa thành lớn, thiết lễ cúng dường *xá-lợi* Phật, khiến cho chúng sanh được công đức lớn, lìa xa khổ não trong *Ba cõi*, [có thể] đạt đến cõi *Niết-bàn* an vui.

“*A-nan* nên biết rằng, sau khi tất cả Bốn chúng đã xây tháp bảy báu thờ *xá-lợi* Phật rồi, [cũng nên biết việc] xây ba loại tháp khác mà cúng dường. Đó là tháp Phật *Bích-chi*, tháp *A-la-hán* và tháp *Chuyển luân Thánh vương*.

¹ Chiên-đàn Ngưu Đầu, Phạn ngữ là *Gośīṣaka-candana*, là một loại chiên-đàn cực quý, chỉ có ở núi Ngưu Đầu, nên gọi là chiên-đàn Ngưu Đầu. Ngọn núi này cao vút, đỉnh có hình giống đầu trâu nên gọi là núi Ngưu Đầu. (Theo sách Danh nghĩa tập - 名義集, quyển 3) Theo Trí độ luận quyển 18 thì ngoài ngọn núi này ra không còn nơi nào khác có thể tìm được loại gỗ thơm chiên-đàn này.

² Trầm thủy, cũng gọi là trầm hương, Phạn ngữ là *agaru*, là một loại gỗ quý thơm, thả vào nước thì chìm nên gọi là “trầm thủy”. Trầm hương là một phần đặc biệt trong lõi cây, loại có màu đen rất thơm, rất quý, gọi là “hắc trầm thủy”. (Theo Bốn thảo chú - 本草註)

[Cúng dường như vậy] là để khiến cho người thế gian biết chỗ quy y.”

A-nan bạch Phật: “Thế Tôn! Như Lai ra đời, thương xót chúng sanh, khiến họ được thấy rõ Mười sức, Đại bi, Bốn đức chẳng sợ, Mười hai nhân duyên, Bốn chân đế, Ba môn giải thoát; phát ra âm thanh đủ tám giọng Phạm âm chấn động Ba cõi như sấm rền; hào quang từ bi năm sắc chiếu khắp sáu nẻo; tùy thuận tâm nghiệp của chúng sanh mà chuyển hóa, có người chứng đắc Bốn thánh quả, tu hành theo pháp của Hai thừa, có người chứng đạo Duyên giác vô vi, dứt sạch phiền não; có người đạt được địa vị Bồ Tát không còn sanh diệt; có người đạt được vô lượng các môn Đà-la-ni; có người chứng đắc Năm thứ mắt; hoặc được Sáu thân thông; hoặc ra khỏi Ba đường ác; hoặc thoát được Tám nạn; hoặc dứt được khổ não cõi người, cõi trời hoặc trong cả Ba cõi. Uy lực từ bi thanh tịnh của Như Lai, pháp môn giải thoát của Như Lai đều là không thể nghĩ bàn, nên sau khi ngài nhập Niết-bàn, tất cả thế gian, người và chư thiên, Bốn chúng đệ tử xây tháp bảy báu cúng dường xá-lợi, ắt được công đức lớn, có thể khiến chúng sanh thoát khỏi khổ não trong Ba cõi, được vào giải thoát chân chánh.

“Do nhân duyên ấy, sau khi Phật nhập Niết-bàn, tất cả thế gian, người và chư thiên, đại chúng, vì muốn báo đáp ân đức từ bi sâu xa vô lượng của Phật mà xây tháp bảy báu, cúng dường xá-lợi Phật. Điều đó là hợp lý.

“Thế Tôn! Còn như ba loại tháp kia, có những lợi ích gì đối với chúng sanh mà Phật dạy phải xây cất, cung kính cúng dường?”

Phật bảo *A-nan*: “Vị Phật *Bích-chi* đã chứng ngộ được nhân duyên các pháp, thể nhập sâu vào tánh của các pháp, đã thoát khỏi tất cả những lỗi lầm tai hại của các cảnh giới hiện hữu, có thể làm bậc phước điền cho hàng trời, người. Vì nhân duyên ấy, xây tháp cúng dường [vị Phật *Bích-chi*] được phước đức chỉ kém hơn phước đức cúng dường tháp Như Lai, có thể khiến cho chúng sanh đều đạt được quả vị [giải thoát] mâu nhiệm.

“Này *A-nan*! Vị *A-la-hán* đã dứt hẳn sự tái sanh trong *Ba cõi*, không còn phải thọ thân sau nữa; *Phạm hạnh* đã thành tựu, có thể làm bậc phước điền cho thế gian. Vậy nên xây tháp cúng dường [vị *A-la-hán*] sẽ được phước đức kém hơn phước đức cúng dường tháp Phật *Bích-chi*, cũng khiến cho chúng sanh đều đạt được giải thoát.

“*A-nan*! Vị Chuyển luân Thánh vương tuy chưa giải thoát phiền não trong *Ba cõi*, nhưng nhờ sức phước đức mà được cai trị *Bốn thiên hạ*, dùng *Mười điều thiện* để giáo hóa và che chở chăm sóc chúng sanh. [Vì thế nên] được chúng sanh tôn kính. Do đó, *Bốn chúng* xây tháp cúng dường [Chuyển luân Thánh vương] cũng sẽ được phước đức vô lượng.”

A-nan lại bạch Phật: “Sau khi Như Lai nhập *Niết-bàn*, tất cả *Bốn chúng* nên *trà-tỳ* [nhục thân] Như Lai ở nơi nào để thu nhặt *xá-lợi*? Xin Phật chỉ dạy.”

Phật dạy *A-nan*: “Sau khi Như Lai nhập *Niết-bàn*, nếu tất cả *Bốn chúng* *trà-tỳ* [nhục thân] Như Lai trong thành *Câu-thi-na*,¹ [về sau] nhân dân trong thành ấy thấy đều

¹ Câu-thi-na: tên thành này phiên âm từ Phạn ngữ *Kuśinagara*, bản Hán văn đôi khi dùng Câu-thi hay Câu-thi-na-già đều là xuất phát từ một tên này. Chúng tôi vẫn chuyển dịch bằng một tên để đọc giả tiện theo dõi.

[vì việc] tranh nối ngôi vua, ắt phải đánh dẹp lẫn nhau, tranh chấp không ngừng, sẽ khiến cho phước đức của mỗi người đều sai khác.

“*A-nan!* Tất cả Bốn chúng nên *trà-tỳ* [nhục thân] Như Lai ở bên ngoài thành, để khiến cho tất cả thế gian đều được phước đức bình đẳng như nhau.”

A-nan bạch Phật: “Sau khi Như Lai nhập *Niết-bàn*, lễ *trà-tỳ* đã xong, tất cả Bốn chúng đã thu nhặt *xá-lợi* đặt yên trong bình quý, nên xây dựng tháp bằng bảy báu ở nơi đâu để tất cả đều được cúng dường với lòng thành kính sâu xa nhất? Xin Phật chỉ dạy.”

Phật dạy *A-nan*: “Sau khi Như Lai nhập *Niết-bàn*, lễ *trà-tỳ* xong, tất cả Bốn chúng đã thu nhặt *xá-lợi* đặt yên trong bình quý bằng bảy món báu, nên xây dựng tháp bằng bảy món báu, cao mười ba tầng trong thành *Câu-thi-na*, ngay nơi ngã tư đường. Trên tháp có tượng [pháp] luân, dùng tất cả các vật quý báu tốt đẹp đặt xen lẫn nhau để trang nghiêm, lại dùng tất cả các thứ hoa đẹp, cờ xí nghiêm lệ để trang sức thêm; bốn phía quanh tháp đều có lan can, làm bằng bảy món báu; tất cả các món trang trí [như thế] không đâu là không đầy đủ. Ở bốn phía tháp đều có cửa mở ra. Mỗi tầng tháp nối tiếp đều có cửa sổ mở đối xứng nhau.

“Bình quý đựng *xá-lợi* Phật được đặt yên [trong tháp ấy], tất cả hàng trời, người và Bốn chúng đệ tử cung chiêm ngưỡng cúng dường.

“*A-nan!* Tháp của vị Phật *Bích-chi* nên xây cao mười một tầng, cũng dùng đủ các món vật báu để trang nghiêm.

“A-nan! Tháp của vị *A-la-hán* nên xây cao bốn tầng, cũng dùng đủ các món vật báu để trang nghiêm.

“A-nan! Tháp của vị Chuyển luân Thánh vương cũng xây bằng bảy món báu, nhưng không cao lên tầng nào cả. Vì sao vậy? Vì chưa thoát khỏi các nỗi khổ hiện hữu trong *Ba cõi*, [vẫn còn trong sanh tử].”

Bấy giờ, ngài *A-na-luật* bạch Phật: “Sau khi Như Lai nhập *Niết-bàn*, lễ *trà-tỳ* đã xong, tất cả hàng trời, người và Bốn bộ đại chúng nên phân chia *xá-lợi* Phật như thế nào để cúng dường?”

Phật dạy *A-na-luật*: “Sau khi Như Lai nhập *Niết-bàn*, hàng trời người và tất cả đại chúng nên dùng tâm bình đẳng để phân chia *xá-lợi* Phật trong khắp *Ba cõi*, *Sáu đường*, khiến cho tất cả thế gian đều được cúng dường.”

Lúc ấy, *Thích-đề-hoàn-nhân*¹ bạch Phật: “Nay con thưa trước Phật, xin được cung kính thỉnh về một nửa phần *xá-lợi* toàn thân Như Lai để cúng dường với lòng thành kính sâu xa nhất.”

Phật bảo Thiên Đế: “Như Lai xem tất cả chúng sanh bình đẳng như nhau, [đều yêu thương] như *La-hầu-la* [con trai ta]. Ông không nên thỉnh về nửa phần *xá-lợi* toàn thân Như Lai. Vì sao vậy? Vì để giúp cho chúng sanh được sự lợi ích bình đẳng.

“Này Thiên Đế! Nay ta cho ông phần *xá-lợi* của một cái răng hàm trên bên phải, nên mang về cõi trời xây tháp cúng dường, có thể giúp cho ông được phước đức vô tận.”

¹ Thích-đề-hoàn-nhân (*Śakrodevānām Indrah*): tên gọi của vị Thiên Đế-thích, tức vị vua ở cõi trời Đạo-lợi, còn gọi là cõi trời Ba mươi ba (Tam thập tam thiên).

Lúc ấy, khắp hàng trời, người và tất cả đại chúng đều bi ai rơi lệ, không sao ngăn được.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Bốn chúng đệ tử rằng: “Nay Phật nhập *Niết-bàn*, khắp hàng trời, người và tất cả các người đừng quá sầu não. Vì sao vậy? Tuy Phật nhập *Niết-bàn*, nhưng [lưu lại] *xá-lợi* thường còn để cúng dường; lại có *Pháp bảo* cao quý nhất là *Kinh tạng*, *Luật tạng* và *Luận tạng*. Vì nhân duyên ấy, *Tam bảo* và *Bốn chân đế* là thường trụ thế gian, có thể khiến chúng sanh đem lòng thành kính sâu xa nhất mà quay về nương theo. Vì sao vậy? Cúng dường *xá-lợi* Phật tức là *Phật bảo*, nhìn thấy [xá-lợi] Phật tức là thấy được *Pháp thân*, thấy được *Pháp thân* tức là thấy chư hiền thánh, thấy chư hiền thánh tức là thấy *Bốn chân đế*, thấy *Bốn chân đế* tức là thấy *Niết-bàn*.

“Cho nên phải biết rằng, *Tam bảo* là thường trụ, không hề biến đổi, có thể làm chỗ quy y cho tất cả thế gian.”

Đức Phật lại dạy hết thảy đại chúng: “Các người đừng quá sầu khổ. Nay ta sắp nhập *Niết-bàn* tại nơi này. Trong các người nếu ai còn có chỗ hoài nghi chưa rõ về giới luật, về sự quy y, về lẽ *thường* hoặc *vô thường*, về *Tam bảo*, *Bốn chân đế*, *Sáu Ba-la-mật*, *Mười hai nhân duyên*... hãy mau mau thưa hỏi, vì đây là cơ hội cuối cùng. [Đừng để] sau khi Phật nhập *Niết-bàn* lại sanh lòng nghi ngờ, hối tiếc.”

Đức Phật nhắc nhở khắp đại chúng ba lần như vậy.

Lúc ấy, Bốn chúng đệ tử đều bi thương khổ não, ghen ngào tuôn lệ, trong lòng đau đớn khôn xiết, suy tưởng miên man, ngưỡng mộ lưu luyến, sầu đau đến mức như

chết được. Nhưng rồi nhờ oai lực của Phật nên ai nấy đều ngăn được lệ sầu. Tất cả đều an nhiên đứng lặng không thưa hỏi. Vì sao vậy? Vì tất cả Bốn chúng đều đã thông đạt, hiểu rõ về giới luật, về sự quy y, về *Tam bảo*, *Bốn chân đế*...; không ai có điều gì nghi hoặc cả.

Lúc ấy, đức Phật biết rằng trong Bốn chúng không còn ai nghi hoặc gì nữa, liền ngợi khen rằng: “Lành thay, lành thay! Tất cả Bốn chúng đều đã thông đạt về *Tam bảo*, *Bốn chân đế*, không còn ai nghi ngờ gì nữa, khác nào như [đã dùng] nước sạch tẩy rửa được hết mọi chất dơ bẩn trên thân hình.

“Đại chúng! Các người nên chuyên cần tinh tấn để sớm được ra khỏi [sinh tử], đừng sanh lòng sầu não, mê muội rối loạn.”

Bấy giờ, đức Thế Tôn ngồi trên tòa sư tử, đưa cánh tay có màu sáng như vàng ròng vén tấm *y tăng-già-lê* đang đắp trên người, để lộ bộ ngực sư tử chói sáng màu vàng ròng có sắc tía,¹ rồi bảo tất cả đại chúng rằng: “Khắp hàng trời, người và đại chúng các người nên đem hết lòng thành kính sâu xa nhất mà chiêm ngưỡng sắc thân chói sáng màu vàng ròng có sắc tía của Như Lai.”

Lúc ấy, tất cả Bốn chúng đều hết lòng chiêm ngưỡng sắc thân chói sáng màu vàng ròng của đấng Đại Giác Thế Tôn, mắt không chớp nghỉ. Hết thấy đều cảm thấy vô cùng sáng khoái an vui, dù cho vị *tỳ-kheo* thể nhập cảnh giới thiên định thứ ba cũng khó mà phát sanh được sự sáng khoái an vui như thế.

¹ Vàng ròng có sắc tía (tử ma kim hay tử ma hoàng kim): loại vàng ròng tinh luyện được xem là quý nhất, màu chói sáng có ứng sắc đỏ tía.

Bấy giờ, đức Thế Tôn sau khi đã hiện sắc thân màu vàng ròng cho đại chúng chiêm ngưỡng rồi, liền phóng ra vô lượng vô biên trăm ngàn muôn ức đạo hào quang Đại Niết-bàn chói lọi, soi chiếu khắp tất cả thế giới trong mười phương, khiến cho ánh sáng của mặt trời, mặt trăng như không còn sáng nữa.

Phóng quang như vậy rồi, Phật lại bảo khắp đại chúng rằng: “Các người nên biết, vì tất cả chúng sanh mà Như Lai đã trải qua bao kiếp chuyên cần khổ nhọc, cho đến chịu cắt xẻo thân thể, chân tay; đã tu tập tất cả những pháp khổ hạnh khó thực hành; vì bốn nguyện đại bi nên [thị hiện] trong cõi đời có năm sự ướ trước này mà thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề; được sắc thân chói sáng màu vàng ròng có sắc tía này, [kiên cố] như kim cương không hư hoại, đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, vô lượng hào quang chói sáng chiếu khắp mọi nơi. [Nếu được] nhìn thấy sắc thân Như Lai, gặp hào quang Như Lai, thì không ai là không được giải thoát.”

Tiếp đó Phật dạy: “Đại chúng! Phật ra đời rất khó gặp, cũng như hoa ưu-dàm¹ rất hiếm khi được thấy. Đại chúng các người được gặp ta vào giờ phút cuối cùng, xem như đã không uổng phí sanh ra trong đời này. Ta dùng sức thệ nguyện từ thuở trước mà [thị hiện] sanh ra trong cõi ướ trước này; cơ duyên giáo hóa đã trọn vẹn, nay sắp vào Niết-bàn; các người đã đem lòng chí thành chiêm ngưỡng

¹ Ưu-dàm: tên hoa được phiên âm từ Phạn ngữ Udumbara, nên còn đọc là ưu-dàm-bát-la, ưu-dàm-bà-la, ô-dàm-bạt-la... đều chỉ một loại hoa này; Hán dịch nghĩa là linh thụ, tức là hoa báo điềm lành. Pháp Hoa văn cú quyển 4, phẩm thượng, nói rằng hoa này đến ba ngàn năm mới nở một lần, khi hoa nở ắt có Chuyển luân Thánh vương ra đời. Kinh Phật nói chung thường dùng hình ảnh hoa ưu-dàm để so sánh với chuyện hiếm có, nhất là việc Phật ra đời.

sắc thân chói sáng màu vàng ròng có sắc tía của Như Lai; đã tu tập được nghiệp lành thanh tịnh như thế, trong đời vị lai sẽ được quả báo [tốt đẹp] như thế.”

Lúc ấy, đức Thế Tôn ân cần lặp lại những lời như trên ba lần, rồi hiển bày cho đại chúng [đều được thấy rõ] sắc thân Như Lai màu vàng ròng chói sáng. Từ nơi giường thất bảo, Phật hiện thân bay lên hư không, cao khoảng ngang tầm một cây *đa-la*,¹ cất tiếng bảo khắp đại chúng lần thứ nhất rằng: “Ta sắp nhập *Niết-bàn*. Đại chúng các người hãy chiêm ngưỡng sắc thân chói sáng màu vàng ròng có sắc tía của Như Lai.”

Tiếp đó, đức Thế Tôn lần lượt hiện thân bay lên hư không cao khoảng hai cây *đa-la*, rồi ba cây *đa-la*... cho đến lượt thứ bảy thì cao đến khoảng bảy cây *đa-la*, mỗi lượt đều nhắc lại với đại chúng rằng: “Ta sắp nhập *Niết-bàn*. Đại chúng các người hãy đem lòng thành kính sâu xa nhất mà chiêm ngưỡng sắc thân chói sáng màu vàng ròng có sắc tía của Như Lai.”

Rồi từ trên không trung, đức Phật hạ xuống ngồi trên giường sư tử, lại cất tiếng nhắc lại với đại chúng rằng: “Ta sắp nhập *Niết-bàn*. Đại chúng các người hãy đem lòng thành kính sâu xa nhất mà chiêm ngưỡng sắc thân chói sáng màu vàng ròng có sắc tía của Như Lai.”

¹ Đa-la: tên cây phiên âm từ Phạn ngữ là *tāla*, tên khoa học là *borassus flabelliformis*, mọc phổ biến ở Ấn Độ, *Myanma*, *Sri Lanka* và một số vùng nhiệt đới thuộc châu Phi. Cây cao to, mọc thẳng, hoa trắng lớn, trái chín màu đỏ, ăn được. Lá cây có phiến lớn, rộng, xưa dùng để viết chữ lên và lưu giữ được, gọi là lá bối-đa-la, hay lá bối, đặc biệt là giai đoạn đầu tiên của việc ghi chép kinh điển chủ yếu dùng loại lá bối này, nên gọi là bối điệp kinh. Chiều cao cây trung bình khoảng bảy, tám mươi thước cổ (mỗi thước cổ khoảng 0,33 mét), nhưng trong Tuệ uyển âm nghĩa nói rằng người xưa ước lệ chiều cao cây này là 10 trượng (tức 100 thước cổ) để làm đơn vị đo chiều cao. Nếu vậy thì ngang tầm một cây đa-la tức là khoảng hơn 30 mét.

Sau đó, đức Thế Tôn lần thứ hai lại từ nơi giường sư tử hiện thân bay lên hư không, cao khoảng một cây *đà-la*, lại bảo với đại chúng rằng: “Ta sắp nhập *Niết-bàn*. Đại chúng các người hãy đem lòng thành kính sâu xa nhất mà chiêm ngưỡng sắc thân chói sáng màu vàng ròng có sắc tía của Như Lai.”

Rồi Phật hiện thân bay lên hư không cao khoảng hai cây *đà-la*, rồi ba cây *đà-la*... cho đến cao đến khoảng bảy cây *đà-la*, mỗi lượt đều nhắc lại với đại chúng rằng: “Ta sắp nhập *Niết-bàn*. Đại chúng các người hãy đem lòng thành kính sâu xa nhất mà chiêm ngưỡng sắc thân chói sáng màu vàng ròng có sắc tía của Như Lai.”

Bấy giờ, từ trên không trung, đức Phật lại hạ xuống ngồi trên giường sư tử, cất tiếng nhắc lại với đại chúng rằng: “Ta sắp nhập *Niết-bàn*. Đại chúng các người hãy đem lòng thành kính sâu xa nhất mà chiêm ngưỡng sắc thân chói sáng màu vàng ròng có sắc tía của Như Lai.”

Sau đó, đức Thế Tôn lần thứ ba lại từ nơi giường sư tử hiện thân bay lên hư không, cao khoảng một cây *đà-la*, nhắc lại với đại chúng rằng: “Ta sắp nhập *Niết-bàn*. Đại chúng các người hãy đem lòng thành kính sâu xa nhất mà chiêm ngưỡng sắc thân chói sáng màu vàng ròng có sắc tía của Như Lai.”

Rồi Phật lại hiện thân bay lên hư không cao khoảng hai cây *đà-la*, rồi ba cây *đà-la*... cho đến cao đến khoảng bảy cây *đà-la*, mỗi lượt đều nhắc lại với đại chúng rằng: “Ta sắp nhập *Niết-bàn*. Đại chúng các người hãy đem lòng thành kính sâu xa nhất mà chiêm ngưỡng sắc thân chói sáng màu vàng ròng có sắc tía của Như Lai.”

Sau đó, từ trên không trung, đức Phật hạ xuống ngồi trên giường sư tử, cất tiếng nhắc lại với đại chúng rằng: “Ta sắp nhập *Niết-bàn*. Đại chúng các người hãy đem lòng thành kính sâu xa nhất mà chiêm ngưỡng sắc thân chói sáng màu vàng ròng có sắc tía của Như Lai.”

Bấy giờ, đức Thế Tôn đã hiển bày sắc thân chói sáng màu vàng ròng có sắc tía của Như Lai cho tất cả đại chúng đều được chiêm ngưỡng. Ngài đã lặp lại ba lần hiện thân bay lên hư không, mỗi lần bảy lượt từ chiều cao một cây *đa-la* lên đến khoảng bảy cây *đa-la*; và cũng lặp lại ba lần từ trên không trung hạ xuống ngồi trên giường sư tử.

Như vậy cả thầy đã hai mươi bốn lần ngài đều ân cần nhắc nhở đại chúng rằng: “Ta sắp nhập *Niết-bàn*. Đại chúng các người nên đem hết lòng thành kính sâu xa nhất mà chiêm ngưỡng sắc thân Như Lai chói sáng màu vàng ròng có sắc tía, [là thân] không có sự sợ sệt, là thân kim cang bền chắc không hư hoại. Sắc thân Như Lai như hoa *ưu-đàm*, rất khó được gặp.

“Đại chúng nên biết rằng, ta sắp vào *Niết-bàn*, các người nên hết lòng chí thành chiêm ngưỡng sắc thân chói sáng màu vàng ròng có sắc tía của Như Lai. Ví như kẻ nóng khát, khi gặp nước trong mát liền uống thỏa thuê, không còn muốn gì khác nữa. Đại chúng các người cũng vậy. Nay ta sắp vào *Niết-bàn*, các người nên đem hết lòng thành kính sâu xa nhất mà chiêm ngưỡng, vì đây là lần cuối cùng còn được nhìn thấy Như Lai. Từ sau lần này, các người sẽ không bao giờ còn được nhìn thấy nữa. Đại chúng các người hãy chiêm ngưỡng cho thỏa mãn, đừng để về sau phải hối tiếc.”

Tiếp đó, Phật dạy khắp đại chúng rằng: “Sau khi ta nhập *Niết-bàn*, đại chúng các người phải rộng tu [các pháp môn], để sớm thoát ra khỏi [cảnh khổ] hiện hữu trong *Ba cõi*, không được trì trệ lười nhác, buông thả phóng túng để tâm tán loạn.”

Lúc ấy, tất cả [chúng sanh trong khắp các] thế giới, hàng trời, người và Bốn chúng đệ tử Phật, sau khi được hào quang *Niết-bàn* soi chiếu, được chiêm ngưỡng [sắc thân] Phật rồi thì tất cả *Ba đường ác*, *Tám nạn khổ*, cùng những phiền não trong thế gian cõi trời, cõi người; những tội lỗi nặng nề nhất như *Bốn tội trọng*, *Năm tội nghịch*, hết thảy đều được vĩnh viễn diệt sạch không sót lại gì cả. Tất cả đều được giải thoát.

Bấy giờ, đức Thế Tôn sau khi đã hiển lộ sắc thân chói sáng màu vàng ròng có sắc tía cho tất cả đại chúng chiêm ngưỡng và ân cần nhắc nhở nhiều lần, liền kéo tấm y *Tăng-già-lê* che thân trở lại như thường.



DUYÊN DỨT VỀ NGUỒN

Phẩm thứ nhì

Phật lại bảo đại chúng: “Nay thời khắc đã đến, toàn thân ta đều đau nhức.”

Bấy giờ, đức Thế Tôn vừa nói dứt lời liền nhập *Sơ thiên*, phóng hào quang *Niết-bàn*, quán xét khắp thế giới, nhập *Tịch diệt định*.¹

Đức Thế Tôn nhập *Sơ thiên* rồi,² ra khỏi *Sơ thiên* lại nhập *Đệ nhị thiên*; ra khỏi *Nhị thiên* lại nhập *Đệ tam thiên*; ra khỏi *Tam thiên* lại nhập *Đệ tứ thiên*; ra khỏi *Tứ thiên* lại nhập *Hư không xứ*; ra khỏi *Không xứ* lại nhập *Vô biên thức xứ*; ra khỏi *Vô biên thức xứ* lại nhập *Vô sở hữu xứ*;³ ra khỏi *Vô sở hữu xứ* lại nhập *Phi tướng phi phi tướng xứ*; ra khỏi *Phi tướng phi phi tướng xứ* lại nhập *Diệt tận định*.

Sau đó, Như Lai ra khỏi *Diệt tận định* liền quay trở lại nhập *Phi tướng phi phi tướng xứ*; ra khỏi *Phi tướng phi*

¹ Tịch diệt định hay Đại tịch diệt định: một trong Thất chủng vô thượng của đức Như Lai, tức Trụ vô thượng, nghĩa là đức Như Lai tuy thị hiện trong khắp các cõi phàm thánh, trời người, nhưng vốn thường an trụ trong Tịch diệt định. Đây là điều mà ngoài Phật ra không ai có thể hơn được, nên gọi là Trụ vô thượng. Nay đức Như Lai sắp thị hiện Niết-bàn nên trước hết thị hiện cho Đại chúng thấy ngài nhập Tịch diệt định, nhưng thật ra ngài vẫn thường an trú trong phép định này. Đoạn tiếp theo Phật thị hiện nhập và xuất tất cả các cảnh giới thiên định theo từng thứ bậc, nhưng vẫn không hề ra khỏi Tịch diệt định này.

² Nguyên bản Hán văn có một đoạn lặp lại ý câu trước đó, chúng tôi ngờ là do lỗi khi khắc bản, vì trong bản chữ Vạn thì hai phần này nằm ở hai trang khác nhau. Khi chuyển dịch, chúng tôi chỉ ghi lại đủ ý, không ghi đoạn mang ý trùng lặp.

³ Vô sở hữu xứ: nguyên bản Hán văn dùng Bất dụng xứ, là tên gọi khác của Vô sở hữu xứ. Chúng tôi chọn dùng tên gọi Vô sở hữu xứ vì đã xuất hiện nhiều lần trong kinh này cũng như quen thuộc hơn với nhiều người.

phi tướng xứ liền quay trở lại nhập *Vô sở hữu xứ*; ra khỏi *Vô sở hữu xứ* liền quay trở lại nhập *Vô biên thức xứ*; ra khỏi *Vô biên thức xứ* liền quay trở lại nhập *Hư không xứ*; ra khỏi *Hư không xứ* liền quay trở lại nhập *Đệ tứ thiên*; ra khỏi *Đệ tứ thiên* liền quay trở lại nhập *Đệ tam thiên*; ra khỏi *Đệ tam thiên* liền quay trở lại nhập *Đệ nhị thiên*; ra khỏi *Đệ nhị thiên* liền quay trở lại nhập *Sơ thiên*.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn sau khi đã [thị hiện] nhập tất cả các cảnh giới thiên định theo hai chiều thuận nghịch như vậy rồi, liền bảo khắp đại chúng rằng: “Ta dùng trí *Bát-nhã* hết sức thâm sâu để quán xét khắp trong *Ba cõi*:¹ trong khắp *Sáu nẻo [luân hồi]*,² hết thấy núi non, biển cả, đất đai và tất cả các loài sanh sống trong đó. [Ta thấy rõ ràng trong] *Ba cõi* này, tính chất căn bản [chung] là lìa khỏi [thực thể], [quán xét đến chỗ] rốt ráo đều vắng lặng diệt mất, đồng với tướng trạng của hư không; không có tên gọi, không có nhận biết, vĩnh viễn dứt trừ mọi sự hiện hữu.

“[Các pháp trong *Ba cõi* này] vốn xưa nay bình đẳng, không [tự có] niệm tưởng là cao hay thấp, không thấy, không nghe, không biết, không hiểu; không thể bị trói buộc, không thể được giải thoát; không có chúng sanh, không có mạng sống [của chúng sanh], không sanh không khởi, không dứt không mất; chẳng phải thế gian cũng chẳng phải không là thế gian; *Niết-bàn* và sanh tử đều

¹ Ba cõi: tức Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Tất cả chúng sanh hữu tình đều không ra ngoài Ba cõi này.

² Sáu nẻo luân hồi: cõi trời, cõi người, cõi a-tu-la, địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Hết thấy chúng sanh trong vòng luân hồi đều rơi vào một trong sáu nẻo này, tùy theo nghiệp lực.

không thể đạt đến, hai bờ mé ấy bình đẳng như nhau, vì cùng bình đẳng với tất cả các pháp. [Thấy được như vậy rồi thì tự mình] trụ yên trong an nhàn tĩnh lặng, không có việc gì phải làm; chỗ rốt ráo an bày đều không thể đạt được; nương theo pháp và pháp tánh vô trụ mà hành xử, dứt trừ tất cả các tướng, không một tướng nào còn hiện hữu.

“Tướng của pháp là như vậy. Ai rõ biết như vậy gọi là người xuất thế; [ai] không rõ biết những điều này là [không thoát khỏi] cội nguồn sanh tử. Đại chúng các người nên phá tan *vô minh*, diệt trừ cội nguồn sanh tử.”

Đức Thế Tôn sau khi thuyết dạy như trên lại [thị hiện] nhập *siêu thiên*;¹ sau khi ra khỏi *Sơ thiên* liền nhập *Đệ tam thiên*; ra khỏi *Tam thiên* liền nhập *Hư không xứ*; ra khỏi *Hư không xứ* liền nhập *Vô sở hữu xứ*; ra khỏi *Vô sở hữu xứ* liền nhập *Diệt tận định*.

Sau khi ra khỏi *Diệt tận định*, Thế Tôn liền nhập *Phi tướng phi phi tướng xứ*; ra khỏi *Phi tướng phi phi tướng xứ* liền nhập *Vô biên thức xứ*; ra khỏi *Vô biên thức xứ* liền nhập *Đệ tứ thiên*; ra khỏi *Đệ tứ thiên* liền nhập *Đệ nhị thiên*; ra khỏi *Nhị thiên* liền nhập *Sơ thiên*.

Sau khi đã [thị hiện] *siêu thiên* [qua các cảnh giới thiên định] bằng cách thuận và nghịch như vậy, đức Thế Tôn lại bảo khắp đại chúng rằng: “Ta dùng trí tuệ *Đại Bát-*

¹ Siêu thiên hay siêu việt thiên, thường gặp hơn là danh xưng siêu việt tam-muội, chỉ cách xuất nhập thiên định tự tại của Phật và các vị Bồ Tát, không theo trình tự thông thường như hàng Thanh văn, như từ Sơ thiên lên Nhị thiên, Tam thiên... Với siêu việt tam-muội, hành giả có thể trực nhập bất cứ cảnh giới thiên định nào tùy ý, không cần phải theo trình tự. Vì thế cũng gọi là Tự tại định.

nhã để quán xét khắp trong *Ba cõi*: các loài có tình thức, không có tình thức, kẻ nghe pháp và người thuyết pháp, hết thấy [đến chỗ rốt ráo] đều không có người bị trói buộc, không có người được giải thoát; không có chủ thể, không có [đối tượng] nương theo; không thể nắm giữ, không ra khỏi *Ba cõi*, không đi vào các cảnh giới hiện hữu; xưa nay vốn là thanh tịnh, không có nhơ bẩn, không có phiền não, đồng như hư không; không bình đẳng, chẳng phải không bình đẳng; dứt hết mọi động niệm, tư tưởng, tâm thức.

“Tướng của pháp như vậy gọi là Đại Niết-bàn. Chân thật thấy được pháp này gọi là giải thoát; những kẻ phàm phu không rõ biết như vậy gọi là *vô minh*.”

Đức Thế Tôn sau khi thuyết dạy như vậy rồi lại [thị hiện] nhập *siêu thiên*, sau khi ra khỏi *Sơ thiên* [lại lần lượt nhập và xuất các cảnh giới thiên,] cho đến nhập *Diệt tận định*. Sau khi ra khỏi *Diệt tận định*, [lần lượt quay ngược lại nhập và xuất các cảnh giới thiên,] cho đến nhập *Sơ thiên*.

Sau khi đã [thị hiện] *siêu thiên* [qua các cảnh giới thiên định] bằng cách thuận và nghịch như vậy, đức Thế Tôn lại dạy Đại chúng rằng: “Ta dùng con mắt [trí tuệ của] Phật để quán xét khắp trong *Ba cõi*: Tất cả các pháp [đều có] nguồn gốc ban đầu từ *vô minh*; tánh [của *vô minh*] vốn là giải thoát, nếu tìm kiếm [giải thoát] trong khắp mười phương, rốt cùng cũng không thể được; vì cội gốc [*vô minh*] là không, nên hết thấy cành nhánh đều được giải thoát. Vì *vô minh* được giải thoát, cho nên lần lượt đến già chết¹ cũng đều được giải thoát. Vì nhân duyên ấy, nay

¹ Lần lượt đến già chết: câu này nói tóm ý cả 12 nhân duyên, từ vô minh cho đến già chết (lão tử).

ta trụ yên trong hào quang thường tịch diệt, gọi là *Đại Niết-bàn*.”

Lúc ấy, ngài *A-nan* hết sức bi ai, buồn đau khôn khổ, lòng dạ rối loạn, tình thức hôn mê như người quá say không còn nhận biết gì nữa, không nhìn thấy Bốn chúng, cũng không biết đức Như Lai đã nhập *Niết-bàn* hay chưa.

Đức Thế Tôn khi ấy đã [thị hiện] *siêu thiên*, nhập và xuất các cảnh giới thiên định ba lần, quán xét khắp pháp giới, lại vì khắp đại chúng mà thuyết pháp ba lần như vậy; cộng cả thấy Như Lai đã hai mươi bảy lượt xuất và nhập các cảnh giới thiên định.¹

Vì ngài *A-nan* không [còn tỉnh táo nhận] biết, nên mỗi khi Phật nhập một cảnh giới thiên định đều theo hỏi ngài *A-na-luật* rằng: “Phật đã nhập *Niết-bàn* hay chưa?” Cả thấy là hai mươi bảy lần hỏi. [Mỗi lần như vậy,] ngài *A-na-luật* vì rõ biết sâu xa rằng đức Như Lai chỉ nhập các cảnh giới thiên định nên đều trả lời: “Phật chưa nhập *Niết-bàn*.”

Lúc ấy, tất cả đại chúng cũng đều hoảng loạn, không biết được Như Lai đã vào *Niết-bàn* hay chưa!

Bấy giờ, sau khi đã ba lần nhập và xuất các cảnh giới thiên định cũng như ba lần chỉ dạy cho đại chúng rồi, đức Thế Tôn bèn nằm duỗi người trên giường thất bảo, nghiêng hông bên phải xuống dưới, đầu hướng về phương bắc, mặt hướng về phương tây; có những chuỗi ngọc xinh đẹp nhiệm màu trang nghiêm quanh giường thất bảo. Trong rừng cây *sa-la* khi ấy có tám cây mọc sồng đôi

¹ Từ Sơ thiên lên đến Diệt tận định là 9 cảnh giới thiên định, cả thấy ba lần là 27 lượt.

thành bốn cặp, một cặp phía tây, trước mặt Như Lai; một cặp phía đông, sau lưng Như Lai; một cặp phía bắc, trên đầu Như Lai; một cặp phía nam, dưới chân Như Lai.

Lúc ấy, đức Thế Tôn nằm trên giường báu dưới rừng cây *sa-la*. Đến khoảng nửa đêm, Phật nhập *Đệ tứ thiên*, vắng lặng an nhiên không một tiếng động; trong khoảnh khắc ấy Phật nhập *Niết-bàn*.

Đấng Đại giác Thế Tôn nhập *Niết-bàn* rồi, trong rừng *sa-la* ấy, hai cặp cây đứng phía đông và phía tây Phật liền hợp [tán cây] thành một, hai cặp cây sồng đôi đứng phía nam và phía bắc Phật cũng hợp [tán cây] thành một, tạo thành một cái lọng lớn che kín phía bên trên giường báu Phật nằm. Trong chốc lát, những cây ấy đều đau buồn chuyển thành màu trắng muốt như [lông] con hạc trắng; cành lá, hoa trái, [cho đến] vỏ cây, thân cây đều nứt nẻ, rơi rụng, dần dần khô héo, gãy rụng, không còn gì cả...

Lúc ấy, từ vô lượng muôn ức thế giới nhiều như số cát sông Hằng của chư Phật mười phương, tất cả những cõi đất đều chấn động mạnh, phát ra đủ mọi thứ âm thanh, [nghe như] tiếng than thở rằng: “Khổ thay, khổ thay! Thế gian [đã trở thành] trống rỗng!”

[Những âm thanh ấy] lại tạo thành những tiếng diên đạt lẽ *vô thường*, *khổ*, *không* và sự buồn đau ai oán.

Bấy giờ, tất cả núi non trong các thế giới mười phương, như núi *Mục-chân-lân-đà*, núi *Ma-ha Mục-chân-lân-đà*, núi *Thiết vi*, núi *Đại Thiết vi*, núi *Tu-di*, *Bảo sơn*, *Hương sơn*, *Kim sơn*, *Hắc sơn*... tất cả núi non trên khắp các cõi đất đều cùng lúc rung động, sụp lở, phát ra những âm thanh vang dội khắp thế giới, [nghe như] tiếng than thở

rằng: “Khổ thay, khổ thay! Vì sao chỉ trong chốc lát thế gian đã trở thành không nơi nương tựa? Mặt trời trí tuệ đã lặn khuất sau núi Đại Niết-bàn! Tất cả chúng sanh mất đi đấng cha lành chân thật, mất đi bậc trời [xứng đáng cho tất cả mọi người] cung kính, [từ nay] không còn nơi chiêm ngưỡng!”

Lúc ấy, tất cả biển cả trong các thế giới mười phương đều ngẫu đục, cuộn cuộn nổi sóng, phát ra đủ mọi âm thanh, [nghe như] tiếng than thở rằng: “Khổ thay, khổ thay! Đấng Chánh giác đã ra đi! Chúng sanh tội lỗi khổ não, trôi giạt mãi trong biển cả sanh tử như đêm dài tăm tối, mê lạc mất con đường chân chánh, biết nhờ đâu mà được giải thoát?”

Tất cả sông ngòi, kênh rạch, suối khe, ao hồ, giếng nước... [bỗng nhiên] đều nghiêng đổ khô cạn.

Bấy giờ, mặt đất và hư không trong khắp các thế giới mười phương đều vắng lặng u ám, mặt trời, mặt trăng không còn chiếu sáng. Sự tối tăm, sầu não lan khắp thế giới. Ngay trong lúc ấy, bỗng nhiên nổi lên cuồng phong mù mịt, chấn động kinh hồn, thổi tung bụi cát như che lấp cả thế giới.

Trên mặt đất, tất cả các loại cỏ, cây, cỏ thuốc, cây lớn [bỗng nhiên] hoa, trái, cành lá thảy đều khô gãy, rơi rụng, không còn gì cả.

Ngay trong lúc ấy, tất cả chư thiên [hiện ra] đầy khắp hư không trong mười phương thế giới, than khóc bi ai, chấn động cả *Tam thiên đại thiên thế giới*, rải xuống như mưa vô số trăm ngàn các loại hương, hoa tốt đẹp nhất cõi

trời, đầy khắp cõi *Tam thiên đại thiên thế giới*, chất lại thành đống cao như núi *Tu-di* để cúng dường Như Lai.

Từ trên không trung lại đổ xuống như mưa vô số cờ phướn, chuỗi ngọc, lọng báu, ngọc như ý, đều là những vật báu của cõi trời, đầy khắp hư không, biến thành một đài báu bốn mặt có châu ngọc, bảy món báu đan xen vây quanh, chói sáng rực rỡ để cúng dường Như Lai.

Từ trên không trung lại trỗi lên vô số giai điệu âm nhạc cõi trời rất mau nhiệm như tiếng trống, tiếng sáo, tiếng đàn hát... đủ mọi thứ âm thanh, [nghe như] tiếng than thở rằng: “Khổ thay, khổ thay! Phật đã nhập *Niết-bàn*, thế gian [bây giờ] trống rỗng, tất cả chúng sanh phải mù lòa, quỷ *la-sát* tham cầu phiền não tràn lan khắp nơi, sự khổ não vô thường biến dị tiếp nối không dứt, bánh xe đau đớn chẳng ngừng quay!”

Lúc ấy, ngài *A-nan* buồn khổ mê muội không còn nhận biết gì nữa, không biết Như Lai đã nhập *Niết-bàn* hay chưa, trước mắt chỉ thấy toàn những cảnh tượng khác thường, liền quay sang hỏi lại ngài *A-na-luật*: “Phật đã nhập *Niết-bàn* rồi phải không?”

Ngài *A-na-luật* đáp rằng: “Đại giác Thế Tôn đã nhập *Niết-bàn*!”

Ngài *A-nan* vừa nghe qua câu này thì buồn đau cực độ, ngã nhào xuống đất như người đã chết, hơi thở dứt hẳn, tâm thức mờ mịt không còn biết gì nữa cả.

Lúc ấy, ngài *A-na-luật* dùng nước trong mát tưới lên mặt *A-nan* [cho tỉnh lại], đỡ dậy, rồi dùng phương tiện khéo léo mà an ủi rằng: “Buồn khổ thay! Đau đớn thay! Nhưng biết làm sao được? Thôi ông cũng đừng buồn đau sầu não

thái quá mà rối loạn tâm. Nhân duyên giáo hóa của Như Lai đã dứt, hết thầy chư thiên và loài người không ai có thể lưu giữ ngài lại được. Khổ thay, khổ thay! Nhưng biết làm sao được? Ngờ đâu hôm nay bậc thầy của chư thiên và nhân loại, khi việc cần làm đã làm xong, không ai có thể lưu giữ được? Biết làm sao được! Nay ông và tôi, chúng ta phải cùng nhau tìm nén nỗi đau này!”

Ngài *A-na-luật* lại an ủi thêm: “*A-nan!* Tuy Phật nhập *Niết-bàn* nhưng vẫn còn lưu lại *xá-lợi* và *Pháp bảo* cao quý nhất, thường trụ ở thế gian, có thể làm chỗ quay về nương theo cho tất cả chúng sanh. Nay ông và tôi, chúng ta nên chuyên cần tinh tấn đem *Pháp bảo* ấy truyền trao cho chúng sanh, khiến họ được thoát khỏi các nỗi khổ, [như vậy mới] báo đáp được ân đức của Như Lai.”

Lúc ấy, ngài *A-nan* nghe lời an ủi khuyên nhủ rồi, dần dần tỉnh ngộ, [nhưng vẫn còn] ghen ngào rơi lệ, không tìm nỗi sự bi ai.

Bấy giờ, trong phạm vi vương vực mười hai *do-tuần* ở rừng *sa-la* thuộc thành *Ca-thi-na*, đại chúng và chư thiên, loài người tụ tập đầy kín; mỗi khoảnh đất chỉ bằng mũi nhọn một cây kim cũng chứa được đến vô lượng người, [nhưng phạm vi này vẫn] không còn một khoảng trống nào. [Dù vậy, tất cả đại chúng đều] không hề chen chúc che chướng lẫn nhau.

Lúc ấy, vô số ức Bồ Tát và tất cả đại chúng đều mê muội, hoang mang rối loạn, không thể biết được là đức Như Lai đã nhập *Niết-bàn* hay chưa, chỉ thấy trước mắt toàn những cảnh khác thường biến động. Các vị liền đồng

thanh cất tiếng hỏi ngài *A-na-luật*: “Phật đã nhập *Niết-bàn* rồi phải không?”

Lúc ấy, ngài *A-na-luật* nói với đại chúng, tất cả chư thiên và nhân loại rằng: “Đại giác Thế Tôn đã nhập *Niết-bàn*!”

Nghe qua lời ấy rồi, có vô số người trong đại chúng đồng thời cảm thấy sâu khổ choáng ngợp trong lòng, nghẹn ngào không nói được gì, thấy đều ngã nhào xuống đất, mê man bất tỉnh. Lại có những người [ngay khi ấy] nhập diệt theo Phật. Lại có những người lòng dạ rối bời tán loạn. Lại có những người thân tâm đều rung động, run rẩy. Lại có những người nắm chặt tay nghẹn ngào rơi lệ. Lại có những người luôn tay đấm ngực, than khóc lớn tiếng. Lại có những người [không nén được đau thương,] vò đầu bứt tóc.

Lại có những người kêu thét lên: “Đau đớn thay, đau đớn thay! Cay đắng khổ não thay!”

Lại có những người than tiếc: “Sao Như Lai vội nhập *Niết-bàn* quá sớm như vậy!”

Lại có những người than thở rằng: “Than ôi! Chúng ta đã mất đi một vị trời đáng tôn kính.”

Lại có những người kêu than: “Ôi! Thế gian [đã trở thành] trống rỗng! Chúng sanh [từ nay phải chịu] mù lòa!”

Lại có những người than thở: “Con quý lớn phiền não từ nay sẽ lan tràn khắp chốn!”

Lại có những người than rằng: “Than ôi! Hạt giống lành của chúng sanh đã dứt, không còn nảy sanh mầm chồi được nữa!”

Lại có những người ta thán: “Ôi! Ma vương từ nay vui sướng, cởi bỏ áo giáp [vì chẳng còn ai đối trị]!”

Lại có những người tự chê trách thân tâm, quán xét lý vô thường; lại có những người thực hành pháp quán chân chánh, liền được giải thoát.

Lại có những người đau xót than rằng: “Nay chúng ta không còn chỗ để quy y.”

Trong [số đại chúng] lại có những người [quá đau đớn nên] toàn thân rướm máu, rỉ chảy xuống mặt đất.

[Tất cả đại chúng] như vậy, thuộc các loài khác nhau, tiếng nói khác nhau, thấy đều cất tiếng bi ai, chấn động khắp các thế giới.

Lúc ấy, Đại Phạm Thiên vương *Thi-khí* là vị đứng đầu thế giới *Ta-bà*, biết rằng Phật đã nhập *Niết-bàn*, liền cùng chư thiên từ cảnh trời *Sơ thiên* vượt qua hư không mà đáp xuống, cất tiếng khóc lớn, nghẹn ngào tuôn lệ, phủ phục trước thân Như Lai, rồi ngã lăn ra đất mê man, hồi lâu mới tỉnh lại. Không tự chế được sự bi thương, ngài đứng trước thân Phật đọc kệ than rằng:

*Thế Tôn xưa từng có thệ nguyện,
Vì chúng con thị hiện Ta-bà;
Che giấu sức tự tại vô lượng,
Dùng pháp thích hợp độ chúng sanh.*

*Phương tiện giảng thuyết tùy người nghe,
Ai ai cũng đều được an lạc;
Khuyến khích dẫn dụ cho thoát khổ,
Niết-bàn nẻo cuối cùng hướng đến.*

*Như Lai như mẹ hiền thương con,
Dòng sữa đại bi thường nuôi dưỡng;
Ngờ đâu một sớm đứt ra đi,
Trời, người bơ vơ không chỗ dựa!*

*Đau đớn thay! Mâm thiện chúng sanh,
Không còn cam lộ giúp tăng trưởng;
Từ nay mâm thiện phải suy diệt,
Nghiệp ác kéo lôi vào nẻo ác.*

*Thế gian trống rỗng, biết làm sao!
Mắt tuệ chánh chân diệt mất rồi!
Chúng sanh lạc vào đêm tăm tối,
Chìm trong Ba cõi, khổ xoay vần!*

*Tội lỗi chúng sanh, ai cứu giúp?
Nương xá-lợi Phật được giải thoát;
Nguyện cầu sức đại bi Như Lai,
Che chở cứu giúp con thoát khổ.*

*Ngờ đâu đau đớn giữa cõi này,
Như Lai buông bỏ, nhập Niết-bàn!*

Lúc ấy, *Thích-đề-hoàn-nhân* cùng đại chúng [chư thiên] từ trên hư không hạ xuống kêu than rằng: “Khổ thay, khổ thay!”

Thiên Đế lớn tiếng than khóc, đau thương tuôn lệ, phủ phục trước thân Như Lai, rồi ngã lăn ra đất mê man, hồi

lâu mới tỉnh lại, đau đớn nghẹn ngào quỳ mọp trước thân
Phật đọc kệ than rằng:

*Như Lai bao kiếp tu hạnh khổ,
Đều vì thương xót mọi chúng sanh.
Thành tựu đạo Vô thượng Chánh giác,
Nuôi dưỡng chúng sanh đồng như con.*

*Pháp lành ban ra là thuốc quý,
Trị bệnh vượt hơn mọi thầy hay;
Mây đại từ bi che mát chúng,
Mưa tuệ cam lộ tưới khắp cả.*

*Mặt trời trí tuệ phá vô minh,
Chúng sanh mê mờ gặp Thánh đạo;
Trăng sáng ánh từ soi sáu nẻo,
Ba cõi nhờ ơn được thoát khổ.*

*Ngờ đâu nay dứt lòng đại bi,
Nhập cảnh Niết-bàn, không ai thấy!
Nay biết nơi đâu, nguyện đại bi?
Nỡ bỏ chúng sanh không luyến tiếc!*

*Chúng con muôn loài trong Ba cõi,
Như bê con mất mẹ sắp chết;
Bốn chúng nắm tay nhau than khóc,
Đau thương đấm ngực động Ba cõi.*

*Khổ thay, khổ thay! Hỡi người đời,
Cớ sao một sớm thành côi cút?
Chúng con dứt phước, khổ biết bao!
Mầm thiện úa tàn, không xanh lại.*

*Câu mong Pháp bảo, xá-lợi Phật,
Chiếu sáng giúp ta thoát côi khổ!
Buồn thay! Đau đớn thay! Chúng ta,
Biết bao giờ gặp lại Như Lai?*

Bấy giờ, ngài A-na-luật bi thương than khóc, đau xót khôn lường, rồi quỳ mọp xuống trước thân Phật đọc kệ than tiếc rằng:

*Chánh giác Pháp vương nuôi chúng con,
Nhờ dòng sữa pháp, lớn Pháp thân;
Pháp thân chúng sanh nay chưa thành,
Hành trang trí tuệ còn ít ỏi!*

*Ước chi Pháp âm thường giảng thuyết,
Khiến chúng sanh nghe đều ngộ Đạo;
Thêm ánh đại từ năm sắc chiếu,
Giúp chúng sanh đều được giải thoát.*

*Cớ sao sớm dứt, nhập Niết-bàn!
Chúng sanh khổ biết nương về đâu?
Đại bi Thế Tôn nay không còn,
Chúng con bơ vơ ắt phải chết!*

*Tuy rõ biết Thế Tôn phương tiện,
Chúng con không thể không bi thương!
Bốn chúng mê muội, tâm tán loạn,
Buồn đau chán động khắp Ba cõi!
Thế Tôn riêng vào chốn an vui,
Chúng sanh quá khổ, còn mong gì?*

*Thuở xưa Thế Tôn vì chúng con,
Nhiều kiếp đầu rơi, tay chân đứt;
Nay thành đạo Vô thượng Chánh giác,
Sao chẳng ở lâu, sớm nhập diệt?
Chúng con Bốn chúng giữa vô minh,
Ma vương vui mừng cởi áo giáp!*

*Thương thay! Nguyện Thế Tôn đại bi,
Ánh từ xá-lợi soi khắp chúng.
Lại mong Thế Tôn thương Bốn chúng,
Gia hộ Pháp bảo truyền không dứt!*

*Hận sao không thể chết theo được,
Dẫu chút sống thừa có là bao?
Khổ thay! Đau đớn khôn nhẫn chịu!
Chẳng còn cơ hội gặp Như Lai!*

Lúc ấy, ngài A-nan đã ngắt đi hồi lâu, dần dần tỉnh lại, đưa tay vò đầu, dấm ngực, nghẹn ngào tuôn lệ, không kìm nổi đau thương, quỳ mọp xuống trước thân Phật đọc kệ than rằng:

*Con nhờ sức nguyện của Thế Tôn,
May được cùng sanh trong dòng Thích;
Kể từ Như Lai thành Chánh giác,
Đã hai mươi năm theo kề cận.*

*Hết lòng kính dưỡng, tình chưa trọn,
Một sớm nữ dứt vào Niết-bàn.
Thương thay! Cay đắng, buồn khổ thay!
Đêm dài vô tận lòng xiết đau!*

*Thân con chưa thoát mọi nghi tình,
Vỏ bọc vô minh còn kiên cố.
Thế Tôn chưa giúp con phá vỡ,
Sao nữ sớm dứt nhập Niết-bàn?*

*Con như trẻ sơ sanh non nớt,
Mất mẹ, không lâu ắt phải chết;
Sao Thế Tôn nữ đành dứt bỏ,
Riêng ngoài Ba cõi hưởng an vui?*

*Nay con sám hối trước Thế Tôn,
Hầu Phật hai mươi năm đã tròn;
Đi, đứng, nằm, ngồi nhiều biếng trễ,
Chưa đủ vui lòng đức Thế Tôn.*

*Nguyện đức Chánh giác đại từ bi,
Ban cho cam lộ, được an vui.
Con nguyện mai sau vô số kiếp,
Luôn được cận kề hầu Thế Tôn.*

*Ngưỡng nguyện Thế Tôn phóng từ quang,
Chiếu khắp thế gian, cứu độ con.
Đau đớn thay! Tổ bày khôn xiết!
Nghe lời không kể hết Phật ân!*

Lúc ấy, vô số ức Bồ Tát nhiều như số cát sông Hằng, hết thấy đại chúng cõi trời và cõi người đều nắm tay nhau bi thương than khóc, nước mắt tuôn tràn, không ai ngăn được lòng đau xót. Rồi tất cả bảo nhau cùng nén lệ sâu, bày biện vô số hương hoa tươi đẹp như hoa *mạn-đà-la*, hoa *ma-ha mạn-đà-la*, hoa *mạn-thù-sa*, hoa *ma-ha mạn-thù-sa*; vô số các loại *chiên-đàn*, trầm thủy [quý giá được lấy từ những vùng] ven biển xa xôi, cõi trời và cõi người; trăm ngàn muôn thứ hương thơm hòa trộn, vô số loại hương bột, hương nước; cùng những lọng báu, cờ phướn quý giá, chuỗi ngọc trai quý... đầy khắp cả hư không, rồi đưa đến trước thân Như Lai, bi thương đau xót [dâng lên] cúng dường.

Bấy giờ, hết thấy đại chúng và nhân dân nam, nữ, già, trẻ trong thành *Câu-thi-na* đều bi thương, đau xót rơi lệ, mỗi người đều bày biện vô số hương hoa tươi đẹp cùng những phướn, lọng... các thứ, còn nhiều hơn cả những phẩm vật đã nói trên, cùng đưa đến trước thân Như Lai, bi thương đau xót [dâng lên] cúng dường.

Lúc ấy, Bốn vị thiên vương cùng với đại chúng chư thiên đều bi thương, đau xót rơi lệ, mỗi người cũng đều bày biện vô số hương hoa, đủ các loại phẩm vật cúng dường, nhiều gấp ba lần những phẩm vật đã nói trên, nước mắt ràn rụa cùng nhau đến chỗ Như Lai, cũng đưa tất cả phẩm vật đến trước thân Như Lai, bi thương đau xót [dâng lên] cúng dường.

[Các vị Thiên vương và đại chúng chư thiên ở] năm cõi trời [còn lại]¹ cũng giống như vậy, [đều bày biện phẩm vật cúng dường] nhiều hơn đã nói trên [để dâng lên cúng dường đức Như Lai].

Chư thiên ở *Sắc giới* và *Vô sắc giới* lại cũng như vậy, [đều bày biện phẩm vật cúng dường] nhiều hơn đã nói ở trên, mang đến [dâng lên] cúng dường đức Như Lai.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN HẾT QUYỂN BỐN MƯƠI MỐT

¹ Trong sáu cõi trời thuộc Dục giới (Lục dục thiên) thì ngoài cõi trời của Tứ thiên vương (Tứ vương thiên) còn năm cõi trời khác là Đạo-lợi thiên, Dạ-ma thiên, Đâu-suất thiên, Hóa lạc thiên và Tha hóa tự tại thiên. Mỗi cõi trời đều có một vị Thiên vương đứng đầu chư thiên chúng.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN (PHẦN CUỐI)

QUYỂN BỐN MƯƠI HAI

Các vị sa-môn Nhã-na-bạt-đà-la, Hội Ninh...
cùng dịch

LINH ỨNG KHI TRÀ-TỖ

Phẩm thứ ba

Bấy giờ, tất cả nam nữ trong thành *Câu-thi-na* đều rơi lệ khóc thương, không biết phép tắc *trà-tỳ* [thân Như Lai] như thế nào, liền hỏi ngài *A-nan*: “Như Lai đã nhập *Niết-bàn*, vậy nên theo phép tắc như thế nào để *trà-tỳ* thân Phật?”

Lúc ấy, Đệ Thích liền thuật lại đầy đủ [những lời Phật] đã dạy trước đó, bảo mọi người rằng: “Cứ theo lời Phật dạy thì hãy theo phép *trà-tỳ* [như đối với] Chuyển luân Thánh vương.”

Bấy giờ, nhân dân trong thành *Câu-thi-na* đều than khóc thảm thiết, sụt lệ tuôn tràn, kéo nhau vào trong thành làm ngay một kim quan trang nghiêm bằng bảy món báu, lại chuẩn bị một ngàn tám lạng trắng đẹp quý giá nhất cùng vô số hoa *đâu-la* loại mềm mịn tốt đẹp nhất. Ngoài ra còn có vô số *chiên-đàn*, trầm thủy loại tốt nhất, trăm ngàn muôn thứ hương thơm hòa trộn, các loại hương

bột, hương nước, đủ các thứ lọng che bằng lụa, cờ phướn, hoa, hương... Những phẩm vật ấy nhiều như mây trôi choán đầy bầu trời, chất cao [thành đống] như núi *Tu-di*.

Chuẩn bị đầy đủ như vậy rồi, mọi người đều bi thương rơi lệ, cùng nhau đi đến chỗ Phật, [bày biện phẩm vật] trước thân Như Lai, rồi không kìm nén được sự đau thương nghẹn ngào, cùng cung kính dâng lên cúng dường.

Lúc ấy, tất cả nhân dân và đại chúng trong thành *Câu-thi-na* càng thêm đau thương, nghẹn ngào rơi lệ, lại mang vô số hương, hoa, phướn, lọng và đủ loại phẩm vật cúng dường nhiều như mây choán đầy bầu trời, cùng nắm tay nhau, đấm ngực khóc than, nghẹn ngào rơi lệ, nỗi đau thương chấn động cả [thế giới] *đại thiên*, họ cùng đưa [các phẩm vật] đến trước thân Như Lai, bi thương đau xót [dâng lên] cúng dường.

Bấy giờ, đại chúng nghẹn ngào không nói được thành lời, thấy đều đem hết lòng cung kính sâu xa, [mỗi người đều] dùng lụa trắng mịn bao quanh tay rồi đưa [thánh thể] Như Lai nhập kim quan, rót đầy dầu thơm vào. Nắp quan tức thời [tự nhiên] đóng kín lại.

Lúc ấy, nhân dân nam nữ trong thành *Câu-thi-na* đều có lòng tham phước lành, muốn giành hết công đức [cúng dường] Như Lai nên không để cho chư thiên, đại chúng và tất cả những người khác cùng đưa kim quan của Phật đi. Họ bàn nhau cử ra bốn vị lực sĩ tráng kiện, sức mạnh vô song, cởi bỏ hết [những đồ trang sức như] chuỗi ngọc, áo ngoài... rồi quyết lòng tự đưa thánh quan Như Lai vào trong thành để cúng dường.

Nhưng dù họ đem hết sức bình sanh cũng không nhắc nổi thánh quan lên!

Lúc ấy, người trong thành lại cử ra tám đại lực sĩ cùng đến chỗ thánh quan, cởi bỏ áo ngoài, tận lực cùng nhau khiêng Phật quan. Nhưng dù họ đem hết sức bình sanh cũng không nhắc lên nổi!

Người trong thành *Câu-thi-na* lại cử ra mười sáu vị đại lực sĩ cùng đến chỗ thánh quan, cởi bỏ áo ngoài, tận lực cùng nhau khiêng Phật quan, nhưng cũng không sao nhắc lên nổi!

Bấy giờ, ngài *A-na-luật* bảo các lực sĩ rằng: “Cho dù tất cả nhân dân nam nữ lớn bé trong thành [đều hợp sức] cùng nhau khiêng thánh quan Như Lai để đưa vào thành, cũng không thể nhắc lên nổi, huống chi các ông lại có thể nhắc lên được sao? Các ông nên nhờ đến sức của đại chúng và chư thiên, cùng trợ giúp các ông nhắc thánh quan lên, thì mới có thể đưa thánh quan vào thành.”

Ngài *A-na-luật* còn chưa dứt lời, Đế Thích đã cầm lọng lớn rất đẹp bằng bảy báu, vô số hương, hoa, phướn, lọng, âm nhạc, cùng với chư thiên đều buồn khóc rơi lệ, từ trên không trung cúng dường thánh quan.

Lần lượt [chư thiên sáu cõi trời thuộc *Dục giới*], cao nhất là chư thiên cõi trời *Tha hóa tự tại*, và các vị chư thiên thuộc *Sắc giới* đều cúng dường thánh quan giống như Đế Thích.

Lúc ấy, lòng đại bi của đức Thế Tôn bao trùm khắp cả, [vì muốn cho mọi người trong] thế gian đều được tâm bình đẳng, được phước báu chẳng khác gì nhau, liền tự

nhất thánh quan từ giữa rừng *sa-la* bay lên hư không, cao ngang tầm một cây *đa-la*. [Vì thế,] tất cả nhân dân trong thành *Câu-thi-na* và chư thiên, đại chúng cùng mọi người trong thế gian đều không ai được khiêng thánh quan của Phật.

Bấy giờ, Đế Thích cùng đại chúng chư thiên liền cầm lọng lớn bằng bảy báu, đài báu có bốn trụ, bốn mặt trang nghiêm bằng chuỗi ngọc bảy báu, từ trên không trung [bay theo] che thánh quan Phật; lại dùng vô số hương, hoa, cờ, phướn, chuỗi ngọc, âm nhạc, đủ các màu sắc rực rỡ xen lẫn, để cúng dường từ trên không trung.

Lần lượt [chư thiên sáu cõi trời thuộc *Dục giới*], cao nhất là chư thiên cõi trời *Tha hóa tự tại*, và các vị chư thiên thuộc các cõi trời *Sắc giới* đều cúng dường thánh quan, còn nhiều hơn cả Đế Thích. Tất cả đều [bay theo] che thánh quan của Phật và rải xuống những phẩm vật cúng dường.

Lúc ấy, tất cả nhân dân trong thành *Câu-thi-na* nhìn thấy thánh quan của Phật bay lơ lửng trên hư không thì đấm ngực kêu khóc lớn, ghen ngào sâu não.

Bấy giờ, tất cả chư thiên và người ta cùng tung rải rất nhiều các thứ ngọc trai quý, bảy món báu, cùng với hương, hoa, chuỗi ngọc xinh đẹp và đủ màu xen lẫn nhau, nhiều như mây bay choán đầy khắp mặt đất và hư không; tất cả đều khóc thương thảm thiết, tuôn lệ như mưa, cùng cúng dường linh quan thất bảo của Như Lai, đồng thanh khóc than rằng: “Khổ thay, khổ thay! Chúng con vô phước, muốn khiêng thánh quan của Phật mà rốt cùng chẳng

được. Nay chúng con bơ vơ [không còn có Phật], nào có chút căn lành gì?”

Lúc ấy, kim quan của Đại Thánh Thế Tôn lơ lửng trên không trung, từ giữa rừng *sa-la* chậm chậm bay vào thành *Câu-thi-na* theo cửa thành phía tây.

Trong thành *Câu-thi-na*, tất cả nhân dân nam nữ cùng vô số Bồ Tát, thanh văn, trời, người và đại chúng đông đảo choán đầy khắp cả mặt đất và không trung, cùng đi theo linh quan của Đại Thánh Như Lai, nắm tay nhau kêu gào khóc lóc, đấm ngực than thở, nghẹn ngào rơi lệ. Tất cả đều mang theo vô số hương, hoa, cờ báu, phướn, lọng, choán đầy khắp mặt đất và hư không; khóc thương thảm thiết, than thở bi ai, cung kính dâng lên cúng dường linh quan Như Lai.

Thành *Câu-thi-na* này mỗi phía đều rộng ngang dọc bốn mươi tám do tuần. Lúc ấy kim quan thất bảo của Như Lai từ từ bay trên không trung, [sau khi vào cửa thành phía tây lại] theo cửa thành phía đông mà ra. Tiếp đó vẫn bay trên không trung, quanh về bên phải để theo cửa thành phía nam mà vào, sau đó tiếp tục bay trên không trung đến cửa thành phía bắc mà ra. Tiếp đó vẫn bay trên không trung, quanh về bên trái để theo cửa thành phía tây mà vào.

Lần lượt như vậy, thánh quan Như Lai bay quanh khắp thành đủ ba vòng.

Sau đó, kim quan từ từ bay trên không trung, lại vào nơi cửa thành phía tây, bay tiếp đến cửa thành phía đông mà ra. Từ đó quanh về bên trái để vào cửa thành phía

bắc, rồi dần dần bay đến cửa thành phía nam mà ra. Lại quanh về bên phải để vào nơi cửa thành phía tây.

Lần lượt như vậy, thánh quan Như Lai bay quanh khắp thành đủ bốn vòng.

Như vậy, sau khi đã bay quanh thành *Câu-thi-na* theo cả hai chiều quanh về bên trái và bên phải, thánh quan Như Lai đã bay quanh khắp thành đủ bảy vòng.

Lúc ấy, đang khi thánh quan thất bảo của Như Lai bay vào thành, tất cả đại chúng đều bi thương than khóc nghẹn ngào, mang đến vô số những gỗ thơm quý loại tốt nhất, cùng với *chiên-đàn*, trầm thủy, tất cả các loại hương thơm đẹp để thanh khiết, xông khắp thế giới. Lại mang vô số cờ quý, phướn, lọng, hương, hoa, chuỗi ngọc đến chỗ *trà-tỳ*, bi thương đau xót dâng lên cúng dường.

Bấy giờ, *Bốn vị thiên vương* và chư thiên chúng đều khóc thương thảm thiết, mắt lệ đầm đìa, mang đến những *chiên-đàn*, trầm thủy quý giá nhất ở cõi trời, cả hai mặt trong ngoài đều thơm tho tinh khiết, tỏa ra khắp nơi, mỗi vị đều đủ năm trăm khối lớn như bánh xe. Các vị mang tất cả hương quý, cờ báu, lọng quý, chuỗi ngọc hoa đẹp đến chỗ *trà-tỳ*, bi thương đau xót dâng lên cúng dường.

Chư thiên ở cõi trời *Đao-lợi* mang đến mỗi vị một ngàn khối *chiên-đàn*; chư thiên ở cõi trời *Dạ-ma* mang đến mỗi vị hai ngàn khối; chư thiên ở cõi trời *Đâu-suất* mang đến mỗi vị ba ngàn khối; chư thiên ở cõi trời *Hóa Lạc* mang đến mỗi vị bốn ngàn khối; chư thiên ở cõi trời *Tha hóa tự tại* mang đến mỗi vị năm ngàn khối; tất cả đều kèm

theo với các thứ phướn, hoa... đều mang đến chỗ *trà-tỳ*, bi thương đau xót dâng lên cúng dường.

Lúc ấy, chư thiên ở các cõi trời thuộc *Sắc giới* và *Vô sắc giới* chỉ đem theo hoa, hương đến chỗ *trà-tỳ*, bi thương đau xót dâng lên cúng dường.

Bấy giờ, đại chúng trong khắp thế gian đều đem theo *chiên-đàn*, trầm thủy, các loại hương, hoa, cờ, lọng tốt đẹp đến chỗ *trà-tỳ*, bi thương đau xót dâng lên cúng dường.

Lúc ấy, ngài *A-na-luật* nước mắt ràn rụa, đau xót khôn cùng, đi theo chư thiên và những người [đến dự lễ] mà xin các thứ hương thơm, *chiên-đàn*, trầm thủy... được đủ số sáu ngàn khối, thơm tho tinh khiết, tỏa hương ngào ngạt; liền mang đến chỗ *trà-tỳ*, bi thương đau xót dâng lên cúng dường.

[Thuở ấy có] hồ *A-nậu-đạt* [rất lớn], bốn mặt đều rộng ngang dọc đến hai trăm *do-tuần*, từ đó phát nguyên bốn con sông lớn, [trong đó có sông Hằng.] Khi Phật vừa thành đạo, ven bờ phía bắc sông Hằng có một cây *chiên-đàn* cũng nhân dịp ấy mà sanh ra. Thân cây to lớn như bánh xe, cao ngang tầm bảy cây *đa-la*, hương thơm thường tỏa khắp nơi cúng dường Như Lai. Vị thần cây gỗ thơm ấy cũng sanh ra cùng lúc với cây, thường mang hương thơm của cây đến cúng dường Phật. Phật vừa nhập *Niết-bàn*, cây *chiên-đàn* ấy cũng theo Phật mà diệt mất, cành lá khô rụng, vị thần cây cũng chết theo. Bấy giờ, những vị thần khác liền mang cây gỗ thơm ấy đến chỗ *trà-tỳ*, bi thương đau xót dâng lên cúng dường Như Lai.

Vùng đất này chính là nơi *trà-tỳ* chư Phật trong ba đời. Đức Đại Giác Thế Tôn nương sức bốn nguyện nên cũng *trà-tỳ* tại đây. Nơi này có vô số tháp báu của chư Phật trong quá khứ, là vùng đất kiên cố như kim cang, không thể hư hoại.

Lúc ấy, kim quan của đức Đại Thánh Như Lai chậm chậm bay trên không trung, hướng đến nơi *trà-tỳ*, rồi từ trên không trung dần dần hạ xuống trên giường thất bảo. Giường ấy đã được trang nghiêm bởi mọi thứ chuỗi ngọc tốt đẹp, quý giá vô cùng, rực rỡ đủ màu.

Cho đến lúc này, tính ra đã trải qua bảy ngày [kể từ lúc Phật nhập *Niết-bàn*]. Tất cả nhân dân nam nữ trong thành *Câu-thi-na*, vô số Bồ Tát, Thanh văn và chư thiên cõi trời *Đao-lợi*, cùng với tất cả đại chúng đều bị thương nghẹn ngào, cầm các thứ phướn, lọng, cờ báu, hương, hoa... đi theo thánh quan Phật trong suốt bảy ngày ấy. Nhờ oai lực của Phật, tất cả chư thiên và mọi người không một ai cảm thấy đói khát, không một ai nhớ nghĩ đến việc ăn uống, chỉ một lòng bị thương lưu luyến, ngưỡng mộ Như Lai mà thôi.

Bảy ngày đã trôi qua, [theo phép tắc đã định thì di thể] Đại Thánh Như Lai sẽ được đưa ra khỏi thánh quan.

Lúc ấy, tất cả nhân dân nam nữ trong thành *Câu-thi-na* cùng vô số đại chúng lại lớn tiếng than khóc, chấn động cả thế giới, cùng nhau mang vô số hương, hoa, cờ phướn, [trỗi lên] âm nhạc cõi trời vi diệu... đến trước thánh quan đức Phật, nghẹn ngào thảm thiết dâng lên cúng dường.

Bấy giờ, đại chúng bị thương đau đớn, nghẹn ngào rơi lệ, [mỗi người đều] dùng lụa trắng mịn bọc kín quanh tay,

rồi với lòng tôn kính sâu xa nhất, họ đưa tay vào kim quan nhẹ nâng di thể Như Lai [vẫn còn] chói sáng màu vàng ròng có sắc tía, đủ *ba mươi hai tướng tốt*, tám mươi vẻ đẹp, kiên cố như kim cương không thể hư hoại, đưa thánh thể Như Lai ra bên ngoài kim quan, đặt yên ổn trên giường thất bảo.

Lúc ấy, đại chúng càng thêm bi thiết, tiếng than khóc chấn động khắp các thế giới Phật trong mười phương. Tất cả đều mang hương, hoa, lọng che bằng lụa... [và trỗi lên] âm nhạc, hết lòng cúng dường; nghẹn ngào đau đớn, nhiều người ngã xuống hôn mê trước thân Như Lai.

Đại chúng lúc này càng đau đớn thống thiết hơn nữa, ai nấy nước mắt ràn rụa, mang đến vô số các loại nước thơm, hương bột nhão, hết lòng cung kính sâu xa mà cùng nhau tắm gội thân Như Lai từ đầu đến chân. Thân sắc Như Lai đến lúc này vẫn hiện bày đủ *ba mươi hai tướng tốt*, tám mươi vẻ đẹp, chói sáng màu vàng ròng có sắc tía, kiên cố như kim cương không thể hư hoại, được trang nghiêm bởi vô lượng phước đức và trí tuệ.

Sau đó, mọi người lại dùng nước thơm rửa thật sạch kim quan. Mọi việc đã xong, đại chúng lại lớn tiếng than khóc, bi thương nghẹn ngào, cùng nhau đốt lên những loại hương thơm quý giá, tốt đẹp nhất; rồi rải hoa thất bảo cùng vô số cờ phướn, lọng che quý báu đầy khắp cả mặt đất và không trung, bi thương đau xót dâng lên cúng dường Như Lai.

Lúc ấy, đại chúng chưa hết bi thương nghẹn ngào, nén lòng dùng vô số hoa *đâu-la* mềm mịn đặt khắp quanh thân kim cương của Phật, từ đầu đến chân. Sau đó, người

ta dùng một ngàn tám lạng trắng tốt nhất, quý giá vô cùng, quấn nhiều vòng quanh thân Như Lai, bên ngoài lớp hoa *đâu-la*. Lúc bọc kín thân Phật như vậy rồi, đại chúng càng thêm bi thương than khóc, nhiều người ngất xỉu. Rồi tất cả lại cùng nhau mang hương, hoa, phướn, lọng, cờ báu... [trỗi lên các thứ] âm nhạc, nghện ngào chua xót dâng lên cúng dường Như Lai.

Đại chúng buồn thương khôn dứt, mắt lệ hoen mờ, lại đem hết lòng cung kính sâu xa nhất mà dùng lạng trắng bọc quanh tay rồi đau đớn nâng nhẹ thân Như Lai đưa lại vào kim quan. Sau đó, mọi người chế đầy dầu thơm vào trong kim quan. Nấp quan liền [tự nhiên] đóng kín lại.

Lúc ấy, đại chúng càng thêm bi thiết, tiếng than khóc chấn động khắp thế giới. Tất cả lại mang hương, hoa, phướn lọng... [và trỗi lên] âm nhạc, đau đớn than khóc, nghện ngào dâng lên cúng dường kim quan Như Lai.

Bấy giờ, đại chúng gom hết các loại gỗ thơm tốt đẹp [do chư thiên và mọi người mang đến], chất cao thành đống như núi *Tu-di*, hương thơm [từ đó] tỏa lan ra khắp thế giới. Những gỗ thơm ấy được xếp kín chất chồng lên nhau, thành một lầu cao rất lớn toàn bằng gỗ thơm. Bốn mặt lầu ấy được trang nghiêm bằng bảy món báu và cờ, lọng, phướn, chuỗi ngọc đủ màu xen lẫn, đầy kín trong không trung như mây cuộn, làm cho cảnh lầu càng thêm rực rỡ. Âm nhạc của cõi người và cõi trời lại cùng lúc trỗi lên, bi thương đau xót cúng dường Như Lai.

Lúc ấy, đại chúng gồm chư thiên và loài người sắp sửa nhắc kim quan để đặt lên lầu hương, lại sanh lòng bi

thương thống thiết, dấm ngực than khóc, chấn động [cả thế giới] *đại thiên*. Rồi tất cả lại mang cờ, lọng, hương, hoa, [trỗi lên] âm nhạc cõi trời... bi thương đau xót cúng dường Như Lai.

Đại chúng khi ấy [cố nén] bi thương đau đớn, đem lòng tôn kính sâu xa nhất mà dùng lụa trắng quấn quanh tay rồi cùng nhau nâng kim quan Đại Thánh Như Lai đặt lên trên lầu gỗ thơm trang nghiêm. Tất cả lại than khóc lớn tiếng, mê ngất đi từng chập, rồi cùng nhau than thở rằng: “Khổ thay, khổ thay! Cớ sao chúng ta [giờ đây] phải bơ vơ không nơi nương dựa?” Bi thương thảm thiết, lệ rơi chan hòa, tất cả lại cùng nhau tung rải các loại hương, hoa; rồi cầm cờ báu, phướn lọng rực rỡ đủ màu, [trỗi lên các thứ] âm nhạc... bi thương đau xót dâng lên cúng dường Như Lai.

Lúc ấy, kim quan của Như Lai Đại Thánh đã được đặt lên trên lầu cao bằng gỗ thơm, đại chúng sắp sửa nổi lửa *trà-tỳ* di thể Như Lai. Bấy giờ, tiếng than khóc trong đại chúng lại càng lớn hơn, kinh động cả thế giới *Đại thiên*. Mọi người càng đem lòng kính trọng sâu xa và bi thương thống thiết cúng dường [trước] kim quan Đại Thánh và lầu cao bằng gỗ thơm ấy.

Bấy giờ, tất cả đại chúng đều buồn thương thảm thiết, mắt lệ tuôn tràn, mỗi người cầm một ngọn đuốc thơm thất bảo, lớn như bánh xe, ánh sáng rực rỡ chiếu khắp thế giới, cùng lúc khóc rống lên rất lớn và châm lửa đốt lầu gỗ thơm; tiếng khóc bi thương chấn động khắp cả thế giới *Đại thiên*. Rồi lại mang hương, hoa... dâng lên đầy khắp mọi chỗ để cúng dường.

Khi ấy, những ngọn đuốc quý vừa chạm đến chỗ lâu gỗ thơm bỗng dưng tắt hết. Bấy giờ, tất cả đại chúng lại mang đến những ngọn đuốc thất bảo lớn nhất, ánh sáng chiếu khắp nơi, rồi họ bi thương rơi lệ cùng châm những đuốc ấy vào lâu gỗ thơm. Nhưng tất cả những ngọn đuốc cũng đều tắt cả!

Lúc ấy, tất cả các vị thần biển liền mang đến thứ lửa trong biển của họ, [đốt thành] những ngọn đuốc lớn thất bảo, chiếu ra vô số ánh sáng, đến châm vào lâu gỗ thơm, nhưng cũng đều tắt cả!

Bấy giờ, đại chúng [chỉ còn biết] than khóc hồi lâu, quay sang lo việc cúng dường, vì không ai hiểu được do nhân duyên nào chưa dứt khiến cho khi châm lửa vào lâu gỗ thơm để *trà-tỳ* Như Lai, lửa lại không thể cháy!

[Thật ra, đó là do] lòng đại bi của đức Thế Tôn trải khắp, nên đợi cho chúng tăng cùng đi với ngài *Đại Ca-diếp*¹ về đến nơi mới cho lửa cháy.

Lúc ấy, *Đại Ca-diếp* cùng năm trăm [*tỳ-kheo*] đệ tử đang ở tại núi *Kỳ-xà-quật*, cách thành *Câu-thi-na* năm mươi *do-tuần*. Thân tâm vắng lặng an nhiên, ngài nhập *chánh định*. Trong *chánh định*, thành linh ngài bỗng thấy trong tâm kinh động, toàn thân run rẩy. Ngài liền xuất định, nhìn thấy núi non, đất đai đều chấn động, biết rằng đức Như Lai đã nhập *Niết-bàn*. Ngài liền bảo các đệ tử: “Đức Đại sư Thế Tôn của chúng ta đã nhập *Niết-bàn*, đã

¹ *Đại Ca-diếp (Mahā-kāśyapa)*: là một trong Thập đại đệ tử của Phật, cũng là người được đức Phật giao phó Tăng đoàn sau khi ngài nhập diệt. Vị này khác với Bồ Tát Ca-diếp đã thưa hỏi Phật trong phẩm Bồ Tát Ca-diếp cũng như ở các nơi khác trong kinh này.

trải qua bảy ngày, hiện [thánh thể] đã đưa vào kim quan rồi. Khổ thay, khổ thay! Chúng phải mau mau đến chỗ Như Lai, e rằng nếu để lễ *trà-tỳ* đã xong thì không còn được nhìn thấy sắc thân chân thật thanh tịnh với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của Phật.”

Vì lòng tôn kính Phật, ngài *Ca-diếp* không dám [dùng thần thông] bay trên hư không để đến chỗ Như Lai. Ngài liền dẫn các đệ tử gấp rút theo đường bộ đi thật nhanh, trong lòng hết sức bi thương thống thiết. Đi suốt bảy ngày mới đến thành *Câu-thi-na*.

Nơi đầu đường phía đông của thành, ngài gặp được một thầy *bà-la-môn* đang đi đến, tay cầm một cành hoa trời. Ngài *Ca-diếp* liền hỏi: “Ông từ đâu đến đây?”

Người ấy đáp: “Đức Phật đã nhập *Niết-bàn*, tôi từ chỗ *trà-tỳ* đi lại đây.”

Ngài *Ca-diếp* lại hỏi: “Đó là hoa gì vậy?”

Đáp: “Đây là hoa cõi trời, tôi nhặt được ở chỗ *trà-tỳ*.”

Ngài *Ca-diếp* hỏi xin [cành hoa], nhưng người kia từ chối: “Không được, tôi định mang hoa này về cho những người thân trong nhà xem, rồi cúng dường trong nhà.”

Ngài *Ca-diếp* liền hỏi mượn tạm cành hoa [ở chỗ *trà-tỳ*] ấy, đặt lên trên đầu, [tưởng nhớ đến Như Lai]. Ngay khi ấy ngài liền ngất xỉu, ngã xuống đất hôn mê, hồi lâu mới tỉnh dậy, nghẹn ngào không nói ra được lời nào. Rồi ngài tự nghĩ: “Nay ta ở nơi đây mà đau thương khóc lóc cũng chẳng ích gì, không thể được nhìn thấy sắc thân Như Lai

chói sáng màu vàng ròng có sắc tía với [ba mươi hai tướng tốt,] tám mươi vẻ đẹp.”

Ngài liền cùng các đệ tử nhanh chân tiến bước, thẳng vào thành *Câu-thi-na* theo cửa thành phía bắc. Vào thành rồi, ngài liền ghé vào một *Tăng phòng*,¹ thấy có một số *tỳ-kheo* đang tụ tập. Họ bảo ngài *Ca-diếp*: “Các ông từ xa đến đây, chắc là mệt nhọc lắm. Xin ngồi nghỉ trong chốc lát chờ ăn uống.”

Ngài *Ca-diếp* đáp: “Bậc đại sư của tôi đã nhập *Niết-bàn*, tôi còn lòng dạ nào ngồi đây chờ ăn uống?”

Các *tỳ-kheo* liền hỏi: “Thầy của ông là ai?”

Ngài *Ca-diếp* đáp: “Các ông chẳng biết gì sao? Thật bi thương đau đớn thay! Đấng Đại giác Thế Tôn nay đã nhập *Niết-bàn*!”

Những *tỳ-kheo* kia nghe như vậy rồi đều tỏ vẻ mừng vui, nói rằng: “Thật vui sướng thay! Khi Như Lai còn tại thế thường ngăn cấm chúng ta [đủ điều], giới luật quá nghiêm khắc, chúng ta thật không chịu đựng nổi, không thể làm theo. Nay ông ấy đã nhập *Niết-bàn*, những giới luật nghiêm khắc kia ắt sẽ phải bỏ đi thôi. Các ông hãy thư thả chờ ăn uống, có chi phải vội?”

Do oai lực của Phật nên chư thiên và các đệ tử của ngài *Ca-diếp* đều không nghe được những lời [đáng xấu hổ] của các *tỳ-kheo* xấu ác ấy, chỉ riêng ngài *Ca-diếp* nghe rõ mà thôi.² Ngài *Ca-diếp* rơi lệ thảm thương, liền [lập tức] dẫn các đệ tử của mình vội vàng đi đến chỗ [*trà-tỳ thân*] Phật.

¹ Tăng phòng: nơi trú ngụ, chỗ ở của chư tăng, ni.

² Đức Phật từ bi không để chư thiên nghe được những lời này, vì biết rằng các vị vì bảo hộ Chánh pháp sẽ trừng trị các *tỳ-kheo* này; lại không để các đệ tử của

Lúc ấy, ngài *Ca-diếp* với các đệ tử cùng suy nghĩ rằng: “Chúng ta phải làm sao có những phẩm vật cúng dường để mang đến chỗ [trà-tỳ thân] Phật mà cúng dường Như Lai?”

Ngài *Ca-diếp* lại nghĩ: “Ta vốn sanh trưởng tại thành này, nếu đi xin các phẩm vật cúng dường chắc là có thể được.” Ngài liền cùng với các đệ tử vào trong thành, tuần tự đi xin khắp các nhà, được đủ một ngàn tám lạng trắng tốt, vô số hoa đầu-la mềm mịn, vô số các loại hoa quý, hương bột nhão, hương nước, hương dầu, cờ báu, phướn long, chuỗi ngọc đủ màu rực rỡ... mọi thứ đều đầy đủ.

Sau đó, ngài *Ca-diếp* và các đệ tử cùng bi thương đau xót mang tất cả những phẩm vật ấy nhanh chân đi ra khỏi thành theo cửa phía tây.

Bấy giờ, ngài *Ca-diếp* nghe được tiếng khóc than bi thảm của tất cả đại chúng từ nơi làm lễ trà-tỳ, lại nghe họ cùng nhau hỏi Đệ Thích rằng: “Cúng dường đã xong, làm sao có thể nổi lửa đốt lều gỗ thơm này để trà-tỳ Như Lai?”

Đệ Thích đáp: “Đại chúng hãy đợi trong chốc lát. Tôn giả *Ma-ha Ca-diếp* sắp đến đây rồi.”

Đệ Thích chưa dứt lời thì tất cả đại chúng đang trong cơn bi thương ấy liền nhìn thấy ngài *Ca-diếp* cùng với các đệ tử trên đường bước đến, dáng vẻ bi thảm. Đại chúng liền nén sự bi thương, rẽ đường cho ngài *Ca-diếp* và các đệ tử [đi vào].

Vừa bước tới trước, trông thấy thánh quan của Phật từ

ngài *Ca-diếp* nghe được vì e rằng tín tâm và trí tuệ của họ chưa đủ vững vàng sẽ có thể sẽ bị ảnh hưởng xấu.

xa, ngài *Ca-diếp* liền cùng các vị đệ tử đồng thời lễ bái, than khóc nghẹn ngào, rồi ngã lăn xuống đất mê man bất tỉnh, tinh thần tối tăm rối loạn, hồi lâu mới tỉnh, lệ tuôn không dứt.

Ngài *Ca-diếp* khi ấy chậm chậm tiến lên [về phía thánh quan của Phật], hỏi đại chúng rằng: “Làm sao để có thể mở nắp kim quan của Đại Thánh?”

Đại chúng đáp: “Phật nhập *Niết-bàn* đã hai tuần rồi, e rằng [thánh thể] đã hư hoại, làm sao có thể mở ra?”

Ngài *Ca-diếp* nói: “Thân Như Lai kiên cố như kim cang, là *thường, lạc, ngã, tịnh*, không thể hư hoại; hương thơm giới đức của ngài lan tỏa khắp nơi như núi *chiên-đàn* [thơm ngát, làm sao có thể hư hoại?].”

Ngài *Ca-diếp* nói xong lời ấy thì nước mắt ràn rụa, tiến bước đến chỗ thánh quan của Phật.

Bấy giờ, lòng đại bi của Như Lai bình đẳng [đối với tất cả chúng sanh], liền vì ngài *Ca-diếp* mà tự nhiên mở nắp thánh quan, cả ngàn tấm lụa trắng và hoa *đâu-la* [quanh thân Phật] cũng tức thời tháo mở ra, hiển bày sắc thân chân thật kiên cố chói sáng màu vàng ròng có sắc tía, có đủ ba mươi hai tướng tốt với tám mươi vẻ đẹp.

Ngài *Ca-diếp* cùng các đệ tử nhìn thấy như vậy rồi thì bi thương đau đớn, ngã xuống đất hôn mê, hồi lâu mới tỉnh lại, nghẹn ngào không nói được thành lời, nước mắt ràn rụa. Rồi ngài cùng với các đệ tử chậm chậm tiến lên lâu gõ thơm, đến sát bên thánh quan của Phật, lại nghẹn ngào tức tưởi than khóc bi thảm, mang ra tất cả những phẩm vật đã xin được như hương, hoa, phướn, lọng, cờ

báu, chuỗi ngọc... rồi khóc than đau đớn mà dâng lên cúng dường.

Sau đó, ngài *Ca-diếp* cùng các đệ tử lại dùng các loại hương bột nhão, nước thơm... để tắm gội sắc thân chói sáng màu vàng ròng của Như Lai; rồi đốt hương thơm, rải hoa, bi thương than khóc dâng lên cúng dường.

Tắm gội [sắc thân Như Lai] rồi, ngài *Ca-diếp* cùng với các đệ tử liền mang ra số hoa *đâu-la* mềm mịn nhất đã xin được, đặt quanh sắc thân màu vàng ròng có sắc tía của Như Lai. Sau đó lại dùng những hoa *đâu-la* cũ đắp thêm quanh số hoa *đâu-la* mới, sau đó dùng một ngàn tấm lụa trắng đã xin được tuần tự quấn thành nhiều lớp bên ngoài, khắp quanh thân Như Lai. Quấn như vậy rồi, lại dùng số lụa cũ để tuần tự quấn thêm nhiều lớp bên ngoài các lớp lụa mới. Việc quấn lụa như thế vừa xong, nắp thánh quan liền [tự nhiên] đóng kín lại. Mọi người lại dùng những chuỗi ngọc bằng thất bảo để trang nghiêm bên ngoài.

Lúc ấy, ngài *Ca-diếp* càng thêm bi thương đau xót, cùng với các đệ tử đi nhiều [quanh thánh quan đức Phật] theo chiều bên phải bảy vòng, rồi mắt lệ rưng rưng, ngài quỳ mọp xuống chấp tay đọc kệ than thở rằng:

*Đớn đau thay! Đại Thánh Chí Tôn!
Con nay khổ não, đắng cay lòng!
Thế Tôn sao vội sớm nhập diệt,
Chẳng rủ lòng từ nán đợi con?*

*Con nhập thiên định trong núi Quật,¹
Quán khắp mọi nơi không Như Lai!*

¹ Núi Quật: tức núi Kỳ-xà-quật, tên Phạn ngữ là *Gr̥dhrakūṭa*.

*Rồi lại thấy Phật đã Niết-bàn,
Hốt nhiên tâm thân con rúng động.*

*Bỗng thấy mây đen phủ thế gian,
Đất đai, núi non đồng chấn động;
Con biết Như Lai đã Niết-bàn,
Vội đến vẫn không kịp gặp Phật!*

*Thế Tôn đại từ nữ quên sao,
Khiến con chẳng thấy Phật Niết-bàn;
Chẳng được nghe lời vàng dạy bảo,
Bơ vơ còn biết dựa vào đâu?*

*Thế Tôn ôi! Con quá đốn đau!
Tâm tình rối loạn, như mê muội!
Nay con kính lễ đầu Thế Tôn,
Và kính lễ đến ngực Như Lai.*

*Lại kính lễ cả tay Đại Thánh,
Đau thương cúi lễ lưng Như Lai,
Và kính lễ đến rốn Như Lai,
Chỉ thành kính lễ đến chân Phật.*

*Khổ sao không thấy Phật Niết-bàn!
Nguyện Phật hiển bày nơi con lễ!
Như Lai ở đời, thấy thấy vui,
Nay nhập Niết-bàn người người khổ!
Đón đau thay! Khổ nào lớn thay!
Xin Đại bi hiện chỗ con lễ!*

Sau khi ngài *Ca-diếp* bị thương nghẹn ngào đọc kệ như vậy rồi, đức Thế Tôn vì lòng đại bi liền hiển bày hai chân, mỗi bàn chân có tướng bánh xe đủ ngàn nan hoa,¹ [tự nhiên] đưa ra khỏi thánh quan, hướng về phía ngài *Ca-diếp*. Từ nơi tướng bánh xe ngàn nan hoa ấy phóng ra ngàn đạo hào quang, chiếu sáng khắp tất cả thế giới trong mười phương.

Lúc ấy, ngài *Ca-diếp* và các đệ tử nhìn thấy chân Phật, đồng thời lễ bái tướng bánh xe ngàn nan hoa, ngay khi ấy liền ngã lặn xuống đất hôn mê, hồi lâu mới tỉnh lại. Rồi ngài và các đệ tử cùng nhau than khóc nghẹn ngào, bị thương đau xót đi quanh [thánh quan] bảy vòng theo chiều bên tay phải. Đi quanh bảy vòng rồi, lại cúi lễ chân Phật, than khóc bi ai, chấn động cả thế giới. Sau đó, vẫn không nén được sự đau thương, ngài nghẹn ngào đọc kệ tán thán chân Phật:

*Như Lai tâm đại bi rớt ráo,
Ánh từ soi khắp không phân biệt;
Chúng sanh chỉ thành tất ứng hiện:
Cho con được thấy tướng hai chân.*

*Nay con hết lòng cung kính lễ:
Hai chân Phật với tướng bánh xe.
Từ bánh xe ấy phóng hào quang,
Soi khắp mười phương các cõi Phật.*

*Nay con quy y, cúi đầu lễ:
Tướng bánh xe quý, chiếu hào quang;*

¹ Tướng bánh xe đủ ngàn nan hoa: một trong các tướng tốt của Phật, là giữa lòng bàn chân có các đường vân xoáy hình bánh xe có đủ ngàn cây nan hoa, nên gọi là tướng Thiên phúc luân.

*Chúng sanh thấy hào quang, thoát khổ,
Ba ác, Tám nạn, đều là xa!*

*Con lại quy y, cúi đầu lễ,
Hào quang cứu độ các đường ác.
Thế Tôn vô số kiếp thuở xưa,
Vì chúng con tu mọi khổ hạnh;*

*Nay đã thành tựu thân kim cang,
Từ bàn chân phóng ngàn tia sáng.
Buồn thương, cung kính xin cúi lễ:
Tướng bánh xe quý, đòi được yên.*

*Phật tu công đức vì chúng sanh,
Dưới cội Bồ-đề, trị Bốn ma;
Trị Bốn ma rồi, thu ngoại đạo,
Nhờ đó chúng sanh được Chánh kiến.*

*Cung kính quy y, cúi đầu lễ:
Hào quang chân Phật soi Chánh kiến;
Phật là cha lành khắp tất cả,
Chân phóng hào quang, độ chúng sanh.*

*Con lại quy y, cúi đầu lễ,
Bình đẳng thoát khổ, chân phóng quang;
Con được hào quang chân Phật chiếu,
Buồn vui lẫn lộn, thương cảm thay!*

*Con lại bi thương cúi đầu lễ:
Cảm thay, tướng quý bánh xe sáng!
Cúi đầu quy y hào quang chân,
Giáo pháp rốt ráo, thoát Ba cõi.*

*Kính lễ chân Phật, trời, người nương,
Hào quang chiếu khắp Ba cõi khổ;
Chúng sanh chưa bước ra cửa khổ,
Thấy đều nương theo hào quang chân.*

*Chúng con chưa ra khỏi luân hồi,
Làm sao chân Phật nở buông bỏ?
Đau đớn thay! Tất cả chúng sanh,
Đêm dài không thấy hào quang chân.*

*Sám hối với Thế Tôn từ bi.
Hiện bày chân quý tỏa hào quang;
Thương thay! Nay gặp hào quang này,
Biết đến bao giờ được thấy nữa?*

Lúc ấy, ngài *Ca-diếp* cùng các đệ tử đọc kệ ấy rồi, lại ngã xuống đất hôn mê lần nữa, hồi lâu mới dần dần tỉnh lại, đau đớn nghẹn ngào không sao tự chế. Khi ấy, hai chân kim cương có tướng bánh xe ngàn nan hoa của đấng Đại giác Thế Tôn tự nhiên rút trở vào thánh quan, [tất cả lại] đóng kín như cũ.

Bấy giờ, nhân dân nam nữ trong thành và chư thiên, mọi người cùng đại chúng nhìn thấy ngài Đại *Ca-diếp* nhiều lần than khóc, đấm ngực kêu la, bi thương chấn động vô số thế giới *đại thiên*, tất cả đều cùng nhau mang các phẩm vật đến, bi thương nghẹn ngào dâng lên cúng dường.

Lúc ấy, trong thành *Câu-thi-na* có bốn vị lực sĩ thân đeo chuỗi ngọc trang nghiêm, tay cầm đuốc thất bảo lớn như bánh xe, chiếu sáng khắp nơi, định châm lửa vào lầu gỗ thơm để *trà-tỳ* thân Như Lai. Đuốc ấy vừa chạm đến

lầu gỗ thơm bỗng nhiên tắt mất. Ngài *Ca-diếp* liền nói: “Bảo quan của Đại Thánh, [dù là tất cả] lửa trong *Ba cõi* còn không thể thiêu cháy, hương chi sức các ông lại có thể đốt được sao?”

Trong thành lại có tám đại lực sĩ tay cầm đuốc lớn thất bảo cháy sáng, cùng nhau đến châm lửa đốt thánh quan, nhưng tất cả đuốc cũng đều tắt cả.

Lại có mười sáu lực sĩ khỏe nhất trong thành, mỗi người đều cầm đuốc lớn thất bảo mang đến châm vào lầu gỗ thơm, nhưng đuốc cũng đều tắt hết.

Trong thành lại có ba mươi sáu lực sĩ khỏe nhất, tất cả đều cầm đuốc lớn thất bảo đến châm đuốc vào lầu gỗ thơm, nhưng tất cả đuốc cũng đều tắt cả.

Lúc ấy, ngài *Ca-diếp* bảo các lực sĩ và tất cả đại chúng rằng: “Các vị nên biết rằng, dù cho dùng đến tất cả lửa đuốc của chư thiên và loài người cũng không thể *trà-tỳ* bảo quan Như Lai. Các vị không cần phải phí công khổ nhọc cố làm việc ấy!”

Bấy giờ, hết thấy nhân dân nam nữ trong thành cùng với chư thiên, mọi người và đại chúng càng thêm bi thương, cùng nhau mang thêm phẩm vật đến, than khóc đau xót dâng lên cúng dường, cùng nhau lễ bái [thánh quan], đi nhiều quanh bảy vòng theo về bên mặt, lớn tiếng than khóc, chấn động khắp cõi *Tam thiên* [đại thiên thế giới].

Lúc ấy, đức Như Lai dùng sức đại bi [khiến cho] từ nơi quả tim trong lòng ngực của ngài bùng lên ngọn lửa rất mạnh tỏa ra bên ngoài thánh quan, chậm chậm *trà-tỳ* [sắc thân Như Lai]. Ngọn lửa thiêu cháy lầu gỗ thơm, trải qua đủ bảy ngày mới tàn.

Bấy giờ, hết thấy nhân dân nam nữ trong thành cùng với chư thiên, mọi người và đại chúng cùng trải qua bảy ngày than khóc bi thảm, tiếng đau thương không chút lắng dịu; tất cả cùng nhau mang thêm phẩm vật đến cúng dường không ngớt.

Lúc ấy, cả bốn vị thiên vương đều có ý nghĩ giống nhau rằng: “Ta sẽ dùng nước thơm dập tắt lửa để mau chóng tiêu diệt lấy *xá-lợi* mang về cõi trời cúng dường.”

Nghĩ như vậy rồi, mỗi vị liền lấy bình vàng thất bảo đựng đầy nước thơm; lại mang theo bốn cây đại thọ ở bốn núi *Tu-di*, là loại cây đặc biệt thơm tho, tinh khiết, chảy ra chất nước như sữa ngọt. Mỗi cây này đều to lớn đến ngàn vòng ôm, cao cả trăm *do-tuần*, bay theo bốn vị thiên vương rồi từ trên không trung đồng thời hạ xuống chỗ *trà-tỳ*. Khi ấy, từ những cây này tuôn chảy chất nước như sữa ngọt, các thiên vương thì nghiêng bình vàng chứa nước thơm, cùng lúc tưới cả vào lửa. [Không ngờ] tưới xong thì lửa càng mạnh hơn, không giảm bớt chút nào.

Bấy giờ, các vị thần biển, Long vương *Sa-già-la*¹ cùng với các vị thần sông thấy lửa không tắt thì mỗi vị đều nghĩ giống nhau rằng: “Ta sẽ dùng nước thơm tưới cho tắt lửa để mau chóng tiêu diệt *xá-lợi* về chỗ ta ở mà cúng dường.”

Nghĩ như vậy rồi, mỗi vị đều mang bình báu chứa vô lượng nước thơm đến chỗ *trà-tỳ*, cùng lúc tưới vào lửa. Sau khi tưới xong lửa vẫn như trước, không giảm bớt chút nào.

Lúc ấy, ngài *A-na-luật* bảo bốn vị thiên vương và các

¹ Long vương Sa-già-la, phiên âm từ Phạn ngữ *Sāgara*.

thần biển rằng: “Các vị dùng nước thơm muốn tưới cho lửa tắt, há chẳng phải là muốn thâu lấy *xá-lợi* đem về cúng dường đó sao?”

Tất cả cùng đáp: “Quả đúng như vậy.”

Ngài *A-na-luật* liền bảo bốn vị thiên vương: “Các vị thật là tham lam quá! Các vị ở trên cõi trời, nếu *xá-lợi* theo quý vị lên cõi trời thì người ở trần gian làm sao lên đến đó được mà cúng dường?”

Rồi ngài *A-na-luật* bảo các vị thần biển: “Các vị đều ở những nơi biển lớn, sông sâu, nếu quý vị thâu lấy *xá-lợi* của Như Lai, làm sao người ở trần gian đến được chỗ cung điện của các vị mà cúng dường?”

Khi ấy, bốn vị thiên vương liền ngỏ lời sám hối, rồi ai nấy cùng trở về thiên cung. Các vị thần biển, thần sông cũng đều xin sám hối và nói: “Quả đúng như lời dạy của thánh tăng.” Sám hối rồi, các vị đều trở về chỗ ở của mình.

PHÂN CHIA XÁ-LỢI

Phẩm thứ tư

Bấy giờ, Đế Thích cầm bình thất bảo và phẩm vật cúng dường hiện đến chỗ *trà-tỳ*. Ngay lúc đó thì lửa ở chỗ ấy tự nhiên tắt hết. Đế Thích định mở nắp thánh quan Như Lai để thỉnh [*xá-lợi* của] một cái răng Phật. Ngài *A-na-luật* thấy vậy liền hỏi: “Ông định làm gì đó?”

Đế Thích đáp: “Tôi muốn thỉnh [*xá-lợi* của] một chiếc răng Phật đem về cõi trời cúng dường.

Ngài *A-na-luật* nói: “Xin ông đừng vội tự ý lấy. Hãy đợi đại chúng cùng phân chia.”

Đế Thích liền nói: “Trước đây Phật đã có hứa ban cho tôi [*phần xá-lợi* của] một chiếc răng. Vì vậy nên tôi vừa đến thì lửa tự nhiên tắt.”

Đế Thích nói rồi liền mở nắp thánh quan, nhặt lấy *xá-lợi* của một chiếc răng trong miệng Phật ở hàm trên, bên phải. Sau đó trở về thiên cung xây tháp cúng dường.

Lúc ấy, có hai quỷ *dạ-xoa* và *la-sát*¹ ẩn mình theo sau Đế Thích, không ai nhìn thấy, liền trộm lấy *xá-lợi* hai chiếc răng của Phật.

Bấy giờ, tất cả nhân dân nam nữ trong thành và đại chúng liền cùng lúc kéo đến, định tranh nhau lấy *xá-lợi*

¹ *Dạ-xoa* và *la-sát*, phiên âm từ Phạn ngữ là *yakṣa* và *rakṣasa*. Nguyên bản Hán văn dùng tiếp tật *la-sát* (捷疾羅刹); tiếp tật là cách dịch cũ (Cựu dịch) theo nghĩa của *dạ-xoa*, còn *la-sát* dịch nghĩa là bạo ác quỷ (暴惡鬼).

Phật. Ngài *A-na-luật* bảo họ: “Đại chúng nên bình tâm thư thả một chút để mọi việc được an lành. Phật đã có dạy, nên theo đúng phép tắc mà phân chia *xá-lợi* để cùng nhau cúng dường.”

Nhưng lúc ấy tất cả nhân dân nam nữ trong thành và đại chúng đều chẳng nghe lời ngài *A-na-luật*. Mỗi người đều mang theo giáo mác, cung tên, đao kiếm... tất cả các loại vũ khí. Ai nấy đều tự trang bị đầy đủ, muốn tranh đoạt lấy *xá-lợi*.

Bấy giờ, mọi người trong thành liền mở thánh quan của Phật ra, thấy tất cả hoa *đâu-la* và lụa trắng [đặt quanh thân Phật] vẫn còn nguyên không cháy. Thấy vậy rồi, đại chúng lại lớn tiếng kêu khóc, nước mắt tuôn tràn. Họ mang thêm phẩm vật đến, bi thương đau xót dâng lên cúng dường, đem hết lòng thành kính sâu xa lễ bái [trước thánh quan], rồi quỳ mọp xuống, cùng nhau rơi lệ mà đọc kệ xưng tán rằng:

*Như Lai dùng sức đại tự tại,
Trong cả ba đời luôn tự tại;
Vì nguyện đại bi đến cõi này,
Hiện khắp biển khổ độ chúng sanh.
Thần thông, trí tuệ, khôn kể xiết,
Vào ra sanh tử, không chướng ngại;
Thường hóa một thân làm nhiều thân,
Nhiều thân, một thân thành vô số.
Thần biến hiện khắp, ai cũng thấy,
Vì không duyên nên hiện Niết-bàn;
Chúng con hết phước, không duyên ứng,
Nên Như Lai mới đành buông bỏ.*

*Thánh quan Phật trong rừng sa-la,
Dù đại lực sĩ không nhấc nổi;
Do sức đại bi tự bay lên,
Cao đến ngang tâm cây đa-la.*

*Bay chậm quanh thành Câu-thi-na,
Bảy ngày, bay quanh đủ bảy vòng;
Sau đó tự đến chỗ trà-tỳ,
Chỉ có sức Phật làm được vậy.*

*Khắp cả trời người khôn xét lường,
Như Lai thị hiện Đại Niết-bàn.
Kim cang chẳng hoại, sức tự tại,
Trà-tỳ, lửa thế gian chẳng cháy.*

*Phải nhờ lửa từ bi tâm Phật,
Tự thiêu sắc thân suốt bảy ngày;
Trời, người không thể tắt lửa ấy,
Sức đại bi Như Lai ứng hiện,
Đế Thích vừa đến, lửa liền tắt.*

*Hoa châu-la mịn quanh thân Phật,
Dù lửa thiêu đốt vẫn không cháy.
Và lụa quấn Phật trong bảo quan,
Mặc cho lửa đốt vẫn không cháy.
Mới biết sức Như Lai tự tại,
Tự tại muôn pháp, xưng Pháp vương.*

*Kính lễ Đại bi thầy Ba cõi,
Kính lễ bậc thánh Không run sợ,*

*Kính lễ Đại từ che chở khắp,
Kính lễ bậc thần biến tự tại.*

*Chúng con từ nay là Thế Tôn,
Chìm trong biển khổ, không người cứu.
Thương thay! Hỡi ôi, Đại Thánh Tôn!
Vĩnh biệt từ nay, đến bao giờ?*

Bấy giờ, đại chúng đọc kệ như vậy rồi lại bi thương khóc kể, ai nấy cùng mang thêm phẩm vật đến, hết lòng đau xót dâng lên cúng dường.

Lúc ấy, ngài *A-na-luật* vì khắp hàng trời, người và tất cả đại chúng, nhân dân trong thành đang cùng nhau [tụ tập] quanh thánh quan của Phật, liền từ từ tháo mở từng lớp lụa trắng và hoa *đâu-la*. Một ngàn tấm lụa trắng của ngài *Ca-diếp* và các đệ tử vẫn còn nguyên không cháy; một ngàn tấm lụa trắng của nhân dân trong thành chỉ trừ một lớp quần ngoài cùng, còn lại bao nhiêu đều cháy thành tro; riêng hoa *đâu-la* thì vẫn còn nguyên không cháy.

Bấy giờ, ngài *A-na-luật* liền lấy số lụa trắng và hoa *đâu-la* [không cháy] ấy phân thành từng miếng nhỏ, chia đều cho đại chúng, dạy họ xây bảo tháp mà cúng dường.

Ngài *A-na-luật* lại lấy số tro của lụa đã cháy, cũng phân ra từng phần nhỏ mà chia cho đại chúng, dạy họ xây bảo tháp mà cúng dường.

Ngoài ra, các loại tro khác [ở nơi trà-tỳ] không cần phân chia, mỗi người đều tùy ý lấy về để xây tháp cúng dường.

Trước đó, nhân dân trong thành đã thuê thợ khéo làm ra tám cái bình vàng và tám tòa sư tử, đều trang trí bằng bảy món báu. Mỗi cái bình quý ấy đều chứa được một斛, được đặt trên tòa sư tử làm bằng bảy báu. Mỗi tòa sư tử quý ấy đều có ba mươi hai vị lực sĩ, trang sức bằng những chuỗi ngọc bảy báu, màu sắc rực rỡ xen lẫn trên thân, cùng nhắc bóng các tòa sư tử ấy lên. Trên mỗi tòa sư tử lại có tám cô thể nữ trang sức bằng các chuỗi ngọc thất bảo, nhiều màu rực rỡ xen lẫn, cùng nâng bình quý; lại có tám cô thể nữ trang sức bằng chuỗi ngọc, cầm lọng bằng bảy báu che trên bình quý; lại có tám cô thể nữ trang sức bằng các chuỗi ngọc, tay cầm gươm bằng bảy báu đứng bảo vệ bình quý; lại có tám cô thể nữ trang sức bằng chuỗi ngọc, cầm cờ lông trĩ cắm ở bốn phía bình quý.

Mỗi tòa sư tử quý ấy đều có vô số người cầm các loại nhạc khí vi diệu, cờ phướn, lọng quý, hoa, hương, chuỗi ngọc vây quanh cúng dường; lại có vô số người cầm cung tên, giáo mác, dây trói, lưới câu dài... và mọi thứ chiến cụ vây quanh.

Từ trong thành *Câu-thi-na*, họ vây quanh các tòa sư tử với bình báu ấy, cùng tiến về nơi *trà-tỳ* [thân Như Lai].

Khi tám tòa sư tử bằng bảy báu ấy đã ra khỏi thành rồi, những người trong thành liền mang theo vô số hương bột nhão, hương nước, đi sau các lực sĩ mà dọn dẹp, san lấp đất đai, làm cho đường đi trở nên mềm ướt, mát mẻ, thơm tho, rộng rãi, nghiêm trang, kéo dài cho đến tận nơi *trà-tỳ*. Hai bên đường lại có vô số cờ quý, phướn lọng, hương, hoa, chuỗi ngọc trai quý, đủ các màu sắc rực rỡ xen lẫn, [lại trỗi lên các loại] âm nhạc huyền ca, tô điểm cho

đường xá, chờ rước *xá-lợi* của Đại Thánh Thế Tôn về qua đó. Mọi người cũng vây quanh các lực sĩ khiêng tám tòa sư tử thất bảo mà đến nơi *trà-tỳ*.

Đến nơi, họ khóc lóc rất thảm thiết, kêu la khản tiếng, chấn động cả cõi [thế giới] *đại thiên*. Họ lại mang theo các phẩm vật, hết lòng chí thành dâng lên cúng dường [*xá-lợi* Như Lai].

Bấy giờ, do sức đại bi của Thế Tôn nên thân kim cang của Phật tự nhiên tan nát thành [vô số] hạt *xá-lợi* rất nhỏ, chỉ còn lại [nguyên vẹn *xá-lợi* của] bốn chiếc răng không thể hư hoại.

Lúc ấy, đại chúng được nhìn thấy *xá-lợi* [Như Lai] rồi càng thêm bi thương đau đớn, liền mang thêm phẩm vật đến, rơi lệ chua xót dâng lên cúng dường.

Khi ấy, ngài *A-na-luật* và mọi người trong thành, nước mắt lưng tròng, cùng nhau thâu nhặt lấy *xá-lợi* [Phật] cho vào tám cái bình quý làm bằng bảy báu trên tòa sư tử. Khi nhặt hết *xá-lợi* thì vừa đầy tám bình quý ấy.

Bấy giờ, tất cả đại chúng, chư thiên và mọi người nhìn thấy *xá-lợi* Phật được đưa hết vào trong bình quý rồi, lại càng thêm bi thương đau đớn; họ rơi lệ, lại dùng phẩm vật đã mang theo chí thành dâng lên cúng dường [*xá-lợi* Như Lai].

Lúc ấy, các lực sĩ và nhân dân nam nữ trong thành *Câu-thi-na* sắp sửa mang các bình quý chứa *xá-lợi* Phật vào thành. Đại chúng càng thêm bi thương, ai nấy đều dùng những phẩm vật đã mang theo dâng lên cúng dường.

Bấy giờ, các đại lực sĩ vây quanh theo họ đều là dân trong thành, thấy đều bị thương đau xót, ghen ngào rơi lệ, cùng nhau khiêng tám tòa sư tử bằng bảy báu theo con đường rưới nước thơm đã được sửa dọn sạch sẽ để về thành *Câu-thi-na*.

Lúc ấy, tất cả đại chúng, chư thiên và mọi người càng thêm bị ai đau đớn, [kêu khóc] chấn động thế giới; họ mang các phẩm vật theo sau *xá-lợi* [Phật], khóc than thảm thiết mà cúng dường. Khi *xá-lợi* của Như Lai đã đưa vào trong thành rồi, mọi người liền đặt yên tại một ngã tư đường.

Bấy giờ, nhân dân trong thành *Câu-thi-na* liền bố trí đủ bốn đạo binh,¹ vô số binh lính, thân mang áo giáp, tay cầm vũ khí, đi tuần quanh thành *Câu-thi-na*. Khắp bốn phía thành và chung quanh thành đều có vô số binh lính xếp thành nhiều vòng, phòng bị nghiêm mật, vì e có những người từ nơi khác kéo đến cướp đoạt [*xá-lợi* Phật]. Tuy chuẩn bị đầy đủ hình thức phòng bị như vậy, nhưng họ thật không có lòng muốn gây chiến.

Lại có năm trăm vị thầy chú thuật rất giỏi trấn giữ ở bốn cửa thành để ngăn ngừa tai ách. Lại dùng vô số cờ báu, phướn lọng trang nghiêm vi diệu, cờ lớn bằng lông chim trĩ, cắm ở bốn góc thành, nghiêm trang cúng dường, vì muốn phù hợp với nghi thức.

Khi ấy, tất cả nhân dân nam nữ trong thành cùng với đại chúng, chư thiên và mọi người khác càng thêm bị thương ai oán, cùng nhau mang thêm các phẩm vật rồi hết lòng chí thành dâng lên cúng dường [*xá-lợi* Phật].

¹ Bốn đạo binh: gồm binh dùng voi, binh dùng ngựa, binh dùng xe và binh đi bộ. Quân đội thời ấy thường có đủ bốn đạo binh này.

Các bình quý đựng *xá-lợi* [Phật] đặt trên tòa sư tử trải qua được bảy ngày. Trong bảy ngày ấy, tất cả đại chúng đều than khóc ngày đêm, tiếng bi thương không ngớt. Mọi người đều dùng những phẩm vật đã mang đến để hết lòng thành kính dâng lên cúng dường [*xá-lợi* Phật].

Tám tòa sư tử làm bằng bảy báu ấy đều có năm trăm vị thầy chú thuật rất giỏi [thường xuyên] canh giữ, đề phòng có những hạng trời, rồng, *dạ-xoa*, thần, quỷ lên đến lấy [*xá-lợi* Phật].

Trải qua bảy ngày ấy rồi, quyến thuộc trong dòng họ Phật sanh ra, [tức là] quốc vương thành *Ca-tỳ-la* và những người trong họ *Thích-ca*, mới biết là Phật đã nhập *Niết-bàn*. Do oai lực của Phật nên trước đó dù Phật đã nhập *Niết-bàn* đến ba tuần lễ họ vẫn không hề hay biết.

Bấy giờ, quốc vương *Ca-tỳ-la* cùng với những người họ *Thích-ca* đều than khóc bi thảm, cùng nhau đi thật nhanh đến thành *Câu-thi-na*. Đến nơi, họ thấy vô số binh lính đang bao quanh canh gác bên ngoài thành. Họ lại nhìn thấy [khắp nơi đây] những cờ báu, phướn lọng giảng bày, khắp bốn góc thành, che khuất cả cõi nước; lại có những vị thầy chú thuật giỏi canh giữ nơi bốn cửa thành.

Quốc vương [*Ca-tỳ-la*] và những người dòng họ *Thích-ca* liền hỏi các thầy chú thuật: “Phật đã nhập *Niết-bàn* rồi sao?”

Các thầy ấy đáp: “Phật nhập *Niết-bàn* đến nay đã bốn tuần rồi.¹ Lễ *trà-tỳ* đã xong, bây giờ sắp sửa phân chia *xá-lợi*.”

¹ Đoạn này không thấy nói rõ, nhưng có thể hiểu là những người dòng họ Thích-ca đã phải đi mất một tuần mới đến được thành Câu-thi-na. Vì sau ba tuần thì họ biết tin và khi đến nơi thì đã bốn tuần.

Quốc vương [*Ca-tỳ-la*] nói: “Chúng tôi đều là quyến thuộc trong dòng họ Phật đản sanh. Oai lực của Phật khiến cho chúng tôi [trong suốt ba tuần] không hay biết rằng Như Lai đã vào *Niết-bàn*. Nay chúng tôi muốn được thấy *xá-lợi* của Như Lai, vậy các ông hãy mở đường cho chúng tôi vào.”

Nghe vậy rồi, các thầy chú thuật và binh lính [canh gác] liền để cho quốc vương [*Ca-tỳ-la*] và những người họ *Thích-ca* vào thành. Khi vào thành rồi, vua và những người họ *Thích-ca* nhìn thấy *xá-lợi* Phật trên những tòa sư tử thì đau đớn nghẹn ngào, nước mắt ràn rụa, cùng nhau đi nhiễu quanh [các tòa sư tử] bảy vòng theo chiều bên phải. Nhiễu quanh bảy vòng rồi, họ cùng nhau nuốt lệ, nói rằng: “Chúng tôi muốn thỉnh một phần *xá-lợi* Như Lai đem về cúng dường.”

Đại chúng đáp rằng: “Tuy chúng tôi biết các vị là quyến thuộc dòng họ *Thích-ca*, nhưng Phật Thế Tôn trước đã có dạy việc phân chia *xá-lợi*, không hề có dặn chia phần cho các vị. *Xá-lợi* ở đây đều đã có người thỉnh, các vị làm sao có được? Xin hãy về đi thôi!”

Bấy giờ, quốc vương [*Ca-tỳ-la*] và những người họ *Thích-ca* thỉnh cầu không được, tất cả đều buồn khổ than khóc bi thương, rồi ngã xuống đất hôn mê, hồi lâu mới tỉnh lại. Họ không nén được lòng đau thương, liền nói với người trong thành rằng: “Như Lai Thế Tôn thuộc dòng họ *Thích-ca* của chúng tôi, vì thương xót các ông nên mới nhập *Niết-bàn* tại đây. Vì sao các ông lại khinh thường, không chịu chia cho chúng tôi một phần *xá-lợi*?”

Nói như vậy rồi, tất cả cùng nhau lễ bái *xá-lợi*, đi nhiều quanh bảy vòng về bên phải, khóc lóc thảm thiết, nước mắt ràn rụa, sanh lòng tức giận và đau xót ra về.

Bấy giờ, [nhắc lại chuyện trước đây,] vua nước *Ma-kiệt-đà*¹ là *A-xà-thế* sau khi đã giết hại cha [là vua *Tần-bà-sa-la*], sanh lòng hối hận vô cùng, trên người phát sanh ghê độc [đau đớn cùng cực]. Nhờ đức Thế Tôn [từ bi nhập *tam-muội*] *Nguyệt ái* phóng hào quang chiếu lên thân ông, bệnh ghê độc nơi thân liền khỏi hẳn.² Vua liền tìm đến chỗ Phật, bi thương khẩn thiết cầu xin sám hối. Đức Thế Tôn đại bi liền dùng nước thuốc *cam lộ* nhiệm mầu là *Chánh pháp* để rửa sạch ghê độc [tội lỗi trong tâm vua].³ Tội lỗi rất nặng của vua liền được dứt trừ, vua trở về cung, không hề hay biết việc Như Lai [sắp] nhập *Niết-bàn*.

Ngay trong đêm Phật nhập *Niết-bàn*, vua *A-xà-thế* nằm mộng thấy mặt trăng rơi xuống; mặt trời từ dưới đất mọc lên, tinh tú mây mưa rơi rớt tán loạn; lại thấy hơi khói dưới đất xông lên, rồi thấy bảy ngôi sao chổi hiện trên trời. Vua lại mộng thấy trên trời có đám lửa lớn, ửng đỏ khắp hư không, rồi cùng một lúc rơi xuống đất. Ngay khi vừa tỉnh mộng, vua cảm thấy trong lòng hết sức kinh sợ, run rẩy; liền triệu tập quần thần, kể lại giấc mộng ấy và hỏi: “Đó là điềm gì vậy?”

¹ Nước Ma-kiệt-đà (摩竭陀), phiên âm từ Phạn ngữ *Magadha*, là tên nước do vua Tần-bà-sa-la cai trị, sau bị con trai là A-xà-thế giết chết để cướp ngôi. Nguyên bản Hán văn dùng Ma-già-dà, cũng là một cách phiên âm khác nhưng không quen thuộc lắm với nhiều người. Tên nước này còn được phiên âm là Ma-ha-đà (摩訶訶), Ma-kiệt-đê (摩竭提)...

² Xem lại chi tiết chuyện này ở quyển 19, thuộc Tập 4 của kinh này.

³ Nguyên bản Hán văn viết: “dĩ cam lộ pháp dược tẩy dăng thân sang” chắc là nhầm, vì không đúng với chi tiết đã kể rõ trong quyển 19. Chúng tôi ngờ chữ thân (身) ở đây phải là chữ tâm (心) mới hợp nghĩa.

Các quan tâu rằng: “Đó là điềm chẳng lành, Phật đã nhập *Niết-bàn*. Sau khi Phật diệt độ, phiền não sẽ khởi sanh mạnh mẽ trong chúng sanh *Ba cõi, Sáu đường*, cho nên bệ hạ thấy lửa lớn hiện ra, từ trên không trung rơi xuống đất.

“Phật diệt độ rồi, hào quang từ bi [của *tam-muội*] *Nguyệt ái* và mây lành trí tuệ che khắp [chúng sanh] thấy đều dứt mất, nên vua mộng thấy mặt trăng rớt xuống, tinh tú rụng rơi. [Đó là điềm báo] sau khi Phật nhập *Niết-bàn*, tám mươi ngàn điều luật nghi cùng tất cả phép tắc giới hạnh đều sẽ bị chúng sanh phạm vào; vì họ không y theo lời Phật dạy, chỉ làm theo tà pháp nên phải đọa xuống địa ngục.

“Mặt trời từ dưới đất mọc lên, đó là điềm sau khi Phật nhập *Niết-bàn* các sự khổ não trong *ba đường ác* tích tụ [rất nhiều, giống như] ánh mặt trời xuất hiện ở thế gian.

“[Vì những việc trên] nên vua cảm ứng thấy giấc mộng như vậy.”

Vua nghe lời tâu như vậy rồi, ngay giữa đêm ấy liền cùng các quan lên đường hướng đến thành *Câu-thi-na*. Đến nơi, vua nhìn thấy vô số binh lính đang phòng vệ hành *Câu-thi-na*. Vua lại thấy ở cửa thành có những thầy chú thuật giỏi để phòng ngừa tai biến đến từ bên ngoài. Thấy như vậy rồi, vua liền hỏi các thầy chú thuật: “Phật đã nhập *Niết-bàn* rồi sao?”

Các thầy chú thuật đáp: “Phật nhập *Niết-bàn* đến nay đã trải qua bốn tuần. Hiện giờ đại chúng sắp phân chia *xá-lợi* Phật.”

Vua nói: “Phật nhập *Niết-bàn* tôi không hay biết chi

cả. Đến khi tôi nằm mộng thấy sự chẳng lành liền đem ra hỏi các quan, mới biết rằng Như Lai đã nhập Đại *Niết-bàn*. Nay tôi muốn vào thành lễ bái *xá-lợi* kim cương của Như Lai, xin các vị hãy mở đường cho chúng tôi vào.”

Các thầy chú thuật liền để cho vua vào. Vua vào trong thành, đến tại ngã tư đường, nhìn thấy những bình quý đựng *xá-lợi* [Như Lai] đặt trên các tòa sư tử, lại thấy đại chúng đang bị thương đau xót cúng dường. Vua liền cùng các quan tùy tùng đồng thời lễ bái, đau đớn khóc lóc, nước mắt ràn rụa, cùng đi nhiễu quanh [*xá-lợi* Phật] bảy vòng về phía bên phải, bị thương thảm thiết [dâng phẩm vật] cúng dường.

Sau đó, vua thưa với đại chúng xin thỉnh một phần *xá-lợi* Như Lai để đem về nước mình [xây tháp] cúng dường.

Đại chúng đáp rằng: “Sao ngài đến muộn thế? Phật trước đây có dạy cách phân chia *xá-lợi*, tất cả đều đã có người thỉnh rồi, không có phần của ngài. Vậy ngài nên trở về đi thôi!”

Thỉnh cầu không được toại nguyện, vua *A-xà-thế* sầu khổ không vui, liền lễ bái *xá-lợi* [lần nữa] rồi buồn bực ra về.

Lúc ấy, Phật nhập *Niết-bàn* đã ba tuần, vị vua nổi tiếng của nước ngoại đạo *Tỳ-ly*¹ mới hay biết, liền dẫn theo các

¹ Nước *Tỳ-ly*, phiên âm từ Phạn ngữ *Vrji*, cũng thường đọc là *Tỳ-ly-tử*, là một trong mười sáu nước lớn vào thời đức Phật, còn có rất nhiều cách phiên âm khác như *Bạt-kỳ*, *Bạt-xà*, *Tỳ-lê-kỳ*, *Việt-kỳ*, *Phất-lật-thị*... Thời Phật tại thế, vua *A-xà-thế* có lần muốn mang quân đánh nước này, sai đại thần là *Vũ Xá* (*Varsakāra*) đến thỉnh ý Phật. Phật đưa ra bảy điều để khuyên vua không nên đánh. Vua *A-xà-thế* nghe lời bãi binh. Theo Đại Đường Tây vực ký, quyển 7, thì nước này có chu vi hơn bốn ngàn dặm, nằm ở vị trí cao, đất đai cây cối xanh tốt, khí hậu rất lạnh, người dân đa phần tin theo ngoại đạo, ít người tin Phật pháp, chư tăng

quan vôi vãi đi nhanh đến thành *Câu-thi-na*. Đến nơi, vua nhìn thấy vô số binh lính của bốn đạo binh phòng vệ thành *Câu-thi-na*, vây quanh rất nhiều vòng.

Bấy giờ, Phật nhập *Niết-bàn* đã ba tuần, vua xứ *A-lặc-già-la* mới hay biết, liền dẫn theo các quan vôi vãi đến thành *Câu-thi-na*. Đến nơi, vua nhìn thấy vô số binh lính của bốn đạo binh phòng vệ thành *Câu-thi-na*, vây quanh rất nhiều vòng.

Lúc ấy, Phật nhập *Niết-bàn* đã ba tuần, vua *Bát Úy* nước *Tỳ-nậu* mới hay biết.

Lại có vua nước *Già-la-ca-la*, Phật nhập *Niết-bàn* đã ba tuần mới hay biết.

Lại có vua nước *Su-già-na*, Phật nhập *Niết-bàn* đã ba tuần mới hay biết.

Bấy giờ, Phật nhập *Niết-bàn* đã ba tuần, vị vua nổi tiếng của nước ngoài đạo *Ba-kiên-la* mới hay biết, liền dẫn theo các quan, vôi vãi đến thành *Câu-thi-na*. Đến nơi, vua nhìn thấy vô số binh lính của bốn đạo binh phòng vệ thành *Câu-thi-na*, vây quanh rất nhiều vòng. Vua lại thấy ở cửa thành có những thầy chú thuật rất giỏi, để phòng ngừa tai biến đến từ bên ngoài. Vua liền hỏi các thầy chú thuật rằng: “Phật đã nhập *Niết-bàn* rồi sao?”

Các thầy chú thuật đáp: “Phật nhập *Niết-bàn* đến nay đã bốn tuần rồi, hiện giờ đại chúng sắp phân chia *xá-lợi*.”

ở đây theo học cả Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Trong kinh này gọi đây là nước ngoài đạo, chứng tỏ vào thời đức Phật thì dân nước này cũng đã tin theo ngoài đạo nhiều hơn theo Phật.

Vua liền bảo các thầy chú thuật: “Phật đã nhập *Niết-bàn* nhưng tôi không hay biết gì cả nên mới đến muộן. Nay tôi muốn vào thành lễ bái, cúng dường *xá-lợi* Như Lai, xin các ông mở đường cho.”

Các thầy chú thuật nghe vậy rồi liền để cho vua vào. Đi tới ngã tư đường, vua nhìn thấy những tòa sư tử trang nghiêm bằng bảy món báu, trên có đặt *xá-lợi* Phật đứng trong những bình quý làm bằng bảy báu. Vua lại thấy đại chúng đang bị thương đau xót cúng dường. Vua cùng với các quan tùy tùng liền đồng thời lễ bái, bị thương đau đớn rơi lệ, đi quanh [*xá-lợi* Phật] bảy vòng theo chiều bên phải, ai nấy đều dâng lễ vật, bị thương thảm thiết cúng dường.

Vua lại bảo đại chúng rằng: “Phật nhập *Niết-bàn* nhưng tôi không hay biết. Đau đớn thay! Tôi chẳng được nhìn thấy Phật [lần cuối]. Xin đại chúng chia cho tôi một phần *xá-lợi* để mang về nước cúng dường.”

Đại chúng đáp rằng: “Sao ngài đến muộן thế? Phật trước đây có dạy cách phân chia *xá-lợi*, tất cả đều đã có người thỉnh rồi, không có phần của ngài. Vậy ngài nên trở về đi thôi.”

Thỉnh cầu không được, vua và các quan đều lấy làm buồn rầu, lễ bái *xá-lợi* [lần nữa] rồi bị thương luyến tiếc quay về.

Bấy giờ, vua và quân thân của bảy nước như *Ca-tỳ-la*, [*Ma-kiệt-đà*, *A-lặc-già-la*]... vì thỉnh cầu không được toại nguyện nên sanh lòng bi thương, giận dữ, bực tức quay về mà lòng chưa yên. [Vì thế,] khi về nước rồi mỗi vị đều sai sứ thần đến thành *Câu-thi-na* để thỉnh cầu *xá-lợi* một

lần nữa. Người trong thành *Câu-thi-na* trả lời rằng: “Đức Từ phụ Thế Tôn đã nhập *Niết-bàn* tại đất nước chúng tôi, toàn thân *xá-lợi* của ngài phải được lưu giữ muôn đời tại đây để cúng dường. Chúng tôi sẽ không bao giờ phân chia cho người ngoài nước.”

[Vua] các nước liền nói rằng: “Nếu chịu phân chia thì tốt, bằng như không chịu phân chia, chúng tôi sẽ dùng sức mạnh mà đoạt lấy.”

Người trong thành đáp lại: “Nếu [các ngài] chỉ dùng sự đánh nhau [để giành lấy] thì sẽ không bao giờ có được [xá-lợi Phật].

Vua *A-xà-thế* lại sai đại thần là *Vũ Hành*¹ đem binh đến thỉnh một phần [xá-lợi], bảo người trong thành *Câu-thi-na* rằng: “Nếu chịu phân chia [xá-lợi] thì tốt, bằng không chịu phân chia, chúng tôi chia sẽ tặng thêm binh lực, quyết dùng sức mạnh mà đoạt lấy cho bằng được.”

Người trong thành đáp: “Xin cứ tùy ý mà làm.”

Liền đó, trong thành *Câu-thi-na* có bao nhiêu những trống sĩ, [cho đến] nhân dân nam nữ, thấy đều phòng vệ bằng cung tên, tất cả cùng kéo ra [ngoài thành], bốn binh tề chỉnh, chuẩn bị giao chiến với quân các nước khác.

Khi ấy, nước *Tỳ-ly*, những người họ *Lê-xa*, chiêu tập đủ bốn đạo binh, kéo đến [ngoài] thành *Câu-thi-na*, đóng giữ một phía.

Nước *A-lặc-già-la*, những người dòng *Sát-đế-lợi*, cũng

¹ Vũ Hành, dịch từ Phạn ngữ là *Varṣakāra*, phiên âm là Bà-lợi-ca hoặc Bà-lợi-sa-ca-la, cũng dịch nghĩa là Vũ Xá, Vũ Thế, Hành Vũ... chính là người trước đây cùng Đê-bà-đạt-đa xúi giục vua làm chuyện ác hại cha. Sau khi vua *A-xà-thế* lên ngôi, Vũ Hành trở thành đại thần nắm giữ binh quyền, được vua tin cậy.

tập trung đủ bốn đạo binh, kéo đến [ngoài thành *Câu-thi-na*], đóng giữ một phía.

Nước *Tỳ-nậu*, những người dòng *bà-la-môn*, cũng tập trung đủ bốn đạo binh, kéo đến [ngoài thành *Câu-thi-na*], đóng giữ một phía.

Nước *Già-la-ca-la*, những người dòng họ *Thích-ca*, cũng tập trung đủ bốn đạo binh, kéo đến [ngoài thành *Câu-thi-na*], đóng giữ một phía.

Nước *Sư-già-na*, những người *Câu-lâu-la*, cũng tập trung đủ bốn đạo binh, kéo đến [ngoài thành *Câu-thi-na*], đóng giữ một phía.

Nước *Ba-kiên-la*, những người lực sĩ, cũng tập trung đủ bốn đạo binh, kéo đến [ngoài thành *Câu-thi-na*], đóng giữ một phía.¹

Lúc ấy, thành *Câu-thi-na* bị quân bảy nước vây quanh, tất cả đều sắp sửa [tiến vào thành để] đoạt lấy *xá-lợi* Phật.

¹ Đoạn này nguyên bản Hán văn e có nhiều sự nhầm lẫn, chẳng hạn như những người họ Thích-ca (*Śākya*) là thuộc nước Ca-duy-la-vệ (*Kapilavastu*) mà trên đây đã gọi là Ca-tỳ-la, chứ không thuộc nước Già-la-ca-la. Chúng tôi tham khảo thêm Du hành kinh trong Trường A-hàm, quyển 4 (Đại chánh tạng quyển 1, kinh số 01), xin dẫn ra các nước đến cầu xá-lợi Phật để độc giả tiện tham khảo: 1. Nước Già-la-ba (*Amalakapa*), dân tộc Bạt-la (*Bulaya*); 2. Nước Lama-ca (*Rāmagrāma*), dân tộc Câu-lợi (*Kaulya*); 3. Nước Tỳ-lưu-đê (*Veṭhadīpa*), người dòng Bà-la-môn; 4. Nước Ca-duy-la-vệ (*Kapilavastu*), dòng họ Thích-ca (*Śākya*); 5. Nước Tỳ-xá-ly (*Vaiśālī*), dòng họ Ly-xa (*Licchavī*); 6. Nước Ma-kiệt-đà (*Magadha*) của vua A-xà-thế (*Ajātasatru*). 7. Nước Tỳ-ly (*Vijī*) hay Tỳ-ly-tử; tất cả cùng tranh chấp với người trong thành Câu-thi-na (*Kuśinagara*). Có một chi tiết cũng được nêu ra trong Trường A-hàm là những người của nước Già-la-ca-la (hay Già-la-phả-la) viện cứ rằng đức Thế Tôn xưa thuộc dòng Sát-đế-lợi (kinh này gọi là Võ sĩ tộc), cũng giống như họ, nên họ có quyền được thỉnh một phần xá-lợi Phật. Phải chăng do chi tiết này mà có sự nhầm lẫn là họ Thích-ca thuộc nước Già-la-ca-la?

Bấy giờ, trong đại chúng có vị *bà-la-môn* là Tánh Yên¹ ở giữa quân binh các nước mà cất tiếng nói lớn rằng: “Các vị đứng đầu những lực sĩ trong thành *Câu-thi-na*, xin hãy nghe đây! Trong vô số kiếp, đức Phật đã tích chứa điều lành, tu hạnh nhẫn nhục. Các vị cũng thường được nghe [Thế Tôn] ngợi khen pháp nhẫn nhục. Nay có lẽ nào ngay sau khi Phật vừa diệt độ, các vị chỉ vì *xá-lợi* Phật mà khởi binh tranh đoạt? Các vị nên biết, đó không phải là kính thờ *xá-lợi*! Nay [tôi đề nghị] chỉ nên chia đều *xá-lợi* thành tám phần, [không nên tranh giành nhau].”

Các lực sĩ [trong thành *Câu-thi-na*] đều nói: “Chúng tôi xin cung kính vâng theo lời ngài.”

Lúc ấy, *Bà-la-môn* Tánh Yên liền phân chia *xá-lợi* làm tám phần [bằng nhau] rồi nói rằng: “Thưa tất cả các vị! Những bình rộng này đã từng chứa *xá-lợi*, xin cho tôi được nhận. Tôi sẽ mang về xứ *Đâu-na-la* xây Tháp Bình và dâng hoa, hương, phướn, lọng, âm nhạc để cúng dường.”

Mọi người đáp rằng: “Chúng tôi chấp thuận thỉnh cầu của ngài.”

Bấy giờ, có vị cư sĩ *bà-la-môn* tên là *Tất-ba-diên-na* lớn tiếng thưa rằng: “Các vị đứng đầu những lực sĩ thành

¹ Tánh Yên: tên vị này dịch từ Phạn ngữ là *Dhūma*, các bản trước đây đều dịch là “*Bà-la-môn* họ Yên”. Tham khảo Trường A-hàm quyển 4 (Đại chánh tạng quyển 1, kinh số 01), Du hành kinh, trong đoạn kể lại sự việc giống như ở đây thì vị này là Hương Tánh *Bà-la-môn*, đã vâng sắc chỉ của vua A-xà-thế đến thành *Câu-thi-na* đòi chia *xá-lợi* Phật, nhưng người trong thành không chịu nghe theo. Sau đó cũng chính vị này đứng ra giảng hòa sự xung đột này. Tánh Yên và Hương Tánh đều là dịch từ Phạn ngữ *Dhūma*, vì từ này có nghĩa là hương, khói... nên đây chỉ là một người mà thôi. Kinh Đại Bát Niết-bàn thuộc Trường A-hàm do ngài Pháp Hiển dịch (Đại chánh tạng quyển 1, kinh số 07) cũng có nhắc đến vị *bà-la-môn* này với tên phiên âm là *Đô-lô-na* (徒盧那) và kể lại sự việc giảng hòa tương tự, nhưng lại nói rằng vị này là người trong thành *Câu-thi-na*.

Câu-thi-na, xin hãy nghe đây! [Tất cả] tro tàn ở nơi *trà-tỳ* Phật, xin cho tôi được nhận. Tôi sẽ đem về nước xây Tháp Tro, cúng dường bằng hoa, hương, âm nhạc.”

Mọi người đáp rằng: “Chúng tôi chấp thuận thỉnh cầu của ngài.”

Lúc ấy, người trong thành *Câu-thi-na* được nhận phần *xá-lợi* Phật thứ nhất, liền xây tháp trong nước, dùng hoa, hương, âm nhạc các thứ để cúng dường.

Người nước *Ba-kiên-la* được nhận phần *xá-lợi* Phật thứ nhì, mang về nước xây tháp, dùng mọi thứ [phẩm vật] để cúng dường.

Những người *Câu-lâu-la* của nước *Sư-già-na* được nhận phần *xá-lợi* Phật thứ ba, liền trở về xây tháp, dâng mọi thứ [phẩm vật] để cúng dường.

Những người *Sát-đế-lợi* của nước *A-lặc-già-la* được nhận phần *xá-lợi* Phật thứ tư, liền trở về nước xây tháp cúng dường.

Những người *Bà-la-môn* nước *Tỳ-nậu* được nhận phần *xá-lợi* Phật thứ năm, liền trở về nước xây tháp, dùng mọi thứ [phẩm vật] để cúng dường.

Những người *Lê-xa* nước *Tỳ-ly* được nhận phần *xá-lợi* Phật thứ sáu, trở về nước xây tháp, cúng dường bằng mọi thứ [phẩm vật].

Những người họ *Thích-ca*¹ nước *Già-la-ca-la* được nhận phần *xá-lợi* Phật thứ bảy, trở về nước xây tháp, dâng hoa, hương cúng dường.

¹ Theo Du hành kinh thuộc Trường A-hàm thì đây phải là dân tộc Bạt-la (*Bulaya*) chứ không phải họ Thích-ca.

Vua *A-xà-thế* của nước *Ma-kiệt-đà* được nhận phần *xá-lợi* Phật thứ tám, trở về thành Vương Xá xây tháp, dâng hoa, hương, âm nhạc mọi thứ cúng dường.

Bà-la-môn Tánh Yên được nhận những bình đã dùng đựng *xá-lợi* Phật, trở về xứ *Đâu-na-la* xây tháp, dâng hoa, hương cúng dường.

Vị cư sĩ *bà-la-môn Tát-ba-diên-na* được nhận [tất cả] tro tàn [còn lại ở nơi *trà-tỳ* Như Lai], liền mang tro ấy về nước mình xây tháp cúng dường.

[Như vậy, vào] lúc ấy trong khắp cõi *Diêm-phù-đề* có tám tháp thờ *xá-lợi* Phật, tháp thứ chín thờ bình [đựng *xá-lợi*], tháp thứ mười thờ tro tàn [ở nơi *trà-tỳ* Như Lai].¹ Việc phân chia *xá-lợi* như vậy là hoàn tất.

Lúc ấy, các vị Bồ Tát và chúng Thanh văn, chư thiên, loài người, loài rồng, loài quỷ, các vị quốc vương, trưởng giả, đại thần, nhân dân [cho đến] tất cả đại chúng đều bị thương đau đớn, đấm ngực than khóc lớn tiếng rồi ngã lăn ra đất. Sau đó, tất cả đều lễ bái [*xá-lợi* Phật] rồi ra về.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN HẾT QUYỂN BỐN MƯƠI HAI

¹ Trong Trường A-hàm còn kể thêm tháp thứ mười một thờ tóc của Phật lúc còn tại thế.